

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (MONRE)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**DỰ ÁN
TĂNG CƯỜNG THỂ CHẾ
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ
TẠI VIỆT NAM**

BÁO CÁO TỔNG KẾT

Tháng 05 năm 2015

CƠ QUAN HỢP TÁC QUỐC TẾ NHẬT BẢN (JICA)

**CÔNG TY TNHH NIPPON KOEI
CÔNG TY TNHH SUURI-KEIKAKU**

GE
JR
15-068

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (MONRE)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**DỰ ÁN
TĂNG CƯỜNG THỂ CHẾ
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ
TẠI VIỆT NAM**

BÁO CÁO TỔNG KẾT

Tháng 05 năm 2015

CƠ QUAN HỢP TÁC QUỐC TẾ NHẬT BẢN (JICA)

**CÔNG TY TNHH NIPPON KOEI
CÔNG TY TNHH SUURI-KEIKAKU**



Bản đồ khu vực dự án

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

*Dự án Tăng cường Thể chế
Quản lý Chất lượng Không khí tại Việt Nam*

Báo cáo tổng kết

Mục lục

	Trang
CHƯƠNG 1 TỔNG QUAN VỀ DỰ ÁN	1-1
1.1 Bối cảnh và mục tiêu.....	1-1
1.2 Thiết kế dự án đã được thống nhất trong biên bản thảo luận ngày 26 tháng 3 năm 2013	1-2
1.3 Cách tiếp cận của Dự án.....	1-4
1.3.1 Tiếp cận kỹ thuật.....	1-4
1.3.2 Tiếp cận hoạt động.....	1-8
1.4 Sơ đồ tổng quan về tiến trình thực hiện và Lịch công tác thực tế của Dự án	1-9
CHƯƠNG 2 CÁC HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC CỦA DỰ ÁN.....	2-1
2.1 Kết quả 1: Tăng cường Kỹ thuật và Thể chế để phục vụ cho công tác sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường	2-1
2.1.1 Sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường.....	2-1
2.1.2 Các kết quả và phát hiện chính từ đợt Khảo sát các hoạt động quản lý chất lượng không khí ở cấp trung ương.....	2-4
2.1.3 Các sản phẩm hợp tác kỹ thuật	2-21
2.2 Kết quả 2: Lộ trình xây dựng Quy hoạch Quản lý chất lượng không khí tại thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh	2-36
2.2.1 Các kết quả và phát hiện chính từ đợt Khảo sát các hoạt động quản lý chất lượng không khí tại thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh	2-36
2.2.2 Chia sẻ các chủ đề kỹ thuật của Kết quả 1 có liên quan đến việc lập Lộ trình Quản lý chất lượng không khí của Kết quả 2 cho hai thành phố Hà Nội và HCM.....	2-61
2.2.3 Kết quả xây dựng Lộ trình	2-62
2.3 Các hoạt động khác	2-66
2.3.1 Hỗ trợ Cục KSON xây dựng kiểm kê khí thải cho một số ngành công nghiệp.....	2-66
2.3.2 Hỗ trợ Trung tâm quan trắc môi trường (CEM) nâng cao chất lượng đo đặc khí thải nhà máy	2-78
2.3.3 Cung cấp các khuyến nghị trong xây dựng Nghị định về Quản lý chất thải và phế liệu	2-79
2.3.4 Hợp tác với cố vấn JICA tại Bộ Tài nguyên và Môi trường, các dự án của JICA và các nhà tài trợ	2-80

2.4 Đánh giá năng lực	2-84
2.4.1 Mục đích và Phương pháp thực hiện đánh giá năng lực.....	2-84
2.4.2 Tóm tắt kết quả đánh giá năng lực và các hoạt động của Dự án dựa trên CA.....	2-85
2.4.3 Cải thiện và nâng cao năng lực thông qua các hoạt động của Dự án	2-95
2.5 Quy trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật.....	2-99
CHƯƠNG 3. ĐÓNG GÓP VÀO DỰ ÁN	3-1
3.1 Đóng góp của Việt Nam.....	3-2
3.1.1 Cán bộ đối tác	3-2
3.1.2 Chi phí hoạt động của phía Việt Nam.....	3-3
3.1.3 Cung cấp trang thiết bị.....	3-4
3.2 Đóng góp của Nhật Bản	3-4
3.2.1 Điều phối chuyên gia	3-4
3.2.2 Mua sắm thiết bị.....	3-7
3.2.3 Các chi phí hoạt động của phía Nhật Bản.....	3-7
CHƯƠNG 4 CÁC HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ DỰ ÁN	4-1
4.1 Hội Ban điều phối chung (JCC)	4-1
4.2 Hội thảo	4-4
4.3 Hội Nhóm công tác (TWG).....	4-5
4.4 Các hoạt động khác liên quan đến Quản lý và Vận hành Dự án	4-9
4.4.1 Hội với Sở Tài nguyên và môi trường tp. Hà Nội (Hanoi DONRE)	4-9
4.4.2 Hội với Sở Tài nguyên và môi trường tp. HCM (HCMC DONRE).....	4-9
4.4.3 Các buổi hội khác.....	4-10
4.5 Các công việc thuê tư vấn thực hiện trong khuôn khổ Dự án.....	4-10
CHƯƠNG 5 CÁC BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ CÁC ĐỀ XUẤT	5-1
5.1 Các bài học kinh nghiệm.....	5-1
5.2 Đề xuất	5-3

Danh sách các Phụ lục

- Phụ lục 1: Biên bản Thảo luận về dự án ngày 26 tháng 03 năm 2013
- Phụ lục 2: Biên bản họp Dự án ngày 09 tháng 03 năm 2012
- Phụ lục 3: Biên bản cuộc họp Ban điều phối chung ngày 28 tháng 11 năm 2013
- Phụ lục 4: Quyết định 2524/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2013 phê duyệt văn kiện Dự án “Tăng cường thể chế quản lý chất lượng không khí”
- Phụ lục 5: Biên bản cuộc họp Ban điều phối chung lần thứ 2 ngày 25 tháng 09 năm 2014
- Phụ lục 6: Biên bản cuộc họp Ban điều phối chung lần thứ 3 ngày 13 tháng 03 năm 2015
- Phụ lục 7*: Các tài liệu họp Nhóm kỹ thuật (TWG)
- Phụ lục 8: Điều khoản Tham chiếu (TOR) cho các Nghiên cứu điều tra của Đơn vị tư vấn
- Phụ lục 9*: Tài liệu của JET trong các buổi Giới thiệu và Tư vấn kỹ thuật
- Phụ lục 10*: Tài liệu của JET trong các buổi Hội thảo mini tại Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội
- Phụ lục 11*: Tài liệu của JET trong Hội thảo giữa kỳ ngày 11 tháng 11 năm 2014
- Phụ lục 12*: Tài liệu của JET trong Hội thảo tổng kết vào tháng Ba năm 2015
- Phụ lục 13*: Bảng so sánh giữa Luật BVMT 2005 và Luật BVMT năm 2014
- Phụ lục 14: Báo cáo Chuyên đề về cải thiện một số QCVN hiện hành
- Phụ lục 15: Báo cáo Chuyên đề về Hệ thống đăng ký nguồn thải
- Phụ lục 16: Báo cáo Chuyên đề về Kiểm soát hiệu quả các nguồn thải tĩnh
- Phụ lục 17: Sản phẩm Hợp tác kỹ thuật trong Xây dựng kiểm kê khí thải
- Phụ lục 18: Lộ trình xây dựng Kế hoạch Quản lý Chất lượng không khí tại thành phố Hà Nội
- Phụ lục 19: Lộ trình xây dựng Kế hoạch Quản lý Chất lượng không khí tại thành phố Hồ Chí Minh
- Phụ lục 20: Sơ đồ tổ chức của Bộ GTVT, Bộ Công thương, Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ, và Bộ Y tế

*Lưu ý: Phụ lục số 7 và các phụ lục từ số 9 tới 13 được cung cấp dưới dạng file điện tử trong đĩa CD đính kèm.

Danh mục các hình

	Trang
Hình 1.3 1	Tổng quan về quá trình đề xuất kế hoạch QLCLKK và vị trí của Kết quả 2 của dự án 1-6
Hình 1.3 2	Cơ cấu hoạt động của Dự án 1-9
Hình 1.4 1	Sơ đồ tổng quan về thực hiện Dự án 1-10
Hình 2.1-1	Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường 2-13
Hình 2.1-2	Sơ đồ tổ chức của Tổng cục môi trường và các phòng ban trực thuộc Cục KSON 2-14
Hình 2.2-1	Sơ đồ tổ chức của Sở Tài nguyên Môi trường Hà Nội 2-37
Hình 2.2-2	Sơ đồ tổ chức Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội 2-40
Hình 2.2-3	Sơ đồ tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tp. Hồ Chí Minh..... 2-49
Hình 2.2-4	Sơ đồ tổ chức của Chi cục Bảo vệ Môi trường tp. Hồ Chí Minh (HEPA) 2-52
Hình 2.2-5	Tổng quan về quá trình đề xuất kế hoạch QLCLKK và vị trí của Kết quả 2 của dự án 2-64
Hình 2.3-1	Ví dụ về Phiếu thông tin được đề xuất (Đối với nhà máy xi măng).. 2-100
Hình 2.5-1	Quy trình xây dựng Luật Bảo vệ Môi trường sửa đổi (1/2)..... 2-100
Hình 2.5-2	Quy trình xây dựng Luật Bảo vệ Môi trường sửa đổi (1/2)..... 2-101
Hình 2.5-3	Quy trình xây dựng và tiến trình thực tế của Nghị định Quản lý Chất thải và Phế liệu..... 2-103

Danh mục các bảng

	Trang
Bảng 1.2 1	Mục đích, kết quả và các hoạt động của dự án theo biên bản thảo luận (RD)..... 1-1
Bảng 1.2 2	Các cơ quan liên quan đến việc thực hiện dự án 1-2
Bảng 1.3 1	Các dự án về chất lượng không khí do JICA và các nhà tài trợ khác thực hiện..... 1-5
Bảng 1.4 1	Lịch công tác thực tế của Dự án 1-8
Bảng 2.1 1	Bảng so sánh các nội dung liên quan đến Quản lý Chất lượng không khí trong Luật Bảo vệ môi trường 2005 và Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi 2014 2-2
Bảng 2.1 2	Tóm tắt chức năng nhiệm vụ của và các hoạt động về quản lý chất lượng không khí của các Bộ liên quan..... 2-5
Bảng 2.1 3	Tóm tắt Chức năng, nhiệm vụ của CEM và Cục KSON trong lĩnh vực QLCLKK..... 2-12
Bảng 2.1.4	Các nhiệm vụ trùng lặp giữa các cơ quan mục tiêu..... 2-17
Bảng 2.1.5	Danh sách dài về các chủ đề TB được đề xuất trong khuôn khổ Dự án. 2-22
Bảng 2.1 6	Kết quả của các buổi họp giới thiệu và tư vấn kỹ thuật phục vụ xây dựng TB trong khuôn khổ Kết quả 1 của Dự án 2-27

Bảng 2.1.7	Các phát hiện chính từ chuỗi các buổi giới thiệu và tư vấn kỹ thuật.....	2-28
Bảng 2.1.8	Các chủ đề TB chính thức.....	2-30
Bảng 2.2 1	Chức năng và Cơ chế hợp tác của các cơ quan trực thuộc sở TNMT trong Công tác quản lý chất lượng không khí tại Hà Nội.....	2-38
Bảng 2.2 2	Các thông tin về tổ chức của Chi cục Bảo vệ Môi trường Hà Nội.....	2-39
Bảng 2.2 3	Tổng chi sự nghiệp môi trường của Chi cục Bảo vệ Môi trường Hà Nội.....	2-40
Bảng 2.2 4	Các cơ sở, trang thiết bị phục vụ quản lý chất lượng không khí thuộc	2-43
Bảng 2.2 5	Tóm tắt sự hợp tác trong quản lý chất lượng không khí giữa các Bộ ở cấp trung ương và các Sở thuộc UBND thành phố Hà Nội.....	2-45
Bảng 2.2 6	Danh sách nhà máy sản xuất xi măng, phân bón hóa học tại Hà Nội...2-45	
Bảng 2.2 7	Danh sách các nhà máy sản xuất xi măng, thép và phân bón hóa học trong phạm vi 30km ngoài địa giới hành chính của Hà Nội.....	2-46
Bảng 2.2 8	Tóm tắt các vấn đề và khó khăn về quản lý chất lượng không khí của các Sở trực thuộc UBND thành phố Hà Nội.....	2-47
Bảng 2.2 9	Chức năng và Cơ chế hợp tác của các cơ quan trực thuộc Sở Tài nguyên và môi trường trong công tác quản lý chất lượng không khí tại Hồ Chí Minh.....	2-50
Bảng 2.2 10	Thông tin về tổ chức của Chi cục Bảo vệ môi trường tp. HCM.....	2-51
Bảng 2.2 11	Ngân sách liên quan đến quản lý chất lượng không khí trong 5 năm qua của Chi cục Bảo vệ Môi trường tp. Hồ Chí Minh (HEPA).....	2-53
Bảng 2.2 12	Các cơ sở, trang thiết bị phục vụ quản lý chất lượng không khí thuộc.....	2-55
Bảng 2.2 13	Tóm tắt sự hợp tác trong quản lý chất lượng không khí giữa các Bộ ở cấp trung ương và các Sở thuộc UBND thành phố HCM.....	2-56
Bảng 2.2 14	Các nhà máy điện trên địa bàn thành phố HCM và trong phạm vi 30km ngoài địa giới hành chính của thành phố HCM.....	2-59
Bảng 2.2 15	Các nhà máy sản xuất phân bón hóa học trên địa bàn thành phố HCM và trong phạm vi 30km ngoài địa giới hành chính của thành phố HCM.....	2-59
Bảng 2.2 16	Các nhà máy sản xuất xi măng trên địa bàn thành phố HCM và trong phạm vi 30km ngoài địa giới hành chính của thành phố HCM...2-59	
Bảng 2.2 17	Các nhà máy sản xuất thép trên địa bàn thành phố HCM và trong phạm vi 30 km ngoài địa giới hành chính của thành phố HCM.....	2-59
Bảng 2.2 18	Tóm tắt các vấn đề và khó khăn về quản lý chất lượng không khí của các Sở trực thuộc UBND thành phố HCM.....	2-60
Bảng 2.2 19	Kết quả của hai buổi Hội thảo Mini.....	2-62
Bảng 2.2 20	Lộ trình xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng không khí (AQMP) cho thành phố Hà Nội/Hồ Chí Minh.....	2-65
Bảng 2.3 1	Các hoạt động hỗ trợ chính của JET.....	2-68
Bảng 2.3 2	Số lượng các nhà máy mục tiêu trong mỗi ngành công nghiệp.....	2-69
Bảng 2.3 3	Số lượng các nhà máy mục tiêu phản hồi Phiếu thông tin.....	2-70
Bảng 2.3 4	Tóm tắt Kết quả khảo sát bằng Phiếu thông tin đối với các nhà máy xi măng.....	2-70

Bảng 2.3.5	Lượng phát thải ước tính của các nhà máy xi măng	2-73
Bảng 2.3.6	Tóm tắt nội dung cuộc họp với HUTDP.....	2-81
Bảng 2.3.7	Tóm tắt buổi họp với Dự án không khí sạch cho các thành phố nhỏ tại các nước ASEAN.....	2-83
Bảng 2.4.1	Sơ lược nội dung đánh giá năng lực	2-85
Bảng 2.4.2	Thông tin về tổ chức của phòng KKPL/Cục KSON.....	2-85
Bảng 2.4.3	Các câu hỏi và kết quả Đánh giá năng lực.....	2-86
Bảng 2.4.4	Định hướng cho các hoạt động của Dự án dựa trên CA.....	2-90
Bảng 2.4-5	Tóm tắt Kết quả Đánh giá năng lực đơn giản tại Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội và các phòng ban trực thuộc	2-93
Bảng 2.4-6	Tóm tắt Kết quả Đánh giá năng lực đơn giản tại Chi cục Bảo vệ môi trường tp. HCM (HEPA) và các phòng ban trực thuộc	2-94
Bảng 3.1-1	Danh sách thành viên JCC.....	3-2
Bảng 3.1-2	Danh sách thành viên nhóm công tác chính (TWG)	3-3
Bảng 3.1-3	Chi phí hoạt động của phía Việt Nam	3-3
Bảng 3.2-1	Nhóm chuyên gia JICA	3-4
Bảng 3.2-2	Lịch trình công tác của Nhóm chuyên gia JICA (JET)	3-6
Bảng 3.2-3	Danh sách các thiết bị được JET mua sắm.....	3-7
Bảng 3.2-4	Chi phí hoạt động của phía Nhật Bản.....	3-8
Bảng 4.1-1	Kết quả thảo luận của các buổi họp Ban điều phối chung (Ban điều phối chung).....	4-1
Bảng 4.2-1	Hội thảo	4-4
Bảng 4.3-1	Danh sách các buổi họp Nhóm công tác (TWG).....	4-5
Bảng 4.4-1	Danh sách các buổi họp với Sở Tài nguyên Môi trường Hà Nội.....	4-9
Bảng 4.4-2	Danh sách các buổi họp với Sở Tài nguyên Môi trường tp. Hồ Chí Minh.....	4-10
Bảng 4.5-1	Các công việc thuê tư vấn thực hiện trong khuôn khổ Dự án	4-11

Danh mục các từ viết tắt

ADB	Ngân hàng Phát triển Châu Á
APC	Kiểm soát ô nhiễm không khí
AQM	Quản lý Chất lượng Không khí
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
CA	Đánh giá năng lực
CD	Phát triển năng lực
CEM	Trung tâm quan trắc môi trường
CEMS	Hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục
CENMA	Trung tâm quan trắc và phân tích tài nguyên môi trường
CP	Đối tác
DOH	Sở Y tế
DOIT	Sở Công thương
DONRE	Sở Tài nguyên và môi trường
DOPS	Công An thành phố
DOST	Sở Khoa học và Công nghệ
DOT	Sở Giao thông vận tải
DPCR	Dự thảo báo cáo tổng kết
DPI	Sở Kế hoạch và đầu tư
GOV	Chính phủ Việt Nam
GO	Văn phòng Chính Phủ
GIZ	Cơ quan hợp tác kỹ thuật Cộng hòa Liên bang Đức
HCMC	Thành phố Hồ Chí Minh
HEPA	Chi cục Bảo vệ môi trường thành phố Hồ Chí Minh
HUTDP	Dự án Đầu tư Phát triển Giao thông Đô thị Hà Nội
ICR	Báo cáo khởi động
ISO	Tổ chức tiêu chuẩn thế giới
JCC	Ban điều phối chung
JET	Nhóm chuyên gia JICA
JV	Liên doanh
KKPL	Phòng Kiểm soát ô nhiễm không khí và nhập khẩu phế liệu
LEP	Luật Bảo vệ môi trường
MP	Quy hoạch
MM	Biên bản họp
MOH	Bộ Y tế
MOIT	Bộ Công thương
MOJ	Bộ Tư pháp
MONRE	Bộ Tài nguyên và môi trường
MOPS	Bộ Công An
MOST	Bộ Khoa học và Công nghệ
MOT	Bộ Giao thông vận tải

MPI	Bộ Kế hoạch và đầu tư
NA	Quốc hội
OJT	Đào tạo qua công việc
PC	Ủy Ban Nhân Dân
PCD	Cục Kiểm soát ô nhiễm
PCR	Báo cáo tổng kết
PMU	Ban Quản lý Dự án
Dự án	Dự án Tăng cường Thể chế Quản lý Chất lượng Không khí tại Việt Nam
PRR	Báo cáo tiến độ
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
R/D	Biên bản thảo luận
SATREPS	Đối tác nghiên cứu khoa học công nghệ vì phát triển bền vững
TB	Báo cáo chuyên đề
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TSP	Tổng chất rắn lơ lửng
TWG	Nhóm công tác kỹ thuật
US EPA	Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ
VAST/ IET	Viện Hàn lâm khoa học công nghệ Việt Nam/ Viện Công nghệ môi trường
VDPF	Đối tác phát triển Việt Nam
VEA	Tổng cục môi trường

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ DỰ ÁN

1.1 Bối cảnh và mục tiêu

Tình trạng ô nhiễm môi trường tại Việt Nam ngày càng trở nên rõ rệt do tác động của quá trình công nghiệp hóa nhanh trong những thập kỷ gần đây, trong đó ô nhiễm không khí tại các đô thị, đặc biệt tại các thành phố lớn như Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh (tp.HCM). Vấn đề này dấy lên những lo ngại đối với sức khỏe người dân nếu không triển khai hiệu quả các biện pháp khắc phục ô nhiễm.

Theo điều tra của Sở Tài nguyên và Môi trường (DONRE) tp. HCM, nồng độ tổng chất rắn lơ lửng (TSP) đo được vào tháng 2 năm 2009 ở quận 7 vượt 2,5 lần và tại quận 12 vượt 4,8 lần tiêu chuẩn môi trường quốc gia. Đối với nồng độ Benzen, nồng độ đo được tại quận 12 năm 2010 gấp 2,5 lần so với tiêu chuẩn quốc gia. Chất lượng không khí tại Hà Nội cũng tương tự, VD: i) nồng độ PM10 trung bình cao hơn gấp 3 lần so với tiêu chuẩn, ii) nồng độ benzen gấp 2,5 lần so với tiêu chuẩn. Đặc biệt là nồng độ các thông số này cao hơn nhiều vào giờ cao điểm trên các đường vành đai của các thành phố lớn. Vì vậy, rất cần nhanh chóng tiến hành các biện pháp hiệu quả để làm giảm tác động của ô nhiễm không khí.

Tuy nhiên, Luật Bảo vệ môi trường 2005 (trước khi sửa đổi) chưa có đủ các điều khoản quy định đối với công tác kiểm soát ô nhiễm không khí và quản lý chất lượng không khí, và điều này có thể làm cho tình hình ô nhiễm không khí trầm trọng hơn. So với các Bộ khác, Bộ Tài nguyên và Môi trường (MONRE), cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm quản lý và cải thiện môi trường tại Việt Nam, mới chỉ được thành lập và tái cơ cấu gần đây. Bộ Tài nguyên và Môi trường có nhiều vấn đề cần phải giải quyết, ví dụ như kinh nghiệm và kiến thức quản lý hành chính về ô nhiễm hoặc chất lượng không khí còn hạn chế, luôn có nhu cầu đối với các số liệu quan trắc liên tục và tích lũy dữ liệu về chất lượng không khí xung quanh... Vì thế, Chính phủ Việt Nam (GOV) đề nghị Chính phủ Nhật Bản (GOJ) hỗ trợ một dự án hợp tác kỹ thuật bao gồm cả việc giới thiệu và áp dụng các kinh nghiệm hành chính mà Nhật Bản đã sử dụng để giải quyết vấn đề ô nhiễm trong thập niên 1960 và phù hợp với việc kiểm soát ô nhiễm không khí và quản lý chất lượng không khí tại Việt Nam. Đáp ứng yêu cầu của phía Việt Nam, nghiên cứu trù bị đã được thực hiện vào tháng 3 năm 2013 và Biên bản thảo luận (RD) trong phần phụ lục đã được ký kết giữa Tổng cục môi trường, trực thuộc Bộ Tài nguyên và môi trường và Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) để xác định thiết kế Dự án hợp tác kỹ thuật về phát triển thể chế cho Tổng cục môi trường/ Bộ Tài nguyên và môi trường về quản lý chất lượng không khí và kiểm soát ô nhiễm không khí. Công tác sửa đổi Luật BVMT đã được Quốc hội Việt Nam cân nhắc cẩn trọng trong năm 2013. Luật BVMT sửa đổi đã được thông qua ngày 23 tháng 06 năm 2014, và có hiệu lực từ năm 2015. Dự án Tăng cường Thể chế về Quản lý Chất lượng không khí tại Việt Nam (Dự

án) đã kịp thời cân nhắc và thực thi các hoạt động của Dự án theo những thay đổi của Luật BVMT

1.2 Thiết kế dự án đã được thống nhất trong biên bản thảo luận ngày 26 tháng 3 năm 2013

Thiết kế Dự án được tóm tắt dưới đây, biên bản thảo luận (RD) ngày 26 tháng 3 năm 2013 và biên bản họp (M/M) ngày 9 tháng 3 năm 2012 được tổng hợp trong Phụ lục.

Bảng 1.2-1 Mục đích, kết quả và các hoạt động của dự án theo biên bản thảo luận (RD)

Mục	Mô tả
Mục tiêu dự án	Nâng cao năng lực thể chế về quản lý chất lượng không khí ở Việt Nam
Kết quả	<ol style="list-style-type: none"> 1. Luật pháp và các quy định về quản lý chất lượng không khí được cơ cấu để tăng cường hiệu quả 2. Lộ trình được đề xuất để lập kế hoạch đạt được các mục 1a, điều 122 trong Luật Bảo vệ môi trường, “Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tại các địa phương theo các điều khoản: a/ Ban hành theo thẩm quyền các quy định, cơ chế, chính sách, chương trình và kế hoạch về bảo vệ môi trường,”
Hoạt động	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hỗ trợ việc sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường bằng cách bổ sung một chương riêng về quản lý chất lượng không khí. 2. Xác định các lĩnh vực có thể ban hành các nghị định/ quyết định/ thông tư về quản lý chất lượng không khí và xây dựng lộ trình thực thi hiệu quả 3. Nâng cao nhận thức và phát triển năng lực cho các hoạt động quản lý chất lượng không khí bao gồm cả các hội thảo chia sẻ thông tin giữa các bên liên quan. 4. Xác định các lĩnh vực JICA có thể hỗ trợ và các nội dung chuẩn bị cần thiết, bao gồm cả việc tham vấn các bên liên quan, như là chính quyền tỉnh để lập (a) (các) kế hoạch đáp ứng mục 1a, điều 122 Luật Bảo vệ môi trường.

Lưu ý: Luật BVMT được đề cập trên đây là bản chưa sửa đổi (Luật BVMT 2005)

Nguồn: Biên bản thảo luận Dự án Tăng cường thể chế quản lý chất lượng không khí tại Việt Nam, được thống nhất giữa Bộ Tài nguyên và môi trường và JICA vào ngày 26 tháng 3 năm 2013

Cơ quan đối tác chính của Dự án là Cục Kiểm soát ô nhiễm (Cục KSON) trực thuộc Tổng cục môi trường/ Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên, Kết quả 1 và Kết quả 2 cũng liên quan đến các cơ quan quản lý khác. Các cơ đối tác chính và vai trò của các cơ quan này trong Dự án được tóm tắt trong bảng dưới đây

Bảng 1.2-2 Các cơ quan liên quan đến việc thực hiện dự án

Các cơ quan ở cấp trung ương	
Cục KSON/ Bộ Tài nguyên và môi trường	Trong Tổng cục môi trường, Cục KSON là cơ quan chịu trách nhiệm chính cho việc phát triển chính sách, chiến lược, pháp luật về ô nhiễm môi trường ở cấp quốc gia. Cục KSON là đối tác chính của Dự án, và phòng Kiểm soát ô nhiễm không khí và nhập khẩu

	phế liệu (phòng KKPL) thuộc Cục KSON là đầu mối chuyển giao kỹ thuật và phát triển thể chế thông qua Dự án
Tổng cục môi trường/ Bộ Tài nguyên và môi trường	Tổng cục môi trường là cơ quan quản lý cấp trên của Cục KSON, và giám sát việc thực hiện Dự án. Tổng cục môi trường đóng vai trò điều phối khi tiến hành dự án với các Bộ/ các cơ quan quản lý, Ủy ban nhân dân Tp. Hà Nội/ HCM.
Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công thương, MOPS, Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ	Trong thẩm quyền của mình, các Bộ này có một số nhiệm vụ liên quan đến kiểm soát ô nhiễm không khí và quản lý chất lượng không khí. Cục KSON cần hợp tác và phối hợp với các Bộ này để lấy ý kiến và chia sẻ thông tin, đặc biệt trong quá trình chuẩn bị chuyên đề (TBs) trong các hoạt động của Kết quả 1.
Tp. Hà Nội, HCM	
Sở Tài nguyên và môi trường (DONRE)	Các Sở TNTM Hà Nội và tp. Hồ Chí Minh là các cơ quan chịu trách nhiệm xây dựng lộ trình theo Kết quả 2 của Dự án, thông qua việc phối hợp với các đơn vị khác có liên quan đến công tác quản lý chất lượng không khí. Ngoài ra, các Sở tài nguyên và môi trường này là đầu mối liên hệ chính tại Hà Nội và tp. Hồ Chí Minh để thúc đẩy các hoạt động liên kết cần thiết với Cục KSON hoặc Tổng cục môi trường trong quá trình thực hiện dự án.
Ủy ban nhân dân (UBND)	Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh có sáng kiến đối với các đơn vị trực thuộc để xây dựng lộ trình thực hiện, là hoạt động của Kết quả 2
Sở Giao thông vận tải, Sở Công thương, Công an Thành phố, Sở Y tế, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở này có các nhiệm vụ liên quan đến kiểm soát ô nhiễm không khí và quản lý chất lượng không khí theo thẩm quyền. Các Sở tài nguyên và môi trường cần phối hợp và điều phối với các Sở này trong quá trình xây dựng lộ trình, là hoạt động của Kết quả 2. Sở Kế hoạch và đầu tư (Sở KH&ĐT) cũng là một Sở có các hoạt động liên quan đến Dự án vì Sở Kế hoạch đầu tư lập kế hoạch và phân bổ ngân sách thực hiện các hành động trong thành phố theo lộ trình.
Các đơn vị khác	
Các trường đại học, các viện nghiên cứu VAST/ IET...	Các trường đại học, các viện nghiên cứu... có các hoạt động liên quan đến ô nhiễm không khí, chất lượng không khí sẽ là các cơ quan cùng hợp tác với Dự án. Việc trao đổi thông tin và tham vấn với các đơn vị này được lên kế hoạch trong quá trình thực hiện dự án, nếu cần

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

1.3 Cách tiếp cận của Dự án

1.3.1 Tiếp cận kỹ thuật

- (1) Cùng với Cục KSON xây dựng báo cáo tóm tắt chuyên đề về các hoạt động quản lý chất lượng không khí với sự tư vấn, hỗ trợ và điều phối của các cơ quan khác

Trong bối cảnh Việt Nam đang phải chịu tác động của ô nhiễm môi trường do quá trình phát triển kinh tế và phát triển công nghiệp gây ra, Chính phủ Việt

Nam đã hoàn thành việc sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường (LEP) lần thứ hai vào tháng 6 năm 2014. Cùng với việc sửa đổi Luật, việc ban hành mới hoặc điều chỉnh một số nghị định, quyết định, thông tư là rất cần thiết.

Cục KSON/Bộ Tài nguyên và Môi trường, là cơ quan quản lý chất lượng không khí ở cấp trung ương của Việt Nam cần xây dựng mới và điều chỉnh các nghị định/ thông tư hiện hành phù hợp với kiến thức kỹ thuật để hỗ trợ quản lý. Hơn nữa Cục KSON/Bộ Tài nguyên và môi trường cần hiểu rõ tính hợp lệ, hợp pháp của các nghị định/ thông tư để có thể giải thích nội dung cho các đơn vị khác, đảm bảo có được sự hợp tác và điều phối của Bộ giao thông (Bộ GTVT) và Bộ Công Thương (Bộ CT), là các cơ quan đóng vai trò quan trọng trong kiểm soát ô nhiễm không khí tại Việt Nam.

Với các nhu cầu này, Nhóm chuyên gia JICA (JET) sẽ phối hợp làm việc với đối tác phía Việt Nam là Cục KSON/Bộ Tài nguyên và Môi trường để chuyển giao công nghệ và phát triển năng lực thông qua các hoạt động và hỗ trợ dưới đây:

- 1) Trong quá trình xây dựng báo cáo tóm tắt chuyên đề (TB), đối tác Việt Nam đã được giới thiệu các luật, quy định, văn bản dưới luật, các tiêu chuẩn môi trường để kiểm soát chất lượng không khí, và cơ sở pháp lý và kỹ thuật để xây dựng các văn bản này. TB là tài liệu kỹ thuật nhằm cung cấp cho đối tác Việt Nam những hiểu biết toàn diện về tính hiệu quả và hợp pháp của các quy định liên quan đến QLCLKK. Mục đích xây dựng các TB là nhằm nâng cao sự hiểu biết về các Nghị định/ thông tư trong lĩnh vực môi trường. Các báo cáo này sẽ là nguồn lưu trữ tài liệu kỹ thuật của Cục KSON. Các TB được xây dựng dưới dạng dự thảo văn bản pháp luật hoặc báo cáo giải thích các vấn đề kỹ thuật được đính kèm vào văn bản pháp luật.
- 2) Cục KSON và JET đã và đang cùng thảo luận để xác định các chủ đề /vấn đề về quản lý chất lượng không khí cần xây dựng TB. Tiếp đó, hai bên cũng đã cùng đề xuất các chủ đề TB và đưa ra các chủ đề cần ưu tiên và cũng cần nhắc việc liên kết các hoạt động của Kết quả 1 và Kết quả 2. JET đang hỗ trợ các đợt công tác thực địa để tăng cường mối liên hệ giữa Cục KSON và các DONRE tại tp. Hà Nội và tp. Hồ Chí Minh
- 3) JET đóng vai trò hỗ trợ cho việc chia sẻ các thông tin liên quan và tổ chức các buổi thảo luận (ví dụ như các buổi hội thảo mini) với Cục KSON và các Bộ, các Sở có liên quan trong quá trình xây dựng các TB và dự thảo TB. Thông qua hoạt động này, Cục KSON, các Bộ/các Sở và JET sẽ thấu hiểu tầm quan trọng của i) việc điều phối giữa các cơ quan, và ii) tính thống nhất giữa các quyết định/ nghị định/ thông tư do các Bộ/ các Sở có liên quan ban hành

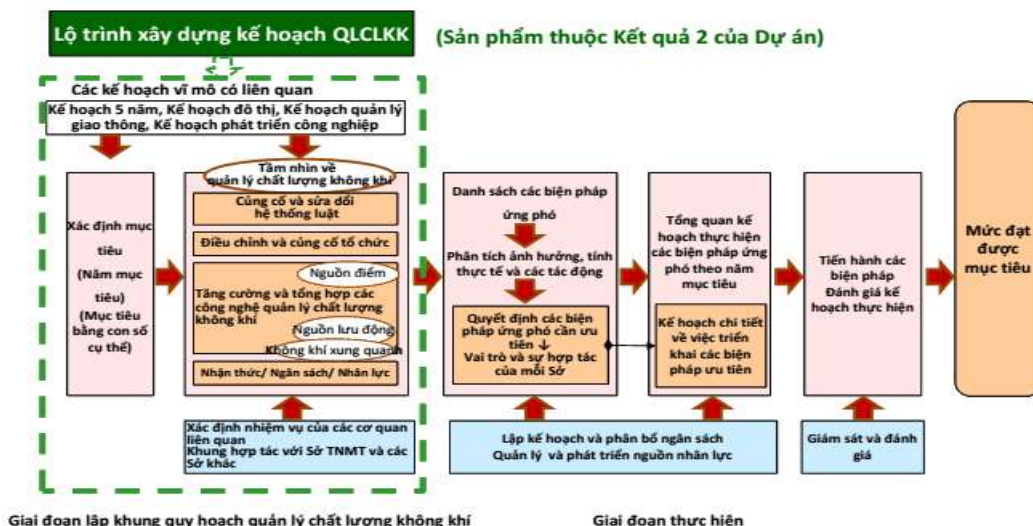
Danh sách TB đã được hoàn thiện trong cuối tháng 8 năm 2014, thông qua các buổi thảo luận với Cục KSON. Một số sản phẩm được xây dựng trong Kết quả 1 sẽ được tích hợp, sử dụng trong quá trình xây dựng, thể chế luật của Bộ TNMT. JET đã và đang hỗ trợ phía Việt Nam về mặt khoa học và kỹ thuật để xây dựng các văn bản này, nhưng việc triển khai các thủ tục hành chính để các văn bản này chính thức được phê duyệt sẽ thuộc về trách nhiệm của phía Việt

Nam. Vì thế, Dự án rất cần sự tham gia tích cực và cam kết mạnh mẽ của phía Việt Nam

- (2) Trình bày về lộ trình lập kế hoạch và thực hiện cơ chế quản lý chất lượng không khí hướng tới việc thực thi các quy định và các tiêu chuẩn tại các Sở Tài nguyên và môi trường

Luật Bảo vệ môi trường quy định thẩm quyền và trách nhiệm của Sở Tài nguyên và môi trường tại mỗi tỉnh/ thành là để thực thi các chính sách, luật pháp và quy định quốc gia về quản lý và bảo vệ môi trường. Sở Tài nguyên và môi trường phải đối diện với rất nhiều vấn đề trong quá trình thực thi, đó là 1) tổ chức xây dựng các chính sách quản lý chất lượng không khí, 2) năng lực kỹ thuật, 3) lập kế hoạch và thực hiện các chương trình, 4) điều phối với các cơ quan liên quan, và 5) phát triển nguồn nhân lực và đảm bảo đủ ngân sách cần thiết. Các Sở Tài nguyên và môi trường gặp nhiều khó khăn khi xây dựng các chương trình quản lý chất lượng không khí phù hợp với mục tiêu chung (mục tiêu của các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm tại mỗi tỉnh/ thành) và mục tiêu của các chương trình có liên quan (giao thông, phát triển đô thị, xúc tiến công nghiệp...) Và các Sở Tài nguyên và môi trường cần điều hành các hoạt động quản lý chất lượng không khí một cách tổng hợp và có tổ chức, phù hợp với các chính sách ưu tiên và dựa trên nguyên tắc phối hợp giữa các Sở khác trực thuộc UBND tỉnh/ thành phố.

Xuất phát từ thực trạng đó, Dự án đề xuất Lộ trình hướng dẫn xây dựng Kế hoạch Quản lý Không khí tại Hà Nội và Hồ Chí Minh, trong đó Sở Tài nguyên và môi trường của 2 thành phố là đối tác chính. Tổng quan về quá trình đề xuất kế hoạch QLCLKK và vị trí của sản phẩm thuộc Kết quả 2 của dự án được trình bày dưới đây:



Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

Hình 1.3-1 Tổng quan về quá trình đề xuất kế hoạch QLCLKK và vị trí của Kết quả 2 của dự án

(3) Phát triển năng lực cho Cục Kiểm soát ô nhiễm (Cục KSON) qua hoạt động cùng xây dựng TB

Dự án tập trung hỗ trợ đối tác chính là Cục Kiểm soát ô nhiễm (Cục KSON) trực thuộc Tổng cục môi trường/Bộ Tài nguyên và môi trường và các cán bộ của Cục KSON trực tiếp được hỗ trợ phát triển năng lực chuyên môn thông qua các hoạt động dự án.

Để phát triển năng lực (CD) cho Cục KSON, các chuyên gia Nhật Bản (JET) đã thực hiện đánh giá năng lực (CA) bằng cách phỏng vấn trực tiếp các cán bộ Cục KSON khi bắt đầu Dự án. JET sẽ xây dựng kế hoạch và tiến hành phỏng vấn các cán bộ Cục KSON để đánh giá năng lực của các cán bộ này

Thông qua quá trình phỏng vấn các cán bộ Cục KSON, nhiều vấn đề đã được phát hiện, nhưng Dự án có thể sẽ không giải quyết hết được tất cả các vấn đề này. Vì thế, Dự án sẽ tập trung phát triển năng lực ở các lĩnh vực/ vấn đề có thể giải quyết được trong quá trình cùng lập kế hoạch các TB và OJT (đào tạo qua công việc) (trong khuôn khổ kết quả 1) và lộ trình thực hiện (trong khuôn khổ kết quả 2). Chi tiết như sau:

- a) Cục KSON trực tiếp được chuyển giao công nghệ về mặt kỹ thuật trong quá trình cùng xây dựng TB, ở các nội dung xây dựng nghị định/thông tư về quản lý chất lượng không khí và kiểm soát ô nhiễm không khí ở Việt Nam, bằng cách áp dụng kinh nghiệm và kiến thức của Nhật Bản trong các lĩnh vực này. TB sẽ là một tài liệu kiến thức của cả cơ quan khi Cục KSON xây dựng kho lưu trữ kỹ thuật.
- b) Việc trao đổi thông tin của Cục KSON và các đơn vị khác được tăng cường nhằm củng cố công tác điều phối và phối hợp hoạt động của các cơ quan này với nhau ở giai đoạn cùng xây dựng TB và/ hoặc giai đoạn dự thảo TB, thông qua các hội thảo mini và các hội thảo tầm trung theo yêu cầu.
- c) JET hỗ trợ mối liên hệ giữa Cục KSON và các DONRE Hà Nội và tp. Hồ Chí Minh thông qua quá trình xây dựng lộ trình để i) tăng cường sự hiểu biết về các hoạt động quản lý thực tế trong lĩnh vực kiểm soát ô nhiễm không khí tại các DONRE, và ii) hiểu các chính sách/ hành động ưu tiên và các khó khăn, trở ngại chính cần giải quyết ở các DONRE trong lĩnh vực quản lý chất lượng không khí.

(4) Hợp tác với các dự án có liên quan do JICA tài trợ, tư vấn và của các nhà tài trợ khác

Gần đây, có nhiều nhà tài trợ thực hiện các hoạt động hỗ trợ và dự án có liên quan đến lĩnh vực quản lý chất lượng không khí tại Việt Nam. Các nhà tài trợ này đã tổ chức Diễn đàn quan hệ đối tác phát triển Việt Nam (VDPF) để thảo luận các vấn đề phát triển của đất nước, bao gồm cả những vấn đề về quản lý chất lượng không khí.

JICA có một chuyên gia Nhật Bản làm việc tại Bộ Tài nguyên và môi trường để tư vấn cho Bộ Tài nguyên và môi trường về chính sách, vì vậy, việc hợp tác

chặt chẽ và trao đổi thông tin với Dự án sẽ được tăng cường. Dự án có thể sẽ phối hợp với dự án SATREP – Việt Nam của JICA (Đối tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật để phát triển bền vững ở Việt Nam).

Dự án hướng đến việc phối hợp với các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật có liên quan của JICA và cả các dự án do các nhà tài trợ khác thực hiện để có thể hiện thực việc chuyển giao công nghệ và thu được nhiều kết quả khả quan. Các hoạt động phối hợp với các dự án khác như sau:

Bảng 1.3-1 Các dự án về chất lượng không khí do JICA và các nhà tài trợ khác thực hiện

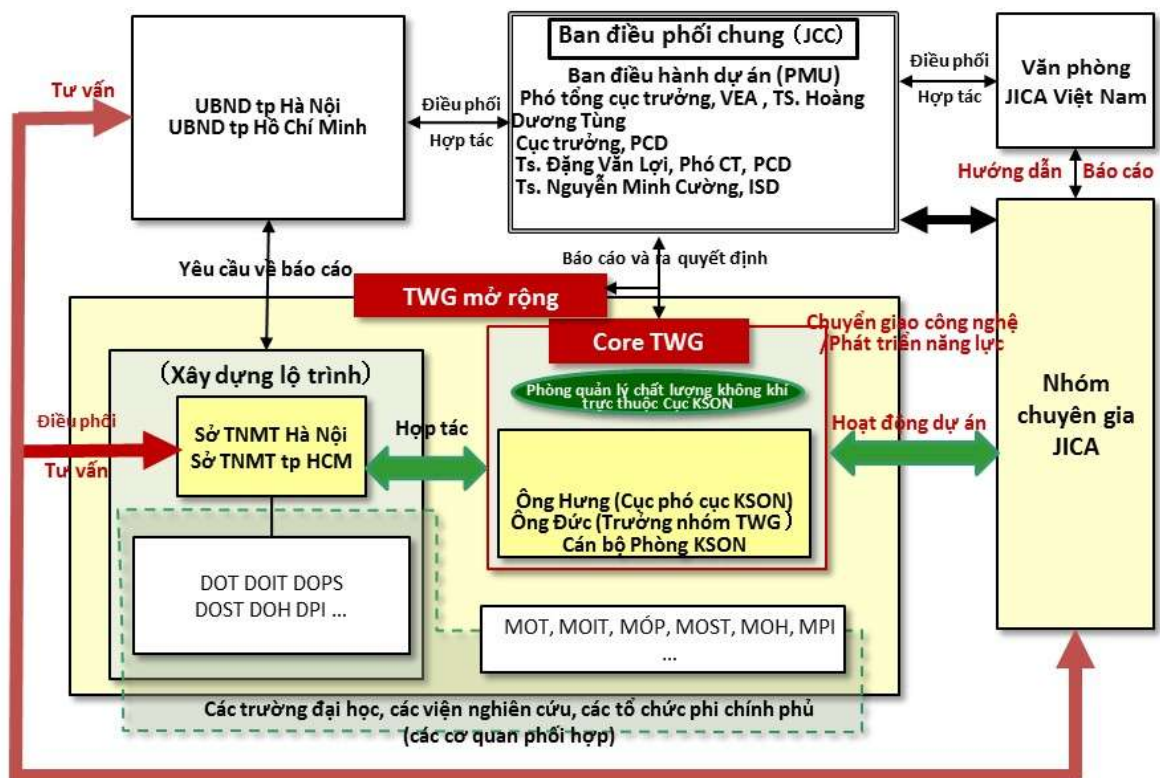
Nhà tài trợ/ tổ chức	Hỗ trợ/ Tên dự án
Ngân hàng thế giới	Dự án phát triển giao thông đô thị Hà Nội
Cơ quan hợp tác kỹ thuật Đức (GIZ)	Hợp tác kỹ thuật giữa Đức-ASEAN trong lĩnh vực Không khí sạch
Đối tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật để phát triển bền vững (SATREPS)	Các biện pháp đa lợi ích để giảm thiểu biến đổi khí hậu tại Việt Nam và các nước Đông Dương bằng cách phát triển năng lượng sinh khối
Chính phủ Úc	Cung cấp máy đo lực khung gầm cho ba trường đại học quốc gia, cho Bộ giao thông vay lãi suất thấp để lắp đặt các máy đo lực khung gầm
Bộ ngoại giao, thương mại và phát triển, Chính phủ Canada	Tăng cường năng lực quản lý môi trường cấp tỉnh
Ngân hàng phát triển châu Á và các nhà tài trợ khác	Không khí sạch Châu Á
Ngân hàng phát triển châu Á	Dự án xây dựng hệ thống tàu điện ngầm Hà Nội (Tuyến số 3) Dự án xây dựng hệ thống tàu điện ngầm tp. Hồ Chí Minh (Tuyến số 2)

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

1.3.2 Tiếp cận hoạt động

Theo Biên bản thảo luận (R/D) của Dự án, cơ quan điều hành Dự án là Cục kiểm soát ô nhiễm (Cục KSON), thuộc Tổng cục môi trường/Bộ Tài nguyên và môi trường. Để xây dựng TB (kết quả 1) và lộ trình (Kết quả 2), Tổng cục môi trường cần phối hợp với các cơ quan khác có liên quan đến công tác kiểm soát chất lượng môi trường/ không khí. Ban điều phối chung (JCC) và Ban quản lý dự án (PMU) sẽ đóng vai trò là cơ quan tổ chức chính để điều phối các hoạt động với các đơn vị có liên quan. JCC, cấp có thẩm quyền ra quyết định cao nhất trong phạm vi Dự án, sẽ bao gồm trưởng ban là Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và môi trường (Có thể ủy quyền cho Phó Tổng Cục trưởng Tổng cục môi trường) và các thành viên của phía Việt Nam là Cục trưởng Cục kiểm soát ô nhiễm, Vụ hợp tác quốc tế, các thành viên của phía Nhật Bản là JET, văn phòng JICA Việt Nam. Với vai trò thực thi việc xây dựng TB, lộ trình và tiếp nhận chuyển giao công nghệ, phát triển năng lực từ phía Nhật Bản, hai loại nhóm công tác kỹ thuật (TWG) được đề xuất thành lập gọi là TWG chính và TWG mở rộng.

Ban quản lý dự án (PMU) bao gồm các thành viên là Phó tổng cục trưởng, Tổng cục môi trường (người ký Biên bản thảo luận) và Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm đã quyết định thành lập nhóm TWG chính với các thành viên là trưởng phòng và các cán bộ của Phòng kiểm soát ô nhiễm không khí và nhập khẩu phế liệu (phòng KKPL)¹. TWG chính sẽ tổ chức họp định kỳ để triển khai liên tục các hoạt động của Dự án và để trực tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật từ JET. Bộ Công thương, Bộ Công An, Bộ Khoa học công nghệ và các Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội và tp. Hồ Chí Minh cũng có thể chỉ định các cán bộ tham gia TWG mở rộng để làm đầu mối liên hệ về quản lý chất lượng không khí tùy theo các chủ đề, các vấn đề kỹ thuật phát sinh trong các buổi thảo luận. Dưới sự giám sát của PMU, TWG mở rộng đã tổ chức các hội thảo mini với các cán bộ/cơ quan liên quan để chia sẻ và thảo luận các đề xuất kỹ thuật TB và cùng xây dựng lộ trình. Cơ cấu tổ chức của Dự án được đề xuất theo sơ đồ dưới đây:



JCC	Ban điều phối chung	DOH	Sở Y tế
TWG	Nhóm công tác kỹ thuật	DPI	Sở Kế hoạch và đầu tư
VEA	Tổng cục môi trường	MONRE	Bộ Tài nguyên và môi trường
PCD	Cục Kiểm soát ô nhiễm	MOT	Bộ giao thông
DONRE	Sở Tài nguyên và môi trường	MOIT	Bộ Công thương
DOT	Sở Giao thông	MOPS	Bộ Công An
DOIT	Sở Công thương	MOST	Bộ Khoa học và Công nghệ
DOPS	Sở Công AN	MOH	Bộ Y tế
DOST	Sở Khoa học Công nghệ	MPI	Bộ Kế hoạch và đầu tư

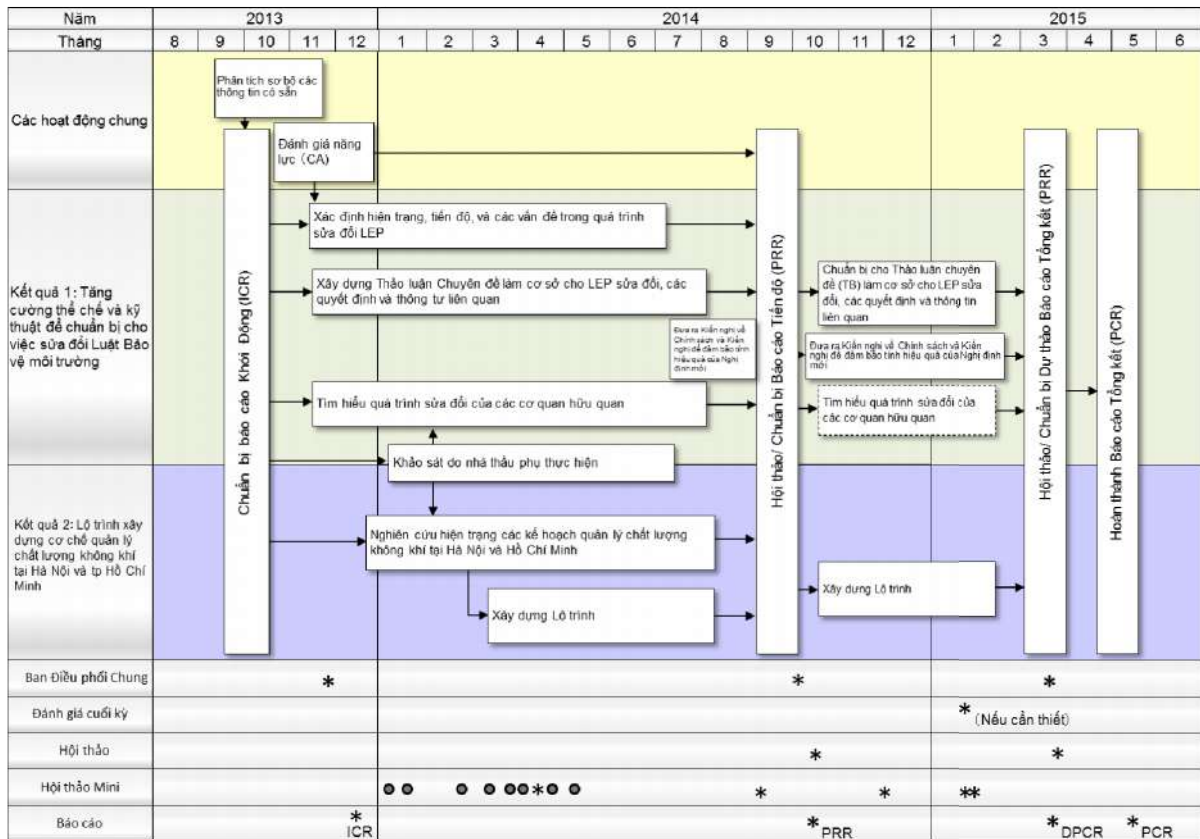
Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

Hình 1.3-2 Cơ cấu hoạt động của Dự án

¹ KKPL: Phòng Kiểm soát Ô nhiễm Không khí và Nhập khẩu phế liệu

1.4 Sơ đồ tổng quan về tiến trình thực hiện và Lịch công tác thực tế của Dự án

Sơ đồ tổng quan về thực hiện Dự án được trình bày tại Hình 1.4-1 do có một số thay đổi trong kế hoạch. Lịch công tác thực tế của Dự án được trình bày tại Bảng 1.4-1.



Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

Hình 1.4-1 Sơ đồ tổng quan về thực hiện Dự án

Bảng 1.4-1 Lịch công tác thực tế của Dự án

Mục	2013					2014												2015							
	8	9	10	11	12	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	1	2	3	4	5	6		
1. Các hoạt động chung																									
Phân tích sơ bộ các thông tin hiện có																									
Xây dựng báo cáo khởi động (ICR)																									
Xây dựng báo cáo khởi động (dự thảo), và giải thích, thảo luận																									
Hoàn thiện đạt được sự nhất trí thông qua Báo cáo khởi động																									
Đánh giá năng lực (CA)																									
Xây dựng phiếu khảo sát (Questionnaire)																									
Khảo sát thu thập thông tin từ các cán bộ PCD (khi bắt đầu dự án)																									
Khảo sát thu thập thông tin từ các cán bộ PCD (khi kết thúc dự án)																									
Xây dựng báo cáo tiến độ (PRR)																									
Xây dựng dự thảo Báo cáo tổng kết (DPCR)																									
Hoàn thiện Báo cáo tổng kết (PCR)																									
Ban Điều phối chung																									
Các hội thảo nhỏ, bao gồm hoạt động Tư vấn và Hướng dẫn kỹ thuật																									
Hội thảo tổng kết																									
Các khảo sát do đơn vị tư vấn thực hiện																									
Thảo luận và hoàn thiện TOR về khảo sát với PCD và Sở TNMT Hà Nội, tp Hồ Chí Minh do đơn vị tư vấn thực hiện																									
Đầu thầu, lựa chọn và làm hợp đồng																									
Giám sát khảo sát do đơn vị tư vấn thực hiện																									
2. Các hoạt động của Kết quả 1: Phát triển kỹ thuật và thể chế để chuẩn bị cho Luật BVMT sửa đổi																									
Xác định hiện trạng, tiến độ và các vấn đề của Luật BVMT sửa đổi																									
Đánh giá hiện trạng và các vấn đề về "Sửa đổi luật BVMT"																									
Xác định tiến độ của việc Sửa đổi luật BVMT"																									
Xây dựng báo cáo tóm tắt chuyên đề (TB) là cơ sở của Luật BVMT sửa đổi cũng như các quyết định và thông tư liên quan																									
Xác định việc sửa đổi và xây dựng các quyết định, nghị định và thông tư theo Luật BVMT sửa đổi																									
Xây dựng danh sách TB, thảo luận với PCD và các đơn vị liên quan																									
Xây dựng, hoàn thiện và chia sẻ TB, nội dung thảo luận																									
Hiệu được quá trình sửa đổi giữa các cơ quan liên quan																									
Khảo sát các hoạt động gần đây về quản lý chất lượng không khí của các Bộ ở cấp trung ương (Khảo sát thuê đơn vị tư vấn thực hiện)																									
Hỗ trợ việc điều phối sửa đổi Luật BVMT, các nghị định, quyết định, thông tư																									
Cung cấp các khuyến nghị chính sách và đảm bảo tính hiệu quả, thực tiễn của các khuyến nghị trong Nghị định mới																									
3. Các hoạt động của Kết quả 2: Lộ trình xây dựng cơ chế quản lý chất lượng không khí tại Hà Nội và tp HCM																									
Nghiên cứu hiện trạng cơ chế quản lý chất lượng không khí tại Hà Nội và tp HCM																									
Thảo luận với Sở TNMT Hà Nội và tp HCM (Xây dựng lộ trình)																									
Đánh giá năng lực gián lược (Khảo sát thuê đơn vị tư vấn thực hiện)																									
Khảo sát các hoạt động đang triển khai về quản lý chất lượng không khí tại Hà Nội và tp HCM (khảo sát thuê đơn vị tư vấn thực hiện)																									
Đánh giá các thách thức trong quản lý chất lượng không khí tại Hà Nội và tp HCM																									
Xây dựng lộ trình																									
Xây dựng khung lộ trình																									
Dự thảo lộ trình																									
Khởi tạo lộ trình																									
Xúc tiến lộ trình																									

CHƯƠNG 2

CÁC HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC CỦA DỰ ÁN

2.1 Kết quả 1: Tăng cường Kỹ thuật và Thể chế nhằm phục vụ công tác sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường

2.1.1 Sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường

Luật Bảo vệ môi trường (LEP) đã được Chính phủ Việt Nam sửa đổi và được Quốc hội thông qua vào ngày 23 tháng 6 năm 2014, tại phiên họp lần thứ 7, Quốc hội khóa 13. Trong Luật Bảo vệ môi trường, “Phần 4: Bảo vệ môi trường không khí” thuộc “Chương 6 Bảo vệ môi trường nước, đất và không khí” quy định về bảo vệ môi trường không khí và kiểm soát ô nhiễm không khí; Điều 102 cũng quy định về việc quản lý và kiểm soát bụi, khí thải và coi đây là một trong những nội dung quản lý chất thải (tương tự Điều 83, Luật Bảo vệ môi trường 2005). Bên cạnh đó, Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi đã làm rõ và tăng cường công tác kiểm soát các nguồn khí thải công nghiệp, ví dụ, Luật Bảo vệ môi trường quy định rằng các nguồn khí thải công nghiệp lớn phải được đăng ký nguồn gây ô nhiễm, đo đạc, thống kê, kiểm kê. Ngoài ra các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguồn khí thải công nghiệp lưu lượng lớn còn phải lắp đặt thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục. Bảng 2.1-1 so sánh các nội dung liên quan đến chất lượng không khí giữa Luật Bảo vệ môi trường 2005 và Luật Bảo vệ môi trường 2014 (sửa đổi). Phụ lục 13 so sánh toàn bộ những thay đổi giữa Luật Bảo vệ môi trường 2005 và Luật Bảo vệ môi trường 2014. Trong quá trình Quốc hội thảo luận và xem xét sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường, KKPL/ Cục KSON và JET đã phân tích các nội dung sửa đổi liên quan đến ô nhiễm không khí, xác định các vấn đề để có thể điều chỉnh các hoạt động của Dự án sao cho phù hợp. Những hoạt động phân tích này được trình bày cụ thể dưới đây:

- ✓ Lập bảng so sánh các nội dung thay đổi giữa các bản dự thảo Luật Bảo vệ môi trường, kể từ thời điểm bắt đầu Dự án.
VD: Bản dự thảo Luật Bảo vệ môi trường số 5.2 (Tháng 3 năm 2014) có sự khác biệt lớn với bản dự thảo Luật Bảo vệ môi trường số 5 (tháng 9 năm 2013). Từ bản dự thảo số 5.2, Luật Bảo vệ môi trường đã quy định tất cả các nguồn phát thải khí công nghiệp đều phải phải đăng ký, đo đạc, kiểm kê về lưu lượng, tính chất và đặc điểm của khí thải. Bên cạnh đó, các nguồn phát sinh khí thải công nghiệp lớn cần phải lắp đặt thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (CEMS);
- ✓ Các nội dung cần được xem xét quy định chi tiết tại các văn bản pháp luật về kiểm soát ô nhiễm không khí và quản lý chất lượng không khí.

Những phân tích này đã đóng góp vào quá trình xây dựng Danh sách dài các TB và xem xét các chủ đề TB ưu tiên. Ngoài ra, JET và KKPL/ Cục KSON đã cùng thảo luận/nghiên cứu những khuyến nghị đối với phần kiểm soát ô nhiễm không khí tại Nghị định về Quản lý chất thải và phế liệu, hướng dẫn việc thực hiện Luật Bảo vệ môi trường 2014. Nội dung góp ý này được trình bày chi tiết tại

mục 2.4.2 của Báo cáo này. Theo kế hoạch, bản dự thảo cuối cùng của Nghị định này sẽ được trình lên Thủ tướng Chính phủ vào trung tuần tháng 11 năm 2014. Chi tiết quá trình xây dựng các văn bản pháp luật được trình bày tại Mục 2.6

Bảng 2.1-1 Bảng so sánh các nội dung liên quan đến Quản lý Chất lượng không khí trong Luật Bảo vệ môi trường 2005 và Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi 2014

Luật Bảo vệ môi trường 2005	Luật Bảo vệ Môi trường 2014
<i>Không có</i>	CHƯƠNG VI: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NƯỚC, ĐẤT VÀ KHÔNG KHÍ
<i>Không có</i>	Mục 4. Bảo vệ Môi trường không khí
<i>Không có</i>	<p>Mục 4 BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ</p> <p>Điều 68. Quy định chung về bảo vệ môi trường không khí</p> <p>1. Mọi nguồn phát thải khí vào môi trường phải được đánh giá và kiểm soát.</p> <p>2. Các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phát thải khí tác động xấu đến môi trường có trách nhiệm giảm thiểu và xử lý bảo đảm chất lượng môi trường không khí.</p> <p>Điều 69. Quản lý chất lượng môi trường không khí xung quanh</p> <p>1. Cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có trách nhiệm theo dõi, đánh giá chất lượng môi trường không khí xung quanh và công bố thông tin cho cộng đồng dân cư được biết.</p> <p>2. Trong trường hợp môi trường không khí xung quanh bị ô nhiễm, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có trách nhiệm cảnh báo, xử lý kịp thời.</p> <p>Điều 70. Kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí</p> <p>1. Mọi nguồn phát thải khí phải được xác định về lưu lượng, tính chất và đặc điểm của khí thải.</p> <p>2. Việc xem xét, phê duyệt các dự án và các hoạt động có phát thải khí phải căn cứ vào sức chịu tải của môi trường không khí, bảo đảm không có tác động xấu đến con người và môi trường.</p> <p>3. Nguồn phát thải khí công nghiệp lớn phải được đăng ký nguồn gây ô nhiễm, đo đạc, thống kê, kiểm kê và xây dựng cơ sở dữ liệu về lưu lượng, tính chất, đặc</p>

Luật Bảo vệ môi trường 2005	Luật Bảo vệ Môi trường 2014
	<p>điểm khí thải.</p> <p>4. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguồn phát thải khí công nghiệp lưu lượng lớn phải lắp đặt thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục, được cơ quan quản lý nhà nước xem xét và cấp phép xả thải.</p> <p>5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>
CHƯƠNG VIII: QUẢN LÝ CHẤT THẢI	CHƯƠNG IX: QUẢN LÝ CHẤT THẢI
Mục 5 Quản lý và kiểm soát bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ	Mục 5 Quản lý và kiểm soát bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ
<p>Điều 83. Quản lý và kiểm soát bụi, khí thải</p> <p>1. Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát tán bụi, khí thải phải có trách nhiệm kiểm soát và xử lý bụi, khí thải đạt tiêu chuẩn môi trường.</p> <p>2. Hạn chế việc sử dụng nhiên liệu, nguyên liệu, thiết bị, phương tiện thải khí độc hại ra môi trường.</p> <p>3. Phương tiện giao thông, máy móc, thiết bị, công trình xây dựng có phát tán bụi, khí thải phải có bộ phận lọc, giảm thiểu khí thải đạt tiêu chuẩn môi trường, có thiết bị che chắn hoặc biện pháp khác để giảm thiểu bụi bảo đảm đạt tiêu chuẩn môi trường.</p> <p>4. Bụi, khí thải có yếu tố nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.</p>	<p>Điều 108. Quản lý và kiểm soát bụi, khí thải</p> <p>1. Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát tán bụi, khí thải phải có trách nhiệm kiểm soát và xử lý bụi, khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.</p> <p>3. Phương tiện giao thông, máy móc, thiết bị, công trình xây dựng có phát tán bụi, khí thải phải có bộ phận lọc, giảm thiểu khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, có thiết bị che chắn hoặc biện pháp khác để giảm thiểu bụi bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.</p> <p>3. Bụi, khí thải có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng quy định phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.</p>
<p>Điều 84. Quản lý khí thải gây hiệu ứng nhà kính, phá hủy tầng ô-zôn</p> <p>1. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thống kê khối lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính trong phạm vi cả nước nhằm thực hiện điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</p> <p>2. Việc chuyển nhượng, mua bán hạn ngạch phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính của Việt Nam với nước ngoài do Thủ tướng Chính phủ quy định.</p> <p>3. Nhà nước khuyến khích các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ giảm thiểu khí thải gây hiệu ứng nhà kính.</p>	<p><i>(Lược bỏ và chuyển nội dung sang Chương và Điều khác như dưới đây)</i></p> <p>CHƯƠNG IV: ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU</p> <p>Điều 41. Quản lý phát thải khí nhà kính</p> <p>1. Nội dung quản lý phát thải khí nhà kính gồm:</p> <p>a) Xây dựng hệ thống quốc gia về kiểm kê khí nhà kính;</p> <p>b) Thực hiện các hoạt động giảm nhẹ khí nhà kính phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội;</p> <p>c) Quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các - bon rừng, bảo vệ và phát triển các hệ sinh thái;</p>

Luật Bảo vệ môi trường 2005	Luật Bảo vệ Môi trường 2014
<p>4. Cấm sản xuất, nhập khẩu, sử dụng hợp chất làm suy giảm tầng ô zôn theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</p>	<p>d) Kiểm tra, thanh tra việc tuân thủ các quy định về kiểm kê và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; đ) Hình thành và phát triển thị trường tín chỉ các - bon trong nước và tham gia thị trường tín chỉ các - bon thế giới; e) Hợp tác quốc tế về giảm nhẹ khí nhà kính. 2. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với bộ, ngành có liên quan tổ chức kiểm kê khí nhà kính, xây dựng báo cáo quốc gia về quản lý phát thải khí nhà kính phù hợp với điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</p>

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

2.1.2 Các kết quả và phát hiện chính từ đợt Khảo sát các hoạt động quản lý chất lượng không khí ở cấp trung ương

(1) Mục đích của đợt Khảo sát các hoạt động quản lý chất lượng không khí ở cấp trung ương

Dựa vào tình hình và tiến độ sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường, đặc biệt là các nội dung liên quan đến nhiệm vụ quản lý chất lượng không khí ở cấp trung ương, phòng KKPL/ Cục KSON và JET đánh giá xem các Cục/ Vụ hoặc các Bộ sẽ phải đối mặt với những khó khăn nào trong quá trình sửa đổi Luật, đặc biệt là những khó khăn về kỹ thuật. JET đã cung cấp những đề xuất kỹ thuật và hỗ trợ KKPL/ Cục KSON tiến hành việc đánh giá này. Và để có thể đưa ra được những đánh giá và hỗ trợ đúng đắn, Dự án cần xem xét và hiểu được chức năng, nhiệm vụ, các hoạt động về quản lý chất lượng không khí và kiểm soát ô nhiễm không khí đang được triển khai, tình hình tổ chức, các kế hoạch chính sách trong tương lai của các Cục/ Vụ hoặc các Bộ ở cấp trung ương. Việc tìm hiểu này cũng giúp làm rõ vai trò của mỗi Cục/ Vụ hoặc Bộ trong việc sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường, và vấn đề gì có thể nảy sinh sau khi Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi có hiệu lực. Những phân tích này đòi hỏi cần có sự phối hợp, điều tiết giữa Cục KSON và các Cục/ Vụ hoặc Bộ khác có liên quan.

Công tác khảo sát, thu thập thông tin của Dự án tại các Bộ và các Cục/ Vụ ở cấp trung ương do đơn vị tư vấn trong nước thực hiện. Các Bộ, Cục/ Vụ cần khảo sát và Điều khoản tham chiếu (TOR) của đợt khảo sát được thống nhất qua quá trình thảo luận với KKPL/ Cục KSON. Các kết quả và phát hiện chính của đợt khảo sát này được trình bày dưới đây.

(2) Các kết quả và phát hiện chính của đợt Khảo sát

Tóm tắt công tác khảo sát

Rất nhiều khó khăn và vấn đề bất cập trong công tác QLCLKK ở cấp trung ương được xác định thông qua các hoạt động của dự án. Ví dụ, các quy định về chức năng/nhiệm vụ không rõ ràng, có sự trùng lặp về chức năng/nhiệm vụ giữa các đơn vị. Đồng thời, việc trao đổi thông tin giữa các cơ quan còn hạn chế. Do đó, việc xác định rõ thực trạng công tác QLCLKK của các cơ quan trung ương cũng như những nhiệm vụ bị trùng lặp là hết sức cần thiết. Giữa các Bộ là Bộ Tài nguyên và môi trường, Bộ giao thông, Bộ Công thương, Bộ Khoa học và Công nghệ, và Bộ Công an (Cảnh sát môi trường), có nhiều hoạt động QLCLKK còn bị trùng lặp. Kết quả chi tiết được trình bày trong phần sau.

Sau khi xác định thực trạng trên, nhiều giải pháp đã được KKPL/Cục KSON, JET, và đơn vị tư vấn thảo luận.

Những giải pháp này được ứng dụng trong i) Thảo luận về sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư mới về Quản lý chất thải và phế liệu, ii) Xây dựng các TB và tiến hành Kiểm kê khí thải.

Chức năng nhiệm vụ và các hoạt động về quản lý chất lượng không khí của các Bộ, ngành liên quan

Chức năng nhiệm vụ và các hoạt động quản lý chất lượng không khí hiện nay của 6 Bộ được tóm tắt tại Bảng 2.1-2. Sơ đồ tổ chức của Bộ TNMT, TCMT được trình bày tại Hình 2.1-1, Hình 2.1-2. Sơ đồ tổ chức của các bộ khác được trình bày tại Phụ lục 20.

Bảng 2.1-2 Tóm tắt chức năng nhiệm vụ của và các hoạt động về quản lý chất lượng không khí của các Bộ liên quan

Bộ	Mục	Mô tả
1) Bộ Tài nguyên và môi trường ^{1, 2} (Tổng cục môi trường ³)	Chức năng / Nhiệm vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Tài nguyên và môi trường là cơ quan quốc gia đầu ngành về quản lý môi trường trong cả nước. Điều 140, chương 14 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 (Số 55/2014/QH13) đề ra trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và môi trường trong quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. - Tất cả các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các cơ quan khác của Chính phủ phối hợp với Bộ Tài nguyên và môi trường trong việc thực hiện bảo vệ môi trường thuộc lĩnh vực quản lý.

¹ Nghị quyết số 02/2002 / QH11 ngày 05 tháng 8 năm 2002 về việc thành lập Bộ Tài nguyên và môi trường (MONRE), tiếp theo là Nghị định số 91/2002/NĐ-CP ngày 11 Tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và môi trường

² Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường; và Nghị định số 21/2013/ NĐ-CP ngày 4 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường

³ Nghị định số 21/2013/ NĐ-CP ngày 4 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường; và Quyết định số 25/2014/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Môi trường trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường (VEA)

Bộ	Mục	Mô tả
		<ul style="list-style-type: none"> - Chính phủ dành 1% chi ngân sách nhà nước cho các hoạt động bảo vệ môi trường 4 tuy nhiên có rất ít số liệu về mức độ thực thi điều luật này và bao nhiêu được sử dụng cho việc quản lý chất lượng không khí. - <u>Tổng cục Môi trường (Tổng cục môi trường)</u> là cơ quan trực thuộc Bộ Tài nguyên và môi trường, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về môi trường trong phạm vi cả nước; quản lý, thực hiện các dịch vụ công về môi trường theo quy định của pháp luật - <u>Trung tâm mạng lưới khí tượng thủy văn và môi trường</u>, trực thuộc <u>Trung tâm Khí tượng thủy văn quốc gia</u>, Bộ Tài nguyên và môi trường, đang vận hành chín (9) trạm quan trắc chất lượng không khí tự động trên toàn quốc. Theo kết quả công tác khảo sát của Dự án, việc vận hành các trạm quan trắc không khí tự động là thuộc trách nhiệm của Trung tâm mạng lưới khí tượng thủy văn và môi trường và <u>Trung tâm quan trắc môi trường (CEM)</u>. Cụ thể, Trung tâm mạng lưới khí tượng thủy văn và môi trường quản lý vận hành “các trạm quan trắc nền”, nghĩa là các trạm lắp đặt ở những nơi không chịu tác động, CEM quản lý vận hành các “trạm quan trắc tác động” đặt ven đường hay các gần các nguồn ô nhiễm. - Một số đơn vị và các cơ quan chủ chốt trong Tổng cục Môi trường là. <ul style="list-style-type: none"> a) <u>Vụ Chính sách và Pháp chế (DPL)</u> hỗ trợ Bộ Tài nguyên và môi trường trong hoạch định chính sách và xây dựng các quy định, chiến lược và kế hoạch môi trường. b) <u>Cục Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường</u>: Quản lý ĐTM và hệ thống thẩm định c) <u>Trung tâm Quan trắc môi trường (CEM)⁵ chịu trách nhiệm tiến hành quan trắc môi trường quốc gia, bao gồm quan trắc chất lượng không khí. CEM cũng đã tiến hành xây dựng các báo cáo về chất lượng môi trường, trong khuôn khổ chức năng, nhiệm vụ của Tổng cục môi trường, ví dụ như: Báo cáo hiện trạng môi trường 2013 với chủ đề “Môi trường không khí”</u> d) <u>Cục kiểm soát ô nhiễm (Cục KSON)</u> tập trung vào kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí, quản lý hóa chất nguy hiểm; phòng ngừa, ứng phó và giảm thiểu ô nhiễm môi trường do thiên tai hoặc tai nạn môi trường. - Sơ đồ tổ chức của Bộ Tài nguyên và môi trường được

⁴ Quyết định số 34/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 22 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành chương trình hành động của thực hiện nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15 tháng 11 năm 2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước

⁵ Quyết định số 188/QĐ-TCMT ngày 23 tháng 03 năm 2010 của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Quan trắc môi trường

Bộ	Mục	Mô tả
	Hoạt động	<p>trình bày tại Hình 2.1-1, và Sơ đồ tổ chức của Tổng cục môi trường được trình bày tại Hình 2.1-2.</p> <p>Với tư cách là cơ quan đầu mối giúp chính phủ quản lý nhà nước về môi trường, Bộ Tài nguyên và môi trường đã triển khai rất nhiều hoạt động về Kiểm soát ô nhiễm gồm;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường công tác kiểm soát ô nhiễm không khí, tiếng ồn, phát thải hóa chất; kiểm soát ô nhiễm xuyên biên giới. - Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn; tăng cường quản lý mạng lưới quan trắc môi trường quốc gia, và các Bộ, ngành; - Tiến hành các nghiên cứu về kiểm soát không khí, phát thải hóa chất, sự cố môi trường, KCN, làng nghề và môi trường nông thôn, BVMT trong quản lý an toàn thực phẩm - Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực kiểm soát ô nhiễm môi trường trong đó có các nội dung về bảo vệ môi trường không khí - Phối hợp chặt chẽ với các Chi cục BVMT các tỉnh trong kiểm soát ô nhiễm; - Nghiên cứu, tham mưu cho Lãnh đạo Tổng cục và Bộ trong phân công chức năng, nhiệm vụ về kiểm soát ô nhiễm nói riêng và BVMT nói chung giữa các Bộ, ngành và cơ quan liên quan bảo đảm sự hài hòa và thống nhất.
2) Bộ giao thông vận tải	Chức năng / Nhiệm vụ ⁶	<ul style="list-style-type: none"> - Quy định chất lượng an toàn kỹ thuật, BVMT đối với phương tiện giao thông cơ giới. - Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ và báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông và cơ sở sản xuất công nghiệp. - Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật có liên quan đối với xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông và hoạt động giao thông vận tải - Quy định việc cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, phương tiện giao thông đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải và hàng không. <p><u>Vụ Môi trường</u> có một số nhiệm vụ và quyền hạn về quản lý môi trường ngành như sau,</p> <p>a) Chủ trì xây dựng kế hoạch 5 năm và hàng năm, các chương trình BVMT của Bộ.</p>

⁶ Quyết định số 1160/QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 04 năm 2013 của Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các tổ chức tham mưu giúp việc Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (MOT) – Vụ môi trường

Bộ	Mục	Mô tả
		<p>b) Xây dựng cơ chế, chính sách về bảo vệ tài nguyên, môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, biến đổi khí hậu; chuyển giao công nghệ và phát triển năng lực BVMT; ứng dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, công nghệ mới tiết kiệm năng lượng trong ngành Giao thông vận tải.</p> <p>c) Quy định việc kiểm tra, cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường, dán nhãn năng lượng đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải và hàng không dân dụng</p> <p>d) Quy định điều kiện hoạt động của cơ sở kiểm định, phòng thử nghiệm BVMT đối với phương tiện giao thông cơ giới.</p> <p>e) Thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế có liên quan đến BVMT giao thông vận tải theo phân công của Bộ trưởng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải được trình bày tại Phụ lục 20
	Hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện có 105 trạm kiểm định xe ô tô trên cả nước và có. Trung tâm thử nghiệm khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (NETC). Giai đoạn 2008-2012, hàng năm Bộ giao thông vận tải đã phối hợp với các cơ quan chức năng của địa phương tổ chức các đoàn kiểm tra, tập trung vào xe buýt và xe ô tô chở khách để kiểm tra và phát hiện các xe không đảm bảo điều kiện khí thải bằng thiết bị kiểm tra di động - Năm 2012, Thủ tướng chính phủ đã ban hành lộ trình áp dụng đối với các loại nhiên liệu sinh học, thân thiện với môi trường. Theo lộ trình này, từ tháng 12/2012, xăng được pha chế nhiên liệu sinh học E5 được sản xuất, phối chế, kinh doanh để sử dụng cho phương tiện cơ giới đường bộ tiêu thụ trên toàn quốc. - Bộ giao thông vận tải đang nghiên cứu xây dựng phần mềm cảnh báo tự động luôn cập nhật các xe ô tô hết niên hạn sử dụng để tự động cảnh báo đến các đơn vị đăng kiểm để xử lý các phương tiện này
3) Bộ Công thương	Chức năng / Nhiệm vụ ⁷	<ul style="list-style-type: none"> - thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công nghiệp và thương mại, bao gồm các ngành và lĩnh vực: cơ khí, luyện kim, điện, năng lượng mới, năng lượng tái tạo, dầu khí, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, công nghiệp tiêu dùng, chế biến thực phẩm, thương mại và thị trường trong nước; xuất nhập khẩu, thương mại biên giới, - Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn kỹ thuật công nghiệp và bảo

⁷ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương (MOIT)

Bộ	Mục	Mô tả
		<p>vệ môi trường thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và môi trường và các Bộ, ngành liên quan trong việc chỉ đạo phát triển ngành công nghiệp môi trường theo quy định của pháp luật. - Hướng dẫn thực hiện quan trắc môi trường, thống kê nguồn thải; xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường phục vụ công tác quản lý của Bộ - Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án liên quan đến BDKH thuộc phạm vi quản lý của Bộ - Bộ đã thành lập Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp thực hiện chức năng quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về kỹ thuật an toàn, bảo vệ môi trường trong ngành công nghiệp và thương mại. - Sơ đồ tổ chức của Bộ Công thương được trình bày tại Phụ lục 20.
	Hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> - Đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường trong các ngành Bộ Công thương quản lý - Tổ chức nhiều đoàn kiểm tra công tác BVMT tại các cơ sở sản xuất - Tập trung chủ yếu tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh Nhà nước có nguy cơ gây ô nhiễm cao tập trung chủ yếu tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh Nhà nước có tiềm năng gây ô nhiễm cao (năm 2008 kiểm tra 35 cơ sở; năm 2009 kiểm tra 36 cơ sở; năm 2010 kiểm tra 40 cơ sở, năm 2011 kiểm tra 26 đơn vị, năm 2012 kiểm tra 20 đơn vị)⁸ - Các cơ sở sản xuất công nghiệp đã quan tâm đến công nghệ xử lý khí thải công nghiệp, hiệu suất xử lý của các thiết bị lọc bụi tại các nhà máy lớn, đặc biệt là các nhà máy vốn FDI - Thực hiện cam kết của Việt Nam khi tham gia Công ước và Nghị định thư Montreal đến tháng 01/2010 không còn doanh nghiệp nào của Việt Nam sử dụng CFC trong sản xuất Mỹ phẩm
4) Bộ Xây dựng ⁹	Chức năng / Nhiệm vụ ¹⁰	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp với Bộ Tài nguyên và môi trường, Bộ Công thương trong quá trình thẩm định, ban hành giấy phép, Báo cáo Đánh giá tác động môi trường trong xây dựng dự án thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Xây dựng. - Chỉ đạo, hướng dẫn việc lồng ghép các quy hoạch, kế hoạch, chương trình bảo vệ môi trường vào các hoạt động xây dựng. - Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện việc lập báo cáo đánh giá

⁸ Báo cáo “Điều tra khảo sát xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia về kiểm soát ô nhiễm không khí”, Tổng cục Môi trường, năm 2013

⁹ Nghị định số 62/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng (MOC)

¹⁰ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải

Bộ	Mục	Mô tả
		<p>môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường; thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo thẩm quyền, quan trắc các tác động tới môi trường từ hoạt động xây dựng, quản lý và kiểm soát chất thải, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ; phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm môi trường, phục hồi môi trường trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ theo quy định của pháp luật, ví dụ như xây dựng cơ sở hạ tầng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường đóng vai trò là đơn vị đầu mối trong quản lý vấn đề ô nhiễm trong ngành xây dựng. Các chức năng, nhiệm vụ của đơn vị có liên quan đến công tác nghiên cứu khoa học, công nghệ và môi trường trong các nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ, bao gồm: nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; ứng dụng tiến bộ kỹ thuật; chuyển giao công nghệ; tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm hàng hoá; sở hữu công nghiệp; rào cản kỹ thuật trong thương mại; bảo vệ môi trường; thông tin khoa học công nghệ và môi trường trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ như sau: <ul style="list-style-type: none"> a) Hướng dẫn việc lồng ghép các quy hoạch, kế hoạch, chương trình bảo vệ môi trường trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; hướng dẫn việc lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường b) Tổ chức quan trắc các tác động tới môi trường từ hoạt động của ngành Xây dựng, lập báo cáo tình hình tác động môi trường của ngành Xây dựng; quản lý và kiểm soát chất thải, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ; phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm môi trường, phục hồi môi trường trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ c) Nghiên cứu, đề xuất việc ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia về môi trường; xây dựng trình Bộ ban hành theo thẩm quyền các quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng môi trường, quản lý chất thải. - Sơ đồ tổ chức của Bộ Xây dựng được trình bày tại Phụ lục 20
	Hoạt động	<p>Kiểm soát nguồn khí thải từ hoạt động xây dựng ở Việt Nam trong thời gian qua đã đạt được những tiến bộ như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm bụi từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất cát. - Đã giảm thiểu tình trạng phát thải bụi trong các hoạt động thi công xây dựng công trình, và ở các điểm khai thác, buôn bán vật liệu xây dựng. - Đã xây dựng “Kế hoạch hành động giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực sản xuất xi măng”

Bộ	Mục	Mô tả
5) Bộ Khoa học và Công nghệ ¹¹	Chức năng / Nhiệm vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Khoa học và Công nghệ có chức năng quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, bao gồm: hoạt động khoa học và công nghệ; phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân; quản lý nhà nước các dịch vụ công - Liên quan đến công tác kiểm soát ô nhiễm, Bộ có nhiệm vụ ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật - Các đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ có chức năng, nhiệm vụ như:¹² xây dựng và ban hành các QCVN¹³ cho công tác kiểm soát ô nhiễm không khí; Quản lý hệ thống tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam; thẩm định và công bố tiêu chuẩn quốc gia; hướng dẫn xây dựng và thẩm định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, etc. - <u>Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam</u> trực thuộc Tổng Cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng là đơn vị, chịu trách nhiệm thực hiện phần lớn các nhiệm vụ liên quan đến QCVN - Sơ đồ tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ được trình bày tại Phụ lục 20. Sơ đồ tổ chức của Viện Tiêu chuẩn chất lượng Việt Nam được trình bày tại Phụ lục 20.
	Hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì soạn thảo Chiến lược sử dụng công nghệ sạch giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số. 2612/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2013 - Chiến lược tập trung xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ sạch vào các ngành công nghiệp sử dụng nhiều năng lượng, có khả năng gây ô nhiễm nghiêm trọng cho môi trường như dệt nhuộm; sản xuất phân bón, thuốc trừ sâu; luyện thép; khai thác, chế biến khoáng sản; nhiệt điện; sản xuất giấy; sản xuất xi măng; sản xuất mía đường. Những mục tiêu định hướng cụ thể của Chiến lược cụ thể là: <ul style="list-style-type: none"> a) Đến năm 2020, 100% dự án đầu tư mới thuộc các ngành trên phải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ sạch; 60-70% cơ sở sản xuất đang hoạt động trong các ngành công nghiệp nêu trên hoàn thành việc xây dựng, thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ theo hướng sử dụng công nghệ sạch. b) Đến năm 2030, 100% các cơ sở sản xuất trong toàn ngành công nghiệp phải áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ

¹¹ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 2 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ (MOST)

¹² Quyết định số 104/2009/QĐ-TTg ngày 12 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ

¹³ QCVN: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

Bộ	Mục	Mô tả
		thuật về công nghệ sạch.
6) Bộ Y tế	Chức năng / Nhiệm vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng, và các đơn vị có thẩm quyền xây dựng, ban hành các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bảo vệ môi trường trong hoạt động y tế - Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược và báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định phê duyệt của Bộ Y tế (MOH) - Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện i) quan trắc các tác động đối với môi trường từ hoạt động của ngành y tế và ii) quản lý, kiểm soát ô nhiễm và phục hồi môi trường y tế do chất thải y tế gây ra. - Thu thập, lưu trữ và cung cấp thông tin về môi trường liên quan đến các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ theo quy định của pháp luật, ví dụ như Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Lò đốt chất thải rắn y tế (QCVN 02: 2008/BTNMT) - Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ sức khỏe con người trước tác động của biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường và các yếu tố môi trường bất lợi - Chủ trì, hướng dẫn tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quản lý và tiêu hủy chất thải y tế và bảo vệ môi trường trong hoạt động y tế. - Sơ đồ tổ chức của Bộ Y tế được trình bày tại Phụ lục 20.
	Hoạt động	- Không có hoạt động nào nổi bật ngoài các hoạt động trong phạm vi nhiệm vụ nêu trên

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

Trong các đơn vị trực thuộc TCMT/Bộ TNMT, hai đơn vị có chức năng/nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến quản lý chất lượng không khí là: Trung tâm Quan trắc môi trường (CEM) và Cục Kiểm soát Ô nhiễm (bao gồm phòng Kiểm soát Ô nhiễm không khí và Nhập khẩu phế liệu). Bảng 2.1-3 tóm tắt chức năng/nhiệm vụ của các đơn vị này

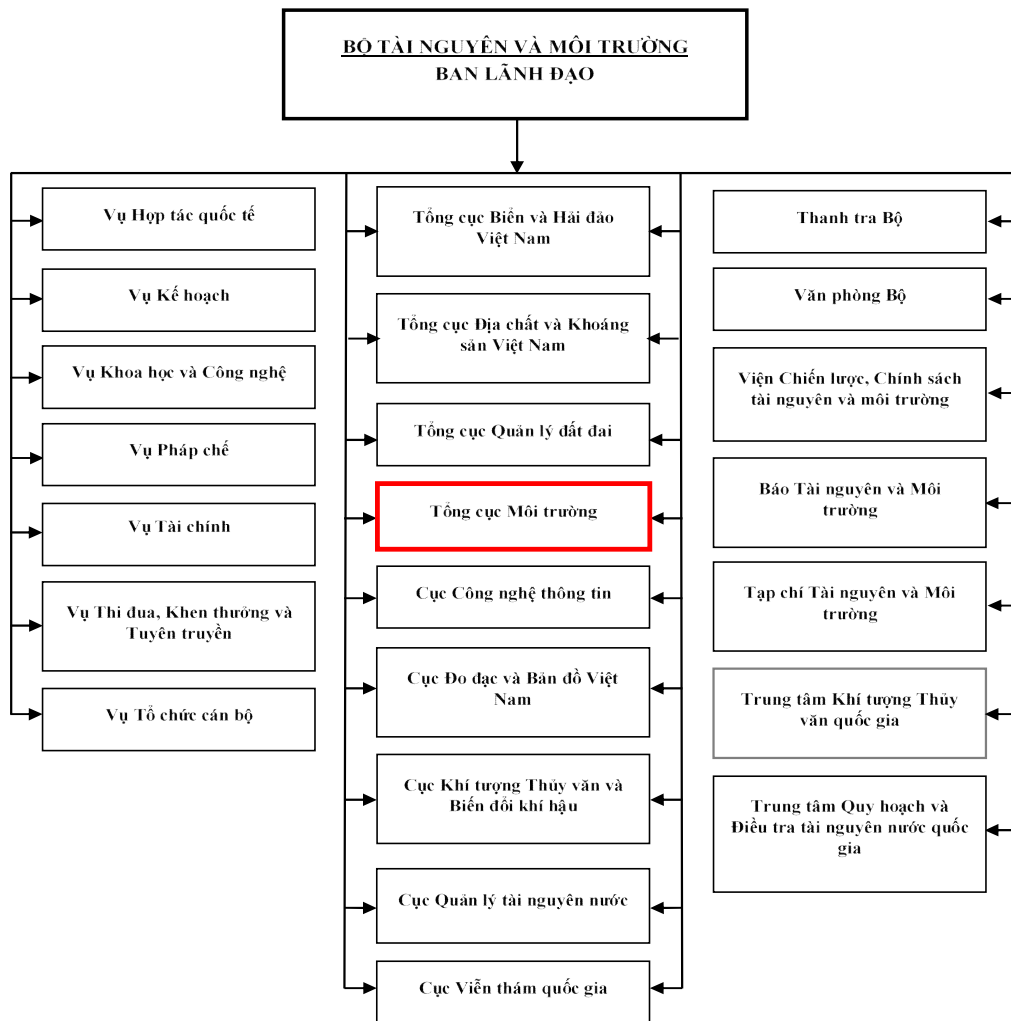
Bảng 2.1-3 Tóm tắt Chức năng, nhiệm vụ của CEM và Cục KSON trong lĩnh vực QLCLKK

Đơn vị	Giải thích
Trung tâm Quan trắc Môi trường ¹⁴	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ Tổng cục trưởng TCMT trong tổ chức và thực hiện quan trắc môi trường quốc gia, bao gồm quan trắc chất lượng không khí. - Xây dựng, quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu môi trường và kiểm kê, bao gồm dữ liệu từ các trạm quan trắc không khí tự động liên tục. - Áp dụng khoa học công nghệ vào công tác quan trắc môi trường - Xây dựng các báo cáo về chất lượng môi trường trong khuôn

¹⁴ Quyết định số 188/QĐ-TCMT ngày 23 tháng 03 năm 2010 của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Quan trắc môi trường

	khô chức năng, nhiệm vụ của TCMT, ví dụ như Báo cáo hiện trạng môi trường 2013 với chủ đề “Môi trường không khí” – Là đầu mối triển khai quy hoạch tổng thể mạng lưới quan trắc môi trường quốc gia.
Cục Kiểm soát ô nhiễm (Cục KSON) ¹⁵ , bao gồm Phòng KSONKK và nhập khẩu phế liệu (phòng KKPL)	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ Tổng cục trưởng trong thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về môi trường trong kiểm soát, ngăn ngừa, giảm thiểu ô nhiễm không khí - Bảo vệ môi trường trong quản lý hóa chất độc hại - Xử lý, khắc phục ô nhiễm môi trường, bao gồm ô nhiễm không khí do thiên tai hoặc sự cố gây ra

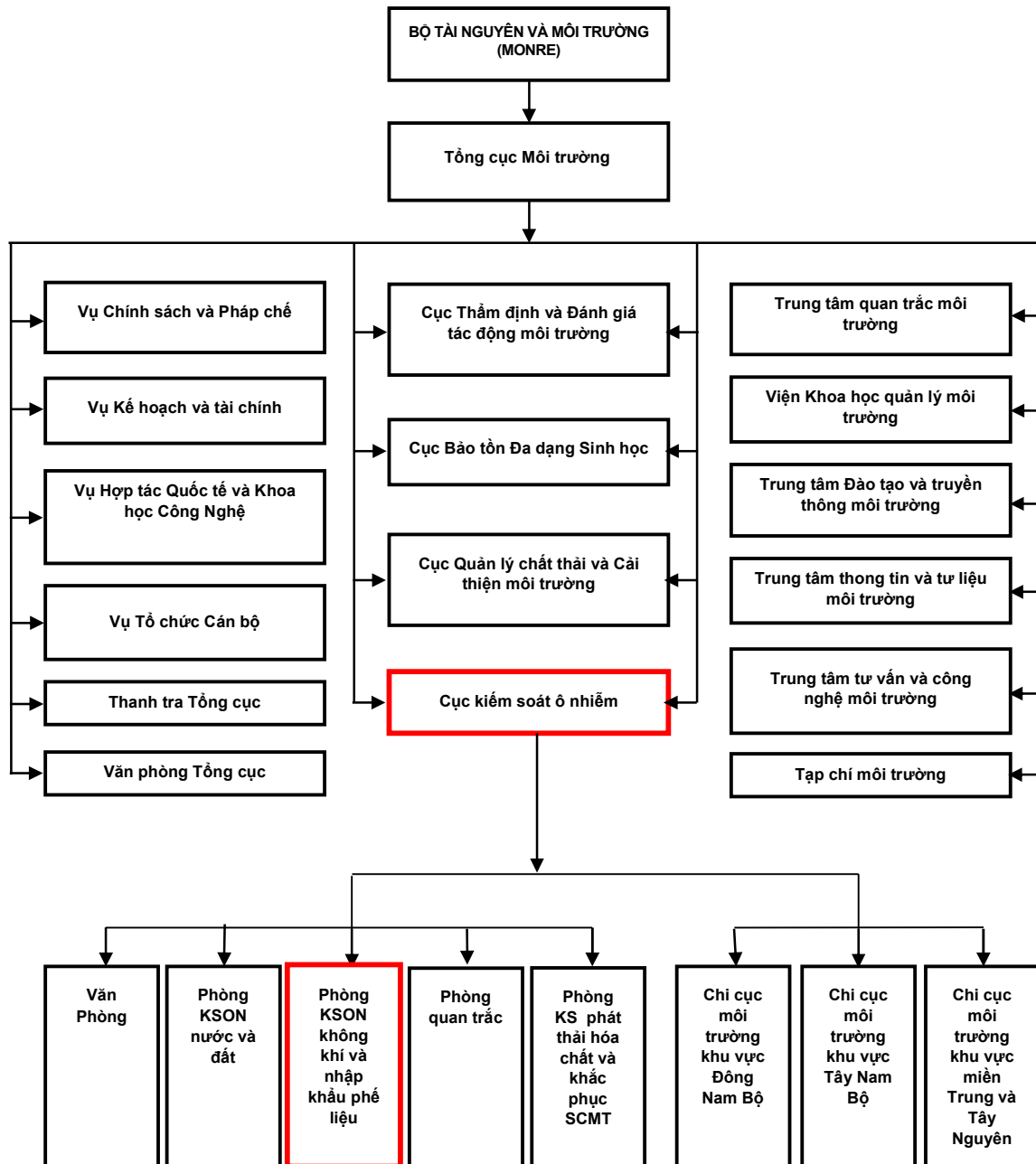
Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA



Nguồn: Kết quả khảo sát của Dự án (Tháng 05/2014)

Hình 2.1-1 Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường

¹⁵ Quyết định số 948/QĐ-TCMT ngày 18 tháng 08 năm 2009 của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, và cơ cấu tổ chức của Cục Kiểm soát ô nhiễm



Nguồn: Kết quả khảo sát của dự án (tháng 5/2014)

Hình 2.1-2 Sơ đồ tổ chức của Tổng cục môi trường và các phòng ban trực thuộc Cục KSON

Các vấn đề và khó khăn liên quan đến quản lý chất lượng không khí ở cấp trung ương

Các vấn đề về quản lý chất lượng không khí ở cấp trung ương vẫn còn nhiều bất cập và thiếu hiệu quả. Thông qua quá trình khảo sát, các vấn đề và khó khăn liên quan đến quản lý ô nhiễm không khí được xác định như sau:

- Có rất nhiều văn bản pháp luật về quản lý chất lượng không khí. Tuy nhiên, một số lĩnh vực chưa có cơ quan chịu trách nhiệm khiến cho việc điều phối và hợp tác giữa cơ quan quản lý cấp trung ương và cấp địa phương còn chưa được hiệu quả.

- Các chức năng liên quan đến quản lý chất lượng không khí của các Bộ theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 cũng như trong nghị định, quyết định, thông tư, vv của chính phủ đôi khi không phù hợp với quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các Bộ liên quan, gây khó khăn trong việc tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao theo quan điểm của phân bổ nhân sự.
- Bộ Giao thông vận tải (Bộ GTVT), quản lý hoạt động giao thông đường bộ¹⁶ là các hoạt động phát thải ra 70% số lượng bụi gây ô nhiễm không khí, được phân công kiểm soát lượng khí thải của phương tiện giao thông đường bộ; cũng như xây dựng, ban hành công bố quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải xe cơ giới theo tiêu chuẩn EURO 3, EURO 4 và EURO 5¹⁷. Tuy nhiên, gần đây¹⁸, nhiệm vụ này lại không nằm trong chức năng nhiệm vụ của Vụ Môi trường. Không dễ thấy nhiệm vụ bảo vệ môi trường được phản ánh trong các hoạt động của Bộ giao thông vận tải. Đặc biệt, các công trình quản lý chất lượng không khí được đề cập rất ít trong các chức năng và nhiệm vụ của Bộ GTVT.
- Việc thiếu các văn bản cụ thể quy định về quản lý chất lượng không khí, ví dụ như Luật không khí sạch, thiếu các quy định và tiêu chuẩn môi trường (bao gồm cả những quy định/ tiêu chuẩn về không khí xung quanh) cho các ngành công nghiệp, và chưa có quy định về cơ quan đầu mối chính chịu trách nhiệm điều phối tất cả các vấn đề liên quan đến kiểm soát ô nhiễm đã gây khó khăn cho công tác quản lý chất lượng không khí của Chính phủ
- Ngoại trừ Bộ Tài nguyên và môi trường, hầu hết các Bộ đều chưa quan tâm đến vấn đề kiểm soát ô nhiễm không khí mà chú trọng hơn tới công tác quản lý chất thải rắn và chất thải cũng như hoạt động sản xuất của các ngành thuộc thẩm quyền quản lý.
- Bộ Giao thông vận tải (Bộ GTVT) hiện đang tập trung chủ yếu vào việc kiểm tra trọng lượng và chất lượng của các phương tiện vận tải để đảm bảo an toàn giao thông. Bộ giao thông vận tải không tập trung đầu tư vào việc kiểm soát khí thải (bao gồm cả trang thiết bị và hoạt động đo lường khí thải của các phương tiện giao thông)

Bộ Công Thương (Bộ CT) quản lý nhiều ngành công nghiệp có phát thải khí độc hại gây ô nhiễm môi trường, nhưng chức năng, nhiệm vụ của Bộ cũng như các đơn vị trực thuộc rõ ràng, thiếu quy định cụ thể về trách nhiệm bảo vệ môi trường, đặc biệt là liên quan đến ô nhiễm không khí. Hiện nay có rất nhiều nhiệm vụ bị trùng lặp giữa các ngành trong lĩnh vực kiểm soát ô nhiễm không khí. Các nhiệm vụ trùng lặp giữa các cơ quan mục tiêu được trình bày tại Bảng

¹⁶ Quyết định số 855/QĐ-TTg ngày 06 tháng 06 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án “Kiểm soát môi trường trong hoạt động giao thông vận tải”

¹⁷ Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg ngày 01 Tháng 9 2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô, xe mô tô hai bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới

¹⁸ Quyết định số 1160/QĐ-BGTVT ngày 4 tháng 5 năm 2013 của Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các tổ chức tham mưu giúp việc Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

2.1-4 Các nhiệm vụ trùng lặp giữa các cơ quan mục tiêu. Các điểm trùng lặp chính được chỉ ra sau đây:

- Có rất nhiều văn bản pháp luật về quản lý chất lượng không khí. Tuy nhiên, việc phân công trách nhiệm không rõ ràng và trùng lặp giữa các cơ quan, đơn vị.
- Việc phân công trách nhiệm kiểm tra, xử phạt hành chính các cơ sở gây ô nhiễm vẫn còn bị nhiều chồng chéo từ cấp trung ương đến địa phương. Do đó, có nhiều trường hợp thanh tra ở nhiều cấp khác nhau có thể đồng thời đến để kiểm tra và xử phạt một doanh nghiệp có hành vi vi phạm ô nhiễm môi trường, gây phiền toái cho các doanh nghiệp. Tình trạng này xảy ra là do thiếu sự hợp tác chặt chẽ và chia sẻ thông tin giữa các cơ quan thanh tra ở cả cấp trung ương và địa phương.
- Trong những năm qua, Thủ tướng Chính phủ đã giao cho Bộ Giao thông vận tải (Bộ giao thông vận tải) chủ trì các hoạt động kiểm soát ô nhiễm không khí đô thị bao gồm cả ô nhiễm không khí giao thông; Bộ Công Thương (Bộ Công thương) kiểm soát ô nhiễm tại các khu công nghiệp -KCN (IPs) và cụm công nghiệp (ICs). Bộ Tài nguyên và môi trường (Bộ Tài nguyên và môi trường) quản lý chất lượng không khí xung quanh và khí nhà kính. Theo cách phân công quản lý theo lĩnh vực như trên, thì lại không có cơ quan nào chịu trách nhiệm chính về quản lý chất lượng không khí, và vì thế gây khó khăn trong việc hợp tác quản lý chất lượng không khí.
- Thiếu các quy định về thu thập và chia sẻ số liệu kiểm soát ô nhiễm không khí giữa các Bộ và giữa cấp trung ương và cấp địa phương. Điều này cản trở việc hợp tác và kết nối giữa các cơ quan, gây lãng phí do tiến hành các hoạt động trùng lặp hoặc không có sự kế thừa.

Bảng 2.1-4 Các nhiệm vụ trùng lặp giữa các cơ quan mục tiêu

T T	Nhiệm vụ	(1) Bộ TNMT	(2) Bộ giao thông vận tải	(3) Bộ Công thương	(4) Bộ Xây dựng	(5) Bộ Khoa học công nghệ	(6) Bộ Y tế	(7) Cục cảnh sát Môi trường - Bộ Công An	(8) Phòng Cảnh sát môi trường Công An tỉnh	Văn bản liên quan
1	Kiểm soát ô nhiễm không khí môi trường xung quanh	X	X							Luật Bảo vệ môi trường 2014, chương 4, điều 41: Bộ Tài nguyên và môi trường được giao kiểm soát phát thải khí nhà kính Quyết định số 328/2005/QĐ-TTg ngày 12/12/2005 phê duyệt Kế hoạch kiểm soát ô nhiễm môi trường quốc gia đến năm 2010, Bộ Giao thông Vận tải được giao kiểm soát ô nhiễm không khí
2	Tổ chức rà soát, xây dựng và ban hành các Tiêu chuẩn Việt Nam liên quan phù hợp với việc triển khai lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe cơ giới	X				X				Quyết định số: 249/2005/QĐ-TTG ngày 10/10/2005 Bộ Khoa học và Công nghệ: quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ Luật Bảo vệ môi trường 2014: chương 11, điều 18, mục 2: Giao cho Bộ Tài nguyên và môi trường ban hành quy chuẩn quốc gia về môi trường
3	Xây dựng quy chuẩn môi trường	X	X			X				Được nhà nước quy định trong chức năng nhiệm vụ của từng Bộ

T T	Nhiệm vụ	(1) Bộ TNMT	(2) Bộ giao thông vận tải	(3) Bộ Công thương	(4) Bộ Xây dựng	(5) Bộ Khoa học công nghệ	(6) Bộ Y tế	(7) Cục cảnh sát Môi trường - Bộ Công An	(8) Phòng Cảnh sát môi trường Công An tỉnh	Văn bản liên quan
4	Kiểm soát khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ	X	X							Quyết định số 855/QĐ-TTg ngày 06/6/2011 phê duyệt Đề án "KSON môi trường trong hoạt động giao thông vận tải"; Quy định nhiệm vụ này cho Bộ Giao thông Vận tải Luật Bảo vệ môi trường 2014, chương 4, điều 41: Bộ Tài nguyên và môi trường được giao Kiểm soát phát thải khí nhà kính.
5	Quy định việc cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, phương tiện giao thông đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải và hàng không	X	X							Nghị định số 1160-2013 ngày 4/5/2013 quy định chức năng nhiệm vụ của Bộ Giao thông vận tải Nghị định số: 21/2013/NĐ-CP ngày 4/3/2013 quy định chức năng Bộ Tài nguyên và môi trường: Hướng dẫn, thực hiện việc đăng ký, công nhận, cấp, thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận về môi trường
6	Xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn về ô nhiễm không khí	X				X				QĐ số 25/ 2014/ TT-CP ngày 25/3/2014 Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục môi trường (VEA) trực thuộc Bộ Tài nguyên và môi trường
7	Quan trắc và công bố chất lượng môi trường không khí	X	X							-

T T	Nhiệm vụ	(1) Bộ TNMT	(2) Bộ giao thông vận tải	(3) Bộ Công thương ng	(4) Bộ Xây dựng	(5) Bộ Khoa học công nghệ	(6) Bộ Y tế	(7) Cục cảnh sát Môi trường - Bộ Công An	(8) Phòng Cảnh sát môi trường Công An tỉnh	Văn bản liên quan
8	Quản lý hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; hoạt động thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường trên phạm vi toàn quốc theo quy định của pháp luật và xây dựng cơ sở dữ liệu đánh giá tác động môi trường	X	X	X	X	X	X			<p>QĐ số 25/ 2014/ TT-CP ngày 25/3/2014 Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục môi trường (VEA) trực thuộc Bộ TNMT</p> <p>Luật Bảo vệ môi trường 2014 chương II, phần 1,2,3,4 Quy định Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức hội đồng thẩm định hoặc tuyển chọn tổ chức dịch vụ thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định, phê duyệt của mình, trừ dự án liên ngành, liên tỉnh</p>

T T	Nhiệm vụ	(1) Bộ TNMT	(2) Bộ giao thông vận tải	(3) Bộ Công thương	(4) Bộ Xây dựng	(5) Bộ Khoa học công nghệ	(6) Bộ Y tế	(7) Cục cảnh sát Môi trường - Bộ Công An	(8) Phòng Cảnh sát môi trường Công An tỉnh	Văn bản liên quan
9	Xây dựng các quy định cụ thể về các mức tiêu chuẩn khí thải áp dụng đối với xe cơ giới	X	X			X				Bộ Khoa học và công nghệ (Bộ KH&CN): Quyết định số: 249/2005/QĐ-TTG ngày 10/10/2005 Quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; Bộ Giao thông Vận tải: Quyết định số 855/QĐ-TTg ngày 06/6/2011 phê duyệt Đề án "KSON môi trường trong hoạt động giao thông vận tải"; Bộ Tài nguyên và môi trường: Luật Bảo vệ môi trường 2014: chương 11, điều 118, mục 2: Giao cho Bộ Tài nguyên và môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường
1 0	Thanh tra và xử phạt cơ sở gây ô nhiễm	X						X	X	Nghị định Số: 179/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường Quy định cho các đơn vị thanh tra các cấp xử phạt. Quyết định số: 5687/2007/QĐ-X11(X13) ngày 28/9/2007 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Phòng Cảnh sát môi trường thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Ghi chú: "X" nhiệm vụ được giao trong các văn bản quy phạm pháp luật.

Nguồn: Kết quả khảo sát do đơn vị tư vấn thực hiện trong khuôn khổ Dự án (Tháng 5/2014)

Đề xuất giải pháp cho các vấn đề và khó khăn trong quản lý chất lượng không khí

Giải pháp cho các vấn đề và khó khăn trong quản lý chất lượng không khí được thảo luận giữa Cục KSON, JET, và tư vấn trong nước, xét từ hệ thống văn bản pháp luật, các cơ quan và nhân sự chịu trách nhiệm kiểm soát ô nhiễm không khí, cơ chế chia sẻ thông tin, v.v... Những giải pháp chính cho các vấn đề khó khăn trong công tác QLCLKK được trình bày sau đây

- Xây dựng và ban hành kế hoạch bảo vệ môi trường không khí để thiết lập mối liên hệ và trách nhiệm của các cơ quan về quản lý chất lượng không khí; đặc biệt để hiểu rõ hiện trạng quản lý chất lượng không khí ở cấp trung ương và cấp tỉnh, xác định các cột mốc về quản lý chất lượng không khí.
- Sau khi ban hành Luật Bảo vệ môi trường 2014, cần xác định rõ cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm điều hành các hoạt động kiểm soát ô nhiễm không khí, tùy thuộc vào chức năng nhiệm vụ đã giao cho từng Bộ. Tất cả các Bộ phải có trách nhiệm hợp tác và gửi kết quả, số liệu cho Bộ Tài nguyên và môi trường.
- Rà soát, bổ sung, sửa đổi các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tiêu chuẩn môi trường liên quan đến công tác kiểm soát ô nhiễm không khí.
- Cần có chính sách đào tạo chuyên môn và chuyên sâu về quản lý chất lượng không khí cho phòng KKPL/ Cục KSON (thuộc Tổng cục môi trường) và củng cố nhân sự để đảm bảo có đủ cán bộ phụ trách cho từng lĩnh vực ô nhiễm không khí như kiểm soát ô nhiễm khí thải công nghiệp, khí thải xây dựng, phát thải khí nhà kính và khí thải từ các hoạt động nông nghiệp...
- Đẩy mạnh tuyên truyền và nâng cao nhận thức cho các cán bộ lãnh đạo, nhà lập chính sách và cộng đồng về các vấn đề ô nhiễm không khí trên báo, đài, truyền hình và internet. Thường xuyên công bố hiện trạng ô nhiễm không khí để nâng cao ý thức của công chúng về quản lý chất lượng không khí
- Xây dựng cơ chế chia sẻ thông tin về môi trường không khí đô thị, tăng cường sự tham gia của cộng đồng vào các hoạt động bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ chất lượng không khí nói riêng
- Bộ Tài nguyên và Môi trường cần công bố dữ liệu và so sánh chất lượng không khí hàng năm để người dân biết được rằng chất lượng không khí tốt lên hoặc xấu hơn.

2.1.3 Các sản phẩm hợp tác kỹ thuật

Trong bối cảnh sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường và các kết quả thu thập được thông qua công tác khảo sát được trình bày trên đây, KKPL/Cục KSON và JET đã thảo luận, xây dựng các TB. Trong quá trình xây dựng TB, những hoạt động sau đã được tiến hành. Trong quá trình xây dựng và hoàn thành TB, KKPL/Cục

KSON và JET đã tổ chức buổi Hội thảo giữa kỳ nhằm chia sẻ tiến trình/kết quả xây dựng sản phẩm với các đơn vị liên quan.

- 1) Xây dựng và thảo luận Danh sách các chủ đề TB dài giữa KKPL và JET
- 2) Tổ chức các buổi Hướng dẫn và Tư vấn kỹ thuật nhằm chuẩn bị cho xây dựng TB, dựa trên các chủ đề được liệt kê trong Danh sách dài
- 3) Thảo luận và xác định chủ đề và nội dung của các TB.
- 4) KKPL và JET cùng xây dựng các chủ đề TB được chọn và chia sẻ những kết quả đạt được

Nội dung và các hoạt động cụ thể của từng bước được trình bày sau đây

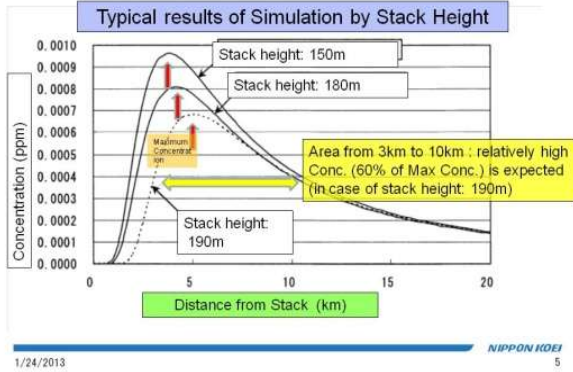
- (1) Danh sách dài các chủ đề TB được phòng KKPL và JET thảo luận

Theo tiến độ sửa đổi và phê duyệt Luật Bảo vệ môi trường 2014, và nhu cầu ban hành các văn bản dưới luật (quyết định, thông tư, tiêu chuẩn...), trước tiên, KKPL/ Cục KSON và JET lập ra một danh sách TB dài, xem Bảng 2.1-

Bảng 2.1-5 Danh sách dài về các chủ đề TB được đề xuất trong khuôn khổ Dự án

Nhiệm vụ của Bộ/ Sở TNMT	Các văn bản dự kiến	Chủ đề
Quan trắc môi trường/ tiêu chuẩn môi trường	Thông tư 16/2009/ TT-BTNMT QCVN 05/2013/ BTNMT	<u>Tiêu chuẩn quản lý chất lượng số liệu quan trắc -1; Tiêu chuẩn để có số liệu quan trắc hiệu quả đối với các trạm quan trắc chất lượng không khí tự động</u> - Yêu cầu số liệu về quan trắc theo giờ tối thiểu để có thể tính được trung bình 24 giờ - Yêu cầu số liệu về quan trắc theo giờ tối thiểu để tính được trung bình năm
	Thông tư 16/2009/ TT-BTNMT QCVN 05/2013/ BTNMT	<u>Tiêu chuẩn quản lý chất lượng số liệu quan trắc -2; Tiêu chuẩn cho việc sàng lọc số liệu đối với các trạm quan trắc chất lượng không khí tự động liên tục</u> - Cách loại bỏ số liệu bất thường - Cách xử lý số liệu trong quá trình hiệu chỉnh
	Thông tư 16/2009/ TT-BTNMT QCVN 05/2013/ BTNMT	<u>Giới thiệu tiêu chuẩn chất lượng không khí đối với thông số PM 2.5</u> - Bụi là vấn đề lớn nhất về ô nhiễm không khí tại Việt Nam. - Trong số các loại bụi thì PM 2.5 là loại có kích thước nguy hiểm nhất cho sức khỏe con người
	Quyết định 16/2007/QĐ-TTg	<u>Tiêu chuẩn/ tiêu chí phân bố/ lắp đặt các trạm quan trắc chất lượng không khí tự động</u> - Những chỉ số chất lượng không khí nào cần quan trắc?

Nhiệm vụ của Bộ/ Sở TNMT	Các văn bản dự kiến	Chủ đề
		<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích quan trắc là gì? - Nơi nào cần quan trắc chất lượng không khí ? - Cần lắp đặt bao nhiêu trạm quan trắc chất lượng không khí? - Làm cách nào để giải quyết các sự cố mất điện? - Lắp đặt cảm ứng hướng gió và tốc độ gió ở đâu?
	Quyết định 16/2007/QĐ-TTg	<p><u>Các thông tin tham khảo về chi phí bảo trì các trạm quan trắc chất lượng không khí tự động</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí sửa chữa, thay thế và mua sắm thiết bị hàng năm - Ước tính chi phí theo tuổi thiết bị
	Thông tư 16/2009/TT-BTNMT T QCVN06/2009/BTNMT	<p><u>Để bắt đầu quan trắc định kỳ thực tế các chất độc hại trong môi trường không khí xung quanh, cần tiến hành một số hoạt động sau:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Ưu tiên các thông số ô nhiễm không khí độc hại trong QCVN 06/2009/BTNMT - Nghiên cứu về phương pháp phân tích theo ISO, US EPA và JIS của Nhật Bản - Nghiên cứu về WHO và các tiêu chuẩn đối với các thông số ô nhiễm không khí tại các quốc gia khác
	Quyết định 16/2007/QĐ-TTg	<p><u>Giới thiệu cơ chế chia sẻ thông tin về số liệu quan trắc chất lượng không khí giữa các cơ quan liên quan đến việc quan trắc chất lượng không khí</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - CEM/Tổng cục môi trường/Bộ Tài nguyên và Môi trường, NHMC (Trung tâm khí tượng thủy văn quốc gia) /Bộ Tài nguyên và môi trường, CENMA/Sở TNMT Hà Nội, Trường đại học xây dựng, VAST/IET, HEPA/HCMC Sở TNMT, Trường đại học khoa học tự nhiên thành phố HCM
Thanh tra nguồn tỉnh/ Đo đạc/ Biện pháp đối với các nguồn ô nhiễm	Thông tư 25/2009/TT-BTNMT T QCVN19, 20, 21, 23 và 30/2009/BTNMT	<p><u>Giới thiệu về nồng độ ô xy tiêu chuẩn trong khí thải (QCVN19, 20, 21, 23 và 30)</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhà máy/ doanh nghiệp có thể không bị phạt do họ pha loãng khí thải - Nồng độ ôxy tiêu chuẩn đã được đưa vào QCVN 22/2009/BTNMT. - Khái niệm về nồng độ ô xy tiêu chuẩn rất phổ biến ở EU, USA và Nhật Bản.
	Sửa đổi điều 132 Luật Bảo vệ môi	<p><u>Giới thiệu hệ thống tự quan trắc cho khối tư nhân</u></p>

Nhiệm vụ của Bộ/ Sở TNMT	Các văn bản dự kiến	Chủ đề
	trường	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu hệ thống tự quan trắc - Quy định về báo cáo định kỳ cho Sở TNMT/Bộ Tài nguyên và môi trường
	Thông tư 25/2009/TT-BTNMT T QCVN19, 20, 21, 23 và 30/2009/BTNMT	<p><u>Quy chuẩn kỹ thuật QCVN20/2009/BTNMT liệt kê hàng trăm thông số hữu cơ cần quan trắc. Như vậy:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng thông số cần quan trắc là quá nhiều nên việc đưa quy chuẩn này vào thực tế là kém khả thi - Cần đưa ra được danh sách các thông số nguy hại phải ưu tiên quan trắc thành các nhóm ưu tiên số 1, ưu tiên số 2, ưu tiên số 3 - Nghiên cứu phương pháp phân tích các thông số ô nhiễm, tham khảo ISO,US EPA, và JIS của Nhật Bản
	Thông tư 25/2009/TT-BTNMT T QCVN 22, 23/2009/BTNMT	<p><u>Về tiêu chuẩn khí thải trong QCVN22/2009/BTNMT (ngành điện) và QCVN23/2009/BTNMT (ngành xi măng), cần điều chỉnh hệ số vùng</u></p> <p>Effect of Stack Height by ISC3 (US EPA)Simulation Model</p> 
	Thông tư 25/2009/TT-BTNMT T TCVN 5977/2005	<p><u>Phương pháp đo đặc bụi theo chuẩn thế giới</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu phương pháp lấy mẫu Isokinetic
	TCVN 6750, 7172, 7142	<p><u>Sửa đổi để kiểm soát hiệu quả nguồn ô nhiễm không khí</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về việc hiệu chuẩn tại chỗ khi đo đặc khí thải nhà máy - Thực hiện hiệu chuẩn thường xuyên cho thiết bị đo đặc khí thải cầm tay (di động) - Giới thiệu hệ thống quan trắc khí thải tự động liên tục (CEMS) tại các nguồn ô nhiễm lớn (nhà máy điện, xi măng, thép)

Nhiệm vụ của Bộ/ Sở TNMT	Các văn bản dự kiến	Chủ đề
	Nghị định 80/2006/NĐ-CP; 29/2011/NĐ-CP; Thông tư 08/2009/TT-BTNMT, etc.	<u>Quy định thêm để củng cố việc lắp đặt và vận hành hệ thống kiểm soát ô nhiễm không khí, quan trắc khí thải liên tục, tự động...</u> - Rà soát và sửa đổi các quy định về xây dựng, đệ trình và phê duyệt các đánh giá tác động môi trường, đặc biệt là thời hạn xác nhận hệ thống xử lý ô nhiễm không khí - Quy định thêm về hệ thống quan trắc khí thải tự động liên tục đối với khí thải công nghiệp của một số nhà máy đặc thù (VD, nhà máy thuộc ngành công nghiệp cần ưu tiên kiểm soát hoặc nhà máy có công suất lớn...) - Quy định thêm về sự cố phát thải gây ô nhiễm không khí
	Chưa có	<u>Xem xét áp dụng hệ thống cán bộ quản lý kiểm soát ô nhiễm và thỏa thuận kiểm soát ô nhiễm</u>
Kiểm kê (nguồn tĩnh và nguồn di động)	Chưa có	<u>Giới thiệu về kiểm kê các nguồn phát thải tĩnh gây ô nhiễm không khí</u> - Nghiên cứu và giới thiệu phương pháp kiểm kê nguồn phát thải tĩnh theo “Hướng dẫn xây dựng kiểm kê khí thải của Việt Nam” (Tháng 3 năm 2011, Bộ môi trường Nhật Bản)
	Chưa có	<u>Giới thiệu về kiểm kê các nguồn phát thải di động gây ô nhiễm không khí</u>
Kiểm soát chất lượng nhiên liệu ngành công nghiệp	TCVN 6776:2005, TCVN 5689:2005	<u>Quy định thêm về chất lượng nhiên liệu cho từng ngành công nghiệp và cho các nhà máy để kiểm soát ô nhiễm không khí tại các nguồn tĩnh</u> - Đánh giá TCVN hiện hành - Xây dựng danh sách các loại nhiên liệu sẽ gây ra ô nhiễm không khí nghiêm trọng - Quy định về nhập khẩu, buôn bán, đăng ký... nhiên liệu chứa hóa chất, ví dụ lưu huỳnh - Cơ chế báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền để theo dõi (nhập khẩu, buôn bán, vận chuyển, tiêu thụ...)
Nguồn di động/ quy định về khí thải ô tô xe máy	Quyết định 909/2010/QĐ-TTg	<u>Tăng cường các quy định để kiểm soát từng nguồn di động</u> - Trung tâm kiểm định ô tô xe máy để tăng cường việc thực thi các quy định về khí thải ô tô, xe máy - Hội thảo về thiết bị và tiêu chuẩn công nghệ
	Chưa có	<u>Chia sẻ kết quả kiểm định hệ thống khung, gầm hệ số phát thải (g/km) tại Việt Nam</u>
	Quyết định	<u>Quy định về nồng độ Benzen trong khí thải xe</u>

Nhiệm vụ của Bộ/ Sở TNMT	Các văn bản dự kiến	Chủ đề
	49/2011/QĐ-TTt Thông tư 30/2009/TT-BGTVT	<u>gắn máy (Đặc biệt là động cơ hai thì)</u>
Quản lý thông tin/ số liệu	Nghị định 29/2011/NĐ-CP; Thông tư 26/2011/NĐ-CP, v.v...	<u>Xây dựng các quy định về cơ sở dữ liệu, chia sẻ thông tin, báo cáo có liên quan đến ô nhiễm không khí và không khí xung quanh:</u> - Cơ sở dữ liệu quốc gia về khí thải công nghiệp - Hệ thống thông tin về chất lượng không khí xung quanh - Các quy định về báo cáo và chia sẻ thông tin về khí thải và chất lượng không khí xung quanh - Các quy định về cách sử dụng chỉ số chất lượng không khí (AQI) để cung cấp thông tin cho cộng đồng - Các quy định về cung cấp thông tin chất lượng môi trường không khí xung quanh
Hợp tác giữa các cơ quan	Chưa có	<u>Xúc tiến việc hợp tác giữa các Bộ liên quan:</u> - Tổ chức các buổi họp liên Bộ - Xác định các nội dung quản lý bị trùng lặp, chồng chéo hoặc bỏ sót, phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Bộ có liên quan

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

(2) Giới thiệu và tư vấn kỹ thuật phục vụ quá trình xây dựng các Báo cáo chuyên đề (TB)

Để hỗ trợ việc lựa chọn các chủ đề TB cần ưu tiên từ danh sách dài trên đây, KKPL/Cục KSON và JET đã lên chương trình cho một chuỗi các buổi tư vấn và giới thiệu kỹ thuật trong khuôn khổ Kết quả 1. Chuỗi các buổi tư vấn này nhằm i) giới thiệu kinh nghiệm, công nghệ, công cụ và hệ thống về quản lý chất lượng không khí và kiểm soát chất lượng không khí tại Nhật Bản, ii) làm rõ nhu cầu và chọn các chủ đề TB cần ưu tiên bằng cách làm giàu kiến thức kỹ thuật và quản lý cho các cán bộ Tổng cục môi trường, và iii) tư vấn áp dụng các hướng dẫn kỹ thuật cho phù hợp với tình hình Việt Nam và cách giải quyết các vấn đề liên quan đến quản lý chất lượng không khí và kiểm soát ô nhiễm không khí.

Vì thế, trong khuôn khổ Kết quả 1, Dự án đã tổ chức một chuỗi các buổi họp giới thiệu và tư vấn kỹ thuật để phục vụ việc xây dựng TB cho các cán bộ của KKPL/ Cục KSON và các đơn vị khác trực thuộc Tổng cục môi trường, các đơn vị thuộc Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội và Sở Tài nguyên và môi trường tp. HCM. Kết quả của các buổi tư vấn kỹ thuật này được trình bày tại Bảng

dưới đây. Các tài liệu tư vấn cho từng chủ đề hội thảo được JET chuẩn bị và trình bày tại Phụ lục 9 của Báo cáo này.

Bảng 2.1-6 Kết quả của các buổi họp giới thiệu và tư vấn kỹ thuật phục vụ xây dựng TB trong khuôn khổ Kết quả 1 của Dự án

Chủ đề giới thiệu và tư vấn kỹ thuật	Thời gian và thành phần tham dự
Hệ thống kiểm soát ô nhiễm không khí của Nhật Bản	
[Buổi 1] Hệ thống pháp lý về kiểm soát ô nhiễm tại Nhật Bản	- Ngày 3 tháng 1 năm 2014 (Thứ Sáu) – đã tổ chức - 15 người từ Cục KSON, DPL, CEM, ISEM, và ISD
[Buổi 2, Phần 1] Xây dựng kiểm kê khí thải các nguồn tĩnh tại Nhật Bản	- Ngày 16 tháng 1 năm 2014 (Thứ Năm) _đã tổ chức - 14 người từ Cục KSON, DPL, CEM, ISEM và ISD
[Buổi 2, Phần 2] Xây dựng kiểm kê khí thải các nguồn tĩnh, tập trung vào phương pháp ước tính lượng phát thải	- Ngày 26 tháng 2 năm 2014 (Thứ Tư) _đã tổ chức - 19 người từ Cục KSON, DPL, CEM, ISEM, ISD, Dự án quản lý PCB ở Việt Nam và Chi cục BVMT HN (Hanoi EPA)
Quan trắc môi trường và tiêu chuẩn chất lượng không khí	
[Buổi 3] Thông tư số 16/2009/ Vận hành và bảo trì các trạm quan trắc/ quản lý và diễn giải số liệu quan trắc [Buổi 4] Quyết định số 16/2007/ Tiêu chuẩn và tiêu chí phân bổ các trạm quan trắc chất lượng không khí tự động	- Ngày 14 tháng 3 năm 2014 (Thứ Sáu)_đã tổ chức - 16 người từ Cục KSON, DPL, CEM, ISEM, Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội và hội Không khí sạch Châu Á (trợ lý nghiên cứu về không khí sạch người Srilanca)
Tiêu chuẩn phát thải và quản lý nguồn tĩnh	
[Buổi 5] QCVN về tiêu chuẩn phát thải: Mối liên hệ giữa hệ số vùng (Kv) và chiều cao ống khói	- Ngày 28 tháng 3 năm 2014 (Thứ Sáu)_đã tổ chức - 10 người từ Cục KSON, CEM
[Buổi 6] Thông tư 25/2009 và thông tư mới đang được xây dựng về quan trắc khí thải / Đo đặc khí thải/ đo đặc bụi/ nồng độ ô xy tiêu chuẩn trong khí thải/ giới thiệu nồng độ ô xy tiêu chuẩn	- Ngày 8 tháng 4 năm 2014 (Thứ Ba)_đã tổ chức - 22 người từ Cục KSON, DPL, ISEM, ISD thuộc Tổng cục môi trường - JICA Việt Nam
[Buổi 7] Các phương pháp tiếp cận mềm trong kiểm soát nguồn tĩnh. - Hệ thống cán bộ quản lý kiểm soát ô nhiễm - Thỏa thuận về kiểm soát ô nhiễm	- Ngày 24 tháng 4 năm 2014 (Thứ Năm) _đã tổ chức - 18 người từ Cục KSON và văn phòng Tổng cục môi trường, CEM, Hanoi EPA, JICA Việt Nam, một cán bộ thực tập người Đức ở trường Đại học bách khoa Brandenburg
[Buổi 8] Nghị định số 80/2006 và Thông tư 08/2009 - Kiểm soát và đo đặc hiệu quả và thực tiễn	- Ngày 7 tháng 5 năm 2014 (Thứ Năm) đã tổ chức - 11 người từ Cục KSON, ISD và Sở

tại các nguồn tĩnh - Quan trắc khí thải tự động, liên tục tại các nguồn tĩnh (CEMS)	TNMT Hà Nội
Hội thảo bổ sung cho CEM	
Thông tư 25/2009 và thông tư mới (đang trong quá trình xây dựng) về quan trắc khí thải / Đo đặc khí thải/ đo đặc bụi/ nồng độ ô xy tiêu chuẩn trong khí thải/ giới thiệu nồng độ ô xy tiêu chuẩn	- Ngày 15 tháng 4 năm 2014 (Thứ Ba)_ đã tổ chức - 15 người từ CEM

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

Thông qua chuỗi giới thiệu và tư vấn kỹ thuật này, Dự án đã xác định được nhiều nhu cầu của phía Việt Nam. Nội dung và các phát hiện chính từ các buổi tư vấn được trình bày trong Bảng 2.1-7. Từ các phát hiện này, JET đã đề xuất và đi tới thống nhất với phòng KKPL/Cục KSON về danh sách các chủ đề TB cần soạn thảo trong khuôn khổ Kết quả 1

Bảng 2.1-7 Các phát hiện chính từ chuỗi các buổi giới thiệu và tư vấn kỹ thuật

Chủ đề giới thiệu và tư vấn kỹ thuật	Các phát hiện chính
Hệ thống kiểm soát ô nhiễm không khí của Nhật Bản	
[Buổi 1] Hệ thống pháp lý về kiểm soát ô nhiễm tại Nhật Bản	- Hiểu được cơ chế hợp tác, phân công nhiệm vụ kiểm soát ô nhiễm không khí tại Nhật Bản i) giữa các Bộ ở cấp trung ương ii) giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương
[Buổi 2, Phần 1] Xây dựng kiểm kê khí thải các nguồn tĩnh tại Nhật Bản	- Thảo luận chuyên sâu về phương pháp ước tính lượng phát thải bằng cách sử dụng hệ số phát thải - Cách buộc các chủ nguồn ô nhiễm phải hợp tác - Tư vấn/ hướng dẫn xây dựng kiểm kê khí thải bằng phương pháp OJT (đào tạo qua công việc). Phía Việt Nam yêu cầu hỗ trợ các hoạt động xây dựng kiểm kê khí thải
[Buổi 2, Phần 2] Xây dựng kiểm kê khí thải các nguồn tĩnh, tập trung vào phương pháp ước tính lượng phát thải	- Hiểu biết về tuổi thọ của thiết bị, sự cần thiết phải chuẩn bị ngân sách cho việc vận hành, bảo trì các trạm quan trắc và thay thế thiết bị
Quan trắc môi trường và tiêu chuẩn chất lượng không khí	
[Buổi 3] Thông tư số 16/2009/ Vận hành và bảo trì các trạm quan trắc/ quản lý và diễn giải số liệu quan trắc [Buổi 4] Quyết định số 16/2007/ Tiêu chuẩn và tiêu chí phân bổ các trạm quan trắc chất lượng không khí tự động	- Chủ đề TB này chưa đem lại hiệu quả nhiều vì việc khó khăn về ngân sách lớn hơn rất nhiều so với khó khăn về mặt kỹ thuật để ra quyết định về việc phân bổ các trạm quan trắc - Tuy nhiên, các cán bộ đối tác hiểu được rằng tuổi thọ của thiết bị, các chương trình thay thế thiết bị và việc lập ngân

Chủ đề giới thiệu và tư vấn kỹ thuật	Các phát hiện chính
	sách là rất quan trọng để việc quan trắc môi trường không khí được thực hiện bền vững.
Tiêu chuẩn phát thải và quản lý nguồn tĩnh	
[Buổi 5] QCVN về tiêu chuẩn phát thải: Mối liên hệ giữa hệ số vùng (Kv) và chiều cao ống khói	<ul style="list-style-type: none"> - Các cán bộ đối tác có được kiến thức mới về vùng chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của ô nhiễm khí thải và chiều cao ống khói - Tuy nhiên, việc điều chỉnh hệ số Kv trong QCVN có thể đối lập với việc lựa chọn địa điểm các nhà máy nhiệt điện tại Việt Nam
[Buổi 6] Thông tư 25/2009 và thông tư mới đang được xây dựng về quan trắc khí thải / Đo đặc khí thải/ đo đặc bụi/ nồng độ ô xy tiêu chuẩn trong khí thải/ giới thiệu nồng độ ô xy tiêu chuẩn	<ul style="list-style-type: none"> - Các tài liệu cho nội dung này được tổng hợp và phản ánh vào thông tư mới của Tổng cục môi trường về kỹ thuật lấy mẫu isokinetic tại nguồn thải - Các kiến thức mới về tầm quan trọng của nồng độ ô xy dư trong khí thải ống khói
[Buổi 7] Các phương pháp tiếp cận mềm trong kiểm soát nguồn tĩnh. - Hệ thống cán bộ quản lý kiểm soát ô nhiễm - Thỏa thuận về kiểm soát ô nhiễm	<ul style="list-style-type: none"> - Những trở ngại trong quản lý đối tượng gây ô nhiễm không khí (nhà máy) - Khía cạnh thể chế của Hệ thống cán bộ kiểm soát ô nhiễm có vẻ phù hợp với điều kiện Việt Nam
[Buổi 8] Nghị định số 80/2006 và Thông tư 08/2009 - Kiểm soát và đo đặc hiệu quả và thực tiễn tại các nguồn tĩnh - Quan trắc khí thải tự động, liên tục tại các nguồn tĩnh (CEMS)	<ul style="list-style-type: none"> - Công tác kiểm soát quá trình đốt cháy rất khó khăn từ góc độ quản lý của TCMT - Cần thảo luận kỹ thêm về tính hiệu quả của việc kết hợp CEMS và thỏa thuận kiểm soát ô nhiễm

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

(3) Chủ đề và nội dung của các TB chính thức

Dựa vào kết quả của chuỗi tư vấn và giới thiệu kỹ thuật, cũng như dựa trên các phát hiện, các ý kiến đóng góp của các cán bộ tham dự chuỗi tư vấn, KKPL/Cục KSON và JET cùng nhận định chủ đề TB nào cần ưu tiên xây dựng trong khuôn khổ Kết quả 1 của Dự án. Và cuối cùng Cục KSON và JET đã chọn các chủ đề ưu tiên soạn thảo như trình bày tại Bảng 2.1-8 dựa trên các phân tích sau

- Mặc dù tiêu chuẩn phát thải các thông số ô nhiễm không khí đã được quy định tại các QCVNs, việc thực thi các tiêu chuẩn này lại chưa được hiệu quả như mong đợi của các cơ quan quản lý ở cấp trung ương và địa phương. Lý do là yêu cầu của QCVN chưa phù hợp với năng lực chuyên môn và năng lực quản lý của các cơ quan Vì thế cần hoàn thiện thêm các

QCVN quy định về khí thải công nghiệp tại các nguồn tĩnh để phục vụ hiệu quả công tác quản lý của các cơ quan có thẩm quyền.

- Các nội dung của TB được xây dựng, trình bày dưới dạng hướng dẫn kỹ thuật dành cho các nhà máy, cơ sở trong quá trình thực hiện đăng ký nguồn thải (Đăng ký, tổng hợp, lưu trữ, và đánh giá dữ liệu như thế nào cho hợp lý, v.v...) Tại Điều 64 Kiểm soát ô nhiễm không khí, Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi đã quy định: “Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguồn phát thải khí công nghiệp lớn phải đăng ký nguồn gây ô nhiễm, đo đạc, thống kê, kiểm kê và xây dựng cơ sở dữ liệu về lưu lượng, tính chất, đặc điểm khí thải.”. Ngoài ra, quy định về đăng ký nguồn thải tĩnh đã được bổ sung vào dự thảo Nghị định Quản lý chất thải và phế liệu. Tổng cục môi trường chịu trách nhiệm ban hành những quy định kỹ thuật này trong thời gian tới.
- Luật Bảo vệ môi trường 2014 tập trung quản lý các nguồn ô nhiễm tĩnh thông qua sự hợp tác giữa các cơ quan quản lý nhà nước và các chủ doanh nghiệp. Luật Bảo vệ môi trường cũng giới thiệu hệ thống quan trắc khí thải tự động liên tục (CEMS) là một trong những cách tiếp cận quản lý cần thiết để kiểm soát nguồn tĩnh. Cách tiếp cận này lần đầu được áp dụng tại Việt Nam nhằm kiểm soát ô nhiễm/ quản lý chất lượng không khí. Vì thế cần phải chuẩn bị kỹ khi đưa ra quy định cụ thể về CEMS, bao gồm cả việc xây dựng cơ chế hợp tác giữa các cơ quan quản lý nhà nước và các doanh nghiệp. Ngoài ra, cơ chế quản lý nguồn thải điểm tại các nhà máy thông qua Cán bộ Kiểm soát ô nhiễm cũng là một hướng đi hiệu quả trong Kiểm soát ô nhiễm không khí và Quản lý chất lượng không khí.

Bảng 2.1-8 Các chủ đề TB chính thức

Loại	Giải thích
(a) Tăng cường kỹ thuật cho các văn bản pháp luật hiện hành	<p>[Cải thiện các QCVN hiện hành]</p> <ul style="list-style-type: none"> ➢ Áp dụng nồng độ ô xy tiêu chuẩn trong khí thải. ➢ Điều chỉnh các tiêu chuẩn phát thải. QCVN 22/ 2009, 23/ 2009, 51/ 2013, 06/ 2009, và 20/ 2009. <p>→ thêm QCVN 19/2009, 30/2010, 34/2010, 02/2013</p>
(b) Tóm tắt chuyên đề về hệ thống đăng ký	<p>[Tóm tắt chuyên đề về hệ thống đăng ký nguồn điểm]</p> <ul style="list-style-type: none"> ➢ Giới thiệu về hệ thống đăng ký ➢ Cơ sở pháp lý về các hệ thống thông tin về khí thải ống khói ➢ Phương pháp thu thập thông tin từ các báo bắt buộc hiện có về khí thải ống khói
(c) Tóm tắt chuyên đề về kiểm soát hiệu quả các nguồn tĩnh	<p>[Tóm tắt chuyên đề về kiểm soát hiệu quả các nguồn tĩnh]</p> <ul style="list-style-type: none"> ➢ TB giới thiệu hệ thống CEMS dành cho các nguồn ô nhiễm lớn của một số ngành mục tiêu, kết hợp với cơ chế thỏa thuận về KSON, và hệ thống cán bộ KSON (PCM)

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

(4) Các TB được thực hiện trong khuôn khổ dự án

Tăng cường kỹ thuật cho các văn bản pháp luật hiện hành, Cải thiện một số QCVN hiện hành

Mục đích cải thiện các QCVN

Khí thải được thải ra từ các nhà máy phải tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) – Các quy chuẩn này quy định giới hạn tối đa của nồng độ khí thải tại cửa ra của ống khói nhà máy. QCVN được xây dựng, tiếp nối hệ thống TCVN (Tiêu chuẩn quốc gia) từ năm 2009 và có giá trị pháp lý cao hơn. Cơ sở để điều chỉnh và xác định nồng độ chất ô nhiễm trong khí thải ống khói của các nhà máy là các QCVN. Mặt khác, QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 06:2009/BTNMT có nội dung quy định khá tương đồng với các tiêu chuẩn môi trường của các nước phát triển, ý nghĩa của Tiêu chuẩn môi trường ở Việt Nam có giá trị pháp lý thấp hơn, khác với các quốc gia phát triển. TB này được xây dựng nhằm cung cấp những thông tin và khuyến nghị chuyên môn, phục vụ việc sửa đổi các QCVN liên quan tới quản lý nguồn điểm trong thời gian tới, và QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 06:2009/BTNMT liên quan tới các tiêu chuẩn môi trường.

Tóm tắt công tác cải thiện một số QCVN hiện hành

KKPL/Cục KSON và JET đã xây dựng các TB trên cơ sở nghiên cứu Luật Bảo vệ môi trường 2014 sửa đổi và các mục tiêu trên đây. Kết quả cải thiện các QCVN hiện hành được trình bày tại Phụ lục 14, với Mục lục như sau:

Mục lục Báo cáo Chuyên đề về cải thiện một số QCVN hiện hành

- 1. Góp ý cho các QCVN quy định về khí thải nhà máy**
 - 1.1 Các góp ý chung cho QCVN quy định về khí thải nhà máy
 - 1.1.1 Mục tiêu cần đạt được trong năm 2020
 - 1.1.2 Giới thiệu thêm về nồng độ ôxy tiêu chuẩn
 - 1.2 Góp ý cho từng QCVN về khí thải nhà máy
 - 1.2.1 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN/19/2009/BTNMT)
 - 1.2.2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với các chất hữu cơ (QCVN 20/2009/BTNMT)
 - 1.2.3 Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa chất (QCVN 21/2009/BTNMT)
 - 1.2.4 Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp nhiệt điện (QCVN 22/2009/BTNMT)
 - 1.2.5 Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp xi măng (QCVN 23/2009/BTNMT)
 - 1.2.6 Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp lò đốt rác (QCVN 30/2010/BTNMT)
 - 1.2.7 Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp của ngành lọc hóa dầu (QCVN 34/2010/BTNMT)
 - 1.2.8 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất thép (QCVN 51/2013/BTNMT)
 - 1.2.9 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp lò đốt

rác thải rắn y tế (QCVN 02/2013/BTNMT)

2. Đề xuất cho từng QCVN quy định về chất lượng không khí xung quanh

2.1 QCVN để thảo luận

2.1.1 Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (QCVN 05/2013/BTNMT)

2.1.2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh (QCVN 06/2009/BTNMT)

3. Tóm tắt khuyến nghị

3.1 Tóm tắt khuyến nghị

Phụ lục 1: Dự thảo sửa đổi các QCVN

Phụ lục 2: Nồng độ ôxy tiêu chuẩn và tiêu chuẩn khí thải theo loại ngành tại Nhật Bản

Báo cáo Chuyên đề về Hệ thống Đăng ký và Quản lý dữ liệu đối với nguồn thải tĩnh
Mục đích xây dựng TB về Hệ thống đăng ký

Các nội dung của TB này được chuẩn bị và trình bày dưới dạng hướng dẫn kỹ thuật dành cho các nhà máy, cơ sở để tiến hành đăng ký nguồn thải (Đăng ký, thu thập, lưu trữ và đánh giá dữ liệu như thế nào cho hợp lý, v.v...). Theo Điều 64 Kiểm soát ô nhiễm không khí, Phần 4 Bảo vệ Môi trường không khí, Chương VI Bảo vệ Môi trường nước, đất, và không khí, Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi, quy định: “Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguồn phát thải khí công nghiệp lớn phải đăng ký nguồn gây ô nhiễm, đo đạc, thống kê, kiểm kê và xây dựng cơ sở dữ liệu về lưu lượng, tính chất, đặc điểm khí thải.”. Ngoài ra, quy định về đăng ký nguồn thải tĩnh đã được bổ sung vào dự thảo Nghị định Quản lý chất thải và phế liệu. Tổng cục môi trường chịu trách nhiệm ban hành những quy định kỹ thuật này trong thời gian tới. Do đó, TB này nhằm giới thiệu về hệ thống đăng ký nguồn thải tại Nhật Bản, Cơ sở pháp lý của hệ thống thông tin về khí thải ống khói, phương pháp thu thập thông tin từ các báo cáo sẵn có theo quy định về công tác báo cáo phát thải hiện hành.

Tóm tắt nội dung TB về Hệ thống đăng ký

KKPL/Cục KSON và JET đã xây dựng các TB trên cơ sở nghiên cứu Luật Bảo vệ môi trường 2014 sửa đổi và các mục tiêu trên đây. TB về Hệ thống đăng ký được trình bày tại Phụ lục 15, với Mục lục như sau:

Mục lục của TB về Hệ thống đăng ký nguồn thải

- 1. Giới thiệu về Hệ thống đăng ký nguồn thải tại Nhật Bản**
 - 1.1 Văn bản pháp luật quy định về đăng ký nguồn thải của các cơ sở phát sinh khí thải tại Nhật Bản
 - 1.2 Hệ thống đăng ký liên quan tới QLCLKK tại Nhật Bản
- 2. Hệ thống báo cáo hiện hành và trong tương lai của các cơ sở phát sinh khí thải tại Việt Nam**
 - 2.1 Các thông tin sẵn có từ quá trình Đánh giá tác động môi

- trường tại Việt Nam
- 2.2 Thông tin thu thập được theo Các thông tư sẽ ban hành trong tương lai
- 3. Khuyến nghị các nội dung liên quan đến QLCLKK trong Đăng ký nguồn thải**
- 4. Quản lý dữ liệu trong Hệ thống đăng ký**
- 4.1 Sắp xếp dữ liệu của Hệ thống đăng ký
- 4.2 Tận dụng các dữ liệu tham khảo trong Quản lý dự liệu
- 5. Khuyến nghị**
-

Báo cáo chuyên đề về Kiểm soát hiệu quả các nguồn thải tĩnh

Mục đích của Báo cáo chuyên đề về Kiểm soát hiệu quả các nguồn thải tĩnh

TB này được xây dựng nhằm cung cấp các thông tin cơ bản và kỹ thuật về kiểm soát hiệu quả các nguồn thải tĩnh. TB gồm 3 phần: CEMS (hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục), PCA (Thỏa thuận Kiểm soát Ô nhiễm), và hệ thống PCM (Cán bộ Kiểm soát Ô nhiễm), từ góc độ quản lý chuyên môn, sử dụng các phương tiện và công cụ pháp lý nhằm kiểm soát các nguồn thải tĩnh.

Theo Điều 64 Kiểm soát ô nhiễm không khí, Phần 4 Bảo vệ Môi trường không khí, Chương VI Bảo vệ Môi trường nước, đất, và không khí, Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi, “Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguồn phát thải khí công nghiệp lưu lượng lớn phải lắp đặt thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục”. Thỏa thuận Kiểm soát ô nhiễm (PCA) đã giúp phát huy hiệu quả các chức năng của CEMS tại Nhật Bản được trình bày trong Phần B của TB này.

Ngoài ra, Điều 68 Bảo vệ môi trường cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, Chương VII Bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi, quy định “Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát sinh lượng chất thải lớn, nguy cơ ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường phải có i) bộ phận chuyên môn hoặc nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường; và ii) phải được xác nhận hệ thống quản lý môi trường theo quy định của Chính phủ”. Ý tưởng về hệ thống PCM của Nhật Bản có thể đóng góp vào việc thực hiện kiểm soát ô nhiễm từ các ngành công nghiệp.

-CEM: “Hệ thống Quan trắc khí thải tự động liên tục (CEMS)” đóng vai trò quan trọng trong công tác kiểm soát ô nhiễm không khí. Cụ thể hơn, CEMS cung cấp thông tin đo đạc thực tế về nồng độ khí thải của nguồn thải lớn và giúp đánh giá nồng độ khí thải ống khói có đạt các tiêu chuẩn phát thải hay không. Hệ thống này cũng được sử dụng để hỗ trợ hoạt động của các hệ thống xử lý khí thải trong nhà máy, như: Hệ thống khử lưu huỳnh trong khói thải (FGD), Hệ thống khử nitơ (De-NOx) và hệ thống thu bụi.

- PCA: “Thỏa thuận Kiểm soát Ô nhiễm (PCA)” được ký kết giữa cơ quan quản lý môi trường tại địa phương và nhà máy. Những thỏa thuận này được thiết kế nhằm thực hiện các biện pháp ngăn chặn vấn đề môi trường tại địa phương; những biện pháp này do chính quyền địa phương xây dựng và đề xuất. Các doanh nghiệp tham gia ký kết Thỏa thuận này đồng ý tuân thủ các tiêu chuẩn đặc biệt liên quan tới hoạt động sản xuất và ứng dụng công nghệ, bao gồm CEMS và hoạt động quản lý. Những tiêu chuẩn này do cơ quan quản lý môi trường tại địa phương xây dựng PCA là một công cụ giao tiếp hữu ích giữa doanh nghiệp và chính quyền địa phương.
- PCM: “Hệ thống cán bộ kiểm soát ô nhiễm (PCM)” nhằm mục đích thúc đẩy việc xây dựng hệ thống kiểm soát ô nhiễm tại các cơ sở bắt buộc phải thành lập phòng/ban kiểm soát ô nhiễm. Cán bộ kiểm soát ô nhiễm trong hệ thống kiểm soát ô nhiễm phải có trình độ chuyên môn, bằng cấp cấp quốc gia.

Tóm tắt nội dung TB về Kiểm soát hiệu quả các nguồn thải tĩnh

KKPL/Cục KSON và JET đã xây dựng các TB trên cơ sở nghiên cứu Luật Bảo vệ môi trường 2014 sửa đổi và các mục tiêu trên đây. TB về Kiểm soát hiệu quả các nguồn thải tĩnh được trình bày tại Phụ lục 16, với Mục lục như sau:

Mục lục Báo cáo chuyên đề về Kiểm soát hiệu quả các nguồn thải tĩnh

Phần A: Hệ thống Quan trắc khí thải tự động liên tục (CEMS) cho các nguồn thải lớn của một số ngành công nghiệp

- A-1 Sự cần thiết và tầm quan trọng của việc lắp đặt CEMS
- A-1.1 Các quy định liên quan đến CEMS tại Nhật Bản
- A-1.2 Ứng dụng của CEMS tại Nhật Bản
- A-1.3 Các quy định liên quan tới CEMS tại Việt Nam
- A-2 Hướng dẫn kỹ thuật chung của CEMS
- A-2.1 Các bộ phận của CEM cho khí thải
- A-2.2 Các bộ phận của CEMS dành cho bụi
- A-2.3 Các loại máy phân tích quan trắc khí thải liên tục
- A-2.4 Hệ thống tiếp nhận và tự động lưu trữ thông tin
- A-3 Các ví dụ về công tác áp dụng CEMS tại Việt Nam
- A-3.1 Nhà máy sản xuất xi măng
- A-3.2 Nhà máy nhiệt điện
- A-3.3 Công nghiệp sản xuất thép
- A-4 Công tác Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Hệ thống CEM
- A-4.1 Lựa chọn máy phân tích khí thải ống khói
- A-4.2 Tính an toàn của điều kiện và địa điểm làm việc
- A-4.3 Chi phí đầu tư ban đầu của CEMS
- A-4.4 Hoạt động của CEMS
- A-4.5 Bảo dưỡng CEMS

Phần B: Giới thiệu về Thỏa thuận Kiểm soát Ô nhiễm tại Nhật Bản và các khuyến nghị cho Việt Nam

- B-1 Giới thiệu về Thỏa thuận Kiểm soát Ô nhiễm tại Nhật Bản
- B-1.1 Cơ sở
- B-1.2 Các bên tham gia vào PCA
- B-1.3 Phạm vi của PCA
- B-1.4 Các đặc điểm của PCAs tại Nhật Bản
- B-1.5 Các ưu điểm và nhược điểm của PCA
- B-2 Bài học từ Câu chuyện của Thỏa thuận KSON của Nhật Bản, Các điều kiện cần thiết để áp dụng Thỏa thuận KSON
- B-2.1 Nhu cầu cần có PCA
- B-2.2 Xây dựng PCA
- B-2.3 Thực thi PCA
- B-3 Điều kiện thực tế của Việt Nam hiện nay đối với các vấn đề liên quan
- B-3.1 Các vấn đề môi trường trong điều kiện thực tế của Việt Nam
- B-3.2 Khuyến nghị các chiến lược nhằm áp dụng hệ thống PCM vào điều kiện Việt Nam

Phần C: Hệ thống cán bộ kiểm soát ô nhiễm tại Nhật Bản và những ví dụ tham khảo cho Việt Nam

- C-1 Giới thiệu về hệ thống cán bộ kiểm soát ô nhiễm ở Nhật Bản
- C-1.1 Kinh nghiệm của Nhật Bản về ô nhiễm môi trường
- C-1.2 Kỳ họp về ô nhiễm của Quốc hội vào tháng 11, kỳ họp số 64 (1970)
- C-2 Những hạn chế về cách tiếp cận pháp lý và sự ra đời của “Luật về cải thiện các hệ thống phòng ngừa ô nhiễm cho một số nhà máy” tại Nhật Bản
- C-2.1 Các yếu tố cần thiết và đầu tư cho kiểm soát ô nhiễm
- C-2.2 Hạn chế về tiếp cận pháp lý và đột phá về kiểm soát ô nhiễm
- C-2.3 Xây dựng Luật về cải thiện hệ thống phòng ngừa ô nhiễm tại một số cơ sở đặc thù
- C-3 Hệ thống PCM và thẩm quyền thực hiện hệ thống PCM ở Nhật Bản
- C-3.1 Khái niệm về hệ thống PCM tại các cơ sở cụ thể
- C-3.2 Cơ chế cấp phép cho hoạt động hệ thống PCM
- C-3.3 Các nhiệm vụ của bộ phận kiểm soát ô nhiễm
- C-3.4 Tác dụng của hệ thống PCM
- C-4 Các quy định liên quan đến hệ thống PCM ở Việt Nam
- C-4.1 Luật BVMT cũ và các quy định hiện hành
- C-4.2 Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi
- C-5 Những nội dung cơ bản để xây dựng Hệ thống PCM ở Việt Nam
- C-5.1 Các công việc về pháp lý cần nghiên cứu
- C-5.2 Xác định các công ty/ nhà máy mục tiêu
- C-5.3 Vai trò và nhiệm vụ của các tổ chức kiểm soát ô nhiễm
- C-5.4 Trình độ chuyên môn (Kỳ thi sát hạch/Đào tạo/ Tài liệu chuẩn)
- C-5.5 Cơ cấu quản lý để xây dựng hệ thống

2.2 Kết quả 2: Lộ trình xây dựng Quy hoạch Quản lý chất lượng không khí tại thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh

2.2.1 Các kết quả và phát hiện chính từ đợt Khảo sát các hoạt động quản lý chất lượng không khí tại thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh

(1) Nghiên cứu hiện trạng quản lý chất lượng không khí tại thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh

Thảo luận với Sở Tài nguyên môi trường (Sở TNMT) thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh

KKPL/Cục KSON và JET đã tiến hành một số buổi họp với Sở TNMT thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh để thảo luận các vấn đề về quản lý chất lượng không khí và xây dựng lộ trình các hoạt động quản lý chất lượng không khí. Do lộ trình phải phù hợp với điều kiện cụ thể của từng thành phố, nên khi xây dựng lộ trình, phải thu thập được số liệu từ các Sở khác nhau, ví dụ như số liệu từ Sở Giao thông vận tải (DOT) là Sở chịu trách nhiệm quản lý các nguồn ô nhiễm di động (quản lý khí thải phương tiện giao thông), từ Sở Công thương (DOIT) chịu trách nhiệm kiểm soát nguồn (ô nhiễm) tĩnh từ ngành công nghiệp và các cơ quan khác nữa. Để xây dựng lộ trình, cần có sự hợp tác, phối hợp và phân công nhiệm vụ giữa các Sở TNMT và các cơ quan khác như DOT và DOIT. Điều này cho thấy, tầm quan trọng của việc hợp tác giữa Sở TNMT và các Sở khác.

Khảo sát các hoạt động quản lý chất lượng không khí hiện nay tại thành phố Hà Nội và HCM

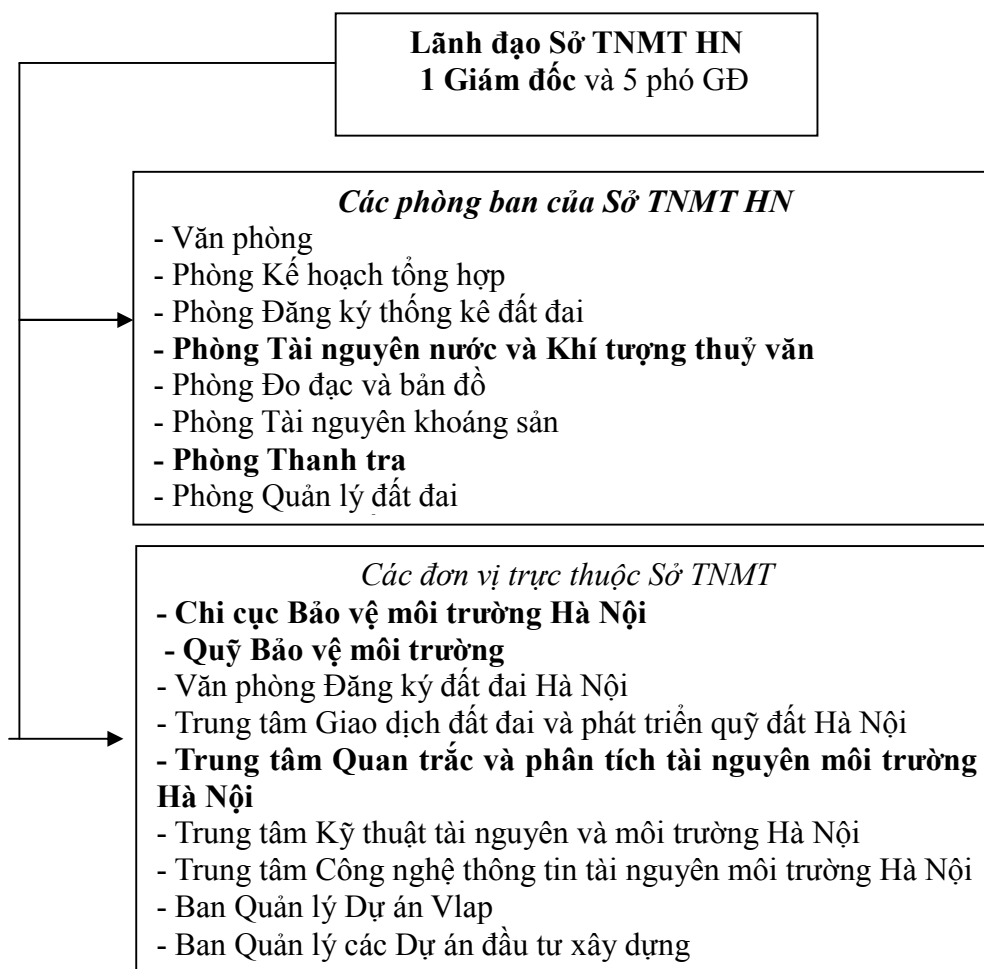
Các hoạt động khảo sát quản lý chất lượng không khí hiện nay tại thành phố Hà Nội và HCM được thực hiện bởi Dự án. Nhằm xây dựng một lộ trình quản lý chất lượng không khí hiệu quả, đơn vị tư vấn đã tiến hành khảo sát cả Sở TNMT và các cơ quan khác có liên quan đến công tác quản lý chất lượng không khí như DOT, DOIT... Những nét chính của công tác khảo sát được trình bày tại Chương 4, Điều khoản tham chiếu (TOR) của công tác khảo sát được đính kèm tại Phụ lục 8.

(2) Các kết quả và các phát hiện chính từ Khảo sát các hoạt động quản lý chất lượng không khí tại thành phố Hà Nội

Tổng quan về cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội (Sở TNMT Hà Nội) liên quan đến quản lý chất lượng không khí

Sơ đồ tổ chức của Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội được trình bày tại Hình 2.2-1. Chức năng, cơ cấu tổ chức và nhân sự của Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội được quy định trong Quyết định số 36/2010/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân (UBND) thành phố Hà Nội ban hành ngày 16 tháng 8 năm 2010 theo đó, Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội là cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND thành phố, đồng thời theo sự chỉ đạo của Bộ TNMT. Chức năng và nhiệm vụ của Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội là tham mưu, giúp UBND thành phố thực hiện quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên thiên nhiên và môi trường, bao gồm cả đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, địa

chất, môi trường, khí tượng thủy văn, đo đạc bản đồ; thực hiện các dịch vụ công trong các lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Sở. Trong các phòng ban thuộc Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội, Chi cục Bảo vệ Môi trường Hà Nội (Hanoi EPA), Phòng Thanh tra, Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng Thủy văn và Trung tâm Quan trắc Môi trường là các đơn vị có nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến quản lý chất lượng không khí (xem Bảng 2.2-1). Đặc biệt, Chi cục Bảo vệ Môi trường Hà Nội có vai trò quan trọng trong công tác kiểm soát ô nhiễm không khí. Thông tin cơ bản về Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội thu thập được từ cuộc khảo sát phỏng vấn do đơn vị tư vấn thực hiện được thể hiện tại Bảng 2.2-2 và sơ đồ tổ chức của Chi cục Bảo vệ Môi trường Hà Nội được thể hiện trong Hình 2.2-2.



Ghi chú: Các cơ quan được in đậm là các cơ quan có hoạt động liên quan đối quản lý chất lượng không khí

Nguồn: Kết quả khảo sát của Dự án (Tháng 8/2014), theo trang web của Sở TNMT Hà Nội

Hình 2.2-1 Sơ đồ tổ chức của Sở Tài nguyên Môi trường Hà Nội

Bảng 2.2-1 Chức năng và Cơ chế hợp tác của các cơ quan trực thuộc sở TNMT trong Công tác quản lý chất lượng không khí tại Hà Nội

<p>Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội (EPA)</p>	<p><u>Chức năng</u>¹⁹ (Xem thêm Bảng Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA Bảng 2.2-2):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu, giúp Giám đốc sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội và UBND thành phố Hà Nội thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về lĩnh vực bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố - Chủ trì hoặc tham gia các dự án hợp tác trong nước và quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo phân công của Giám đốc sở TNMT <p><u>Cơ chế hợp tác với các cơ quan liên quan:</u>²⁰</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi cục BVMT Hà Nội chịu sự lãnh đạo và điều hành toàn diện của Giám đốc sở Tài nguyên và môi trường đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra chuyên môn nghiệp vụ thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường của Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường - EPA làm đầu mối phối hợp hoặc tham gia với các cơ quan có liên quan trong việc giải quyết các vấn đề môi trường liên ngành, liên tỉnh bao gồm vấn đề ô nhiễm không khí - EPA làm việc với dân cư, cộng đồng nhằm tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường theo phân công của Giám đốc sở TNMT.
<p>Thanh tra Sở²¹</p>	<p><u>Chức năng:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giúp Giám đốc Sở TNMT Hà Nội thực hiện chức năng thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành về môi trường. <p><u>Cơ chế hợp tác với các cơ quan liên quan:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thanh tra Sở làm việc chặt chẽ với các đơn vị, cán bộ liên quan thuộc sở TNMT Hà Nội nhằm kiểm tra, đảm bảo sự tuân thủ các chính sách, pháp luật, hướng dẫn trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường - Thanh tra Sở phối hợp cùng Văn phòng Sở tổ chức các cuộc họp với cơ quan, cá nhân liên quan, giao thiệp với công dân, tổ chức, công đồng dân cư nhằm tiếp nhận, giải quyết các khiếu nại, tố cáo và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ của Thanh tra
<p>Quỹ Bảo vệ môi trường (EPF)</p>	<p><u>Chức năng:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính khác nhằm cung cấp các khoản vay, hỗ trợ tài chính cho các chương trình, dự án, hoạt động phòng ngừa, phục hồi ô nhiễm, sự cố và suy thoái môi trường trong phạm vi thành phố - Huy động, thu hút và thực hiện các hoạt động huy động vốn cho các dự án, hoạt động, nhiệm vụ liên quan tới công tác bảo vệ môi trường tại thành phố <p><u>Cơ chế hợp tác với các cơ quan liên quan:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - EPF làm việc, phối hợp chặt chẽ, trực tiếp với các tổ chức tài chính

¹⁹ Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 18 tháng 09 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội Về việc thành lập Chi cục Bảo vệ môi trường Hà nội thuộc sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội

²⁰ Quyết định số 123/QĐ-STNMT ngày 06 tháng 11 năm 2008 của Giám đốc sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy chế làm việc của Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội

²¹ Quyết định số 358/QĐ-STNMT ngày 21 tháng 08 năm 2009 Về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ và biên chế của Thanh tra Sở .

	<p>trong và ngoài nước trong huy động và phân bổ vốn cho hoạt động bảo vệ môi trường, kiểm soát ô nhiễm, v.v...</p> <ul style="list-style-type: none"> - EPF cung cấp các khoản vay cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện các chương trình, dự án phù hợp với yêu cầu và chức năng của EPF
<p>Trung tâm Quan trắc và Phân tích Tài nguyên môi trường Hà Nội (CENMA)²²</p>	<p>Chức năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giúp Giám đốc sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội nghiên cứu, tổ chức xây dựng mạng lưới quan trắc tài nguyên, môi trường, bao gồm mạng lưới quan trắc chất lượng không khí - Tổ chức lập phương án và thực hiện các hoạt động, các chương trình quan trắc tài nguyên, môi trường - Xây dựng cơ sở dữ liệu về quan trắc tài nguyên, môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội <p>Cơ chế hợp tác với các cơ quan liên quan:</p> <ul style="list-style-type: none"> - CENMA hợp tác chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước, các phòng, ban, đơn vị khác trực thuộc sở TNMT và các tổ chức, cá nhân liên quan trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ. - CEMA quan tâm đặc biệt tới việc hình thành mạng lưới tình nguyện viên và hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ - CENMA hợp tác với các nhà tài trợ nước ngoài triển khai các chương trình đầu tư, hỗ trợ liên quan tới quan trắc và phân tích môi trường và tài nguyên thiên nhiên, theo sự chỉ đạo của UBND thành phố và Giám đốc Sở

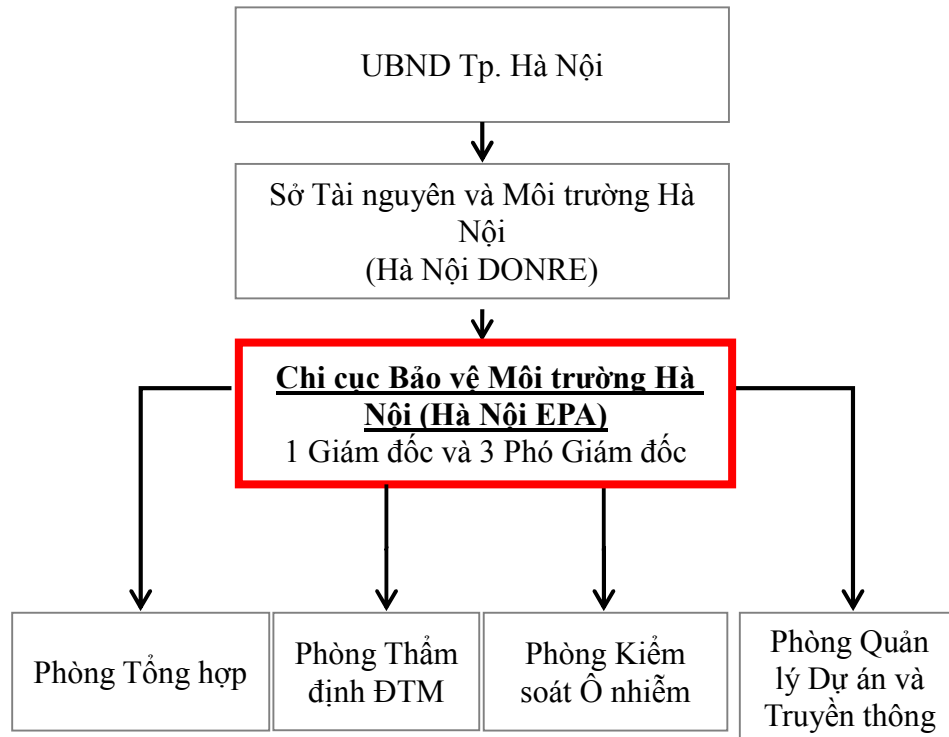
Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Bảng 2.2-2 Các thông tin về tổ chức của Chi cục Bảo vệ Môi trường Hà Nội

Mục	Thông tin về tổ chức của Chi cục BMVT Hà Nội
Chức năng và Nhiệm vụ (Xem Bảng 2.2-1)	<ol style="list-style-type: none"> 1) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường 2) Kiểm soát ô nhiễm 3) Thẩm định báo cáo ĐTM 4) Quản lý dự án và truyền thông
Nhân sự	<p>Tổng số: 54 người (50 cán bộ + 4 lãnh đạo)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phòng Tổng hợp: 15 người, - Phòng thẩm định và ĐTM: 9 người, - Phòng Kiểm soát ô nhiễm: 16 người, - Phòng Quản lý dự án và Truyền thông: 10 người.
Ngân sách	Xem Bảng 2.2-3
Cơ cấu tổ chức	Xem Hình 2.2-2

Nguồn: Kết quả khảo sát của Dự án (Tháng 8/2014)

²² Quyết định số 125/QĐ-STNMT ngày 06 tháng 11 năm 2008 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Ban hành quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, biên chế và mối quan hệ công tác của Trung tâm Quan trắc và Phân tích tài nguyên môi trường Hà Nội trực thuộc sở TNMT thành phố Hà Nội



Nguồn: Kết quả khảo sát của Dự án (Tháng 8/2014)

Hình 2.2-2 Sơ đồ tổ chức Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội

Theo Báo cáo hiện trạng môi trường năm 2012, kinh phí sự nghiệp môi trường được bố trí tăng dần cho Chi cục BVMT Môi trường theo dự toán đề xuất đã tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị hoàn thành các nhiệm vụ được giao và nhiều hoạt động bảo vệ môi trường tại địa phương. Tuy nhiên, với vai trò là cơ quan tham mưu giúp việc cho Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội thực hiện chức năng tham mưu cho UBND Thành phố về công tác quản lý nhà nước môi trường trên địa bàn Thành phố, thì việc bố trí kinh phí SNMT cho các hoạt động nghiệp vụ môi trường chiếm tỷ trọng quá thấp (mới đạt 2.56%), xem Bảng 2.2-3

Bảng 2.2-3 Tổng chi sự nghiệp môi trường của Chi cục Bảo vệ Môi trường Hà Nội

Năm	Tổng chi sự nghiệp môi trường của Chi cục BVMT Hà Nội (thực chi)	
	Tổng chi (triệu đồng)	Tỷ lệ % so với Tổng chi kinh phí sự nghiệp môi trường của thành phố
2010	10,134.290	2.14 %
2011	17,418.607	2.77 %
2012	19,726.975	2.78 %
Tổng	47,279.872	2.56%

Nguồn: Kết quả khảo sát của Dự án (Tháng 8/2014) Tổng hợp của Chi cục BVMT Hà Nội giai đoạn 2010-2012, Báo cáo hiện trạng môi trường 2012

Chính sách, kế hoạch, chương trình liên quan đến quản lý chất lượng không khí tại thành phố Hà Nội

Một số chính sách, kế hoạch, chương trình liên quan đến quản lý môi trường, bao gồm quản lý chất lượng không khí và kiểm soát ô nhiễm được tóm tắt sau đây:

- i. Kế hoạch số 75/KH-UBND về quản lý ô nhiễm môi trường công nghiệp của Thành phố đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020: Đây mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về quản lý ô nhiễm công nghiệp. Ngoài ra, thành phố Hà Nội có kế hoạch phát triển hệ thống quản lý kiểm soát ô nhiễm môi trường.
- ii. Quyết định số 8044/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 về việc phê duyệt Đề án các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp BVMT thành phố Hà Nội đến năm 2020: Việc thực hiện quyết định này là rất cần thiết nhằm i) tổng hợp và đồng bộ các giải pháp bảo vệ môi trường trong các quy hoạch đã được phê duyệt, và ii) phòng ngừa sớm các vấn đề ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Các nhiệm vụ kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí do bụi phát sinh từ các hoạt động xây dựng và giao thông cũng được trình bày tại Quyết định này. Để giải quyết ô nhiễm không khí tại Hà Nội, Quyết định cũng quy định về mạng lưới quan trắc chất lượng không khí của Hà Nội, tuân thủ nội dung Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2012 của UBND thành phố Hà Nội về “Phê duyệt mạng lưới trạm giám sát chất lượng không khí cố định đến năm 2020”
- iii. Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của thành phố Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030:
 - Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân thời kỳ 2011 - 2015 đạt 12 - 13%/năm, thời kỳ 2016 - 2020 đạt khoảng 11 - 12% và thời kỳ 2021 - 2030 đạt khoảng 9,5 - 10%.
 - Đây mạnh, phát triển và gắn kết giữa phát triển kinh tế xã hội với sử dụng tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường sinh thái. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.
 - Xây dựng và phát triển Hà Nội i) giàu đẹp, văn minh, hiện đại, tiêu biểu cho cả nước, và ii) thực hiện chức năng là trung tâm chính trị, văn hóa, khoa học, công nghệ, giao thương và kinh tế lớn của cả nước.
 - Xây dựng thành phố Hà Nội xanh, sạch, đẹp, văn minh. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng đô thị được cải tạo và xây dựng đồng bộ, hiện đại, cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng, phấn đấu đến giai đoạn 2015 - 2020 đưa vào vận hành ít nhất 2 tuyến đường sắt đô thị; đến năm

2020 vận tải hành khách công cộng đáp ứng 35 - 45% nhu cầu đi lại của nhân dân.

iv. Các văn bản khác:

- Kế hoạch số 150/KH-UBND của UBND thành phố Hà Nội về triển khai thực hiện kế hoạch số 95-KH/TU ngày 26/7/2013 của Thành ủy Hà Nội về việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ Bảy Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường
- Kế hoạch số 86/KH-UBND truyền thông quản lý ô nhiễm môi trường công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2015
- Quyết định số 55/2009/QĐ-UBND ngày 17/03/2009 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình tại thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 249/2005/QĐ-TTg quy định về lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ
- Quyết định số 02/2005/QĐ_UB ngày 10/1/2005 "Quy định về việc thực hiện các biện pháp làm giảm bụi trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn Thành phố Hà Nội"

Chức năng của các sở, ban, ngành khác liên quan đến Quản lý chất lượng không khí

Hiện nay nhiều sở, ban, ngành trực thuộc UBND thành phố Hà Nội có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến quản lý chất lượng không khí

- i) Mặc dù không có phòng, ban cụ thể chịu trách nhiệm về QLCKK, Sở Giao thông vận tải (Sở GTVT) thực hiện các hoạt động quản lý hành chính có liên quan, đóng góp vào công tác kiểm soát ô nhiễm không khí, đặc biệt trong lĩnh vực giao thông, bao gồm xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông. Phòng quản lý giao thông đô thị trực thuộc sở GTVT thực hiện nhiệm vụ kiểm soát ô nhiễm không khí một cách gián tiếp, thông qua quản lý giao thông. Trung tâm đăng kiểm xe cơ sở cũng tiến hành kiểm tra khí thải của các phương tiện đăng ký theo các tiêu chuẩn khí thải.
- ii) Phòng Kỹ thuật an toàn và Môi trường (sở Công thương) có nhiệm vụ quản lý công tác bảo vệ môi trường trong lĩnh vực công nghiệp nói chung, bao gồm kiểm soát ô nhiễm khí thải công nghiệp, mặc dù QLCKK không được quy định rõ trong chức năng, nhiệm vụ của phòng này.
- iii) Hiện nay, phòng/đơn vị trực thuộc nhiều sở, ban, ngành khác cũng có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến QLCKK trong lĩnh vực, thẩm quyền quản lý của từng ngành, ví dụ như: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng, Công an tỉnh, v.v...

Cơ sở, trang thiết bị phục vụ công tác Quản lý chất lượng không khí

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chỉ có một số cơ sở, trang thiết bị phục vụ quản lý chất lượng không khí.

Bảng 2.2-4 Các cơ sở, trang thiết bị phục vụ quản lý chất lượng không khí thuộc các Sở tại thành phố Hà Nội

Sở	Cơ sở, trang thiết bị phục vụ quản lý chất lượng không khí
Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội(CENMA /Hà Nội EPA)	2 trạm quan trắc tự động (cả hai trạm đều bắt đầu hoạt động từ năm 2013) do đã quá thời hạn vận hành và không có ngân sách/thay mới thiết bị) 1. Trạm quan trắc chất lượng không khí Nam Thăng Long 2. Trạm quan trắc chất lượng không khí Thượng Đình Các thông số đo đạc : PM10, SO ₂ , NO ₂ , NO _x , NO, CO, O ₃ Phòng phân tích Đo khí thải ống khói nhà máy, khu công nghiệp, hoặc trên các tuyến đường theo yêu cầu
Sở CT	Không có trạm quan trắc và phòng thí nghiệm về quản lý chất lượng không khí
Sở GTVT	Không có trạm quan trắc và phòng thí nghiệm về quản lý chất lượng không khí Trạm đăng kiểm xe cơ giới 33-01S – Hà Nội, tại quận Hà Đông
Các Sở khác	Sở KH&CN có Trung tâm nghiên cứu, chuyên giao công nghệ và phân tích có phòng thí nghiệm và thiết bị phân tích, đánh giá chất lượng không khí, khí thải, ô nhiễm không khí như QCVN 05:2013, QCVN 06:2009 bao gồm cả những thông số phát thải tại nguồn

Nguồn: Kết quả khảo sát của Dự án (Tháng 8/2014), tóm tắt bởi JET

Hợp tác với các Bộ ở cấp trung ương, với các Sở khác trực thuộc UBND thành phố Hà Nội về quản lý chất lượng không khí

Xét từ góc độ quản lý chất lượng không khí và kiểm soát ô nhiễm không khí, việc hợp tác với các cơ quan khác là rất quan trọng. Bảng 2.2-5 cho thấy mối liên hệ cần thiết giữa các Sở và các Bộ ở cấp trung ương.

Bảng 2.2-5 Tóm tắt sự hợp tác trong quản lý chất lượng không khí giữa các Bộ ở cấp trung ương và các Sở thuộc UBND thành phố Hà Nội

Sở	Các cơ quan cần hợp tác	Tóm tắt việc hợp tác
Sở TNMT	Các Bộ ở cấp trung ương	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp tác với các Bộ trong lĩnh vực quản lý chất lượng không khí, bao gồm các chương trình quản lý môi trường thống nhất, như phòng chống biến đổi khí hậu - Tham gia điều phối các cuộc họp với bộ, ban, ngành liên quan như Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công thương - Hợp tác trong các nghiên cứu, chương trình, đề án về quản lý chất lượng không khí với Cục KSON, Tổng cục môi trường/Bộ Tài nguyên và môi trường - Hợp tác với Tổng cục môi trường/Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Phòng tài nguyên môi trường quận, huyện trong tổ chức Ngày môi trường thế giới tại thành phố

Sở	Các cơ quan cần hợp tác	Tóm tắt việc hợp tác
		<ul style="list-style-type: none"> - Hợp tác với Tổng cục môi trường / Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổ chức các đoàn thanh tra để quan trắc chất lượng không khí và kiểm tra các nhà máy - Quản lý các dự án về quản lý chất lượng không khí như Dự án Giao thông đô thị do Ngân hàng thế giới tài trợ, phối hợp cùng Bộ Giao thông Vận tải (MOT) - Các dự án đầu tư vào lò đốt chất thải công nghiệp do NEDO tài trợ, được triển khai tại bãi rác Nam Sơn, có sự tham gia của Bộ Tài nguyên và môi trường. - Hợp tác với Bộ Tài nguyên và môi trường để đóng góp ý kiến cho các thông tư, quy định, báo cáo quốc gia về chất lượng không khí
	Các Sở khác thuộc UBND thành phố Hà Nội	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp tác trong các chương trình thanh tra quan trắc chất lượng không khí và thanh tra các nhà máy với Sở Công thương, Sở Xây dựng. - Hợp tác với Sở Giao thông vận tải để quan trắc chất lượng không khí các dự án giao thông tại Hà Nội - Hợp tác tổ chức Ngày môi trường thế giới với Sở Công thương, Sở Giao thông vận tải, Phòng Tài nguyên môi trường quận, huyện tại Hà Nội - Hợp tác với các đơn vị khác để giải quyết các vấn đề về thiệt hại môi trường
Sở Công thương	Các Bộ ở cấp trung ương	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp tác với Bộ Công thương để triển khai chương trình tiết kiệm năng lượng và tăng trưởng xanh trong các hoạt động công nghiệp, sinh hoạt, v.v... có liên quan trực tiếp tới công tác quản lý ô nhiễm không khí, góp phần giảm khí thải
	Các Sở khác trực thuộc UBND thành phố Hà Nội	<ul style="list-style-type: none"> - Điều phối các cuộc họp với Sở Tài nguyên và môi trường, cùng tổ chức Ngày môi trường thế giới, chương trình thanh tra hàng năm ...
Sở Giao thông vận tải	Các Bộ ở cấp trung ương	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp tác với Bộ giao thông vận tải về quản lý chất lượng không khí như tham gia các buổi họp, nghiên cứu giảm thiểu ách tắc giao thông tại thành phố Hà Nội - Hợp tác với Bộ giao thông vận tải trong lập quy hoạch và phát triển hạ tầng đường bộ như lập kế hoạch và xây dựng hệ thống đường cao tốc, nút giao thông, góp phần giảm tắc nghẽn giao thông, giảm lượng khí thải. - Tổ chức Ngày môi trường thế giới, chương trình thanh tra hàng năm
	Các Sở khác trực thuộc UBND thành phố Hà Nội	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp tác với các Sở khác để giáo dục, tuyên truyền và công bố thông tin về các quy tắc, quy định về giao thông tại Hà Nội - Hợp tác với Sở Tài nguyên và môi trường về quản lý chất lượng không khí như tham gia các buổi họp,

Sở	Các cơ quan cần hợp tác	Tóm tắt việc hợp tác
		nghiên cứu về giảm tình trạng tắc nghẽn giao thông tại Hà Nội, tổ chức Ngày môi trường thế giới, các chương trình thanh tra, và trong thực hiện Dự án Giao thông đô thị do Ngân hàng thế giới tài trợ
Các Sở khác	Các Bộ ở cấp trung ương	<Sở Xây dựng> - Điều phối các buổi họp và nghiên cứu khoa học về sản xuất và ứng dụng các vật liệu xây dựng mới với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Xây dựng. <Sở Khoa học và Công nghệ> - Điều phối các buổi họp và nghiên cứu khoa học, tổ chức Ngày môi trường thế giới, chương trình thanh tra, v.v...
	Các Sở khác trực thuộc UBND thành phố Hà Nội	< Sở Khoa học và Công nghệ > - Phối hợp với Sở TNMT và Sở Xây dựng trong việc nghiên cứu các công nghệ mới và quy định về tiêu chuẩn. - Phổ biến thông tin về các công nghệ mới, v.v... <Sở Xây dựng> - Điều phối các cuộc họp và nghiên cứu khoa học về sản xuất và áp dụng các vật liệu xây dựng mới với Sở Khoa học và công nghệ, Sở Tài nguyên và môi trường

Nguồn: Kết quả khảo sát của Dự án (Tháng 8/2014), tóm tắt bởi JET

Thông tin về các nguồn ô nhiễm tĩnh tại thành phố Hà Nội và các tỉnh lân cận
 Khu vực Hà Nội

Danh sách và thông tin cụ thể về các nhà máy sản xuất xi măng và phân bón hóa học tại Hà Nội được trình bày tại Bảng 2.2-6. Hà Nội không có nhà máy sản xuất thép hoặc nhà máy nhiệt điện.

Bảng 2.2-6 Danh sách nhà máy sản xuất xi măng, phân bón hóa học tại Hà Nội

TT	Tên nhà máy	Sản phẩm chính	Địa điểm
I	Sản xuất phân bón hóa học		
1	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Phân Bón Bảo Lâm	Sản Xuất Phân Bón Và Các Hợp Chất Nitơ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội
2	Công ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại và Dịch Vụ Tân Trường Sinh	Sản Xuất Phân Bón Và Các Hợp Chất Nitơ	Xóm Đồng
3	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thương Mại Hương Tùng	Sản Xuất Phân Bón Và Hợp Chất Ni Tơ	Thôn Đặng Xá
4	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sản Xuất và Thương Mại Cánh Đồng Vàng	Sản Xuất Phân Bón	Ngõ 3 Cầu Bươu

TT	Tên nhà máy	Sản phẩm chính	Địa điểm
5	Công ty Cổ Phần Bảo Vệ Thực Vật Đa Quốc Gia	Sản Xuất Phân Bón Lá	An Lạc
6	Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển	300.000 tấn phân lân nung chảy và 150.000 tấn phân NPK/năm	Đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
II	Sản xuất xi măng		
1	Công ty cổ phần Xi Măng Giấy Văn Miếu Sơn Tây	Sản Xuất Xi Măng	Phố Hàng, phường Phú Thịnh, Sơn Tây
2	Công ty cổ phần Bê tông và xây dựng Vinaconex	Sản Xuất Xi Măng 100.000 tấn/năm	H. Chương Mỹ - TP. Hà Nội
3	Nam Sơn	Sản Xuất Xi Măng 350.000 tấn/năm	H. Chương Mỹ - TP. Hà Nội
4	Công ty cổ phần Xi măng Tiên Sơn – Hà Tây	400 tấn clinker/ngày	Hồng Quang - Ứng Hòa- Hà Nội

Nguồn: Kết quả khảo sát của Dự án (Tháng 8/2014)

Các tỉnh tiếp giáp Hà Nội (trong phạm vi 30 km từ ranh giới Hà Nội)

Thành phố Hà Nội tiếp giáp với 8 tỉnh: Thái Nguyên ở phía Bắc; Bắc Giang - phía Đông Bắc; Bắc Ninh, Hưng Yên - phía Đông; Hà Nam ở phía Nam, Hòa Bình - Tây Nam, Phú Thọ - phía Tây; Vĩnh Phúc - phía Tây Bắc. Trong phạm vi 30km từ ranh giới Hà Nội thì không có nhà máy điện nào. Gần nhất là có Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại ở huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương, cách Hà Nội khoảng 56 km.

Danh sách các nhà máy sản xuất xi măng, thép và phân bón hóa chất (tên, vị trí, công suất, hoạt động chính...) trong phạm vi 30 km ngoài địa giới hành chính của Hà Nội được mô tả tại Bảng 2.2-7

Bảng 2.2-7 Danh sách các nhà máy sản xuất xi măng, thép và phân bón hóa học trong phạm vi 30km ngoài địa giới hành chính của Hà Nội

TT	Tên nhà máy	Ngành kinh doanh/ sản phẩm chính	Địa điểm
I	Sản xuất xi măng		
1	Hữu Nghị 1	250.000 tấn/năm	Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ
2	Hữu Nghị 2	350.000 tấn/năm	Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ
3	Hữu Nghị 3	450.000 tấn/năm	Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ
4	Sông Thao	910.000 tấn/năm	Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ
5	Thanh Ba	350.000 tấn/năm	Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ
6	Hoà Bình	350.000 tấn/năm	Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hoà Bình
7	Bút Sơn	1.400.000 tấn/năm	Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam

TT	Tên nhà máy	Ngành kinh doanh/ sản phẩm chính	Địa điểm
8	Bút Sơn II	1.600.000 tấn/năm	Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam
9	X 77	120.000 tấn/năm	Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam
II Sản xuất thép			
1	Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên (TISCO)	sản xuất phôi thép và thép cán: 1.000.000 tấn/năm	Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên
2	Công Ty TNHH Xây Dựng Đức Phát	Thép - Sản xuất Và Gia Công Sản Phẩm Thép	Khu Công Nghiệp Đình Trám, Lô B1-B2, Huyện Việt Yên, Bắc Giang
3	Công Ty TNHH Hoàng Lộc	Thép - Sản xuất Và Gia Công Sản Phẩm Thép	Đa Hội, P. Châu Khê, TX. Từ Sơn, Bắc Ninh
4	Công Ty Ching Hua Kết Cấu Thép	Thép - Sản xuất Và Gia Công Sản Phẩm Thép	Khu Công Nghiệp Quế Võ Khu Sentec, Huyện Quế Võ, Bắc Ninh
5	Nhà máy của Công ty cổ phần Austnam.	Thép - Sản xuất Và Gia Công Sản Phẩm Thép	Nhà máy Quang Minh Lô 43 - Khu Công nghiệp Quang Minh - Vĩnh Phúc
III Sản xuất phân bón hóa học			
1	Công ty Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	Phân Lân, Phân NPK: 800.000 tấn/năm	Thị trấn Lâm Thao, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ

Nguồn: Kết quả khảo sát của Dự án (Tháng 8/2014)

Các vấn đề và khó khăn liên về quản lý chất lượng không khí

Qua khảo sát, các vấn đề, khó khăn về quản lý chất lượng không khí của các Sở trực thuộc UBND thành phố Hà Nội đã được xác định và tóm tắt trong Bảng 2.2-8.

Bảng 2.2-8 Tóm tắt các vấn đề và khó khăn về quản lý chất lượng không khí của các Sở trực thuộc UBND thành phố Hà Nội

Sở	Tóm tắt các vấn đề, khó khăn
Sở TNMT	<ul style="list-style-type: none"> - Phân công trách nhiệm của từng đơn vị chung chung, chưa rõ ràng, nhiệm vụ có chồng chéo. Cụ thể là, Trong Quyết định số 36/2010/QĐ-UBND của UBND TP. Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2010 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (Sở TNMT Hà Nội) không có một từ nào nhắc đến việc quản lý chất lượng không khí. - Chính sách, kế hoạch, chương trình, báo cáo liên quan đến quản lý chất lượng môi trường tại Hà Nội vẫn chưa hoàn hảo. Phân công trách nhiệm chưa rõ ràng đối với từng đơn vị, nhiệm vụ còn chồng chéo nên khó có được cách giải quyết cụ thể cho từng đơn vị - Thiếu về quy mô nhân viên và trình độ chuyên môn: Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội và Chi cục Bảo vệ môi trường Hà

Sở	Tóm tắt các vấn đề, khó khăn
	<p>Nội cần tăng cường 10 cán bộ có trình độ kỹ sư hoặc cử nhân được đào tạo chuyên ngành liên quan đến quản lý chất lượng không khí (Theo kết quả khảo sát phỏng vấn do tư vấn trong nước thực hiện).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu kinh phí ngân sách để thực hiện: Do ngân sách hạn hẹp nên nhiều nhiệm vụ phải giảm bớt khối lượng. Như vậy, sự thiếu hụt về ngân sách làm cho Sở Tài nguyên và môi trường thiếu nguồn lực để hỗ trợ các doanh nghiệp quản lý chất lượng không khí. Cần cải thiện tình hình thiếu hụt ngân sách trong nhiều nhiệm vụ hiện nay. - Thiếu các thông tư quy định cụ thể về quản lý chất lượng không khí
Sở Công thương	<ul style="list-style-type: none"> - Phân công trách nhiệm về quản lý chất lượng không khí chưa rõ ràng đối với từng đơn vị / bộ phận. Cho đến nay, có duy nhất văn bản về quản lý môi trường thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Công Thương có hiệu lực là Thông tư liên tịch số 31/2009/TTLT-BCT-BTNMT ngày 4/11/2009 - Cần xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, chương trình, đề án về sản xuất sạch hơn tại thành phố - Thiếu ngân sách chi tiết để giải quyết và triển khai các hoạt động quản lý chất lượng không khí - Sở Công thương cần xây dựng cơ sở dữ liệu để nắm được tình hình quản lý chất lượng không khí và đánh giá các giải pháp phù hợp với Sở Công thương và các Sở khác. Sự phối hợp giữa các Sở cũng rất cần thiết. Sở Công thương có thể chia sẻ dữ liệu của Sở Tài nguyên và môi trường. - Việc giáo dục nâng cao nhận thức về quản lý chất lượng không khí chưa được đẩy mạnh, mặc dù giáo dục để nâng cao nhận thức môi trường cũng là một trong những nhiệm vụ của Sở Công thương.
Sở Giao thông vận tải	<ul style="list-style-type: none"> - Phân công trách nhiệm của từng đơn vị chung chung, chưa rõ ràng, nhiệm vụ có chồng chéo, giống như chức năng của Sở Giao thông vận tải về bảo vệ môi trường trong hoạt động giao thông vận tải được quy định theo Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 29 tháng 09 năm 2008 - Quy định về công tác quản lý chất lượng không khí của Sở Giao thông vận tải cần thêm chi tiết về năng lực của cán bộ thực thi pháp luật, thiết lập cơ chế lương, thưởng tốt hơn - Nhìn chung, quy mô và trình độ chuyên môn của nhân viên còn chưa đủ. Số lượng cụ thể cần bổ sung ở Sở Giao thông vận tải chưa xác định được vì còn phụ thuộc vào các nhiệm vụ cụ thể được giao tại từng thời kỳ và khi được cấp ngân sách. - Nhưng Sở Giao thông vận tải hợp tác với Bộ giao thông vận tải để tìm giải pháp cho giảm ách tắc giao thông, ví dụ, để thay đổi nhiên liệu, tiêu chuẩn mới về khí thải xe hơi và xe gắn máy.

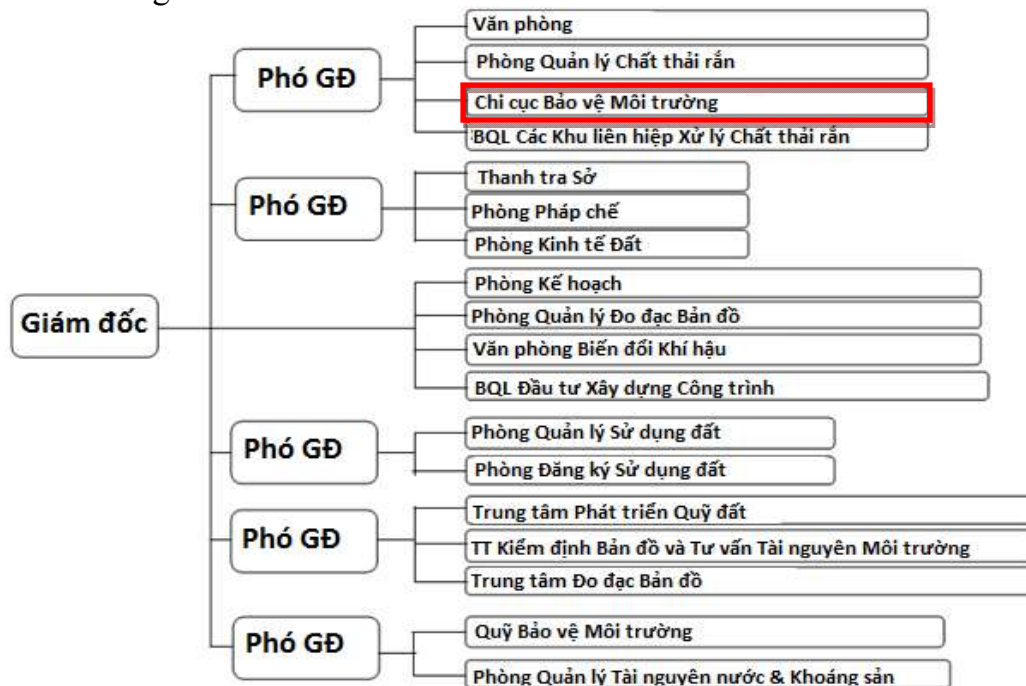
Nguồn: Kết quả khảo sát của Dự án (Tháng 8/2014), tóm tắt bởi JET

(3) Các kết quả và các phát hiện chính từ Khảo sát các hoạt động quản lý chất

lượng không khí tại thành phố Hồ Chí Minh

Tổng quan về cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và môi trường Hồ Chí Minh (Sở TNMT tp. HCM) liên quan đến quản lý chất lượng không khí

Sơ đồ tổ chức của Sở TNMT tp. HCM được thể hiện trong Hình 2.2-3. Chức năng, cơ cấu tổ chức và nhân sự của Sở TNMT tp. HCM được quy định tại quyết định số 121/2003 /QĐ- UB ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Ủy ban Nhân dân (UBND) tp. Hồ Chí Minh . Sở TNMT tp. HCM có chức năng tham mưu, giúp UBND thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, bao gồm cả tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, địa chất, môi trường bao gồm cả chất lượng không khí, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ; quản lý tổng hợp biển và hải đảo, thực hiện các dịch vụ công trong các lĩnh vực thuộc thẩm quyền. Trong các đơn vị trực thuộc Sở TNMT tp. HCM, Chi cục Bảo vệ môi trường tp. HCM (HEPA), bao gồm cả Trung tâm Quan trắc và Phân tích môi trường; Thanh tra Sở và Quỹ Bảo vệ môi trường tp. HCM có chức năng, nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến công tác quản lý chất lượng không khí – trình bày tại Bảng 2.2-9. HEPA có chức năng tham mưu cho Giám đốc Sở TNMT tp. HCM xây dựng, ban hành và phê duyệt các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch và các dự án liên quan đến bảo vệ môi trường của thành phố. HEPA tổ chức thực thi pháp luật, thực hiện các chương trình, kế hoạch, dự án, đề án về bảo vệ môi trường được phê duyệt và ban hành bởi chính phủ, UBND tp. Hồ Chí Minh và Giám đốc Sở TNMT tp. HCM. HEPA có nhiệm vụ quan trọng trong công tác kiểm soát ô nhiễm không khí. Thông tin cơ bản thu thập được từ đợt khảo sát phỏng vấn tại HEPA được thể hiện trong Bảng 2.2-10 và sơ đồ tổ chức của cơ quan này được thể hiện trong Hình 2.2-4.



Nguồn: Kết quả khảo sát của Dự án (Tháng 8/2014)

Hình 2.2-3 Sơ đồ tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tp. Hồ Chí Minh

Bảng 2.2-9 Chức năng và Cơ chế hợp tác của các cơ quan trực thuộc Sở Tài nguyên và môi trường trong công tác quản lý chất lượng không khí tại Hồ Chí Minh

<p>Chi cục Bảo vệ Môi trường (HEPA), bao gồm cả Trung tâm Quan trắc và Phân tích môi trường²³</p>	<p><u>Chức năng</u> (Xem thêm Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA</p> <p>Bảng 2.2-10):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu, giúp Giám đốc sở TNMT Hồ Chí Minh thực hiện các nhiệm vụ quản lý và bảo vệ môi trường, bao gồm kiểm soát ô nhiễm, tăng cường nhận thức của cộng đồng, quan trắc môi trường, v.v... - Làm đầu mối hoặc tham gia với các cơ quan liên quan trong việc giải quyết các vấn đề môi trường liên ngành, liên tỉnh. <p><u>Cơ chế hợp tác với các cơ quan liên quan</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - HEPA hỗ trợ, tham mưu cho Giám đốc Sở trong các lĩnh vực: xây dựng và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, chương trình, dự án, đề án về bảo vệ môi trường ở cấp địa phương; thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; giám sát, kiểm tra, xử lý các vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và các nhiệm vụ được phân công khác - HEPA làm việc và cung cấp hướng dẫn nghiệp vụ về quản lý môi trường cho các sở, ban ngành, phòng TNMT quận, huyện - HEPA phối hợp với thanh tra sở trong việc thanh tra, xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố - HEPA làm việc, giao thiệp với công dân, cộng đồng dân cư nhằm tuyên truyền, phổ biến, nâng cao hiểu biết và nhận thức về bảo vệ môi trường - HEPA phối hợp với các đối tác trong và ngoài nước tiến hành dự án, chương trình hợp tác theo phân công
<p>Thanh tra Sở</p>	<p><u>Chức năng</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ, tham mưu Giám đốc Sở thực hiện chức năng thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành về môi trường. - Đề xuất cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường <p><u>Cơ chế hợp tác với các cơ quan liên quan</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thanh tra Sở tham mưu Giám đốc Sở trong tiến hành thanh tra, giải quyết các khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường - Thanh tra sở phối hợp với các địa phương, cơ quan liên quan nhằm giải quyết các vấn đề môi trường liên tỉnh. - Thanh tra Sở tăng cường giao thiệp với công dân, tổ chức, cộng đồng dân cư nhằm tiếp nhận, xử lý và giải quyết các khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền được giao.
<p>Quỹ Bảo vệ môi trường tp. Hồ</p>	<p><u>Chức năng</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - HEPA là tổ chức tài chính nhà nước trực thuộc Sở Tài nguyên và

²³ Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về Chuyển đổi mô hình tổ chức Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Hồ Chí Minh

Chí Minh HEPF ²⁴	Môi trường Hồ Chí Minh và chịu sự quản lý của nhà nước về tài chính của sở Tài chính - Hỗ trợ tài chính cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế có các chương trình, dự án, hoạt động bảo vệ môi trường, xử lý triệt để các nguồn ô nhiễm nghiêm trọng, v.v... - Đồng tài trợ, cho vay vốn các dự án bảo vệ môi trường phù hợp với các tiêu chí, chức năng của Quỹ với cả tổ chức tài chính trong và ngoài nước phục vụ cho các hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.
	<u>Cơ chế hợp tác với các cơ quan liên quan</u> - HEPF điều phối, hợp tác với các tổ chức tài chính, nhà tài trợ trong và ngoài nước huy động, phân bổ vốn cho hoạt động bảo vệ môi trường, kiểm soát ô nhiễm, v.v... - HEPF cung cấp các khoản vay cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có dự án, chương trình phù hợp với yêu cầu và chức năng của Quỹ.

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Bảng 2.2-10 Thông tin về tổ chức của Chi cục Bảo vệ môi trường tp. HCM

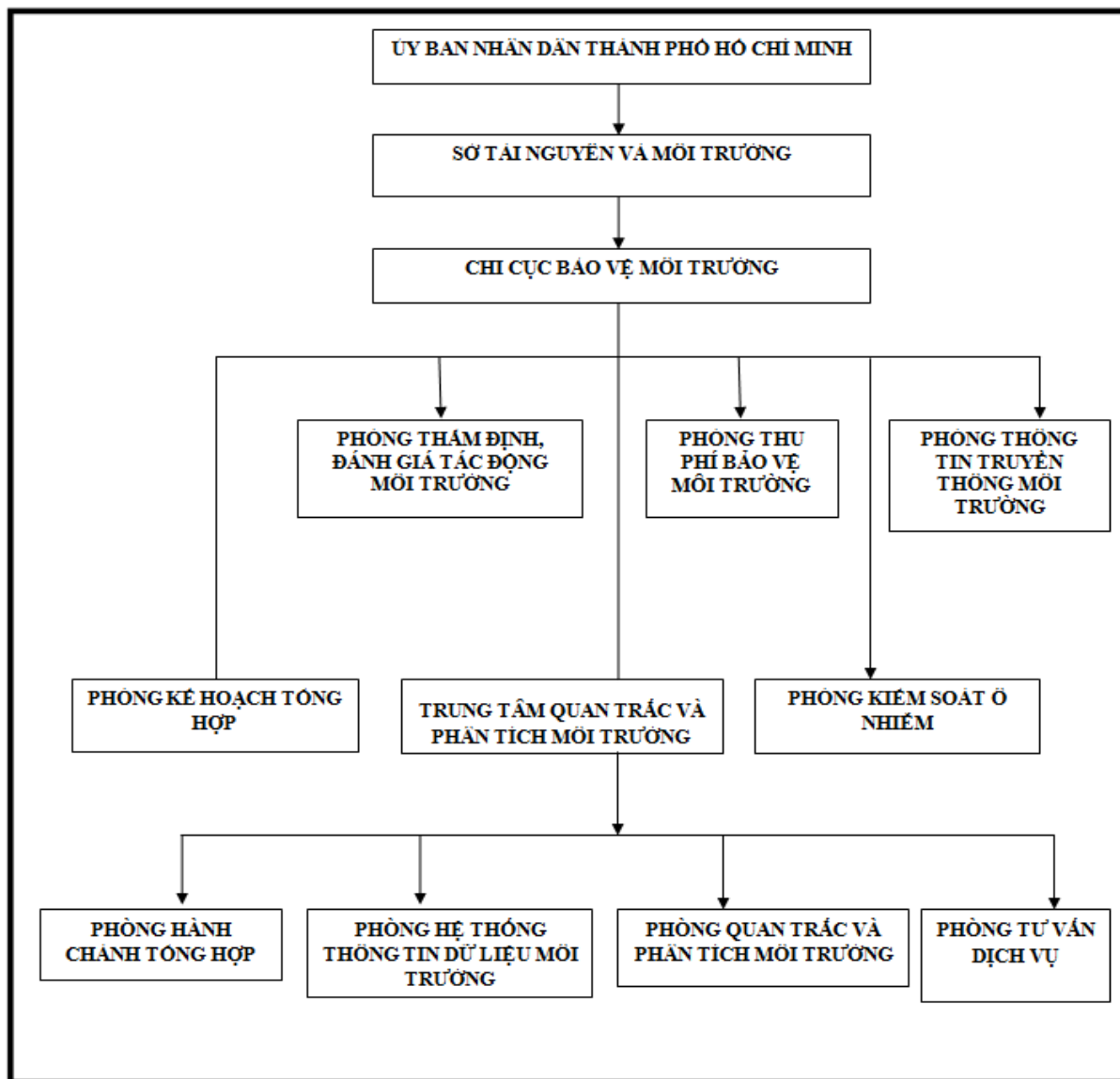
Mục	Thông tin chính
Chức năng, nhiệm vụ (xem Bảng 2.2-9)	1) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, thanh tra kiểm tra môi trường tại tp. Hồ Chí Minh 2) Kiểm soát Ô nhiễm 3) Thẩm định báo cáo ĐTM 4) Quản lý dự án và Truyền thông 5) Quan trắc chất lượng nước mặt, Điều tra thống kê nguồn thải từ hoạt động giao thông v.v.. (Trung tâm Quan trắc và Phân tích Môi trường là đơn vị trực thuộc HEPA)
Công chức, viên chức	Tổng số 106 người (Trong đó có 74 công chức, 1 giám đốc và 2 phó giám đốc): - Phòng Kiểm soát ô nhiễm: 1 trưởng phòng, 3 phó phòng, 13 nhân viên - Phòng Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường: 1 Trưởng phòng, 3 phó phòng, 8 nhân viên - Phòng Thu phí Bảo vệ Môi trường: 1 Trưởng phòng, 2 phó phòng, và 9 chuyên viên - Phòng Kế hoạch tổng hợp : 18 nhân viên - Phòng Thông tin và Truyền thông môi trường: 12 nhân viên - Trung tâm Quan trắc và Phân tích Môi trường: 32 viên chức, gồm 1 giám đốc và 31 nhân viên (viên chức)
Ngân sách	Xem Ngân sách cho hoạt động quản lý chất lượng không khí trong 5 năm qua được thu thập từ Phòng Kế hoạch Tổng hợp của HEPA thể hiện trong Bảng 2.2-11

²⁴ Website của Sở Tài nguyên và môi trường tp HCM

<http://www.donre.hochiminhcity.gov.vn/gioithieu/lists/posts/post.aspx?Source=/gioithieu&Category=%C4%90%C6%A1n+v%E1%BB%8B+tr%E1%BB%B1c+thu%E1%BB%99c+&ItemID=46&Mode=1>

Mục	Thông tin chính
	Bảng 2.2-11
Sơ đồ tổ chức	Xem Hình 2.2-4

Nguồn: Kết quả khảo sát của Dự án (Tháng 7/2014)



Nguồn: Kết quả khảo sát của Dự án (Tháng 7/2014)

Hình 2.2-4 Sơ đồ tổ chức của CC BVMT tp. Hồ Chí Minh (HEPA)

Ngân sách cho hoạt động quản lý chất lượng không khí trong 5 năm qua được thu thập từ Phòng Kế hoạch Tổng hợp của HEPA thể hiện trong Bảng 2.2-11

Bảng 2.2-11 Ngân sách liên quan đến quản lý chất lượng không khí trong 5 năm qua của Chi cục Bảo vệ Môi trường tp. Hồ Chí Minh (HEPA)

(Đơn vị: Triệu đồng)

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
1	Quan trắc chất lượng ô nhiễm không khí	677.9	789.7	788.3	835.8	1,156.7	1,766.0	3,848.7

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
	do giao thông tại tp. HCM							
2	Giám sát ô nhiễm không khí do phóng xạ tại tp. HCM	39.1	54.2	57.3	57.6	60.1	71.6	68.7
3	Quan trắc hàm lượng BTX (Benzen, Toluen, Xylene) trong không khí TP.HCM	93.4	116.4	129.7	0.0	0.0	0.0	0.0
4	Vận hành, bảo trì, mua phụ tùng thay thế các trạm QTKK tự động	538.0	570.0	2,518.6	1,340.4	95.6	85.3	71.0
5	Sử dụng phương thức đo đặc không khí bán tự động tại các vị trí đặt trạm không khí tự động (đã hỏng)	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1,246.8	0.0
6	Điều tra thống kê nguồn thải giao thông (nguồn động)	65.4	64.2	64.5	0.0	0.0	0.0	0.0
7	Điều tra thống kê nguồn thải công nghiệp (nguồn tĩnh)	125.3	0.0	0.0	200.0	300.0	200.0	200.0
Tổng		1,539.1	1,594.5	3,558.4	2,433.8	1,612.4	3,369.6	4,188.4

Nguồn: Kết quả khảo sát của Dự án, do Phòng Kế hoạch Tổng hợp cung cấp, Tháng 07/ 2014

Chính sách, kế hoạch, chương trình liên quan đến quản lý chất lượng không khí tại tp. HCM

Một số chính sách, kế hoạch, chương trình liên quan đến quản lý môi trường, bao gồm công tác quản lý chất lượng không khí và kiểm soát ô nhiễm được trình bày sau đây:

- i. Quyết định số 27/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 05 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố HCM về ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX về Chương trình giảm ô nhiễm môi trường giai đoạn 2011 - 2015. Mục tiêu của giai đoạn 2011 - 2015: ngăn chặn, hạn chế, ô nhiễm, cải thiện và phục hồi chất lượng môi trường. Phân đấu đến cuối năm 2015 phải đạt được một số chỉ tiêu như sau: giảm 50% mức độ ô nhiễm không khí và tiếng ồn từ các phương tiện giao thông...
- ii. Kế hoạch hành động số 34-CTrHD/TU ngày 27/11/2013 của Ủy ban thường vụ Thành phố Hồ Chí Minh, thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW “Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương XI về ứng phó biến đổi

khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường”. Trong đó có mục tiêu quan trọng liên quan đến ô nhiễm không khí: "Đến năm 2020, đảm bảo 90% khí thải trong khu/cụm công nghiệp trên toàn thành phố được xử lý đạt quy chuẩn môi trường

iii. Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025

- Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh văn minh, hiện đại với vai trò đô thị đặc biệt, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đóng góp ngày càng lớn đối với khu vực và cả nước.
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2011 - 2015 đạt từ 10% - 10,5%/năm, giai đoạn 2016 - 2020 đạt từ 9,5% - 10%/năm và giai đoạn 2021 - 2025 đạt từ 8,5% - 9%/ năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp
- Xây dựng và từng bước hoàn chỉnh, hiện đại hóa mạng lưới giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không.
- Từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng điện, đảm bảo duy trì hệ số đàn hồi (tỷ lệ giữa tốc độ tăng điện thương phẩm và tăng GDP) ở mức dưới 1 và phần đầu giảm xuống dưới 0,8. Tỷ lệ công suất điện từ năng lượng mới, năng lượng tái tạo từ 2 - 3%.

iv. Các văn bản khác:

- Quyết định số 188/2004 /QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 1/11/2004 phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp thành phố HCM đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020
- Quyết định số 2426/QĐ-UBND của UBND thành phố HCM ngày 18/8/2004 phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp hóa chất tại thành phố HCM đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020
- Quyết định số 2013/QĐ-UBND của UBND thành phố HCM ngày 21/4/2011 phê duyệt danh mục lập các dự án quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025

Chức năng, nhiệm vụ của các sở ban ngành khác liên quan tới Quản lý chất lượng không khí

Có nhiều sở ban ngành, trực thuộc UBND thành phố Hồ Chí Minh, có chức năng, nhiệm vụ liên quan tới công tác quản lý chất lượng không khí

- i) Sở Giao thông vận tải (Sở GTVT) có nhiều phòng ban liên quan tới QLCLKK. Phòng Kế hoạch và đầu tư và 2 trung tâm đăng kiểm phương tiện trực thuộc sở GTVT có một số hoạt động liên quan đến QLCLKK. Phòng Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch liên quan tới ngành giao thông. Ba trung tâm đăng kiểm bao gồm: (1) Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 50-01S; (2) Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 50-02S; và (3) Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 50-03S. Các trung tâm đăng kiểm này đang áp dụng các tiêu chuẩn môi trường

- trong kiểm tra phát thải của phương tiện do Chính phủ quy định.
- ii) Phòng Kỹ thuật an toàn và môi trường, Sở Công thương chịu trách nhiệm quản lý công tác bảo vệ môi trường trong lĩnh vực công nghiệp nói chung, bao gồm kiểm soát ô nhiễm khí thải công nghiệp, mặc dù công tác QLCLKK không được đề cập một cách cụ thể trong chức năng, nhiệm vụ của phòng.
 - iii) Hiện nay, phòng/đơn vị trực thuộc nhiều sở, ban, ngành khác cũng có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến QLCLKK trong lĩnh vực, thẩm quyền quản lý của từng ngành, ví dụ như: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng, Công an tỉnh, v.v...

Cơ sở, trang thiết bị phục vụ công tác Quản lý chất lượng không khí

Ủy ban nhân dân thành phố HCM chỉ có một số cơ sở, trang thiết bị phục vụ quản lý chất lượng không khí.

Bảng 2.2-12 Các cơ sở, trang thiết bị phục vụ quản lý chất lượng không khí thuộc các Sở tại thành phố Hồ Chí Minh

Sở	Cơ sở, trang thiết bị phục vụ quản lý chất lượng không khí			
Sở Tài nguyên và môi trường (CENMA/HEPA)	9 trạm quan trắc chất lượng không khí tính đến năm 2009. Tuy nhiên, không trạm quan trắc nào còn hoạt động do đã quá thời hạn vận hành và không có ngân sách/thay mới thiết bị			
	TT	Tên trạm	Địa chỉ	Mục đích
	1	Quang Trung (QT)	Quận 12	Nền đô thị
	2	Thảo cầm viên (ZO)	Quận 1	Nền đô thị
	3	Quận 2 (D2)	Quận 2	Khu dân cư
	4	Tân Sơn Hòa (TS)	Quận Phú Nhuận	Khu dân cư
	5	Thống Nhất (TN)	Quận Tân Bình	Đô thị/giao thông
	6	Bình Chánh (BC)	Quận Bình Tân	Đô thị/ giao thông
	7	Sở KH&CNE (DO)	Quận 3	Đô thị/ giao thông
	8	Hồng Bàng (HB)	Quận 5	Đô thị/ giao thông
	9	Thủ Đức (TD)	Quận Thủ Đức	Đô thị/ công nghiệp
	Gần đây, có 6 trạm quan trắc bán tự động			
	TT	Tên trạm	Địa chỉ	Mục đích
	1	Hàng Xanh (HX)	Quận Bình Thạnh	Đô thị/ giao thông
	2	Phú Lâm (PL)	Quận 6	Đô thị/ giao thông
	3	Đình Tiên Hoàng – Điện Biên Phủ (DTH)	Quận 1	Đô thị/ giao thông
	4	Gò Vấp (GV)	Quận Gò Vấp	Đô thị/ giao thông
	5	An Sương (AS)	Quận 12	Đô thị/ giao thông
	6	Nguyễn Văn Linh – Huỳnh Tấn Phát (TT)	Quận 7	Đô thị/ giao thông
	Đo khí thải ống khói nhà máy, khu công nghiệp, hoặc trên các tuyến đường theo yêu cầu			

Sở	Cơ sở, trang thiết bị phục vụ quản lý chất lượng không khí
	Không có phòng thí nghiệm
Sở Công thương	Không có trạm quan trắc và phòng thí nghiệm về quản lý chất lượng không khí
Sở Giao thông vận tải	Không có trạm quan trắc và phòng thí nghiệm về quản lý chất lượng không khí 3 trạm đăng kiểm xe cơ giới là (1) Trạm đăng kiểm xe cơ giới 50-01S; (2) 50-02S; và (3) 50-03S.
Các Sở khác	Sở KH&CN: Trung tâm dịch vụ phân tích thí nghiệm thành phố Hồ Chí Minh (CASE) có thể phân tích và đánh giá chất lượng không khí, khí thải, ô nhiễm không khí theo QCVN 05:2013, QCVN 06:2009 các thông số phát thải tại nguồn gồm bụi; O ₂ ; CO ₂ ; CO; SO ₂ ; NO _x ; NO; NO ₂ ; H ₂ S; C _x H _y ... Trung tâm cũng có thể quan trắc chất lượng không khí xung quan và môi trường làm việc gồm: bụi; O ₂ ; CO ₂ ; CO; SO ₂ ; NO _x ; NO; NO ₂ ; H ₂ S; NH ₃ ; O ₃ ; C _x H _y ; hợp chất hữu cơ (THC; VOC), tiếng ồn... Phân tích các dấu hiệu của kim loại nặng (As, Hg, Cd, Pb, Cr, Zn, Mn, Fe, v.v...).

Nguồn: Kết quả khảo sát của Dự án (Tháng 7 2014), Tổng hợp bởi JET

Hợp tác với các Bộ ở cấp trung ương, với các Sở khác trực thuộc UBND thành phố HCM về quản lý chất lượng không khí

Xét từ góc độ quản lý chất lượng không khí và kiểm soát ô nhiễm không khí, việc hợp tác với các cơ quan khác là rất quan trọng Bảng 2.2-13 cho thấy mối liên hệ cần thiết giữa các Sở và các Bộ ở cấp trung ương

Bảng 2.2-13 Tóm tắt sự hợp tác trong quản lý chất lượng không khí giữa các Bộ ở cấp trung ương và các Sở thuộc UBND thành phố HCM

Sở	Các cơ quan cần hợp tác	Tóm tắt nội dung hợp tác
Sở Tài nguyên và môi trường	Các Bộ ở cấp trung ương	<ul style="list-style-type: none"> - Đề tổ chức các đoàn kiểm tra và giám sát ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp và các nhà máy phát thải khí thải trên địa bàn thành phố HCM - Phối hợp với Bộ Tài nguyên và môi trường để tham gia đóng góp ý kiến về các thông tư, QCVN, báo cáo Quốc gia về chất lượng không khí, vv trước khi ban hành các văn bản và báo cáo này. - Phối hợp với Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Bộ Công An để kiểm tra và giám sát ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp và các nhà máy phát thải khí thải trên địa bàn thành phố HCM - Phối hợp với Viện Môi trường và Tài nguyên (là cơ quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo) cùng tham gia các đoàn kiểm tra và giám sát ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp và các nhà máy phát thải khí thải trên địa bàn thành phố. - Phối hợp với Ban quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất thành phố HCM (HEPZA) vì HEPZA chịu trách nhiệm về các nguồn phát thải khí tại các khu công

Sở	Các cơ quan cần hợp tác	Tóm tắt nội dung hợp tác
	Các Sở khác trực thuộc UBND thành phố HCM	<p>nghiệp và khu chế xuất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sở TNMT phối hợp với Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường (thuộc công an thành phố Hồ Chí Minh) để thanh tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường tại các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong thành phố. - HEPA phối hợp với các cơ quan liên quan như Sở Công thương, Sở GTVT trong công tác bảo vệ môi trường - Sở TNMT phối hợp với Sở Y tế thành phố HCM để nghiên cứu tác động của ô nhiễm không khí lên sức khỏe con người tại thành phố Hồ Chí Minh - HEPZA phối hợp với các cơ quan khác trực thuộc UBND thành phố HCM, đặc biệt là Sở TNMT để đánh giá tác động môi trường và các dự án bảo vệ môi trường trong các khu công nghiệp, khu chế xuất
Sở Công thương	Các Bộ ở cấp trung ương	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp với Bộ Công thương thực hiện chương trình tiết kiệm năng và tăng trưởng xanh trong hoạt động công nghiệp, sinh hoạt, vv. Hoạt động này có mối liên hệ gián tiếp với quản lý ô nhiễm không khí đó là sử dụng ít năng lượng sẽ giảm lượng phát thải khí thải.
	Các Sở khác trực thuộc UBND thành phố HCM	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng Kỹ thuật An toàn – Môi trường thuộc Sở Công thương Phối hợp cùng Thanh tra sở Công Thương và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn, các cơ quan trung ương thực hiện thanh tra hoặc kiểm tra các hoạt động liên quan An toàn – Môi trường được phân công theo quy định của pháp luật - Sở Công thương hợp tác với các Sở khác đánh giá các phương pháp ứng phó với các sự cố cháy, rò rỉ hóa chất... - Sở Công thương hợp tác với HEPA thuộc Sở TNMT để giám sát các hoạt động liên quan đến việc đo đạc các thông số khi sự cố hóa chất xảy ra. Một năm hợp tác khoảng từ 1 đến 2 lần. - Sở Công thương tham mưu và đề xuất về việc thành lập các khu công nghiệp, khu chế xuất, vv. trên phương diện bảo vệ môi trường và bảo vệ môi trường không khí nói chung. - Hợp tác và yêu cầu Sở TNMT xây dựng báo cáo về công tác liên quan đến bảo vệ môi trường nói chung và quản lý chất lượng không khí nói riêng
Sở Giao thông vận tải	Các Bộ ở cấp trung ương	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp với Bộ Xây dựng trong phát triển cơ sở hạ tầng đường giao thông như quy hoạch và xây dựng hệ thống đường cao tốc, xây dựng các cầu vượt các ngã tư và bùng binh góp phần giảm thiểu ãn giao thông, giảm thiểu phát thải các chất ô nhiễm không khí. - Hợp tác với Cục đăng kiểm trực thuộc Bộ giao thông

Sở	Các cơ quan cần hợp tác	Tóm tắt nội dung hợp tác
		vận tải để tổ chức đăng ký và kiểm định cho các phương tiện giao thông và thiết bị xây dựng trong thành phố
	Các Sở khác trực thuộc UBND thành phố	- Phối hợp với các Sở liên quan để giáo dục, tuyên truyền và phổ biến thông tin về các quy tắc, quy định giao thông trong thành phố
Các Sở khác	Các Bộ ở cấp trung ương	<p><Sở Xây dựng></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp với Bộ Xây dựng để triển khai chương trình tiết kiệm năng lượng trong ngành xây dựng - Phối hợp với Bộ Xây dựng để triển khai chương trình xử lý chất thải nhằm giảm phát thải khí - Phối hợp với Thanh tra Bộ xây dựng và Thanh tra thành phố HCM thực hiện các chương trình, kế hoạch thanh tra trên địa bàn thành phố theo sự phân công của UBND thành phố. <p><Sở KH&CN></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp với Bộ KH&CN thực hiện các chương trình sản xuất sạch hơn cho ngành sản xuất và công nghiệp
	Các Sở khác trực thuộc UBND thành phố HCM	<p><Sở Xây dựng></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp với Sở TNMT để kiểm tra các hoạt động về bảo vệ môi trường, ví dụ như phát thải khí, nước thải và chất thải rắn. Định kỳ hợp tác là 1-2 lần/ năm

Nguồn: Kết quả khảo sát của Dự án (Tháng 7/2014), tóm tắt bởi JET

Thông tin về các nguồn ô nhiễm tĩnh tại thành phố HCM và các tỉnh lân cận

Danh sách và thông tin cụ thể về các nguồn ô nhiễm tĩnh dưới đây được thu thập từ Sở TNMT và Sở Công thương và các Sở khác tại thành phố HCM, tại các ngành nhiệt điện, phân bón hóa học, xi măng và thép. Dữ liệu được thu thập từ các nhà máy trên địa bàn thành phố và trong phạm vi 30km ngoài địa giới hành chính của thành phố Hồ Chí Minh. Các thông tin thu thập được tổng hợp trong các bảng sau: Bảng 2.2-14, 15, 16, và 17).

Bảng 2.2-14 Các nhà máy điện trên địa bàn thành phố HCM và trong phạm vi 30km ngoài địa giới hành chính của thành phố HCM

TT	Địa điểm	Số lượng
1	Thành phố Hồ Chí Minh	02 nhà máy
2	Tỉnh Bình Dương	-
3	Tỉnh Đồng Nai	10 nhà máy
4	Tỉnh Long An	-
5	Tỉnh Tây Ninh	-
6	Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	04 nhà máy

Nguồn: Kết quả khảo sát của Dự án (Tháng 7/2014)

Bảng 2.2-15 Các nhà máy sản xuất phân bón hóa chất trên địa bàn thành phố HCM và trong phạm vi 30 km ngoài địa giới hành chính của thành phố HCM

TT	Địa điểm	Số lượng
1	Thành phố Hồ Chí Minh	22 nhà máy và công ty
2	Tỉnh Bình Dương	15 nhà máy và công ty
3	Tỉnh Đồng Nai	21 nhà máy và công ty
4	Tỉnh Long An	04 nhà máy và công ty
5	Tỉnh Tây Ninh	04 nhà máy và công ty
6	Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	02 nhà máy và công ty

Nguồn: Kết quả khảo sát của Dự án (Tháng 7/2014)

Bảng 2.2-16 Các nhà máy sản xuất xi măng trên địa bàn thành phố HCM và trong phạm vi 30 km ngoài địa giới hành chính của thành phố HCM

TT	Địa điểm	Số lượng
1	Thành phố Hồ Chí Minh	51 công ty
2	Tỉnh Bình Dương	02 công ty
3	Tỉnh Đồng Nai	01 công ty
4	Tỉnh Long An	01 công ty
5	Tỉnh Tây Ninh	01 công ty
6	Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	01 công ty

Nguồn: Kết quả khảo sát của Dự án (Tháng 7/2014)

Bảng 2.2-17 Các nhà máy sản xuất thép trên địa bàn thành phố HCM và trong phạm vi 30 km ngoài địa giới hành chính của thành phố HCM

TT	Địa điểm	Số lượng
1	Thành phố Hồ Chí Minh	375 công ty và nhà máy
2	Tỉnh Bình Dương	248 công ty và nhà máy
3	Tỉnh Đồng Nai	26 công ty và nhà máy
4	Tỉnh Long An	22 công ty và nhà máy
5	Tỉnh Tây Ninh	12 công ty và nhà máy
6	Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	10 công ty và nhà máy

Nguồn: Kết quả khảo sát của Dự án (Tháng 7/2014)

Các vấn đề và khó khăn liên về quản lý chất lượng không khí

Qua khảo sát, các vấn đề, khó khăn về quản lý chất lượng không khí của các Sở trực thuộc UBND thành phố HCM đã được xác định và tóm tắt trong Bảng 2.2-18.

Bảng 2.2-18 Tóm tắt các vấn đề và khó khăn về quản lý chất lượng không khí của các Sở trực thuộc UBND thành phố HCM

Sở	Tóm tắt các vấn đề, khó khăn
Sở Tài nguyên và môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ môi trường là một vấn đề lớn, được lồng ghép vào các chương trình hành động cấp trung ương. Do đó, cần thiết phải xây dựng kế hoạch, chương trình hành động, phương án phối hợp thực hiện và phân công vụ thể giữa các sở, ngành liên quan. ✓ Phân công trách nhiệm của từng đơn vị trong lĩnh vực quản lý chất lượng không khí trên địa bàn thành phố còn chung chung, chưa rõ

Sở	Tóm tắt các vấn đề, khó khăn
	<p>ràng, nhiệm vụ có chồng chéo. Theo Quyết định số 121/2003/QĐ-UB ngày 18/07/2003 của UBND thành phố HCM về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, nhân sự của Sở Tài nguyên và môi trường tp. HCM, không có nội dung nào đề cập đến QLCLKK.</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Chính sách, kế hoạch, chương trình, báo cáo liên quan đến quản lý chất lượng môi trường tại thành phố HCM rất chung chung, tổng quan Phân công trách nhiệm chưa rõ ràng đối với từng đơn vị, nhiệm vụ còn chồng chéo nên khó có được cách giải quyết cụ thể cho từng đơn vị ✓ Các phòng ban đều chưa có đủ nguồn nhân lực cả về số lượng và trình độ để thực hiện chức năng quản lý chất lượng không khí. Tuy vậy, Sở Tài nguyên và môi trường tp. HCM chưa có kế hoạch đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên của phòng để quản lý chất lượng không khí. ✓ Sở Tài nguyên và môi trường tp. HCM Chưa có dữ liệu về quản lý chất lượng không khí của các Bộ có liên quan và các tỉnh lân cận. Vì thế cần hợp tác với các cơ quan có liên quan khác. <p>- Do hiện trạng các trạm quan trắc hư hỏng, công tác thu thập thông tin, số liệu chưa đạt được yêu cầu đặt ra.</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Đến năm 2009, mới có 9 trạm quan trắc chất lượng không khí tự động tại thành phố HCM. Tuy nhiên, các trạm này đều đã hỏng từ vài năm trước. Gần đây thì cũng không có trạm quan trắc không khí di động tự động nào, còn các số liệu thì chỉ được tổng hợp từ 6 trạm quan trắc bán tự động.
Sở Công thương	<ul style="list-style-type: none"> - Phân công trách nhiệm về quản lý chất lượng không khí chưa rõ ràng đối với từng đơn vị / bộ phận. - Các phòng ban đều chưa có đủ nguồn nhân lực cả về số lượng và trình độ để thực hiện chức năng quản lý chất lượng không khí. - Sở Công thương chưa có kế hoạch rõ ràng để quản lý chất lượng chưa khí trong 5 hoặc 10 năm tới. - Sở Công thương chưa có chức năng rõ ràng trong việc phối hợp với các cơ quan quản lý về môi trường ở tp, Hồ Chí Minh - Sở Công thương chưa có dữ liệu về quản lý chất lượng không khí từ Bộ cũng như các tỉnh lân cận. - Sở Công thương chưa có kế hoạch đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên của phòng để quản lý chất lượng không khí - Chưa có sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các Sở ngành liên quan trong công tác kiểm soát, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.
Sở Giao thông vận tải	<ul style="list-style-type: none"> - Phân công trách nhiệm của từng đơn vị chung chung, chưa rõ ràng, nhiệm vụ có chồng chéo, giống như chức năng của Sở Giao thông vận tải về bảo vệ môi trường trong hoạt động giao thông vận tải - Quy định về công tác quản lý chất lượng không khí của Sở Giao thông vận tải cần thêm chi tiết về năng lực của cán bộ thực thi pháp luật, thiết lập cơ chế lương, thưởng tốt hơn - Các phòng ban đều chưa có đủ nguồn nhân lực cả về số lượng và trình độ để thực hiện chức năng quản lý chất lượng không khí. - Sở Giao thông vận tải chưa có kế hoạch/mục tiêu rõ ràng về quản lý

Sở	Tóm tắt các vấn đề, khó khăn
	<p>chất lượng không khí.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sở Giao thông vận tải hợp tác với Bộ giao thông vận tải nhằm xác định các giải pháp làm giảm tình trạng tắc nghẽn giao thông, ví dụ chuyển đổi năng lượng, đưa ra tiêu chuẩn mới về khí thải và phát thải của xe ô tô. - Nguyên nhân gây ô nhiễm không khí tại tp. HCM chủ yếu từ hai hoạt động chính là hoạt động giao thông vận tải và sản xuất công nghiệp. Trong khu vực nội thành, ô nhiễm không khí chủ yếu do hoạt động giao thông. Do đó, để bảo vệ sức khỏe người dân, trả lại môi trường không khí trong lành cho thành phố thì phải bắt đầu từ việc quy hoạch lại hoạt động giao thông - Về cơ chế chính sách, hiện vẫn chưa có sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các Sở ngành liên quan trong công tác kiểm soát, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, ví dụ như triển khai thi công các công trình nâng cấp đô thị, cải thiện môi trường kênh rạch chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị liên quan - Công tác nâng cao nhận thức i) của người dân trong tham gia giao thông và ii) của doanh nghiệp trong chấp hành Luật bảo vệ môi trường vẫn còn hạn chế.

Nguồn: Kết quả khảo sát của Dự án (Tháng 7/2014), tóm tắt bởi JET

2.2.2 Chia sẻ các chủ đề kỹ thuật của Kết quả 1 có liên quan đến việc lập Lộ trình Quản lý chất lượng không khí của Kết quả 2 cho hai thành phố Hà Nội và HCM

KKPL/Cục KSON và JET đã tổ chức một chuỗi các buổi Giới thiệu và tư vấn kỹ thuật trong phạm vi Kết quả 1 của Dự án để phục vụ việc xây dựng TBs. KKPL/Cục KSON và JET đã tổ chức tổng cộng 8 chủ đề từ tháng Một tới tháng Năm 2014, được trình bày tại phần sau. Dự án cũng tổ chức hai buổi Hội thảo Mini, một buổi vào tháng 4 cho Sở Tài nguyên và môi trường tp. HCM và một buổi vào tháng 9 cho Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội để i) chia sẻ các chủ đề kỹ thuật của Kết quả 1 với hai thành phố, phục vụ cho việc xây dựng lộ trình của Kết quả 2, và ii) tăng cường việc hợp tác và trao đổi ý kiến kịp thời giữa Sở Tài nguyên và môi trường, Cục KSON/ Bộ Tài nguyên và môi trường và JET. Nội dung chi tiết của từng buổi Hội thảo mini bao gồm các chủ đề kỹ thuật, chương trình, thành phần tham dự... đã được Sở Tài nguyên và môi trường, KKPL/ Cục KSON và JET thảo luận đề thiết kế phù hợp với tiến độ Dự án và nhu cầu của từng Sở. Kết quả của hai Hội thảo Mini này được trình bày Bảng 2.2-19 và các tài liệu hội thảo được đính kèm tại Phụ lục 10 của Báo cáo này.

Bảng 2.2-19 Kết quả của hai buổi Hội thảo Mini

T T	Thời gian và địa điểm	Chủ đề	Thành phần tham dự
1	Hội thảo Mini tại tp HCM	<ol style="list-style-type: none"> 1) Xây dựng kiểm kê khí thải cho các nguồn thải tĩnh tại Nhật Bản 2) Phương pháp ước tính lượng phát thải (1. Kiểm tra nguồn thải, 2. 	<p>41 người tham dự</p> <ul style="list-style-type: none"> - KKPL, Cục KSON - Thanh tra Sở (Sở Tài nguyên và môi trường)

T T	Thời gian và địa điểm	Chủ đề	Thành phần tham dự
	Ngày 11/04/2014	Nhân tố phát thải, 3. Cân bằng khối lượng) 3) Đo đặc khí thải ống khói và nồng độ Ôxy tiêu chuẩn (1. Đo đặc khí thải ống khói tại thành phố Hồ Chí Minh, 2. Các vấn đề/ khó khăn trong việc xây dựng kiểm kê nguồn khí thải, 3. Các vấn đề khác) 4) QCVN về tiêu chuẩn phát thải (Mối liên hệ giữa hệ số phát thải vùng (Kv) và ống khói (Chiều cao) 5) Tiêu chuẩn môi trường và trạm quan trắc chất lượng không khí tự động (tiêu chí phân bổ, Vận hành và bảo trì, quản lý dữ liệu) 6) Thảo luận	tp. HCM) - Trung tâm quan trắc và phân tích môi trường (HEPA) - Phòng Kiểm soát ô nhiễm (HEPA) - Phòng đánh giá và thẩm định ĐTM (HEPA) - 3 Phòng tài nguyên môi trường quận/ huyện
2	Hội thảo Mini tại tp Hà Nội Ngày 8/09/2014	1) Cơ cấu luật pháp về Kiểm soát ô nhiễm không khí tại Nhật Bản 2) Kiểm kê khí thải: Phương pháp xây dựng kiểm kê khí thải 3) Quan trắc không khí tự động 4) Ứng dụng của hệ thống quan trắc khí thải liên tục tự động 5) Thảo luận	30 người tham dự - KKPL, Cục KSON - Chi cục BVMT Hà Nội - Ban Quản lý Dự án/ Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội - Thanh Tra Sở/ Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội - Trung tâm Quan trắc và Phân tích Tài nguyên Môi trường Hà Nội (CENMA)

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

2.2.3 Kết quả xây dựng Lộ trình

(1) Tiền đề, cơ sở của lộ trình

Tình trạng ô nhiễm môi trường tại Việt Nam ngày càng trở nên rõ rệt do tác động của quá trình công nghiệp hóa nhanh trong những thập kỷ gần đây, trong đó ô nhiễm không khí tại các đô thị, đặc biệt tại các thành phố lớn như Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh (tp.HCM). Vấn đề này dấy lên những lo ngại đối với sức khỏe người dân nếu không triển khai hiệu quả các biện pháp khắc phục ô nhiễm.

Chính phủ Việt Nam đã sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường (Luật Bảo vệ môi trường) vào tháng Sáu năm 2014 nhằm giải quyết và kiểm soát ô nhiễm môi trường, bao gồm ô nhiễm không khí, thông qua giới thiệu và áp dụng một góc tiếp cận quản lý hành chính mới, hiệu quả hơn..

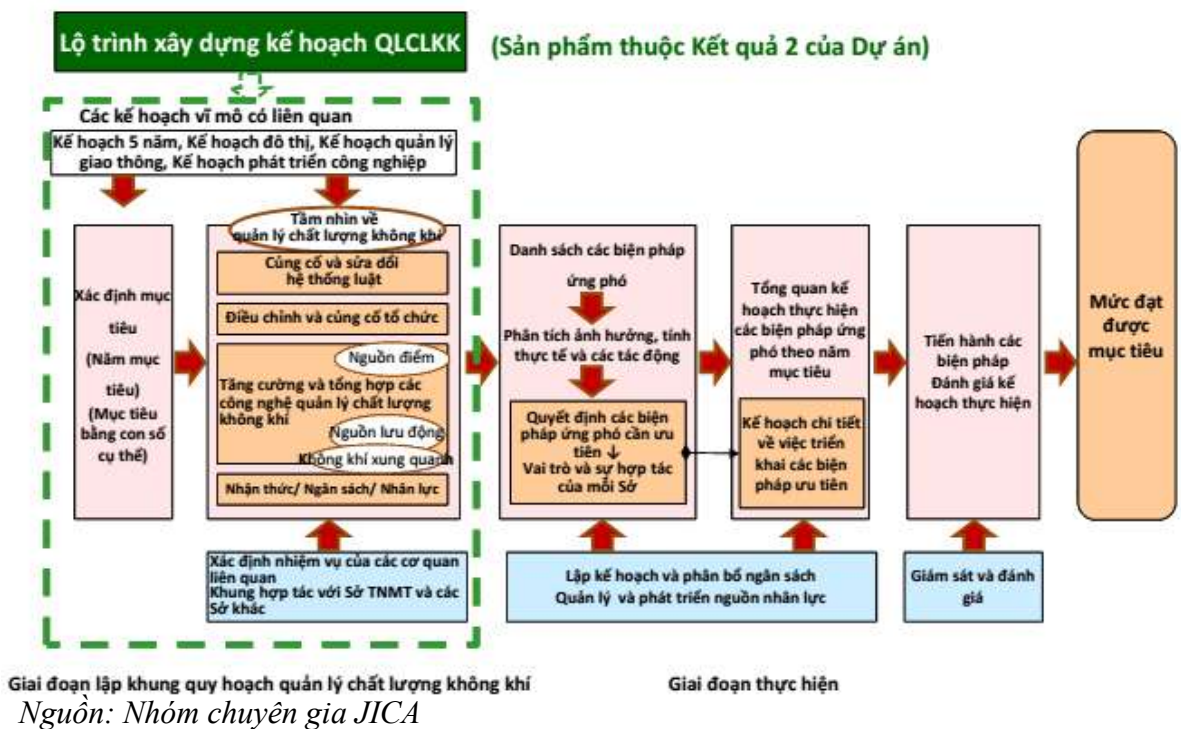
Luật BVMT sửa đổi quy định thẩm quyền và trách nhiệm của các Sở TNMT trong thực thi các chính sách, luật, quy định quốc gia liên quan tới quản lý và bảo vệ môi trường. Ngoài ra, Luật này cũng quy định nhiệm vụ xây dựng quy hoạch bảo vệ môi trường cấp tỉnh, bao gồm nội dung về quản lý ô nhiễm không khí và QLCLKK. Tuy nhiên hướng dẫn cụ thể về quy hoạch bảo vệ môi trường chưa được ban hành tính tới thời điểm kết thúc Dự án, do vậy, công tác chuẩn bị cho xây dựng quy hoạch bảo vệ môi trường, tập trung vào kiểm soát ô nhiễm không khí và QLCLKK tại hai thành phố, Hà Nội và Hồ Chí Minh, thông qua các hoạt động của dự án, là rất hữu ích và cần thiết.

Dựa trên những cơ sở trên, Dự án đã đề xuất Lộ trình để xây dựng kế hoạch QLCLKK tại Hà Nội và Hồ Chí Minh, trên cơ sở hợp tác với hai Sở Tài nguyên và môi trường – đối tác chính của Dự án. Hình 2.2-5 trình bày vai trò của Lộ trình này trong Kết quả 2 của dự án cũng như tổng quan quá trình lên kế hoạch và thực hiện kế hoạch QLCLKK

Trong quá trình nghiên cứu, xây dựng lộ trình, những phát hiện chính từ quá trình khảo sát tại hai thành phố đã được cân nhắc cẩn trọng, đặc biệt là

Tầm quan trọng của việc hợp tác, điều phối giữa các đơn vị trực thuộc UBND cấp tỉnh trong lĩnh vực QLCLKK hoặc kiểm soát ô nhiễm không khí, tác động đến cấu trúc của kế hoạch QLCLKK tại các thành phố

Tầm quan trọng của việc nắm rõ thực trạng chất lượng không khí xung quanh và các nguồn ô nhiễm không khí chính trong xây dựng kế hoạch QLCLKK, tác động đến sắp xếp lịch trình, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác đo đạc khí thải.



Hình 2.2-5 Tổng quan về quá trình đề xuất kế hoạch QLCLKK và vị trí của Kết quả 2 của dự án

(2) Xây dựng Lộ trình trong khuôn khổ Kết quả 2

Sau khi cùng chia sẻ và đánh giá các phát hiện chính từ quá trình khảo sát, Cục KSON/Bộ Tài nguyên và môi trường, Sở TNMT tại Hà Nội và Hồ Chí Minh, và JET đã cùng xây dựng lộ trình cho Kế hoạch Quản lý chất lượng không khí (AQMP), trên cơ sở nghiên cứu Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi. Báo cáo “Hướng dẫn xây dựng Kế hoạch Quản lý Chất lượng Không khí tại Hà Nội/Hồ Chí Minh” là một trong các sản phẩm hợp tác kỹ thuật trong khuôn khổ các hoạt động của Dự án, được đính kèm tại Phụ lục 13 và 14, với Mục lục như sau. Nội dung lộ trình cũng được tóm tắt tại Bảng 2.2-20 sau

Mục lục Lộ trình xây dựng Quy hoạch quản lý chất lượng không khí tại hai thành phố

Chương 1. Giới thiệu

1.1 Tổng quan

1.2. Các mục tiêu của Báo cáo

Chương 2. Tổng quan về thành phố Hà Nội, chất lượng không khí và tình hình quản lý chất lượng không khí

2.1. Tổng quan về thành phố Hà Nội

2.2. Các nguồn gây ô nhiễm không khí và chất lượng không khí hiện nay

2.3. Khung pháp lý về quản lý chất lượng không khí tại Hà Nội

Chương 3. Lộ trình xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng không khí tại thành phố Hà Nội

3.1. Những nội dung đề xuất cho Kế hoạch quản lý chất lượng không khí (AQMP)

3.2. Đề xuất cơ cấu tổ chức để xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng không khí (AQMP) tại Hà Nội

3.3 Các bên liên quan trong quá trình xây dựng AQMP

3.4 Các hoạt động chính để xây dựng AQMP

3.5 Lộ trình xây dựng AQMP

Bảng 2.2-20 Lộ trình xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng không khí (AQMP) cho thành phố Hà Nội/Hồ Chí Minh

Các giai đoạn và hoạt động xây dựng AQMP	Giai đoạn 1 (3 tháng)	Giai đoạn 2 (18 tháng)						Giai đoạn 3 (3 tháng)	Giai đoạn 4 (6 tháng)	
	1st Quarter	2Q	3Q	4Q	5Q	6Q	7Q	8th Quarter	9th Q	10th Q
Giai đoạn 1: Tổ chức hành chính										
Thành lập PMU và nhóm nghiên cứu	■									
Lập tầm nhìn và mục đích ban đầu thông qua các buổi họp giữa các bên liên quan và nhóm nghiên cứu	■									
Xây dựng Kế hoạch làm việc và lịch trình công tác (nhóm nghiên cứu thực hiện)	■									
Giai đoạn 2: Thu thập số liệu nền										
Thực hiện kiểm kê khí thải các nguồn ô nhiễm không khí chính		■	■	■	■	■				
Phân tích hệ thống giao thông			■	■	■	■				
Phân tích chương trình quản lý chất thải rắn				■	■	■				
Phân tích các nguồn điện				■	■	■				
Quan trắc chất lượng không khí		■	■	■	■	■	■			
Giai đoạn 3: Phân tích tình hình										
Lập các kịch bản kinh tế - xã hội và năm mục								■		
Phân tích tải lượng ô nhiễm và hiện trạng không khí xung quanh ở hiện tại và ở năm mục tiêu								■	■	
Ước tính khí thải nhà kính: hiện trạng và xu hướng trong tương lai								■		
Xác định tầm nhìn và mục đích thông qua các buổi họp với những bên liên quan								■	■	
Giai đoạn 4: Xây dựng AQMP										
Đề xuất các biện pháp và các chương trình									■	■
Đề xuất các biện pháp quản lý và kế hoạch ngân sách									■	■
Lựa chọn các biện pháp ưu tiên									■	■
Xây dựng AQMP và kế hoạch thực hiện AQMP									■	■
Gửi AQMP cho các bên liên quan để lấy ý kiến, tổ chức các buổi hội thảo để thảo luận										■

*: Giả thuyết về các nguồn lực được huy động và phân bổ được xây dựng dựa trên kinh nghiệm và phán đoán của các tư vấn và chỉ huy động nguồn lực trong nước. Trong trường hợp đó, ngân sách UBND tỉnh cần phân bổ dao động từ 250.000- 300.000 đô-la Mỹ.

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

2.3 Các hoạt động khác

2.3.1 Hỗ trợ Cục KSON xây dựng kiểm kê khí thải cho một số ngành công nghiệp

(1) Bồi dưỡng hoạt động tư vấn/ hỗ trợ kỹ thuật Cục KSON để tiến hành kiểm kê khí thải cho một số ngành công nghiệp

Dưới sự hỗ trợ trực tiếp của lãnh đạo Tổng cục môi trường, KKPL/Cục KSON đã và đang tiến hành kiểm kê khí thải nhà máy từ tháng 11 năm 2013 cho một số ngành công nghiệp như nhiệt điện, xi măng, thép. Đây là lần đầu tiên Việt Nam tự tiến hành kiểm kê khí thải nhà máy nên cần có sự hỗ trợ và tư vấn kỹ thuật từ các chuyên gia giàu kinh nghiệm. Nhóm chuyên gia JICA của Dự án (JET) có kinh nghiệm về xây dựng kiểm kê khí thải ở các nước châu Á (kể cả Việt Nam), để đánh giá và kiểm tra độ tin cậy của các thông tin thu thập được trong lĩnh vực kiểm soát ô nhiễm không khí. Vì thế, hỗ trợ qua phương thức OJT (đào tạo qua công việc). Mục tiêu của đợt khảo sát kiểm kê khí thải lần này là:

- Tiến hành khảo sát, xây dựng Phiếu thông tin cho một số ngành công nghiệp như: thép, xi măng, nhiệt điện.
- Thực hiện thanh tra, khảo sát thực địa tại một số nguồn thải thuộc các ngành công nghiệp sản xuất thép, xi măng, và nhiệt điện.
- Xác định mức tiêu thụ nhiên liệu, loại công nghệ sản xuất làm phát sinh khí thải
- Xác định các nguồn khí thải công nghiệp
- Hiểu được hiện trạng kiểm soát ô nhiễm không khí, quan trắc khí thải
- Tổng hợp các thông tin thu thập được, xem xét, và đánh giá độ tin cậy của dữ liệu
- Xây dựng kiểm kê khí thải tại một số ngành công nghiệp
- Nghiên cứu các thách thức và khó khăn về kiểm soát ô nhiễm không khí.

(2) Tóm tắt các hoạt động hỗ trợ

(1) Các cơ sở công nghiệp mục tiêu và phương pháp thu thập thông tin

Các lĩnh vực công nghiệp mục tiêu là: nhà máy nhiệt điện, công nghiệp sản xuất xi măng và thép, còn được gọi là những nguồn ô nhiễm không khí lớn tại Việt Nam. Các cơ sở công nghiệp được Cục KSON lựa chọn tham gia khảo sát này bao gồm: 24 nhà máy nhiệt điện, 48 nhà máy xi măng, và 26 nhà máy sản xuất thép.

KKPL/Cục KSON đã xây dựng Phiếu thông tin nhằm phục vụ công tác kiểm kê và gửi tới các cơ sở mục tiêu trong năm 2013. JET đã đưa ra những tư vấn cần thiết kể từ Tháng Sáu 2014. KKPL/Cục KSON và các chuyên gia trong nước của JET đã tiến hành thu thập những thông tin bị bỏ sót thông qua việc tiếp cận trực tiếp với các nhà máy, thăm trực tiếp các cơ sở và tiến hành phỏng vấn, bổ sung thông tin gián tiếp, và gọi điện tới các cơ sở để xác nhận thông tin.

(2) Hỗ trợ xây dựng Dự thảo thông tư hướng dẫn thực hiện kiểm kê khí thải công nghiệp

KKPL/Cục KSON đang xây dựng Thông tư hướng dẫn thực hiện kiểm kê khí thải công nghiệp. Việc xây dựng thông tư này cần nhiều kinh nghiệm và kiến thức kỹ thuật. KKPL/ Cục KSON mong đợi sẽ có được nhiều kiến thức cần

thiết thông qua việc triển khai các hoạt động về xây dựng kiểm kê khí thải công nghiệp do JET hỗ trợ. Bên cạnh đó, JET và Cục KSON đã cùng tổ chức một hội thảo để thu thập ý kiến về bản Dự thảo thông tư hướng dẫn thực hiện kiểm kê khí thải công nghiệp ngày 11/11/2014.

(3) Các hoạt động hỗ trợ chính

Từ tháng 6 năm 2014 tới khi kết thúc dự án, JET tiến hành tư vấn cho KKPL/ Cục KSON về các công việc cần thiết để kiểm kê khí thải một số ngành công nghiệp mục tiêu. Các hoạt động hỗ trợ chính bao gồm:

- Tư vấn kỹ thuật và nhận xét về Phiếu thông tin về nguồn khí thải cho 3 ngành công nghiệp mục tiêu (do KKPL/Cục KSON xây dựng)
- Tư vấn kỹ thuật và nhận xét về Phiếu thông tin phản hồi từ các ngành công nghiệp
- Tư vấn kỹ thuật về khảo sát thực địa cho một số nguồn khí thải của ngành thép, xi măng, nhiệt điện
- Tư vấn kỹ thuật và nhận xét về Báo cáo kiểm kê khí thải công nghiệp do 3 chuyên gia Việt Nam được thuê để hỗ trợ KKPL/ Cục KSON.
- Tư vấn kỹ thuật trong xây dựng kiểm kê khí thải của một số ngành công nghiệp mục tiêu, và
- Đề xuất ý kiến để nâng cao chất lượng của các đợt kiểm kê khí thải trong tương lai

Các hoạt động hỗ trợ chính của JET được trình bày trong Bảng 2.3-1

Bảng 2.3-1 Các hoạt động hỗ trợ chính của JET

Ngày	Nội dung hoạt động	Thành phần tham dự
26/06/2014	Thảo luận về các thuật ngữ tham khảo, bao gồm cả kế hoạch, Phiếu thông tin	KKPL/Cục KSON và JET
04/07/2014	Thảo luận kỹ thuật theo nội dung Phiếu thông tin	KKPL/Cục KSON và JET
15/07/2014	Thảo luận về chuyên gia VN và kế hoạch tổng quan	KKPL/Cục KSON và JET
22/07/2014	Thảo luận kỹ thuật về Phiếu thông tin của ngành nhiệt điện và ngành thép	KKPL/Cục KSON, chuyên gia VN và JET
23/07/2014	Thảo luận kỹ thuật về Phiếu thông tin của ngành xi măng	KKPL/Cục KSON, chuyên gia VN và JET
29/07/2014	Khảo sát thực địa tại nhà máy xi măng Xuân Thành (tỉnh Hà Nam) theo Phiếu thông tin	KKPL/Cục KSON, Sở TNMT Hà Nam, chuyên gia VN và JET
04/08/2014	Thảo luận về báo cáo hoạt động và kế hoạch thu thập Phiếu thông tin	KKPL/Cục KSON và JET
07/08/2014	Thảo luận kỹ thuật đánh giá, kiểm tra độ tin cậy của Phiếu thông tin cho ngành thép	KKPL/Cục KSON, chuyên gia VN và JET

08/08/2014	Thảo luận kỹ thuật đánh giá, kiểm tra độ tin cậy của Phiếu thông tin cho ngành xi măng	KKPL/Cục KSON, chuyên gia VN và JET
11/08/2014	Thảo luận kỹ thuật đánh giá, kiểm tra độ tin cậy của Phiếu thông tin cho ngành nhiệt điện	KKPL/Cục KSON, chuyên gia VN và JET
04/09/2014	Khảo sát thực địa tại nhà máy xi măng Quán Triều (tỉnh Thái Nguyên) theo Phiếu thông tin	KKPL/Cục KSON, Hà Nam Sở TNMT, Chuyên gia VN và JET
04/09/2014	Khảo sát thực địa tại Công ty Gang thép Thái Nguyên (TISCO) (tỉnh Thái Nguyên) theo Phiếu thông tin	KKPL/Cục KSON, Sở TNMT Hà Nam, chuyên gia VN và JET
19/09/2014	Khảo sát thực địa tại Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh (tỉnh Quảng Ninh) theo Phiếu thông tin	KKPL/Cục KSON, Sở TNMT Hà Nam, chuyên gia VN và JET
11/11/2014	Hội thảo	KKPL/Cục KSON, JET
15/11/2014	Nhận xét và tư vấn kỹ thuật về Dự thảo báo cáo tổng kết kiểm kê khí thải ngành xi măng	JET
20/11/2014	Nhận xét và tư vấn kỹ thuật về Dự thảo báo cáo tổng kết kiểm kê khí thải ngành nhiệt điện	JET
25/11/2014	Nhận xét và tư vấn kỹ thuật về Dự thảo báo cáo tổng kết kiểm kê khí thải ngành thép	JET
6/01/2015	Nhận xét kỹ thuật về Báo cáo tổng kết ngành xi măng	JET
22/01/2015	Tư vấn kỹ thuật về xây dựng kiểm kê khí thải tại Việt nam	KKPL/Cục KSON và JET
27/01/2015	Tư vấn kỹ thuật, đề xuất nội dung Phiếu thông tin	KKPL/Cục KSON và JET
30/01/2015	Tư vấn kỹ thuật về cải thiện chất lượng Phiếu thông tin	KKPL/Cục KSON và JET

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

(3) Tóm tắt về quá trình xây dựng Kiểm kê khí thải

1) Phương pháp xây dựng kiểm kê khí thải

Công tác kiểm kê khí thải tại một số ngành công nghiệp được lựa chọn được thực hiện theo những phương pháp sau:

- ✓ Thu thập thông tin và dữ liệu từ các văn bản pháp luật hiện hành (Luật, Nghị định, Thông tư, v.v...), các báo cáo môi trường, kết quả các nghiên cứu trước đó và thông tin, dữ liệu thu thập từ mạng Internet.
- ✓ Thu thập thông tin và dữ liệu thông qua Phiếu thông tin
- ✓ Khảo sát bổ sung tại hiện trường, phỏng vấn trực tiếp hoặc qua điện thoại đối với cán bộ chịu trách nhiệm quản lý môi trường của nhà máy nhiệt điện sẽ được tiến hành nếu thông tin trong Phiếu câu hỏi không đầy đủ hoặc bị bỏ sót.

- ✓ Xây dựng kiểm kê khí thải bằng văn bản dạng Microsoft Excel. Cục KSON và JET đã thảo luận kỹ càng về cấu trúc của văn bản một cách hiệu quả.
- ✓ Sử dụng chuyên gia tư vấn trong nước: Các chuyên gia tư vấn trong nước đóng góp ý kiến vào quá trình thực hiện công tác kiểm kê và mời JET tham gia các cuộc khảo sát cũng như góp ý vào Báo cáo khảo sát và Kết quả phỏng vấn.
- ✓ Tích hợp kết quả cả quá trình thực hiện và xây dựng Báo cáo kiểm kê khí thải
- ✓ Ước tính lượng khí thải để áp dụng hệ số phát thải và các dữ liệu đáng tin cậy

Công thức cơ bản để ước tính lượng phát thải dựa trên hệ số phát thải,

$E = A \times EF(1 - ER/100)$	
Trong đó:	E : Lượng phát thải (kg/năm)
	A : Dữ liệu hoạt động (tấn nhiên liệu hoặc tấn sản phẩm/ năm)
	EF : Hệ số phát thải (kg/ tấn nhiên liệu hoặc kg/ tấn sản phẩm))
	ER: Hiệu suất giảm phát thải (%)

Số lượng các nhà máy mục tiêu trong khảo sát được trình bày trong Bảng 2.3-2.

Bảng 2.3-2 Số lượng các nhà máy mục tiêu trong mỗi ngành công nghiệp

Ngành	Số lượng nhà máy mục tiêu (nhà máy)
Nhiệt điện	24
Xi măng	48
Thép	26

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

(4) Tóm tắt Kết quả kiểm kê khí thải

Số lượng các Phiếu thông tin phản hồi

Trong quá trình tiến hành khảo sát, khoảng 80% các nhà máy mục tiêu đã gửi phản hồi Phiếu thông tin. Số lượng cụ thể các nhà máy trả lời Phiếu thông tin ở từng ngành công nghiệp được trình bày ở Bảng 2.3-3.

Bảng 2.3-3 Số lượng các nhà máy mục tiêu phản hồi Phiếu thông tin

Ngành	Số lượng nhà máy mục tiêu	Số lượng nhà máy phản hồi	Phần trăm phản hồi (%)
Nhiệt điện	24	22	91.7
Xi măng	47	38	80.9
Thép	26	19	73.1

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Ví dụ về thông tin thu thập được

Cục KSON và JET đã nhận được phản hồi từ các nhà máy thông qua Phiếu thông tin. Kết quả khảo sát tại ngành xi măng được trình bày tại Bảng 2.3-4 để minh họa. Tất cả kết quả khảo sát được tổng hợp vào Phụ lục 17. Trong khảo sát này, Phiếu thông tin được gửi tới 44 cơ sở sản xuất xi măng và có 35 đơn vị trả lời. Cùng với 3 phiếu thông tin thu thập trong quá trình khảo sát thực địa, tổng số lượng phiếu thông tin thu thập được là 38, tỷ lệ trả lời đạt 38/47 (80.9%). Tỷ lệ trả lời cho từng câu hỏi được trình bày tại Bảng 2.3-4.

Bảng 2.3-4 Tóm tắt Kết quả khảo sát bằng Phiếu thông tin đối với các nhà máy xi măng

STT	Thông tin yêu cầu cung cấp	Tóm tắt câu hỏi
1	Năm thành lập (lưu ý: Một số dữ liệu do Cục KSON cung cấp)	<ul style="list-style-type: none"> - Trước 1975: 2/44 (4.5%) - Từ năm 1976 tới 1990: 4/44 (9.1%) - Từ năm 1991 tới 2000: 10/44 (22.7%) - Từ năm 2001 tới 2010: 12/44 (27.3%) - Từ năm 2011 tới nay: 2/44 (4.5%) - Không có thông tin: 14/44 (31.8%)
2	Sản lượng clinke trong năm 2012 (Triệu tấn)	<ul style="list-style-type: none"> - Dưới 0.5: 11/44 (25.0%) - Từ năm 0.5 tới 1.0: 4/44 (9.1%) - Từ năm 1.0 tới 1.5: 5/44 (11.4%) - Từ năm 1.5 tới 2.0: 5/44 (11.4%) - Từ năm 2.0 tới 2.5: 1/44 (2.3%) - Từ năm 2.5 tới 3.0: 2/44 (4.5%) - Trên 3.0: 5/44 (11.4%) - Không có thông tin: 11/44 (25.0%)
3	Loại nhiên liệu	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ dùng than: 22 - Than + FO: 8 - Than + nhiên liệu khác: 5 - Than + FO + nhiên liệu khác: 5
6	Đặc tính của nhiên liệu	<ul style="list-style-type: none"> - Độ tro: Phần lớn dao động từ 15 tới 24%, riêng nhà máy xi măng Nghi Sơn cao hơn hẳn - từ 29 tới 32% - Chất bốc: Phần lớn đạt 7-8%, nhà máy xi măng Hoàng Thạch đạt giá trị thấp nhất với 5% trong khi nhà máy xi măng Holcim và Thành Công đạt giá trị cao nhất, lần lượt là 38% và 41.2%
7	Công nghệ sản xuất	<ul style="list-style-type: none"> - Lò quay và khô: 43 - Lò đứng và bán khô: 01
8	Thông số kỹ thuật của lò	<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài từ 11 m tới 85 m, hầu hết nằm trong khoảng từ 50m-70 m - Đường kính: từ 3.2 m tới 5.3 m, trung bình đạt 4.2 m - RPM: Từ 0.36 tới 4.8 rpm - Độ nghiêng: Từ năm 3 tới 4%

STT	Thông tin yêu cầu cung cấp	Tóm tắt câu hỏi
		<ul style="list-style-type: none"> - Nhiệt độ nung: Từ 1250 tới 1500 °C, hầu hết đạt khoảng 1450 °C - Nước xuất xứ: Trung Quốc, Đức, Nhật Bản, Đan Mạch, phần lớn là từ Trung Quốc (24/44 cơ sở)
9	Cơ chế vận hành	Hầu hết các cơ sở vận hành 24 giờ/ngày, 7 ngày/tuần, 10 tháng/năm (2 tháng tiến hành bảo dưỡng). Tuy nhiên, một số nhà máy chỉ vận hành từ 18-21 giờ/ngày.
10	Cơ sở xử lý khí thải	<p>ESP:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 17/44 cơ sở báo cáo có lắp đặt (22 cơ sở không trả lời) - Hiệu suất: hầu hết >99%, một số khác thấp hơn (95-98%) - Nhiệt độ biến thiên từ 60 tới 400 °C - Tốc độ dòng khí: Hầu hết từ 0.66 tới 1 m/s, một số cơ sở đạt >1.2 m/s <p>Lọc bụi tay áo: không thể tóm tắt nội dung vì các thông tin thu thập được không thống nhất</p>
11	Thông tin về ống khói	<p>Chiều cao ống khói, số lượng cơ sở trả lời: 66</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cao hơn hoặc bằng 50 m: 33 - Cao hơn 50 m và dưới 100 m: 14 - Cao hơn 100 m: 19 <p>Đường kính ống khói, số lượng cơ sở trả lời: 66</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhỏ hơn hoặc bằng 2 m: 15 - Trên 2 m nhưng dưới 4 m: 41 - Trên 4 m: 10 <p>Nhiệt độ ống khói:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thấp hơn hoặc bằng 100 °C : 21 - Trên 100 °C, dưới 200: 25 - Trên 200 °C: 4 <p>(Lưu ý: Một số nhà máy báo cáo nhiệt độ ống khói theo khoảng, như 100-150 °C hay 150-200 °C, v.v...)</p>
12	Quan trắc khí thải – CEMS	<ul style="list-style-type: none"> - Số đơn vị báo cáo "Có" sản công tác quan trắc khí thải: 36 - Số đơn vị báo cáo hệ thống CEMS "đang hoạt động": 17 - Số hệ thống CEM quan trắc bụi: 9 - Số hệ thống CEM quan trắc SO₂: 8 - Số hệ thống CEM quan trắc NO_x: 9 - Số hệ thống CEM quan trắc CO: 9
13	Kết quả quan trắc khí thải	Không thể tóm tắt do thông tin thu thập không thống nhất

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Ước tính lượng phát thải

Lượng phát thải của các nhà máy xi măng mục tiêu được ước tính dựa trên công thức tính toán được trình bày phía trên. Lượng phát thải ước tính của các nhà máy xi măng được trình bày tại Bảng 2.3-5. Tất cả kết quả khảo sát và ước tính lượng phát thải của các ngành công nghiệp mục tiêu được trình bày tại Phụ lục 17.

Bảng 2.3-5 Lượng phát thải ước tính của các nhà máy xi măng

STT	Tên nhà máy	Sản lượng clinke (Tấn/năm)		Lượng phát thải năm 2011 (kg/năm)		Lượng phát thải năm 2012 (kg/năm)	
		2011	2012	TSP	NOx	TSP	NOx
1		155,914	207,451	39,914	335,215	53,107	446,019
2		300,000	7,500,000	1,920,000	645,000	48,000,000	16,125,000
3		697,367	581,987	4,463,147	1,499,338	3,724,717	1,251,272
4		189,071	185,032	484,022	406,503	473,682	397,819
5		643,807	497,379	12,361,094	1,384,185	9,549,677	1,069,365
6		78,600	141,500	503,040	168,990	905,600	304,225
7		631,701	405,686	808,577	1,358,157	519,278	872,225
8			150,000			38,400	322,500
9		3,001,469	3,075	3,841,880	6,453,158	3,936	6,611
10		3	3	0	7	0	7
11		360,000	422,274	460,800	774,000	540,511	907,889
12			1,033,009			19,833,773	2,220,969
13		1,076,769	3,028,528	20,673,965	2,315,053	38,765	6,511,335
14		2,980,000		38,144	6,407,000		
15		1,595,367	1,716,428	204,207	3,430,039	219,703	3,690,320
16		1,701,923	1,651,456	2,178,461	3,659,134	2,113,864	3,550,630
17		117	80,946	150	252	103,611	174,034
18		2,450,000	2,560,000	15,680,000	5,267,500	16,384,000	5,504,000
19		70,000	70,000	89,600	150,500	89,600	150,500
20		209,162	254,657	1,338,635	449,698	1,629,805	547,513
21		1,192,334	1,260	22,892,813	2,563,518	24,192	2,709
22		2,690,936	2,843,343	344,440	5,785,512	363,948	6,113,187
23		2,207,953	2,420,752	42,392,698	4,747,099	46,478,438	5,204,617
24		1,149,906	940,906	22,078,195	2,472,298	18,065,395	2,022,948
25		168,914	1,788,803	216,210	363,165	2,289,668	3,845,927
26		2,850,000	3,024,000	7,296,000	6,127,500	7,741,440	6,501,600
27		650,000	700,000	832,000	1,397,500	896,000	1,505,000
28		3,216,363	3,636,119	164,678	6,915,180	186,169	7,817,656
29		1,260,000	1,251,000	48,384	2,709,000	48,038	2,689,650
30		114,137		24,398	245,394		
31		1,767,747	1,324,000	11,313,581	3,800,656	8,473,600	2,846,600
32		1,200,000	1,260,000	153,600	2,580,000	161,280	2,709,000
33		1,700,000	1,760,000	8,704,000	3,655,000	9,011,200	3,784,000
34		1,426,573	1,423,073	9,130,067	3,067,132	9,107,667	3,059,607
35		919,000	1,634,622	17,644,800	1,975,850	31,384,742	3,514,437
36			860,661			16,524,691	1,850,421
37		995,566	1,215,192	254,865	2,140,467	311,089	2,612,663
38		250,000	230,000	320,000	537,500	294,400	494,500

Lưu ý: Tên của các nhà máy không được trình bày nhằm bảo mật thông tin.

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

(4) Tóm tắt các Lưu ý và tư vấn kỹ thuật

1) Xây dựng Phiếu thông tin và Tiến hành Khảo sát sử dụng Phiếu thông tin

i) Các vấn đề khó khăn

Trong quá trình khảo sát sử dụng Phiếu thông tin, bao gồm cả giai đoạn chuẩn bị, JET đã ghi nhận những vấn đề khó khăn như sau:

- ✓ Phiếu thông tin không có đủ cột để liệt kê các thông tin về cơ sở, ví dụ như: Nhà máy có 5 nồi hơi nhưng chỉ dành một cột để miêu tả thông tin về nồi hơi và các ống khói.
- ✓ Không có cột để điền thông tin về nồng độ khí thải, lưu lượng khí thải, số giờ hoạt động hàng năm. Ngoài ra, thông tin về số lượng ống khói, số giờ vận hành, bao gồm cả giờ bắt đầu/ngừng vận hành cũng không được thu thập do không có cột thông tin
- ✓ Báo cáo đo đạc khí thải ống khói (cung cấp các thông tin rất quan trọng như: thiết bị đo đạc khí thải, các thông số, tần suất đo đạc và đơn vị thực hiện đo đạc,...) chưa được đính kèm cùng với Phiếu thông tin. Ngoài ra, một số đơn vị hiểu nhầm, cung cấp thông tin về nồng độ không khí xung quanh của nhà máy.
- ✓ Thiếu thông tin về mối quan hệ giữa hệ thống xử lý và ống khói, ví dụ nhà máy có 2 ống khói nhưng chỉ có thông tin về một hệ thống xử lý. Do đó, rất khó để xác định nhà máy lắp đặt 2 hệ thống xử lý giống nhau hay một hệ thống xử lý được kết nối với cả 2 nồi hơi.
- ✓ Lượng nhiên liệu tiêu thụ và nguồn gốc nhiên liệu không được điền đầy đủ.
- ✓ Không có cột thông tin về số lượng ống khói kết nối với clinker.
- ✓ Một số nhà máy không cung cấp thông tin về kết quả đo đạc khí thải ống khói, lưu lượng khí thải, số giờ vận hành hàng năm hoặc kết quả tính toán lượng phát thải hàng năm không chính xác.

ii) Lưu ý và Tư vấn kỹ thuật

Để khắc phục những vấn đề khó khăn trên, JET đề xuất các giải pháp dưới dạng lưu ý và tư vấn kỹ thuật. Các lưu ý và tư vấn kỹ thuật chính như sau: I

- ✓ Phải gọi điện cho nhà máy để xác định lại các thông tin cần thiết. VD Nếu sơ đồ mặt bằng nhà máy cho thấy có 5 nồi hơi mà chỉ có thông tin về một nồi hơi thì KKPL/Cục KSON và/ hoặc chuyên gia VN do JET thuê phải điện thoại cho nhà máy để xác định và bổ sung thông tin cần thiết.
- ✓ Phải gọi điện cho nhà máy và giải thích lại mục đích của các câu hỏi trong Phiếu khảo sát. Và, giải thích các số liệu cần thu thập là số liệu về khí thải ống khói, chứ không phải không khí xung quanh. Ngoài ra, tần suất đo đạc và nồng độ ôxy dư cũng phải được thu thập. Và rất cần xác nhận đơn vị số liệu là “mg/ Nm³” hay “mg/ m³”.

- ✓ Để kiểm tra số lượng và đơn vị sản xuất, bằng cách đối chiếu với các thông tin về kích thước lò nung và công suất sản xuất clinke đã được điền trong phiếu khảo sát. Trường hợp phiếu khảo sát bị bỏ trống nội dung này thì phải điện thoại cho nhà máy để xác định và bổ sung thông tin cần thiết.
- ✓ JET giải thích cách tính lượng phát thải hàng năm (Lượng phá thải hàng năm = nồng độ khí thải x Lưu lượng khí thải x số giờ hoạt động hàng năm). Ngoài ra phải thống nhất về đơn vị tính. Nếu thông tin trên phiếu khảo sát không thống nhất về đơn vị, KKPL/Cục KSON và/hoặc chuyên gia Việt Nam do JET thuê phải điện thoại cho nhà máy để xác định lại thông tin về đơn vị.
- ✓ Phải yêu cầu các nhà máy gửi các báo cáo đo đạc khí thải. Ngoài ra cần xác định đơn vị tính là “mg/ Nm³” hay “mg/ m³”.
- ✓ Cần kết nối giữa các hệ thống đốt (nồi hơi hoặc lò nung clinke), quá trình, hệ thống xử lý và ống khói.
- ✓ Không có cột để điền lượng nhiên liệu hàng năm cho mỗi cơ sở. Cần thêm cột này vào Phiếu thông tin.
- ✓ Không có cột để điền nồng độ O₂ của lò hơi. Cần thêm cột này vào Phiếu thông tin.
- ✓ Cần sử dụng một loại đơn vị thống nhất theo tiêu chuẩn Việt Nam (QCVN) cho nồng độ khí thải (mg/Nm³) và lưu lượng khí thải (Nm³/h) trong ống khói.
- ✓ Đối với ngành thép, cần xây dựng Phiếu thông tin cho từng loại, ví dụ 1) lò nung than cốc, 2) nhà máy thiêu kết, 3) Nhà máy đóng viên, 4) Lò đứng, 5) Luyện thép, và 6) Lò luyện lại

Những đề xuất trên đã được sửa đổi, cập nhật vào Phiếu thông tin do JET đề xuất. Những phiếu thông tin này được đính kèm vào Sản phẩm hợp tác kỹ thuật về Xây dựng kiểm kê khí thải, Phụ lục 17. Hình 2.3-1 là một ví dụ về Phiếu thông tin được đề xuất. JET và Cục KSON đã cùng xây dựng Phiếu thông tin này, với các phương án trả lời mẫu. Những tài liệu này sẽ hỗ trợ cho quá trình kiểm tra và xác nhận câu trả lời thực tế.

MINISTRY OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
Vietnam Environment Administration

**QUESTIONNAIRE ON
EMISSION OF CEMENT FACTORY**

I. GENERAL INFORMATION

1. Name of cement factory:

2. Location:
Address:
Tel: Fax:
Email:
Longitude: Latitude:

3. Year of establishment:

4. Type of business:
State-owned Co Ltd One member Co Ltd
Joint-stock Private Joint venture

5. Design Capacity by product line of clinker in 2014:
Design Capacity: ton/day x product line
Design Capacity: ton/day x product line
Design Capacity: ton/day x product line
Design Capacity: ton/day x product line
If a factory has many product lines of clinker, please describe each product line of clinker.

6. Amount of clinker product in 2014:
Amount of clinker product in 2014: ton/year

7. Name of person filling in the questionnaire:
Full name: Department: Position:
Tel: Fax:
Address:
Mobile: Email:

1

MINISTRY OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
Vietnam Environment Administration

III. STACK INFORMATION

Code of stack	Okh 1	Okh 2	Okh 3	Okh 4
Location of stack (Longitude/Latitude)	22° 07'59.99"N 103° 0'35.27"E	22° 07'59.92"N 103° 0'35.80"E	22° 07'58.43"N 103° 0'34.77"E	22° 07'58.99"N 103° 0'35.27"E
Stack height (m)	88 m	88 m	93 m	48 m
Inner diameter of stack outlet (m)	3.7 m	3.7 m	3.2 m	3.8 m
Temperature of stack gas at stack outlet (°C)	118°C	113°C	119°C	117°C
Flow rate of emission in stack (m ³ /h)	20000 m ³ /h	22000 m ³ /h	40000 m ³ /h	30000 m ³ /h
Flow rate of emission in stack (Nm ³ /h) converted at 25 °C, 1 atm	21812 Nm ³ /h	23094 Nm ³ /h	27803 Nm ³ /h	2726 Nm ³ /h
Is working platform for stack gas measurement at stack available? ⁽¹⁾	Yes <input checked="" type="checkbox"/> No <input type="checkbox"/>	Yes <input checked="" type="checkbox"/> No <input type="checkbox"/>	Yes <input checked="" type="checkbox"/> No <input type="checkbox"/>	Yes <input checked="" type="checkbox"/> No <input type="checkbox"/>

Code of stack	Okh 5	Okh 6	Okh 7	Okh 8
Location of stack (Longitude/Latitude)	22° 07'59.92"N 103° 0'35.80"E	22° 07'58.43"N 103° 0'34.77"E		
Stack height (m)	48 m	48 m		
Inner diameter of stack outlet (m)	3.8 m	2.7 m		
Temperature of flue gas at stack outlet (°C)	107°C	107°C		
Flow rate of emission in stack (m ³ /h) ⁽²⁾ (annual average in 2014)	23000 m ³ /h	40000 m ³ /h		
Flow rate of emission in stack (Nm ³ /h) ⁽²⁾ converted at 25 °C, 1 atm	24922 Nm ³ /h	31794 Nm ³ /h		
Is working platform for stack gas measurement at stack available? ⁽³⁾	Yes <input checked="" type="checkbox"/> No <input type="checkbox"/>	Yes <input checked="" type="checkbox"/> No <input type="checkbox"/>	Yes <input type="checkbox"/> No <input type="checkbox"/>	Yes <input type="checkbox"/> No <input type="checkbox"/>

Note: (1) Emission flow rate (m³/h) emitting into the environment must be the values corresponding to the temperature measured at stack outlet.
(2) Nm³/h; Normal m³ per hour, normal means "at condition of 25 °C, 1.0 atm".
(3) Please choose from multiple options and tick in the box.

IV. INFORMATION ABOUT FUEL CONSUMPTION IN 2014

Characteristics of fuel used in 2014

Parameter	Coal ⁽¹⁾	FO
1. Type of fuel (name, type)	Fung danh 4a	
2. Low calorific value - Q _{net} ⁽²⁾	3000 (kcal/kg)	(MJ/kg)
3. Sulfur S _d (%)	3.6	
4. Ash	11.8	
5. Specific gravity		

Note: (1) Example of description: such as anthracite coal, coal-dust type 4, Hon Gai coal, Vàng danh coal, or imported coal from abroad (what country)?

3

MINISTRY OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
Vietnam Environment Administration

Note: (1) Please choose from multiple options and tick in the box.

VI. INFORMATION ABOUT CLINKER COOLING SYSTEM

If a factory has many clinkers cooling systems, please describe each clinker cooling systems in detail.

Code of clinker cooling system	Clinker Cooling 1	Clinker Cooling 2	Clinker Cooling 3	Clinker Cooling 4
Starting time of operation (year)	2004	2008	2012	
Code of clinker connecting to clinker cooling system	Clinker 1	Clinker 2	Clinker 3	
Code of stack connecting to clinker cooling system	Okh 2	Okh 1	Okh 4	
Emission treatment system is available ⁽¹⁾	Yes <input checked="" type="checkbox"/> No <input type="checkbox"/>	Yes <input checked="" type="checkbox"/> No <input type="checkbox"/>	Yes <input checked="" type="checkbox"/> No <input type="checkbox"/>	Yes <input type="checkbox"/> No <input type="checkbox"/>
Operation status of treatment system ⁽²⁾	Working properly <input checked="" type="checkbox"/> Not working <input type="checkbox"/>	Working properly <input checked="" type="checkbox"/> Not working <input type="checkbox"/>	Working properly <input checked="" type="checkbox"/> Not working <input type="checkbox"/>	Working properly <input type="checkbox"/> Not working <input type="checkbox"/>
Name of treatment technology of dust	Bag Filter	Bag Filter	Bag Filter	
Average of treatment efficiency of dust ⁽³⁾	99.2%	99.2%	99.2%	

Note: (1) Please choose from multiple options and tick in the box.

VII. STACK GAS MONITORING

1. Periodic stack gas monitoring

o Stage Platform for stack gas measurement: Yes No

o Monitored equipment (Please provide origin and model of equipment):
Generic pollutants:
Dust:

o Monitored parameters:
SO₂, NO_x, Dust, O₂, temperature, flow rate

o Monitoring Frequency: times/year

o Monitoring implementation agency:

6

MINISTRY OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
Vietnam Environment Administration

(2) mg/Nm³; Normal m³. Normal means "at condition of 25 °C, 1.0 atm".
(3) Nm³/h; Normal m³ per hour, Normal means "at condition of 25 °C, 1.0 atm".
(4) If average data such as concentration, flow rate or temperature are not available, please fill representative value.

VIII. OTHER INFORMATION:

1. Distance and direction from factory to the nearest residential area:
(Please put a map including factory and the nearest residential area)

2. Prevailing wind direction:

3. Future plan (installation of new equipment, change of fuels, stack, emission control)
.....

IX. RELATED RECOMMENDATIONS AND PROPOSALS

.....

.....

.....

Name of surveyor: Name of entity:

12

Hình 2.3-1 Ví dụ về Phiếu thông tin được đề xuất (Đối với nhà máy xi măng)

(5) Xây dựng kiểm kê khí thải

Những vấn đề khó khăn

Trong quá trình xây dựng kiểm kê khí thải, JET ghi nhận một số vấn đề khó khăn như sau:

a) Hệ số phát thải

Trong xây dựng kiểm kê khí thải, JET đã nhấn mạnh rằng các dữ liệu thu thập được từ việc lấy mẫu thực tế và phân tích phải được sử dụng để ước tính lượng phát thải. Tuy nhiên, không có các dữ liệu phát thải thực tế, ví dụ như nồng độ của các chất ô nhiễm mục tiêu (mg/Nm^3) hoặc/và lưu lượng phát thải (mg/Nm^3). Do đó, hệ số phát thải đã được sử dụng để ước tính lượng phát thải. Trong quá trình thực hiện, Cục KSON đã sử dụng thông số phát thải từ tài liệu của WHO²⁵. Tài liệu này đã được phát hành hơn 20 năm trước (1993), nên những hệ số phát thải này không tính đến công suất của cơ sở và đặc điểm của các cơ sở tại Việt Nam. Nếu được sử dụng ở Việt Nam, những hệ số phát thải này chưa đủ độ tin cậy và có thể dẫn đến độ chính xác chưa rõ ràng. Vì thế, cần phải xác định được hệ số phát thải riêng, phù hợp với điều kiện Việt Nam.

b) Đo đạc và ước tính lượng phát thải

Lượng phát thải được ước tính theo hệ số phát thải sẽ được so sánh với lượng phát thải tính được theo số liệu đo đạc thực tế. Cần xác nhận thông tin về lưu lượng khí thải (Nm^3/h) trong ống khói, kết quả số liệu đo đạc (mg/Nm^3) khí thải trong ống khói và thời gian hoạt động của nhà máy/ cơ sở (giờ/ năm).

Lưu ý và Tư vấn kỹ thuật

Đề ứng phó với những khó khăn kể trên, JET đã đề xuất các lưu ý và tư vấn kỹ thuật tới bên đối tác. Các lưu ý và tư vấn kỹ thuật chính như sau:

a) Từ góc độ kỹ thuật

Nắm bắt chính xác lượng khí thải nhà máy tại Việt Nam, không chỉ cần tăng số lượng các nhà máy được kiểm kê cho các ngành mục tiêu, mà còn cần tăng số lượng các ngành mục tiêu khác như là ngành hóa chất, lọc dầu...

Các hệ số phát thải theo Hướng dẫn về Kiểm kê khí thải ô nhiễm năm 2012 của Diễn đàn ô nhiễm không khí toàn cầu (Hướng dẫn của Diễn đàn GAP năm 2012), sách Hướng dẫn kiểm kê phát thải khí ô nhiễm 2013 (EMEP/EEA 2013) và US EPA AP-42 có thể áp dụng được để ước tính lượng phát thải.

Đo đạc khí thải cần được thực hiện theo tiêu chuẩn thế giới. Để tận dụng được kết quả đo đạc, Việt Nam cần xây dựng một bộ hệ số phát thải riêng trong thời gian tới.

b) Từ góc độ chủ doanh nghiệp/nhà máy

Nhiều nhà máy chú trọng các hoạt động liên quan tới lợi ích kinh tế. Cần thành

²⁵ Nguồn: Đánh giá các nguồn ô nhiễm không khí, nước và đất: Hướng dẫn về các kỹ thuật kiểm kê nguồn thải nhanh và cách vận dụng kiểm kê để xây dựng chiến lược kiểm soát môi trường. Phần 1: Các kỹ thuật kiểm kê nhanh đối với ô nhiễm môi trường. Geneva, 1993, WHO

lập một bộ phận chuyên trách về môi trường tại nhà máy để quản lý khí thải gây ô nhiễm và nước thải, cũng như để vận hành CEMS. Để quản lý hiệu quả công tác bảo vệ môi trường, nhà máy phải nắm được đặc điểm của các nguồn phát thải khí. Ngoài ra, cần giao một cán bộ có đủ kiến thức và kinh nghiệm trả lời Phiếu thông tin về nguồn khí thải để đảm bảo quá trình xây dựng kiểm kê khí thải diễn ra hiệu quả và thông suốt.

c) Từ góc độ cơ quan quản lý hành chính (Bộ TNMT, Sở TNMT)

Việc xây dựng kiểm kê khí thải là một bước tiến quan trọng trong quá trình quản lý chất lượng không khí. Các hoạt động kiểm kê khí thải giúp xác định các nguồn ô nhiễm không khí chính, phân tích xu hướng khí thải theo thời gian, lập chính sách về quản lý chất lượng không khí, v.v... Các cán bộ hành chính cần nắm rõ cần phải tiến hành xây dựng kiểm kê như thế nào. Mặt khác, xây dựng kiểm kê khí thải một cách toàn diện là không dễ dàng. Công tác kiểm kê khí thải đòi hỏi nhiều thời gian và nguồn nhân lực. Tại Nhật Bản và các nước phát triển khác, cán bộ ở chính quyền trung ương không tự tiến hành kiểm kê khí thải. Các chuyên gia hoặc viện nghiên cứu chuyên môn thường thực hiện kiểm kê khí thải và cập nhật thông tin thường xuyên. Do đó, nên giao trách nhiệm xây dựng kiểm kê khí thải, với nguồn ngân sách phù hợp, cho một viện nào đó ngoài Tổng cục môi trường, các nhà khoa học hoặc các nhà nghiên cứu thực hiện.

2.3.2 Hỗ trợ Trung tâm quan trắc môi trường (CEM) nâng cao chất lượng đo đạc khí thải nhà máy

(1) Bối cảnh các hoạt động hỗ trợ

Để quản lý ô nhiễm không khí hiệu quả đối với các doanh nghiệp, với vai trò là một cơ quan quản lý nhà nước Trung tâm quan trắc môi trường/ Tổng cục môi trường (CEM/ VEA) rất cần nắm được tổng lượng khí thải gây ô nhiễm của từng nhà máy thông qua việc triển khai các hoạt động kiểm kê khí thải gây ô nhiễm không khí. Và để có được kết quả kiểm kê khí thải có ý nghĩa và chính xác, thì không thể bỏ qua việc đo đạc ống khói/ quan trắc khí thải. Trung tâm quan trắc môi trường đang soạn thảo thông tư hướng dẫn về quan trắc khí thải công nghiệp. Thông tư này đòi hỏi phải có hướng dẫn mô tả chi tiết, dựa trên cả kỹ thuật và kinh nghiệm. Vì vậy JET và KKPL/ Cục KSON thống nhất hỗ trợ hoạt động ngày của Trung tâm quan trắc môi trường.

2) Hỗ trợ lấy mẫu theo phương pháp Isokinetic

JET đã tổ chức Hội thảo tập huấn bổ sung về “Đo đạc khí thải, đo đạc bụi, nồng độ ô xy tiêu chuẩn khi đo đạc khí thải ống khói” vào tháng 4 năm 2014. Quá trình thảo luận cũng cho thấy CEM cần nhiều hợp tác kỹ thuật hơn, trên cơ sở các thiết bị và tài liệu được CIDA tài trợ năm 2010. Để sử dụng các thiết bị một cách hiệu quả trong thực tiễn, JET đã giải thích về phương pháp lấy mẫu isokinetic và trả lời các câu hỏi liên quan từ phía Trung tâm quan trắc môi trường.

3) Hỗ trợ xây dựng Dự thảo thông tư hướng dẫn quan trắc khí thải công nghiệp

Theo yêu cầu của CEM, JET góp phần xây dựng và đã tư vấn, góp ý cho Dự thảo thông tư, đặc biệt là Phụ lục 6 về thiết bị phân tích khí thải di động (cầm tay). Nội dung tư vấn như sau.

- Kết luận, phán quyết đối với các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực môi trường tại Nhật Bản dựa trên CEMS
- Độ tin cậy của TESTO (Thiết bị phân tích và đo đặc lưu lượng/chất lượng không khí di động)
- Thiết bị phân tích di động cần được hiệu chuẩn hoặc kiểm định bằng khí chuẩn tại thực địa ít nhất 1 lần/ địa điểm/ 1 ngày trước khi tiến hành đo đạc. Nếu chuyển địa điểm đo đạc trong một ngày thì máy phân tích phải được hiệu chỉnh và kiểm định lại trước lần đo đạc mới.
- Các thông số cần hiệu chỉnh là NO, SO₂ và CO.
- Các khí chuẩn trong xi lanh được sử dụng tại hiện trường phải đảm bảo được độ chính xác tối thiểu là 5%.
- Chu kỳ đo đạc tối thiểu là 10 phút/ lần đo và ghi chép số liệu cho mỗi 15 giây
- Nếu số liệu đo được vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) về khí thải, máy phân tích phải được kiểm tra bằng khí chuẩn sau khi đo đạc.
- Nếu số liệu đo được vượt giới hạn cho phép của QCVN ít hơn 120% thì Bộ Tài nguyên và Môi trường (MONRE)/ Sở TNMT không cần xử phạt doanh nghiệp

2.3.3 Cung cấp các khuyến nghị trong xây dựng Nghị định về Quản lý chất thải và phế liệu

Sau khi Luật Bảo vệ môi trường 2014 được Quốc hội phê duyệt, Tổng cục môi trường/ Bộ Tài nguyên và môi trường bắt đầu soạn thảo Nghị định mới quy định việc quản lý chất thải và nhập khẩu phế liệu. Việc soạn thảo này được giao cho Cục Quản lý chất thải và cải thiện môi trường (WENID) làm đầu mối. Nghị định dự kiến sẽ quy định các loại "chất thải" như được định nghĩa trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, nghĩa là bao gồm cả khí thải gây ô nhiễm không khí.

Nghị định dự định sẽ có hiệu lực vào đầu năm 2015, cùng thời điểm có hiệu lực của Luật Bảo vệ môi trường 2014. Tính đến thời điểm xây dựng báo cáo (tháng 2 năm 2015), dự thảo nghị định đang được xem xét, ra quyết định ban hành bởi Thủ tướng Chính phủ.

KKPL/ Cục KSON đã tham gia vào việc xây dựng dự thảo Nghị định ngay từ đầu vì kiểm soát ô nhiễm không khí là nhiệm vụ chính của phòng. Và thông qua các hoạt động chung với KKPL/Cục KSON, JET đã và đang hỗ trợ việc xây dựng chính sách cần đưa vào Nghị định.

KKPL/ Cục KSON và JET đã tổ chức một buổi họp đóng góp ý kiến cho Dự thảo nghị định (phần quản lý khí thải) vào ngày 5 tháng 9 năm 2014 với sự chủ

trì của Phó cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm (Cục KSON), và các đại biểu từ Bộ Công thương, Cục Quản lý chất thải và cải thiện môi trường, Trung tâm quan trắc môi trường (CEM/VEA), Chi cục Bảo vệ môi trường tp. Đà Nẵng, JICA Việt Nam, và một số chuyên gia từ các trường đại học và hiệp hội các ngành công nghiệp. Chương trình họp được trình bày dưới đây.

Chương trình họp đóng góp ý kiến cho Dự thảo Nghị định về quản lý chất thải và nhập khẩu phế liệu (Ngày 05 tháng 09 năm 2014)

Giới thiệu	Mục đích buổi họp	Phó cục trưởng Cục KSON
Thuyết trình	Tóm tắt các quy định và các điều khoản liên quan đến kiểm soát ô nhiễm không khí trong Dự thảo Nghị định mới	KKPL/ Cục KSON Tất cả các thành viên
Thảo luận		JET
Góp ý từ nhóm chuyên gia JICA		Phó cục trưởng Cục KSON
Kết thúc	Tổng kết và đề xuất	

Vì việc quản lý phế liệu (nhập khẩu và xuất khẩu) cũng là một trong các chức năng quản lý hành chính của KKPL/ Cục KSON, buổi thảo luận cũng có các ý kiến góp ý cho nội dung này trong Nghị định.

Ngoài ra, KKPL/ Cục KSON và JET cũng đã tham gia hội thảo do WENID tổ chức để đóng góp ý kiến cho Dự thảo nghị định, được tổ chức tại Hải Phòng vào ngày 12 tháng 6 năm 2014 và tại Đà Nẵng vào ngày 20 tháng 6 năm 2014.

2.3.4 Hợp tác với cố vấn JICA tại Bộ Tài nguyên và môi trường, các dự án của JICA và các nhà tài trợ

Nhằm chuyển giao công nghệ/ kiến thức có hiệu quả cao cho đối tác Việt Nam cũng như xây dựng được các sản phẩm đầu ra tốt hơn, Dự án đã và đang hợp tác tích cực với các Dự án của JICA và các nhà tài trợ khác.

(1) Hợp tác với chuyên gia JICA và các dự án JICA có liên quan

i. Hợp tác với chuyên gia JICA

Từ tháng 10 năm 2012 đến tháng 6 năm 2014, Bộ Môi trường Nhật Bản đã cử một chuyên gia làm việc tại Bộ Tài nguyên và Môi trường Việt Nam (Bộ Tài nguyên và môi trường). Để xác định hiện trạng, tiến độ và các vấn đề trong quá trình sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường, JET đã làm việc và trao đổi ý kiến nhiều lần với chuyên gia này. Đặc biệt, trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định về Quản lý Chất thải và Nhập khẩu phế liệu, JET và chuyên gia JICA đã đóng

góp các ý kiến liên quan đến phần kiểm soát khí thải. Chuyên gia JICA cũng tham dự một số chủ đề tư vấn kỹ thuật trong khuôn khổ kết quả 1 và đóng góp các thông tin hữu ích về công tác quản lý môi trường của Bộ Môi trường Nhật Bản.

Một cán bộ tư vấn chính sách mới được biệt phái sang từ Tháng 11 năm 2014. JET cũng đã gặp mặt và trao đổi ý kiến với chuyên gia tư vấn ở Nhật Bản, trụ sở làm việc của Bộ Môi trường Nhật Bản vào tháng 10 năm 2014. JET cũng tiếp tục trao đổi, liên lạc sau khi chuyên gia tới Việt Nam làm việc.

ii. Hợp tác với các Dự án JICA có liên quan

Dự án hợp tác với JICA’s SATREPS-Vietnam (chương trình “Hợp tác Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ nhằm Phát triển Bền vững). Ngày 25 tháng 7 năm 2014, JET trao đổi ý kiến với nhóm SATREPS đến từ Đại học Osaka về tình hình ô nhiễm không khí tại Việt Nam và số liệu quan trắc không khí tại thành phố HCM. Nhóm SATREPS đã đóng góp nhiều ý kiến cho hoạt động của Dự án. JET đã nghiên cứu, xem xét các đề xuất này ngay sau cuộc họp. Sau cuộc thảo luận giữa 2 dự án, Dự án hợp tác SATREPS-Vietnam cũng cung cấp dữ liệu quan trắc chất lượng không khí dưới dạng thông tin nội bộ, giúp JET nắm rõ và áp dụng các thông tin này vào hoạt động của dự án, đặc biệt là Kết quả 2.

(2) Phối hợp với các hoạt động của các nhà tài trợ khác

i. Dự án phát triển giao thông đô thị tại Hà Nội (HUTDP) do Ngân hàng thế giới tài trợ

Chủ đầu tư của Dự án HUTDP là Sở Giao thông vận tải Hà Nội (Sở Giao thông vận tải/ Hanoi PPC), nguồn vốn một phần là vốn vay của Ngân hàng thế giới và vốn đối ứng của phía Việt Nam. Nguồn thải di động có tác động đáng kể tới tình trạng ô nhiễm không khí tại thành phố Hà Nội. Nhìn chung, các nguồn thải di động do Sở Giao thông vận tải quản lý. Do đó, hoạt động hợp tác giữa Sở Tài nguyên và môi trường và Sở Giao thông vận tải đóng vai trò rất quan trọng trong công tác AQM. Nói một cách khác, việc trao đổi chuyên môn và ý kiến giữa Dự án và HUTDP để xây dựng lộ trình cho các hoạt động của dự án là rất quan trọng. Dự án này có 4 hợp phần liên quan tới quản lý chất lượng không khí: Thiết bị QLCLKK, Quan trắc môi trường, Kiểm kê nguồn thải di động, và Nghiên cứu rủi ro

Nội dung cuộc họp trao đổi ý kiến với các thành viên của dự án HUTDP được tóm tắt tại Bảng 2.3-6

Bảng 2.3-6 Tóm tắt nội dung cuộc họp với HUTDP

Thời gian	Ngày 28 tháng 10 năm 2013, từ 14:00 – 15:30	Địa điểm	Văn phòng HUTDP
Đại diện HUTDP	<Phòng Kế hoạch, Ban quản lý dự án HUTDP > 1 Phó phòng và 2 cán bộ		
Mục đích buổi họp	Hiểu được các hoạt động và chia sẻ kinh nghiệm từ việc triển khai các hợp phần về quản lý chất lượng không khí của Dự án HUTDP và thảo luận khả năng hợp tác giữa Dự án JICA và HUTDP		
Chương	1. Giới thiệu Dự án JICA về phát triển năng lực quản lý chất lượng		

trình	không khí tại Việt Nam 2. Giải thích lý do buổi họp (chia sẻ các tài liệu liên quan) 3. Lắng nghe phòng kế hoạch trình bày về Dự án HUTDP
Tóm tắt	
<u>< Tóm tắt dự án ></u>	
Chủ đầu tư của Dự án HUTDP là Sở Giao thông vận tải Hà Nội (Sở Giao thông vận tải/ UBND tp. Hà Nội), nguồn vốn một phần là vốn vay của Ngân hàng thế giới và vốn đối ứng của phía Việt Nam. Ban quản lý dự án (PMU) được thành lập dưới sự chỉ định của Hanoi Sở Giao thông vận tải. Vì vậy PMU sẽ thay mặt Sở Giao thông vận tải trực tiếp phối hợp với các Sở khác trong thành phố để thực hiện Dự án HUTDP. Dự án gồm 3 hợp phần chính và 80 hợp phần phụ. 3 hợp phần chính bao gồm: <ol style="list-style-type: none"> 1. Xây dựng các bến xe buýt nhanh (BRT) 2. Tăng cường năng lực vận tải đô thị (Sở Giao thông vận tải, Công an thành phố và thanh tra giao thông) 3. Xây dựng đường vành đai 2 Có 4 hợp phần phụ liên quan đến quản lý chất lượng không khí. Các hoạt động và tiến độ của mỗi hợp phần phụ như sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. IS 12: Thiết bị quan trắc chất lượng không khí 2. IS 05: Quan trắc môi trường HUTDP 3. IS01a: Kiểm kê nguồn khí thải di động 4. IS 01b: Nghiên cứu độ phơi nhiễm 	
<u>< Yêu cầu từ Dự án JICA ></u>	
Chia sẻ dữ liệu, đặc biệt là các kết quả khảo sát chất lượng không khí do Phòng kế hoạch phụ trách Chia sẻ TOR của hợp phần phụ 01a. Mời Cục KSON tham dự các khóa tập huấn do HUTDP tổ chức	
<u>Yêu cầu từ HUTDP ></u>	
Cần khuyến khích sự tham gia của Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội vào dự án JICA để Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội có thể hỗ trợ việc chia sẻ thông tin và hợp tác giữa hai dự án	

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

JET và các cán bộ của JET đã tham dự Hội thảo khởi động và các chương trình tập huấn về nguồn khí thải di động tại Hà Nội do HUTDP tổ chức vào tháng 8 và tháng 9 năm 2014. Mục tiêu của đợt tập huấn này là để đào tạo cho các học viên về kiểm kê nguồn khí thải di động tại Hà Nội. Chương trình tập huấn được tiến hành bởi một chuyên gia của Viện nghiên cứu không khí của Nauy.

Lãnh đạo và cán bộ của Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội cũng tham gia hội thảo trên. Đồng thời, Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội nên tăng cường hợp tác, cộng tác với HUTDP nhằm thực hiện các hoạt động của kế hoạch AQM hoặc Quy hoạch bảo vệ môi trường (trong lĩnh vực AQM), dựa trên Lộ trình – được xây dựng trong khuôn khổ Kết quả 2 của dự án.

ii. Dự án không khí sạch cho các thành phố nhỏ tại các nước ASEAN do GIZ tài trợ

Dự án này (Dự án do GIZ tài trợ) bao gồm các dự án, hợp phần nhỏ. Hợp phần chính là nhằm xây dựng lộ trình cho Kế hoạch không khí sạch (CAP). Họ đã

xây dựng lộ trình cho CAP tại tỉnh Bắc Ninh vào tháng 11 năm 2012 và thành phố Cần Thơ vào tháng 09 năm 2014.

Tại Hà Nội, JET đã họp với các thành viên của Dự án không khí sạch cho các thành phố nhỏ tại các nước ASEAN để trao đổi ý kiến, nội dung buổi họp được tóm tắt trong Bảng 2.3-.

Bảng 2.3-7 Tóm tắt buổi họp với Dự án không khí sạch cho các thành phố nhỏ tại các nước ASEAN

Thời gian	Ngày 01/11/2013, từ 15:00 - 16:00	Địa điểm	Văn phòng làm việc của Điều phối viên cấp quốc gia (của Dự án)
Đại diện Dự án không khí sạch	<-Hợp tác kỹ thuật ASEAN-Đức - Dự án không khí sạch cho các thành phố nhỏ tại các nước ASEAN do GIZ tài trợ> 1 điều phối viên cấp quốc gia tại Việt Nam		
Mục đích buổi họp	Hiểu được các hoạt động và hình dung “lộ trình” không khí sạch cho các thành phố nhỏ tại các nước ASEAN, đặc biệt là các hoạt động xây dựng lộ trình thực hiện Kế hoạch không khí sạch tại Bắc Ninh, Việt Nam		
Chương trình	<ol style="list-style-type: none"> 1. Giới thiệu Dự án JICA về phát triển năng lực quản lý chất lượng không khí tại Việt Nam 2. Giải thích lý do buổi họp (chia sẻ các tài liệu liên quan) 3. Lắng nghe các thông tin về dự án, đặc biệt thông tin về xây dựng lộ trình thực hiện Kế hoạch không khí sạch tại tỉnh Bắc Ninh 		
Tóm tắt			
<u>< Tóm tắt dự án ></u>			
Dự án không khí sạch cho các thành phố nhỏ tại các nước ASEAN do GIZ tài trợ bao gồm các dự án thành phần tại Việt Nam. Các hợp phần chính là xây dựng lộ trình và kế hoạch không khí sạch (CAP)			
<u><Mục tiêu></u>			
Hai thành phố: Bắc Ninh và Cần Thơ đã được Bộ Tài nguyên và môi trường và GIZ lựa chọn để thực hiện dự án			
<u><Xây dựng lộ trình ></u>			
Bắt đầu năm ngoái và hoàn thiện lộ trình Tình hình ô nhiễm không khí do các bãi rác gây ra đã được xem xét theo yêu cầu của UBND thành phố Bắc Ninh, do phải lựa chọn giữa việc khắc phục hoặc phải đóng cửa các bãi rác.			
<u><Xây dựng Kế hoạch không khí sạch ></u>			
Bắt đầu tại tỉnh Bắc Ninh vào tháng 9 năm 2013. Sau khi tiến hành khảo sát nền 1 năm, kế hoạch chi tiết sẽ được xây dựng.			
<u><Yêu cầu của dự án JICA và của Điều phối viên quốc gia của dự án GIZ ></u>			
Cần chia sẻ các thông tin hữu ích giữa hai dự án.			
<u>< Tư vấn của Điều phối viên quốc gia của dự án GIZ ></u>			
Cần sử dụng kế hoạch hành động về quản lý chất lượng không khí đã được xây dựng cho Sở Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội sẽ tiến hành HUTDP, hợp phần phụ số 01 nhằm xây dựng kiểm kê sẽ bắt đầu thực hiện từ tháng 12 năm 2013 với sự giúp đỡ “NILU”, Na Uy.			

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Cán bộ chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch tại thành phố Cần Thơ cũng từng tham gia thực hiện công tác khảo sát tại thành phố Hồ Chí Minh của Dự án,

Trường phòng Biến đổi khí hậu và Ô nhiễm không khí, Viện Môi trường và Tài nguyên (IER), Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh. Nhờ vậy, trong quá trình khảo sát, JET, IER, và Sở Tài nguyên và môi trường tp. HCM đã có nhiều cuộc thảo luận nhằm xây dựng lộ trình. Công tác khảo sát tại thành phố HCM trong khuôn khổ của Dự án đã thúc đẩy nhiều cơ hội hợp tác giữa Sở Tài nguyên và môi trường tp. HCM và IER – với vai trò là nguồn lực chuyên gia từ bên ngoài, nhằm xây dựng, củng cố Lộ trình thuộc Kết quả 2.

- iii. Dự án tăng cường năng lực xây dựng và thực thi luật và chính sách tài nguyên môi trường do UNDP tài trợ

UNDP bắt đầu dự án này vào đầu năm 2013 và đối tác chính của dự án là ISPONRE. Dự án đã tổ chức Hội thảo khởi động vào ngày 12 tháng 12 năm 2013. KKPL/ Cục KSON, JET, và văn phòng JICA Việt Nam đã tham dự hội thảo và nhận thấy rằng Dự án này cũng có hợp phần về tăng cường khung pháp lý để hạn chế ô nhiễm không khí. Tuy KKPL/Cục KSON và JET không nhận được thông tin về tiến trình cụ thể của dự án UNDP-ISPONRE kể từ sau buổi hội thảo, công tác thể chế hóa các sản phẩm thuộc Kết quả 2 của Dự án có thể được thực thi trên cơ sở cộng tác giữa dự án của UNDP và KKPL/Cục KSON.

- iv. Dự án xây dựng hệ thống cán bộ kiểm soát ô nhiễm tại nguồn (PCM) tại Việt Nam

Hiệp hội môi trường công nghiệp Nhật Bản (JEMAI) thực thi Dự án trong khuôn khổ hợp đồng với Bộ Kinh tế, Thương mại, và Công nghiệp Nhật Bản (METI) từ năm 2011 tới 2014. Trong năm đầu tiên, Dự án đã tiến hành các nghiên cứu tính khả thi của việc xây dựng hệ thống cán bộ kiểm soát ô nhiễm tại nguồn tại Việt Nam với trọng tâm là thành phố Hà Nội. Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được công bố trên trang web của METI. JET và phòng KKPL/Cục KSON đã thảo luận về hệ thống PCM tại Việt Nam dựa trên báo cáo này và sử dụng báo cáo trong quá trình xây dựng TB về Kiểm soát nguồn thải tĩnh có hiệu quả.

Kể từ năm thứ 2 tới khi kết thúc dự án (4 năm), dự án nghiên cứu của JEMAI tập trung hỗ trợ Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam/Viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên (VAST/INPC). JET đã trao đổi ý kiến với Dự án của JEMAI về hệ thống PCM tại Việt Nam. Những thảo luận này đã đóng góp vào quá trình hoàn thiện TB về Kiểm soát nguồn thải tĩnh có hiệu quả.

2.4 Đánh giá năng lực

2.4.1 Mục đích và Phương pháp thực hiện đánh giá năng lực

Việc đánh giá năng lực (CA) của cá nhân và năng lực của tổ chức trong các vấn đề về chính sách, hệ thống xã hội, tổ chức bộ máy và nhân sự liên quan đến kiểm soát ô nhiễm và quản lý chất lượng không khí được thực hiện khi bắt đầu dự án. CA được thực hiện theo phương pháp phát triển năng lực của JICA. Đối tượng đánh giá năng lực là Phòng Kiểm soát Ô nhiễm Không khí và Nhập khẩu phế liệu (KKPL) thuộc Cục Kiểm soát Ô nhiễm, cũng chính là đối tác chính của Dự án. Sở TNMT Hà Nội và tp. HCM, những đơn vị tham gia vào quá trình xây

dụng Lộ trình, cũng được là đối tượng được đánh giá năng lực thông qua Phiếu đánh giá năng lực được đơn giản hóa để tìm hiểu hiện trạng và những thách thức trong việc quản lý ô nhiễm không khí. Trong khi CA ở cấp trung ương (KKPL/Cục KSON) được thực hiện bởi JET, CA đơn giản cho Sở TNMT của hai thành phố được thực hiện bởi các Đơn vị tư vấn trong nước. Việc đánh giá năng lực cả ở cấp trung ương và tại hai thành phố đều được thực hiện bằng cách phỏng vấn từng cá nhân có trách nhiệm quản lý chất lượng không khí và cả lãnh đạo (cấp quản lý) ở mức cao hơn. Bảng 2.4-1 trình bày tóm tắt nội dung đánh giá năng lực.

Bảng 2.4-1 Sơ lược nội dung đánh giá năng lực

Mục	Các cơ quan cần khảo sát	Đơn vị thực hiện khảo sát	Mục tiêu	Cách thức
(1) Đánh giá năng lực ở cấp trung ương (KKPL/Cục KSON)	Cục KSON/K KPL	Nhóm chuyên gia JICA	Xác định hiện trạng năng lực, các khó khăn hiện nay, phản ánh, đề xuất giải quyết khó khăn thông qua các hoạt động của Dự án và giám sát việc thay đổi năng lực	Phỏng vấn
(2) Đánh giá năng lực Sở TNMT tại hai thành phố (Đánh giá năng lực đơn giản)	Sở TNMT Hà Nội và tp. HCM	Đơn vị tư vấn	Xác định hiện trạng và thách thức (Đánh giá năng lực đơn giản)	Phỏng vấn (bảng bảng câu hỏi)

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

2.4.2 Tóm tắt kết quả đánh giá năng lực và các hoạt động của Dự án dựa trên CA

(1) Kết quả Đánh giá năng lực

Các thông tin cơ bản về cơ cấu tổ chức được tổng hợp trong quá trình phỏng vấn, khảo sát tại phòng KKPL/Cục KSON do JET tiến hành được trình bày trong Bảng 2.4-2

Bảng 2.4-2 Thông tin về tổ chức của phòng KKPL/Cục KSON

Chủ đề	Thông tin về cơ cấu tổ chức của phòng KKPL/Cục KSON
Thành lập	Được thành lập năm 2009 khi Cục KSON ra đời, với tên gọi Phòng ô nhiễm không khí, chất thải, và xử lý chất hóa học độc hại. Thành lập phòng Kiểm soát ô nhiễm không khí và Nhập khẩu phế liệu (KKPL) năm 2011.
Ngân sách	Ngân sách được phân bổ hàng năm theo nhiệm vụ thường xuyên và đặc biệt, trong đó ngân sách cho kiểm soát ô nhiễm không khí chiếm khoảng 10% tổng ngân sách hàng năm. Từ năm 2013, ngân sách này đã bị cắt giảm theo chính sách tiết kiệm chi tiêu của Chính phủ.

Chủ đề	Thông tin về cơ cấu tổ chức của phòng KKPL/Cục KSON
Nhân sự	TCMT quy định số lượng nhân viên. Cục trưởng cục KSON phân công cán bộ và lãnh đạo phòng KKPL.
Các hoạt động hiện nay	Tiến hành kiểm kê khí thải đối với một số ngành công nghiệp mục tiêu, sẽ được hoàn thành vào năm 2014. Xây dựng Hướng dẫn kiểm kê khí thải đối với các ngành công nghiệp, Xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia về kiểm soát ô nhiễm không khí tới năm 2020 (Dự kiến sẽ được Thủ tướng Chính phủ thông qua vào năm 2014) Sửa đổi Luật BVMT Xử lý các sự cố ô nhiễm không khí do TCMT phân công.

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

JET đã phỏng vấn các cán bộ chủ chốt của phòng KKPL nhằm hiểu rõ năng lực của phòng trong công tác QLCLKK ở giai đoạn đầu của Dự án, từ góc độ cá nhân, tổ chức và thể chế. Việc JET và phòng KKPL/Cục KSON cùng tham gia đánh giá năng lực là rất quan trọng, nhằm xác nhận lại các năng lực hiện có. Bảng 2.4-3 trình bày tóm tắt kết quả đánh giá năng lực của đơn vị được tổng hợp từ các nhân viên của phòng KKPL. Nhằm đảm bảo tính bảo mật thông tin, các kết quả đánh giá năng lực chứa thông tin của nhân viên phòng không được trình bày trong Báo cáo này.

Bảng 2.4-3 Các câu hỏi và kết quả Đánh giá năng lực

Chủ đề	Nội dung chi tiết	Câu hỏi/Nội dung đánh giá mục tiêu	Trả lời từ phòng KKPL/Cục KSON
Các thông tin và kỹ năng chính			
Mục tiêu của đơn vị	Mục tiêu về tổ chức và phương pháp đánh giá kết quả đạt được	Những tiêu chí nào được sử dụng để đánh giá việc hoàn thành các mục tiêu của phòng KKPL? Công tác cải thiện hệ thống pháp luật để thực thi nhiệm vụ quản lý thích hợp hơn, trong lĩnh vực quản lý chất lượng không khí?	Không
	Chiến lược và Kế hoạch để hoàn thành các mục tiêu	Đơn vị có kế hoạch để hoàn thành các mục tiêu không? Loại kế hoạch mà phòng KKPL đang sử dụng?	1) Xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia tới năm 2020 cho công tác quản lý chất lượng không khí, dự định sẽ được Thủ tướng Chính phủ thông qua vào năm 2014. 2) Xây dựng các quy định về quản lý chất lượng không khí
Vai trò của đơn vị	Vai trò của đơn vị trong quá trình xây dựng văn bản	Phòng KKPL đóng góp vào quá trình xây dựng văn bản pháp luật như thế nào?	Quá trình ban hành văn bản pháp luật bao gồm những bước sau (phòng KKPL tham gia vào bước thứ 3 và thứ 4) 1) Mỗi đơn vị đề xuất dự thảo

Chủ đề	Nội dung chi tiết	Câu hỏi/Nội dung đánh giá mục tiêu	Trả lời từ phòng KKPL/Cục KSON
	pháp luật		<p>văn bản pháp luật</p> <p>2) Cục KSON, TCMT thông qua</p> <p>3) Phòng KKPL/Cục KSON được hướng dẫn để xây dựng/sửa đổi văn bản pháp lý.</p> <p>4) KKPL/Phòng KSON xác định các thực trạng, tóm tắt các vấn đề/khó khăn, tổng hợp thông tin từ các bộ và cơ quan liên quan khác.</p> <p>5) Cục KSON, TCMT, Bộ TNMT thông qua</p>
		KKPL đóng góp vào quá trình xây dựng QCVN như thế nào?	<p>Phòng Quan trắc, Cục KSON xây dựng bản dự thảo. Trên cơ sở đó phòng KKPL tham gia vào quá trình đóng góp ý kiến. Tiếp đó, Bộ Khoa học và công nghệ kiểm tra nội dung và chuyển lại cho Bộ TNMT. Lãnh đạo Bộ TNMT sẽ ban hành các QCVN. KKPL cũng có thể đề xuất dự thảo QCVN.</p>
	Kết quả đầu ra	Những Kết quả của phòng trong công tác quản lý chất lượng không khí là gì?	Cơ sở dữ liệu ban đầu, Báo cáo đánh giá
Các hoạt động	Hoạt động hiện nay	Những hoạt động chính hiện nay của phòng và lịch trình thực hiện cụ thể?	<p><u>Môi trường không khí:</u></p> <p>1) Dự án Tăng cường thể chế về quản lý chất lượng không khí tại Việt Nam</p> <p>2) Thực hiện kiểm kê khí thải một số ngành công nghiệp tại Việt Nam trong năm 2014</p> <p>3) Kế hoạch hành động quốc gia về kiểm soát ô nhiễm không khí</p> <p><u>Các nhiệm vụ khác:</u></p> <p>1) Kiểm soát ô nhiễm trong quá trình nhập khẩu và sử dụng phế liệu, túi nilon</p> <p>2) Quản lý môi trường trong khu công nghiệp</p>
	Hoạt động trong thời gian tới	Các hoạt động chính đã được lên kế hoạch?	1) Đề xuất, xây dựng các văn bản pháp luật liên quan đến quản lý chất lượng không khí

Chủ đề	Nội dung chi tiết	Câu hỏi/Nội dung đánh giá mục tiêu	Trả lời từ phòng KKPL/Cục KSON
Nguồn lực	Nguồn nhân lực	KKPL có cơ chế phát triển nguồn nhân lực? Nếu có, cơ chế này hoạt động như thế nào?	Chỉ có khóa học dành cho nhân viên mới. Mặc dù tất cả nhân viên tham gia chương trình sẽ rất có ích cho công tác quản lý nhưng do nguồn nhân sách và nhân lực hạn chế.
	Ngân sách	Ngân sách hàng năm là bao nhiêu? Bao nhiêu % ngân sách được phân bổ cho hoạt động quản lý chất lượng không khí?	Theo nhiệm vụ lãnh đạo cục KSON phân công hàng năm
Kỹ năng chuyên môn			
Kỹ năng chuyên môn của đội ngũ nhân viên, công tác đào tạo kỹ năng và kiến thức chuyên môn	Trình độ kỹ năng chuyên môn và độ đồng đều giữa các nhân viên	Sự chênh lệch về kỹ năng chuyên môn giữa các nhân viên của phòng KKPL trong lĩnh vực quản lý chất lượng không khí? Việc chuyển giao, trao đổi chuyên môn, kỹ năng giữa các nhân viên được thực hiện như thế nào?	Nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ là rất cần thiết. Hiện nay hoạt động trao đổi kỹ thuật được thực hiện cho nhân viên mới/phụ nữ được tiến hành
	Đào tạo	Hiện nay có chương trình, hệ thống đào tạo dành cho nhân viên mới/nhân viên bắt đầu thực hiện nhiệm vụ trong công tác quản lý chất lượng không khí? Nếu có, chương trình này hoạt động như thế nào? Hiện nay có chương trình/hệ thống nhằm nâng cao kỹ năng chuyên môn trong lĩnh vực quản lý chất lượng không khí không?	Hỗ trợ tối đa việc tham gia các khóa đào tạo Vd. Một cán bộ của phòng KKPL đã tham gia khóa đào tạo 1 năm tại Hồng Kông do Mạng lưới không khí sạch Châu Á tổ chức.
	Phân công công tác	Giữa các bộ, các cơ quan thuộc chính phủ có cơ chế phân công công tác nào? Cơ hội học tập từ môi trường bên ngoài: du học, tham gia khóa đào tạo, hội thảo, v.v...	Việc luân chuyển cán bộ tạm thời giữa nhân viên các bộ có được tổ chức nhưng còn hạn chế
	Tự học	KKPL có nguồn tài liệu, văn bản pháp luật cần thiết để tự nâng cao trình	Phòng KKPL có các văn bản pháp luật cần thiết

Chủ đề	Nội dung chi tiết	Câu hỏi/Nội dung đánh giá mục tiêu	Trả lời từ phòng KKPL/Cục KSON
		độ chuyên môn, kỹ năng và kiến thức không?	
		Có cơ chế khuyến khích tự học để nâng cao trình độ?	Không
Năng lực thực thi/hợp tác (trong quá trình xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia)	Nắm rõ lịch trình công tác của các phòng ban và nhân viên	KKPL có nhu cầu về các hoạt động cụ thể, năng lực, và cơ chế khuyến khích nhằm đảm bảo Kế hoạch hành động quốc gia sẽ được thực hiện thành công?	Không có ý tưởng thật rõ ràng do Kế hoạch vẫn đang trong quá trình xây dựng. Việc thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sẽ được cân nhắc sau khi Kế hoạch hành động quốc gia được thông qua
		Phòng KKPL có hiểu rõ về thực trạng và các hoạt động của các đơn vị lên kế hoạch và nhân viên?	Các cán bộ của phòng KKPL đã nắm rõ về hoạt động của những đơn vị trực thuộc Bộ TNMT, tuy nhiên hiểu biết về hoạt động liên quan tới quản lý chất lượng không khí của các bộ, ngành khác còn hạn chế
	Hợp tác với cán bộ phòng Kế hoạch trong quá trình thực hiện	Phòng KKPL có thể xây dựng cơ chế hợp tác giữa phòng, ban kế hoạch và các nhân viên trong quá trình thực hiện?	Có thể xây dựng cơ chế hợp tác với các phòng, ban kế hoạch Vd. Tổ chức các thuộc hợp tham vấn và thảo luận giữa các chuyên gia nhằm trao đổi ý kiến về nội dung của kế hoạch ở cấp tỉnh với các sở TNMT, các đơn vị khác.
Môi trường bên ngoài			
Các trở ngại trong thực hiện mục tiêu	Giai đoạn lên kế hoạch	Những thử thách trong quá trình lên kế hoạch là gì?	Thiếu cả nguồn nhân lực và ngân sách Lý do: Phòng không nhận được nguồn nhân lực và ngân sách đầy đủ. Bởi vì hiện nay bộ TNMT hiện đang chú trọng vào quản lý chất lượng nước và chất thải hơn là chất lượng không khí. Phòng KKPL đề xuất nhiều dự án hàng năm. Tuy nhiên, những kế hoạch này không được thông qua do tính cấp bách. Rất khó để đảm bảo nguồn nhân lực và ngân sách

Chủ đề	Nội dung chi tiết	Câu hỏi/Nội dung đánh giá mục tiêu	Trả lời từ phòng KKPL/Cục KSON
	Giai đoạn thực hiện	Những thử thách trong quá trình thực hiện là gì?	Thảm quyền/ Nhiệm vụ bị trùng lặp giữa các bộ ngành, cơ chế chia sẻ, hợp tác còn chưa rõ ràng
Quan hệ với các đơn vị, tổ chức khác	Hợp tác với các phòng ban khác	Phòng KKPL hợp tác với các phòng ban khác như thế nào?	Nhằm trao đổi thông tin và các ý kiến theo nhu cầu.
	Hợp tác với các cục, vụ khác	Phòng KKPL hợp tác với cục, vụ khác như thế nào?	Khi phòng KKPL cần thông tin từ các phòng ban khác, phòng sẽ trao đổi ý kiến tại các cuộc hội thảo, thư tín hoặc quan hệ đồng nghiệp, bạn bè.
	Hợp tác với các bộ, cơ quan khác	Phòng KKPL hợp tác với các bộ ngành, và doanh nghiệp như thế nào?	Để tìm hiểu thông tin, phòng KKPL thường liên lạc với các bộ khác qua thư Để yêu cầu khảo sát thông qua hợp đồng tư vấn

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

(2) Các hoạt động của Dự án dựa trên kết quả CA cấp trung ương (KKPL/Cục KSON)

Kết quả điều tra cho thấy KKPL/Cục KSON cần phải có thêm các kiến thức, kinh nghiệm, nâng cao trình độ chuyên môn trong lĩnh vực quản lý chất lượng không khí. Tuy nhiên, do thiếu nhân lực và ngân sách, có rất ít cơ hội để họ phát triển năng lực. JET đã đưa ra kết quả đánh giá và điều chỉnh định hướng phương pháp hướng dẫn trong Báo cáo khởi động (ICR) khi bắt đầu thực hiện dự án. Định hướng phương pháp hướng dẫn của Dự án dựa trên kết quả đánh giá năng lực được trình bày trong Bảng 2.4-4.

Bảng 2.4-4 Định hướng cho các hoạt động của Dự án dựa trên CA

Chủ đề	Đánh giá kết quả và Phương hướng cho các hoạt động của Dự án
Thông tin và kỹ năng cơ bản	
Mục tiêu của tổ chức	<Chiến lược và Kế hoạch để đạt được các mục tiêu, phương pháp đánh giá các kết quả đạt được> Đơn vị có kế hoạch công việc ngắn hạn và dài hạn. Thông qua việc tăng cường năng lực, JET hỗ trợ việc lên danh sách ưu tiên và những đầu công việc cần hoàn thành để đạt được mục tiêu của KKPL thông qua việc xây dựng danh sách các TB.
Vai trò của cơ quan	< Vai trò và kết quả đầu ra trong quá trình ban hành các văn bản pháp luật > KKPL/Cục KSON đề xuất các văn bản pháp luật trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, đồng thời tham gia vào việc trao đổi ý kiến sau khi các văn bản pháp luật đã của các đơn vị khác. Thông qua hoạt động tăng cường năng lực của Dự án, như: Xây dựng TB, các cán bộ của KKPL sẽ tiếp nhận thêm các kiến thức về nồng độ oxy tiêu chuẩn trong khí thải ống khói, hệ số vùng, v.v... Những

Chủ đề	Đánh giá kết quả và Phương hướng cho các hoạt động của Dự án
	kiến thức kỹ thuật này đóng góp vào quá trình đề xuất và xây dựng các văn bản pháp luật của cán bộ KKPL
<u>Hoạt động</u>	<p><Các hoạt động hiện tại và các hoạt động đã được lên kế hoạch> Các hoạt động chính của KKPL/Cục KSON trong lĩnh vực quản lý chất lượng không khí trong quá trình thực hiện dự án là xây dựng, sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường 2005, Kế hoạch hành động quốc gia, xây dựng hệ số phát thải, kiểm kê khí thải và hướng dẫn xây dựng kiểm kê cho các nhóm ngành mục tiêu. Thông qua các hoạt động tăng cường năng lực trong khuôn khổ Dự án, JET có những hỗ trợ và tư vấn kỹ thuật để đóng góp vào việc xây dựng Kế hoạch Hành động Quốc gia và xây dựng kiểm kê khí thải. Liên quan đến việc xây dựng kiểm kê khí thải, việc cân nhắc đưa vào thông số ô xy tiêu chuẩn cũng như kiểm tra tính chính xác, hợp lý của các câu trả lời trong phiếu điều tra đã được nâng cao</p>
<u>Nguồn lực</u>	<p><Nhân lực và Ngân sách> Số lượng các cán bộ và nguồn kinh phí cũng như các kiến thức về quản lý chất lượng không khí đều chưa đáp ứng được nhu cầu. Bên cạnh việc tăng cường năng lực thông qua Dự án, JET đã tiến hành các hoạt động nhằm giúp cho việc đảm bảo kinh phí cho các hoạt động quản lý chất lượng không khí ví dụ như dự trù kinh phí vận hành và bảo trì trạm quan trắc chất lượng không khí tự động.</p>
Trình độ chuyên môn	
<u>Trình độ chuyên môn của cán bộ</u>	<p><Trình độ chuyên môn và sự đồng đều giữa các cán bộ> Trình độ chuyên môn trong lĩnh vực quản lý chất lượng không khí của mỗi cán bộ đã được cải thiện nhằm phục vụ quá trình xây dựng hệ thống pháp lý. Thông qua hoạt động tăng cường năng lực của Dự án, JET và Cục KSON đã nỗ lực để tăng cường trình độ kỹ thuật quản lý chất lượng không khí của từng cán bộ, và cũng để tăng cường khả năng, môi trường tự học theo hướng bền vững.</p>
<u>Khả năng thực thi/Khả năng phối hợp (trong trường hợp xây dựng Kế hoạch Hành động Quốc gia)</u>	<p><Năm được kế hoạch công tác hiện tại của đơn vị và các cán bộ > Kế hoạch Hành động Quốc gia được thiết kế để xác định các nội dung chính về quản lý chất lượng không khí và Kiểm soát ô nhiễm không khí tại Việt Nam. Sau khi Kế hoạch Hành động Quốc gia được phê duyệt, nhiều kế hoạch, dự án đề xuất bởi KKPL được liệt kê trong Kế hoạch Hành động Quốc gia nhiều khả năng sẽ được thực thi. Thông qua các hoạt động tăng cường năng lực của Dự án, khả năng thực thi, phối hợp để thực thi các dự án mới sẽ được tăng cường. Bên cạnh đó, JET cũng hỗ trợ việc xây dựng Kế hoạch Hành động Quốc gia.</p>
Các yếu tố bên ngoài	
<u>Trở ngại đối với việc hoàn thành mục tiêu</u>	<p><Lập và thực hiện kế hoạch> Nguồn nhân lực và ngân sách không đáp ứng được nhu cầu do quản lý chất lượng không khí chưa phải là lĩnh vực mà Bộ Tài nguyên và môi trường được ưu tiên. Ngoài ra, trách nhiệm và thẩm quyền về quản lý chất lượng không khí của Bộ Tài nguyên và môi trường vẫn bị chồng chéo với các Bộ khác, do đó nhiệm vụ của KKPL cũng chưa</p>

Chủ đề	Đánh giá kết quả và Phương hướng cho các hoạt động của Dự án
	<p>được xác định rõ ràng.</p> <p>Thông qua các hoạt động tăng cường năng lực của Dự án, JET chuyên giao các kiến thức kỹ thuật để có thể xây dựng được một kế hoạch khả thi để quản lý chất lượng không khí. Hơn nữa, thông qua việc làm rõ quyền hạn/nghĩa vụ của các Bộ ban ngành khác, lĩnh vực quản lý chất lượng không khí sẽ được Tổng cục môi trường/Bộ Tài nguyên và môi trường sẽ được ưu tiên hơn.</p>
<u>Mối quan hệ với các cơ quan, tổ chức bên ngoài</u>	<p><Hợp tác với các phòng/ban/cục, vụ khác/ bộ ban ngành và đơn vị có liên quan></p> <p>Sự hợp giữa các bộ phận trong KKPL là khá đầy đủ. Tuy nhiên, việc phân công công việc của các cá nhân là khác nhau và việc chuyên giao kỹ thuật chưa đáp ứng được nhu cầu. Sự phối hợp với các đơn vị bên ngoài KKPL chưa đủ. Lý do là thủ tục làm công văn hay sắp đặt cuộc hẹn khá phức tạp. Việc chia sẻ thông tin và đường lối phối hợp đa ngành trong lĩnh vực quản lý chất lượng không khí cần phải được tăng cường hơn nữa.</p> <p>Thông qua các hội thảo và thảo luận chuyên đề trong khuôn khổ Dự án, KKPL có nhiều cơ hội trao đổi thông tin và ý kiến với các Bộ ban ngành khác, do đó sự hợp tác với các Bộ ngành khác cũng được tăng cường hơn.</p>

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

(3) Tóm tắt Kết quả đánh giá năng lực Sở Tài nguyên và Môi trường tại hai thành phố (Đánh giá năng lực đơn giản)

1) Kết quả đợt khảo sát đánh giá năng lực Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội

Để hiểu được năng lực, hiện trạng và thách thức đối với quản lý chất lượng không khí tại Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội, đơn vị tư vấn đã sử dụng phiếu CA được đơn giản hóa. Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội đang có kế hoạch có các mục tiêu của quản lý chất lượng không khí trong 5-10 năm nhưng các mục tiêu này vẫn đang trong quá trình xây dựng và thẩm định. Vì vậy Chi cục BVMT Hà Nội không thể cung cấp thông tin chi tiết. Mục tiêu chung là giảm lượng khí thải từ ô nhiễm không khí từ các cơ sở kinh doanh; tăng cường thông tin, giám sát và thực hiện quan trắc. Kết quả khảo sát CA đơn giản được tóm tắt trong Bảng 2.4-5.

Bảng 2.4-5 Tóm tắt Kết quả Đánh giá năng lực đơn giản tại Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội và các phòng ban trực thuộc

Chủ đề	Trả lời từ CC BVMT Hà Nội và các phòng ban trực thuộc
<u>Mục tiêu và kế hoạch</u>	<p>Chi cục Bảo vệ môi trường đang có kế hoạch cho các mục tiêu quản lý chất lượng không khí trong vòng 5-10 năm, nhưng các mục tiêu này vẫn đang trong quá trình xây dựng và thẩm định do đó không thể cung cấp các tài liệu này một cách chi tiết .</p> <p>Mục tiêu chung là giảm lượng khí thải từ các doanh nghiệp, tăng cường thông tin, giám sát và thực hiện quan trắc.</p>
	Các đơn vị trực thuộc Chi cục Bảo vệ môi trường không có kế hoạch

Chủ đề	Trả lời từ CC BVMT Hà Nội và các phòng ban trực thuộc
	cho quản lý chất lượng không khí trong vòng 5-10 năm tới do không được giao nhiệm vụ cụ thể. Kế hoạch quản lý chất lượng không khí của Sở TN & MT và CC BVMT chưa được phê duyệt. Các đơn vị trực thuộc Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội sẽ thực hiện các chức năng nhiệm vụ khi được cấp trên giao.
<u>Nguồn lực</u>	Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội có 20 kỹ sư, 6 cử nhân tham gia vào công tác quản lý chất lượng không khí, trong đó có 19 cán bộ đã được đào tạo chuyên môn trong lĩnh vực quản lý chất lượng không khí Chỉ khoảng 2 % ngân sách được phân bổ cho nhiệm vụ này. Cơ sở dữ liệu chưa hoàn thiện; không có đủ trang thiết bị quan trắc để thực thi nhiệm vụ.
<u>Nhu cầu</u>	Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội cần được tăng cường năng lực cán bộ trong công tác quản lý chất lượng không khí. Cần tăng số lượng cán bộ lên 30 kỹ sư và 10 cử nhân. Tất cả 40 nhân viên cần được đào tạo chuyên môn liên quan đến quản lý chất lượng không khí
<u>Biện pháp</u>	Tăng cường đào tạo chuyên sâu về quản lý chất lượng không khí cho cán bộ; tìm giải pháp để tăng cường trang thiết bị Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội sẽ tuân theo kế hoạch chỉ đạo của Sở TNMT Hà Nội và chính sách/quy hoạch của UBND tp. Hà Nội

Nguồn: Kết quả khảo sát của Dự án

2) Kết quả của đợt khảo sát Đánh giá năng lực cho Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh (Sở TNMT HCM)

Để tìm hiểu năng lực, hiện trạng và thách thức trong công tác quản lý chất lượng không khí của Chi cục Bảo vệ môi trường tp. HCM (HEPA), đơn vị tư vấn đã tiến hành khảo sát các vấn đề này sử dụng phiếu điều tra Đánh giá năng lực (CA) đơn giản. HEPA xác định mục tiêu cho quản lý chất lượng không khí trong vòng 5 hoặc 10 năm tới trên cơ sở Chương trình hành động số 34 - CTrHĐ/TU ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Đảng ủy tp. Hồ Chí Minh thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 7 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Kết quả đánh giá năng lực được tổng hợp và tóm tắt trong Bảng 2.4-6.

Bảng 2.4-6 Tóm tắt Kết quả Đánh giá năng lực đơn giản tại Chi cục Bảo vệ môi trường tp. HCM (HEPA) và các phòng ban trực thuộc

Chủ đề	Trả lời từ HEPA và các phòng ban trực thuộc
<u>Mục tiêu và kế hoạch</u>	HEPA có mục tiêu cho quản lý chất lượng không khí trong 5- 10 năm tới. Các mục tiêu được dựa trên Chương trình hành động số 34 - CTrHĐ/TU ngày 2013/11/27 của Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh thực hiện Nghị quyết số 24 -NQ / TW Hội nghị lần thứ 7 của Ban chấp hành Trung ương XI nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Mục tiêu chính liên quan đến ô nhiễm không khí là: "Đến năm 2020, đảm bảo 90% khí thải tại khu công nghiệp/cụm trên toàn thành phố được xử lý

Chủ đề	Trả lời từ HEPA và các phòng ban trực thuộc
	<p>đạt các tiêu chuẩn về môi trường".</p> <p>Phòng Kế hoạch Tổng hợp có mục tiêu riêng để quản lý chất lượng không khí trong vòng 5 hoặc 10 năm tới. Các mục tiêu là: "lập kế hoạch và xây dựng mạng lưới quan trắc chất lượng không khí cho tp. Hồ Chí Minh".</p>
<u>Nguồn lực</u>	<p>Có 3 đơn vị thuộc HEPA có chức năng của AQM như sau:</p> <p>(1) Phòng Kiểm soát Ô nhiễm</p> <p>(2) Trung tâm Quan trắc và Phân tích Tài nguyên và Môi trường (CENMA)</p> <p>(3) Phòng Thẩm định và Đánh giá Tác động Môi trường.</p>
<u>Nhu cầu</u>	<p>Cần bổ sung số lượng cán bộ vì số lượng hiện tại không đáp ứng được nhu cầu. Có khoảng 90% nhiệm vụ được hoàn thành đúng thời hạn và trước thời hạn. Có khoảng 10 % nhiệm vụ liên quan đến quản lý chất lượng không khí chậm tiến độ.</p> <p>HEPA cần thêm dữ liệu liên quan đến khí thải của các nguồn tĩnh (cho các ngành công nghiệp) và thông tin về quan trắc chất lượng không khí ở các tỉnh xung quanh TP.HCM như Long An, Tây Ninh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu. Hiện nay, HEPA không có đủ dữ liệu cần thiết về kiểm kê khí thải và quan trắc chất lượng không khí tại TP.HCM và các tỉnh lân cận để nghiên cứu, đánh giá tác động của từng nhóm nguồn ô nhiễm không khí tại TP.HCM.</p> <p>Cần nâng cao năng lực quản lý chất lượng không khí của đội ngũ cán bộ. HEPA cần có 5 kỹ sư, 6 cử nhân và 3 kỹ thuật để thực hiện nhiệm vụ quản lý chất lượng không khí.</p> <p>HEPA cần 18 kỹ sư, 16 cử nhân và 16 kỹ thuật viên để thực hiện nhiệm vụ quản lý chất lượng không khí nhằm đạt được các mục tiêu trong dài hạn.</p>
<u>Biện pháp</u>	<p>HEPA sẽ tuyển dụng thêm cán bộ nếu cần thiết</p> <p>HEPA sẽ gửi cán bộ tham gia vào các khóa tập huấn chuyên môn về quản lý chất lượng không khí.</p> <p>HEPA không có kế hoạch chuẩn bị cho các nhu cầu trên vì HEPA không có lộ trình chi tiết cho các nội dung này. Khi HEPA có chi tiết lộ trình, HEPA sẽ tiến hành chuẩn bị để đáp ứng các nhu cầu trên.</p>

Nguồn: Kết quả khảo sát của Dự án

2.4.3 Cải thiện và nâng cao năng lực thông qua các hoạt động của Dự án

(1) Tăng cường năng lực cho mỗi cá nhân liên quan tới công tác quản lý chất lượng không khí

JET nhận thấy rằng, thông qua quá trình thực hiện dự án, năng lực cá nhân của các cán bộ KKPL/Cục KSON đã được cải thiện, cụ thể:

Theo quan sát của JET, qua Dự án, các cán bộ phòng KKPL/ Cục KSON đã nâng cao được các năng lực sau:

- ✓ Các cán bộ phòng KKPL đã có được kiến thức kỹ thuật trong việc xây dựng TB và qua chuỗi các buổi “tư vấn và giới thiệu kỹ thuật” như i) nồng độ ô xy tiêu chuẩn trong khí thải, ii) cơ sở khoa học về hệ số vùng, iii) hệ thống kiểm soát nguồn ô nhiễm điểm... Những kiến thức kỹ thuật này sẽ góp phần vào việc đề xuất và góp ý cho các kế hoạch hành động

quốc gia trong giai đoạn tới, cũng như cho các văn bản pháp luật dạng Nghị định, thông tư mà KKPL cần xây dựng.

- ✓ Các cán bộ phòng KKPL đã được JET tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật trong việc xây dựng kiểm kê khí thải công nghiệp. Để tính toán lượng khí thải theo hệ số phát thải hoặc số liệu đo đạc khí thải nhà máy thì các thông tin có được từ Phiếu thu thập thông tin (Questionnaire) là rất quan trọng. JET và KKPL/ Cục KSON đã thảo luận cách để nâng cao hiệu quả của Phiếu thu thập thông tin ví dụ như thảo luận về từng mục nội dung trong Phiếu thu thập thông tin, quá trình phát thải khai công nghiệp, các lỗi mà người điền phiếu dễ mắc phải khi điền thông tin Các kiến thức này dựa trên kinh nghiệm hoạt động lâu năm của chuyên gia JICA.
- ✓ Không chỉ các cán bộ của phòng KKPL mà lãnh đạo, cán bộ của các đơn vị khác (như CEM) thuộc Tổng cục môi trường cũng được hỗ trợ kỹ thuật để hoàn thiện các văn bản pháp luật về i) lấy mẫu bụi theo phương pháp isokinetic, ii) sai số và độ chính xác của các thiết bị phân tích khí thải cầm tay, iii) tầm quan trọng của việc hiệu chỉnh tại chỗ các máy phân tích khí thải ống khói...
- ✓ Không chỉ các cán bộ KKPL, các lãnh đạo của Cục KSON/các sở TNMT cũng nhận thức được tầm quan trọng của việc duy trì các trạm quan trắc chất lượng không khí tự động và kế hoạch tái lắp đặt/ bảo trì các trạm quan trắc này, có xét đến thời gian sử dụng của thiết bị phân tích chất lượng không khí cũng như ngân sách cần thiết để phục vụ hoạt động và bảo trì của các trạm quan trắc và thiết bị phân tích. Kiến thức này góp phần vào việc lập kế hoạch ngân sách cho các trạm quan trắc chất lượng không khí.
- ✓ Các cán bộ phòng KKPL cũng như các phòng ban chính khác thuộc Tổng cục môi trường đã có nhiều cơ hội để nâng cao kiến thức về cơ chế và mối liên hệ giữa hệ thống pháp lý với việc hiện thực hóa công tác kiểm soát ô nhiễm không khí. Những nội dung kiến thức này được giới thiệu và thảo luận tại Buổi giới thiệu và tư vấn kỹ thuật về hệ thống pháp lý trong quản lý/ kiểm soát ô nhiễm không khí (Buổi thứ 1) và được tăng cường, chuyên sâu thêm trong những hoạt động tiếp theo của Dự án.

Các kiến thức kỹ thuật thu nhận được sẽ tạo điều kiện cho các cán bộ thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực QLCLKK tại TCMT với nền tảng kỹ thuật vững chắc và thuyết phục, đặc biệt đối với phòng KKPL/Cục KSON, nhằm đảm bảo trách nhiệm giải trình về các nhiệm vụ, trách nhiệm hành chính đối với các đối tác trong/ngoài đơn vị.

(2) Tăng cường thể chế và quản lý hành chính của các cơ quan đối tác chính

Trong quá trình thực hiện Dự án, theo quan sát của JET, i) vai trò của KKPL/ Cục KSON tại Tổng cục môi trường JET với tư cách là cơ quan đầu mối về kiểm soát ô nhiễm không khí tăng lên đáng kể, và ii) KKPL/ Cục KSON đóng góp lớn vào hoạt động của Dự án. Có thể khẳng định rằng phòng KKPL/Cục KSON đã được tăng cường năng lực để xây dựng các văn bản hành chính/pháp

luật thông qua i) sự đóng góp thiết thực về mặt chuyên môn kỹ thuật đối với quá trình soạn thảo văn bản pháp luật, và ii) hoạt động điều phối nhằm khuyến khích sự tham gia, quan tâm của các phòng ban/tổ chức liên quan khác.

Về mặt thể chế

Các năng lực thể chế sau đã được tăng cường cho cơ quan đối tác.

- ✓ KKPL/ Cục KSON đã xây dựng và hoàn thiện Kế hoạch hành động quốc gia về kiểm soát ô nhiễm không khí đến năm 2020 theo như nhiệm vụ Tổng cục môi trường giao. Kế hoạch này đã được Thủ tướng phê duyệt. Kế hoạch đã hoạch định chiến lược và các nhiệm vụ của Tổng cục môi trường/ Bộ Tài nguyên và môi trường trong lĩnh vực này, và KKPL/ Cục KSON cũng cam kết sẽ thực hiện các vai trò nhiệm vụ cần thiết đạt được mục tiêu kế hoạch.
- ✓ Như đã trao đổi trên đây, KKPL/ Cục KSON đóng vai trò chính trong việc hợp tác với WENID xây dựng dự thảo nghị định quản lý chất thải và nhập khẩu phế liệu, là văn bản dưới Luật Bảo vệ môi trường 2014. KKPL/ Cục KSON xây dựng và đóng góp cho phần kiểm soát ô nhiễm không khí của Nghị định này, bao gồm cả việc tập hợp những ý kiến chuyên gia thông qua việc đánh giá các khả năng kỹ thuật và tài chính tại các buổi họp thảo luận cùng những chuyên gia hàng đầu và các cán bộ quản lý có liên quan.
- ✓ KKPL/ Cục KSON đang xây dựng dự thảo thông tư về kiểm kê khí thải cho các nguồn ô nhiễm tĩnh. Thông qua quá trình thực hiện Dự án, KKPL/ Cục KSON đã tiến hành kiểm kê khí thải và thu thập thông tin của một số ngành công nghiệp. Những kinh nghiệm này sẽ góp phần xây dựng thông tư.
- ✓ Qua các hoạt động ưu tiên theo danh sách TB, các công việc cần hoàn thiện để đạt được mục tiêu của phòng KKPL đã trở nên rõ ràng hơn.

Về mặt quản lý hành chính

Các năng lực về quản lý dưới đây đã được tăng cường cho cơ quan đối tác

- ✓ Trong quá trình chuẩn bị và tổ chức chuỗi các buổi giới thiệu và tư vấn kỹ thuật trong khuôn khổ Kết quả 1, KKPL/ Cục KSON đã nỗ lực tối đa trong việc thu hút sự tham gia của các đơn vị khác thuộc Tổng cục môi trường cũng chịu trách nhiệm về kiểm soát ô nhiễm không khí, như là Tổng cục môi trường, DPL tham gia tích cực vào các buổi tư vấn này. Những nỗ lực này chắc chắn góp phần không nhỏ vào việc thực hiện các hoạt động của Tổng cục môi trường về kiểm soát/ giảm thiểu ô nhiễm không khí. Hơn nữa, những nỗ lực này của KKPL/ Cục KSON đã nâng cao vai trò của KKPL/ Cục KSON là đầu mối về kiểm soát ô nhiễm không khí tại Tổng cục môi trường.
- ✓ KKPL/ Cục KSON cũng hỗ trợ các hoạt động của Kết quả 2 của Dự án thông qua việc trao đổi, liên hệ chặt chẽ với hai Sở TNMT tại thành phố

Hà Nội và HCM, với UBND thành phố và Tổng cục môi trường. KKPL/ Cục KSON còn hỗ trợ giám sát, quản lý các khảo sát được thực hiện bởi Dự án, lập kế hoạch và tổ chức các hội thảo Mini, cùng Sở TNMT đề xuất và góp ý xây dựng phác thảo Lộ trình xây dựng quy hoạch quản lý chất lượng không khí tại hai thành phố trong Kết quả 2... JET nhận thấy rằng các Sở TNMT tại hai thành phố cũng dần tin tưởng và thấy được vai trò quản lý hành chính của KKPL/ Cục KSON trong lĩnh vực kiểm soát ô nhiễm không khí và là cơ quan đầu mối tại Tổng cục môi trường về lĩnh vực này.

(3) Tiến bộ về cơ chế hợp tác giữa các tổ chức

Không chỉ riêng lĩnh vực quản lý chất lượng không khí, ngành quản lý môi trường nói chung rất cần cơ chế hợp tác liên Bộ bao gồm cả việc hợp tác giữa các cơ quan trong cùng một Bộ (Tổng cục môi trường/ Bộ Tài nguyên và môi trường), hợp tác liên cấp là Bộ Tài nguyên và môi trường ở cấp trung ương và Sở TNMT ở cấp địa phương, hợp tác giữa Bộ (Bộ Tài nguyên và môi trường) và các tổ chức khác (VD như các trường đại học, viện nghiên cứu). Những cơ chế phối hợp giữa các cơ quan như vậy đang ngày được cải thiện thông qua quá trình thực hiện Dự án. Có thể nhận định rằng phòng KKPL/ Cục KSON đã được tăng cường năng lực để có thể đóng vai trò chính trong điều phối các nhiệm vụ, chức năng liên quan đến QLCLKK giữa các đơn vị, tổ chức. Kết quả đạt được trong quá trình nâng cao cơ chế hợp tác giữa các tổ chức thông qua hoạt động Dự án được trình bày sau đây:

Hợp tác liên Bộ, bao gồm cả việc hợp tác giữa các đơn vị trực thuộc Tổng cục môi trường/Bộ Tài nguyên và môi trường

JET cùng với KKPL/ Cục KSON quyết định hỗ trợ các hoạt động của CEM về dự thảo Thông tư quan trắc khí thải công nghiệp (xem phần 2.5.2). Cục KSON và CEM đã có mối quan hệ hợp tác tốt ngay từ trước Dự án, nhưng qua hoạt động hỗ trợ này thì việc cộng tác giữa hai đơn vị, đặc biệt là về quản lý chất lượng không khí được củng cố thêm. Ngoài ra, JET và KKPL/ Cục KSON đã có cơ hội chia sẻ ý kiến thông qua các hoạt động Dự án. Trong buổi họp góp ý cho Dự thảo Nghị định về quản lý chất thải và phế liệu (ngày 5/9/2014), cũng có sự tham gia của Vụ khoa học và Công nghệ của Bộ Công thương, WENID, CEM.

Hợp tác liên cấp giữa cấp trung ương (Bộ Tài nguyên và môi trường) và cấp địa phương (Sở TNMT)

Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội và tp Hồ Chí Minh (Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội và Sở Tài nguyên và môi trường tp. HCM) là các đối tác của Dự án. Thông qua các hoạt động của Dự án, Cục KSON và các Sở này đã có cơ hội trao đổi ý kiến gần gũi. Trong buổi họp góp ý cho Dự thảo Nghị định về quản lý chất thải và phế liệu (ngày 5/9/2014), Phó chi cục trưởng Chi cục BVMT tp Đà Nẵng cũng được mời tham dự. Qua quá trình tham gia xây dựng kiểm kê khí thải với JET, KKPL/ Cục KSON đã hỗ trợ kiểm kê khảo sát tại các Sở Tài nguyên và môi trường tại Hà Nam, Thái Nguyên, Quảng Ninh, Kiên

Giang, Quảng Bình, Hải Dương, Hải Phòng, Đà Nẵng và Tây Ninh. Ngoài ra, Cục KSON/KKPL đã mời đại diện sở Tài nguyên và Môi trường của 7 tỉnh khác cùng tham gia đóng góp ý kiến về Dự án cũng như dự thảo thông tư về Kiểm kê khí thải công nghiệp. Qua các hoạt động này, việc hợp tác liên cấp giữa trung ương (Bộ Tài nguyên và môi trường) và địa phương (Sở Tài nguyên và môi trường) đã được cải thiện.

Hợp tác giữa Bộ (Bộ Tài nguyên và môi trường) và các tổ chức khác (VD: các trường đại học, các viện nghiên cứu)

Thông qua các khảo sát của Dự án, phòng KKPL/ Cục KSON đã hỗ trợ và phối hợp với các Đơn vị tư vấn trong nước là Viện Tài nguyên, Môi trường và Phát triển cộng đồng (RECO), Viện Kỹ thuật Nước và Công nghệ Nội trường (IWEET), và Viện Tài nguyên và Môi trường (IER). Ngoài ra, trong buổi họp góp ý cho Dự thảo Nghị định về quản lý chất thải và phế liệu (ngày 5/9/2014), đã có sự tham gia của đại diện của Trung tâm Kỹ thuật Môi trường và An toàn Hóa chất, Hiệp hội Thép Việt Nam, Viện Khoa học và Công nghệ môi trường và Đại học Bách Khoa Hà Nội (VCAP), Đại học Tài Nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh, Viện Kỹ thuật Nhiệt đới và Bảo vệ Môi trường. Hội thảo giữa kỳ (Ngày 11/11/2014) cũng có sự tham gia của đại diện Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, VCAP Việt Nam, Tổng Công ty thép Việt Nam, Đại học Khoa học tự nhiên, Công ty cổ phần nhiệt điện Phả Lại, và Trung tâm môi trường, Viện Khoa học địa chất và khoáng sản tham dự. Khi xây dựng/ thiết kế các hoạt động kiểm soát chất lượng không khí tiếp theo, các cơ chế hợp tác giữa các tổ chức như thế này cần tiếp tục được áp dụng, phát triển.

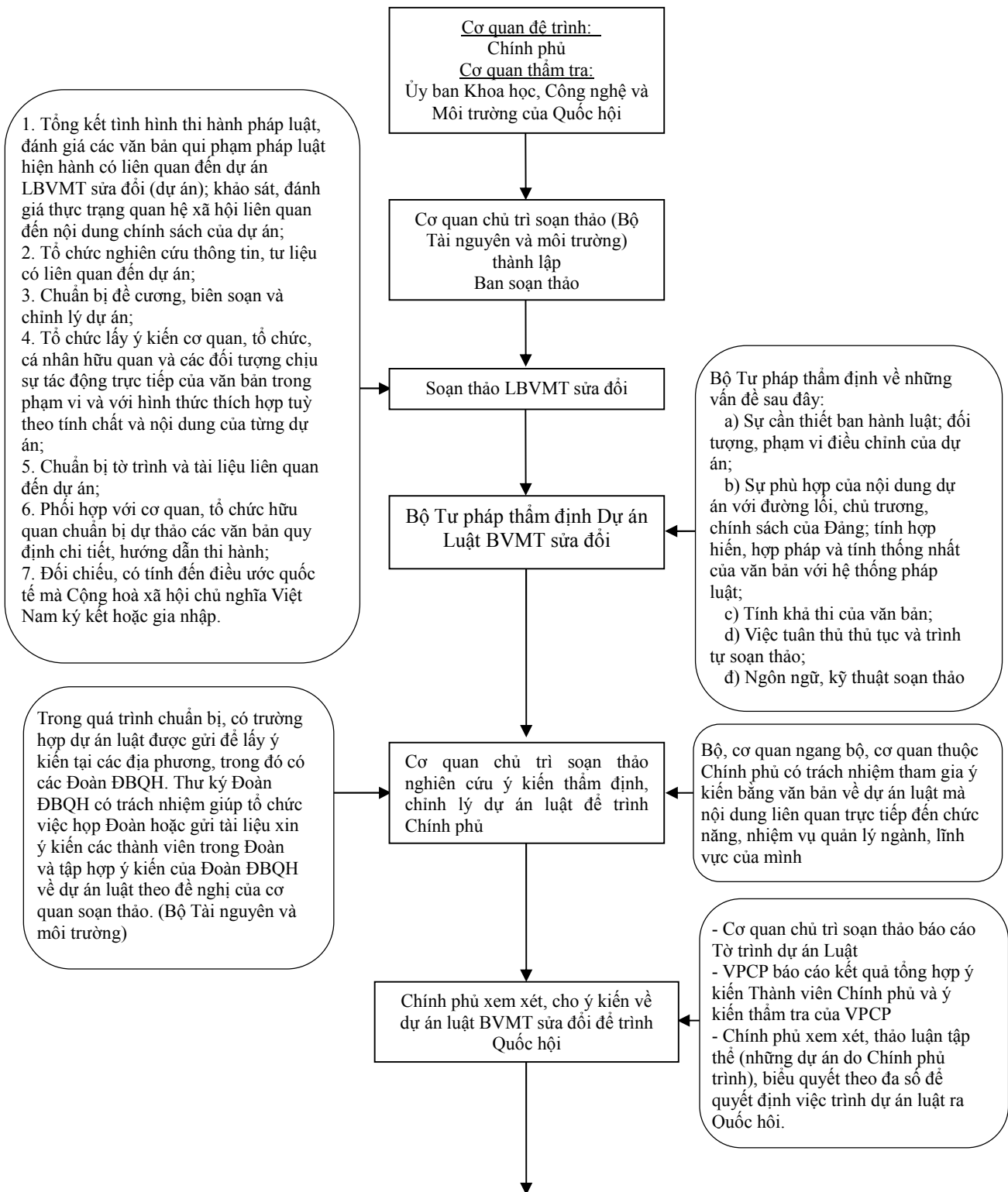
2.5 Quy trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật

(1) Luật Bảo vệ môi trường (LBVMT) sửa đổi

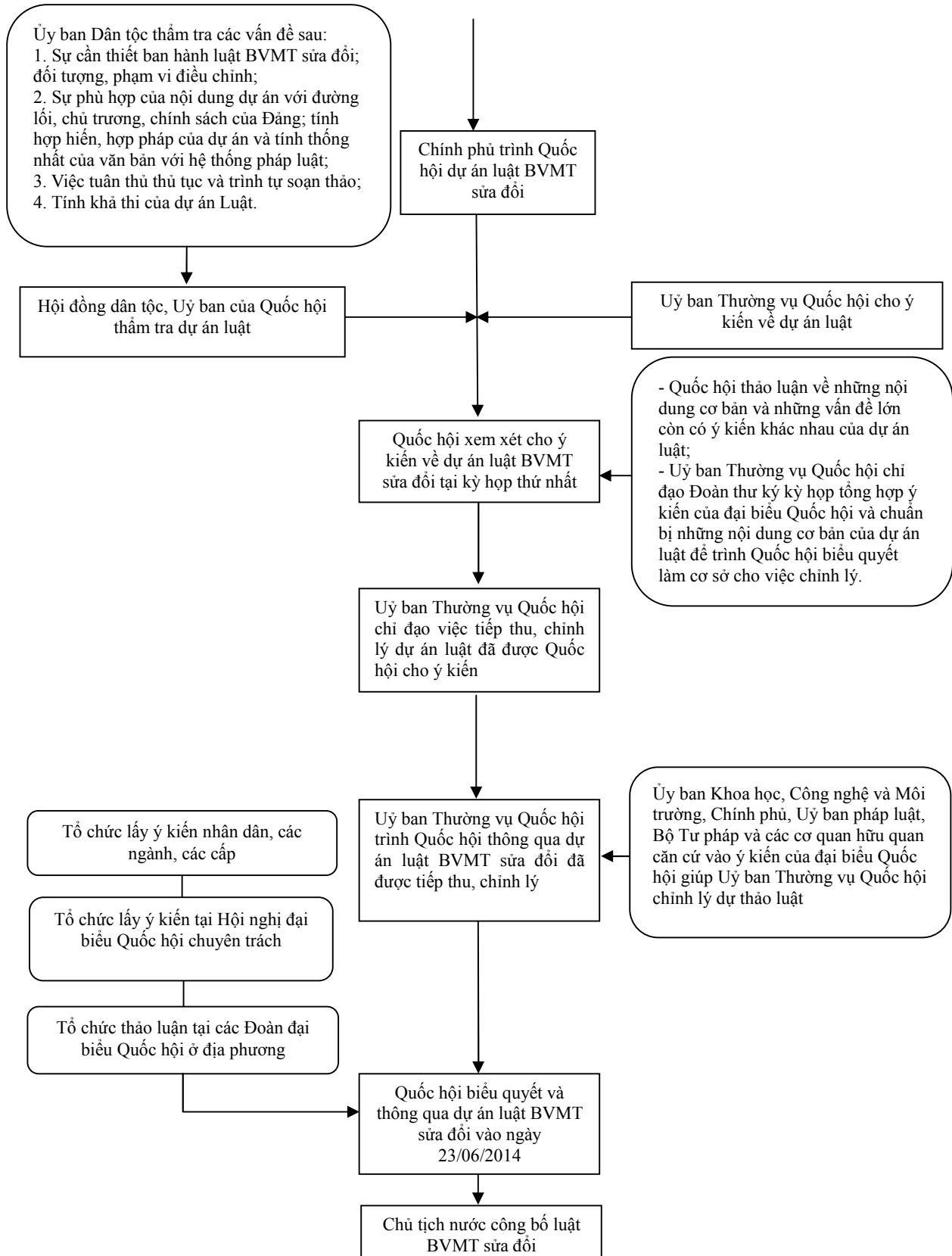
LBVMT sửa đổi được Quốc hội thông qua ngày 23/06/2014 tại kỳ họp thứ 7 của Quốc hội khóa VIII. LBVMT sửa đổi bao gồm 20 Chương, 170 Điều quy định các hoạt động bảo vệ môi trường; chính sách, các biện pháp và nguồn lực để bảo vệ môi trường; quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trong việc bảo vệ môi trường. LBVMT sửa đổi sẽ hiệu lực từ ngày 1/1/2015.

Cơ quan chịu trách nhiệm soạn thảo LBVMT sửa đổi là Bộ Tài nguyên và môi trường, cơ quan thẩm tra là Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc

Hình 2.5-1 và Hình 2.5-2 trình bày quá trình xây dựng LBVMT sửa đổi từ khi Chính phủ đề xuất cho tới khi được Quốc hội thông qua.



Hình 2.5-1 Quy trình xây dựng Luật Bảo vệ Môi trường sửa đổi (1/2)



Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA, tổng hợp từ Luật số 17/2008/QH12 về Ban hành Văn bản Quy phạm Pháp luật và tài liệu của Ban Công tác lập pháp Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Hình 2.5-2 Quy trình xây dựng Luật Bảo vệ Môi trường sửa đổi (2/2)

(2) Nghị định về Quản lý Chất thải và Phế liệu

Nghị định về Quản lý chất thải và phế liệu (Nghị định) được xây dựng sau khi Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi được phê duyệt.

Vào tháng 1/ 2014, Bộ Tài nguyên và môi trường ban hành Quyết định số 101/2014/QĐ-BTNMT, phê duyệt Chương trình xây dựng và ban hành các văn bản pháp luật năm 2014 đối với những lĩnh vực trực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài nguyên và môi trường. Nghị định quản lý chất thải và phế liệu là một trong những văn bản được Quyết định này quy định ban hành.

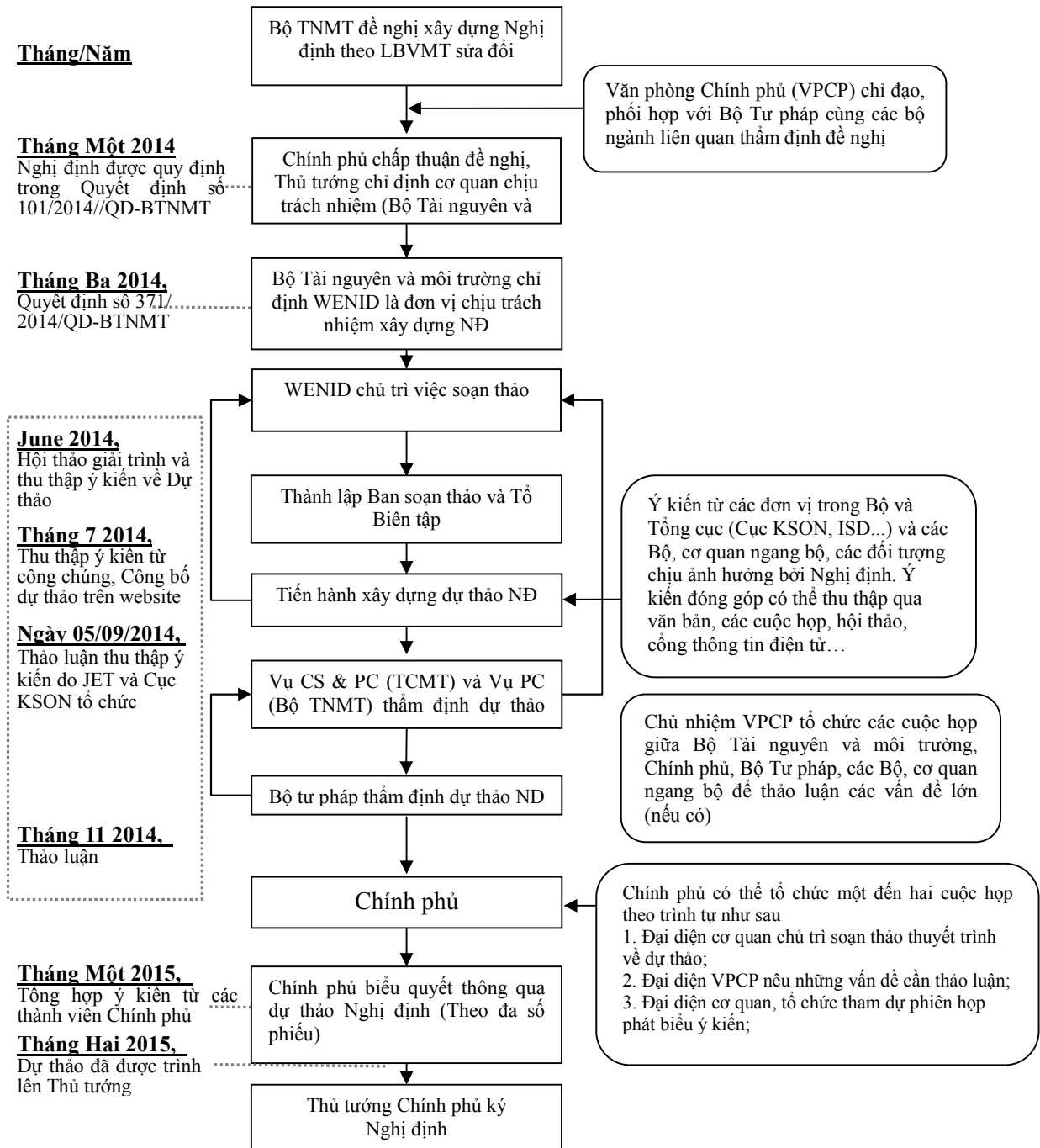
Vào tháng 3 năm 2014, Quyết định số 371/2014/QĐ-BTNMT, về việc thành lập ban soạn thảo và tổ biên tập Nghị định quản lý chất thải và phế liệu được ban hành. Quyết định nêu rõ Tổ soạn thảo gồm có 12 thành viên, trong đó có Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và môi trường và Phó tổng cục trưởng Tổng cục môi trường là trưởng ban điều hành Dự án này. Tổ biên tập gồm có 14 thành viên bao gồm cả những cán bộ có tên trong danh sách Ban điều phối chung của Dự án.

Vào tháng 6 năm 2014, một số hội thảo đã được tổ chức ở Hải Phòng, Đà Nẵng và các thành phố khác đã được WENID đứng ra tổ chức để giải trình về Dự thảo nghị định và thu thập ý kiến đóng góp cho Nghị định này. Cục KSON và JET cũng đã tham dự các Hội thảo này. Sau đó, Dự thảo Nghị định được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng cục môi trường.

Vào ngày 05/09/2014, KKPL/Cục KSON và JET đã tổ chức họp thảo luận về phần kiểm soát ô nhiễm không khí trong Dự thảo Nghị định nhằm thu thập ý kiến góp ý của Bộ Công thương, WENID, CEM, Sở TNMT Đà Nẵng, JICA Việt Nam và các chuyên gia đến từ các trường đại học, các viện nghiên cứu, các hiệp hội ngành.

Theo kế hoạch, Dự thảo Nghị định sẽ được trình lên Thủ tướng Chính phủ vào 15/11/2014. Tuy nhiên còn có một số nội dung trong Dự thảo cần phải hoàn thiện thêm, như việc trùng lặp chắc chắn, nhiệm vụ giữa Bộ Tài nguyên và môi trường và Bộ Xây dựng về quản lý chất thải rắn. Vì thế, các buổi thảo luận vẫn tiếp tục được tổ chức cho đến đầu năm 2015. Tháng 1/2015, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo văn phòng Chính phủ tham khảo ý kiến của các thành viên Chính phủ về Dự thảo này. Dự kiến đến tháng 2/2015, Dự thảo nghị định quản lý chất thải và phế liệu sẽ được trình lên Thủ tướng Chính phủ để phê duyệt.

Hình 2.5-3 trình diễn quy trình xây dựng Dự thảo Nghị định Quản lý chất thải và phế liệu, có nêu rõ một số cột mốc thời gian và các hoạt động chính. Trình tự xây dựng Dự thảo trên thực tế phức tạp và linh hoạt hơn. Có rất nhiều buổi thảo luận đã được tổ chức với các Bộ có liên quan và có nhiều bước lấy ý kiến góp ý của người dân.



Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA, tổng hợp từ Thông tư 46/2014/TT-BTNMT Quy định về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và môi trường

Hình 2.5-3 Quy trình xây dựng và tiến trình thực tế của Nghị định Quản lý Chất thải và Phế liệu

CHƯƠNG 3 ĐÓNG GÓP VÀO DỰ ÁN

3.1 Đóng góp của Việt Nam

3.1.1 Cán bộ đối tác

Để việc quản lý Dự án được tiến hành thuận lợi, Ban điều phối chung (JCC), Nhóm công tác chính (Core TWG) và Nhóm công tác mở rộng (Expanding TWG) đã được phía Việt Nam thành lập ngay từ khi bắt đầu Dự án.

(1) Ban điều phối chung (JCC)

Ban điều phối chung được thành lập theo Biên bản ghi nhớ (R/D) giữa Bộ Tài nguyên và môi trường và JICA và ngày 26/3 năm 2013. Thành phần của JCC đã được quyết định theo Biên bản ghi nhớ và các thành viên chính thức được liệt kê trong Bảng 3.1-1.

Bảng 3.1-1 Danh sách thành viên JCC

Họ tên	Vị trí trong JCC	Chức vụ công tác
Phía Việt Nam		
(1) PGS, TS. Bùi Cách Tuyến	(Trưởng Ban)*	Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và môi trường, Tổng cục trưởng Tổng cục môi trường
(2) Ông Mai Thanh Dung	Thành viên	Cục trưởng, Cục KSON, Tổng cục môi trường
(3) Ông Nguyễn Phước Hùng	Thành viên	Trưởng phòng Hợp tác Song Phương, Vụ Hợp tác Quốc tế, Bộ Tài nguyên và môi trường
(4) Ông Hoàng Minh Sơn	Thành viên	Phó Vụ trưởng, Vụ CS&PC, Tổng cục môi trường
(5) Ông Trần Văn Khương	Thành viên	Phó vụ trưởng Vụ PC, Bộ TNMT
(6) TS. Nguyễn Minh Cường	Thành viên	Phó vụ trưởng vụ HTQT&KHCN, Tổng cục môi trường
Phía Nhật Bản (JICA)		
(7) Ông Norihiko Inoue	Thành viên	Cố vấn trưởng/ Nhóm chuyên gia JICA
(8) Ông Keiichi Takahashi	Thành viên	Phó cố vấn trưởng/ Nhóm chuyên gia JICA
(9) Ông Fumihiko Okiura	Thành viên	Phó trưởng đại diện Văn phòng JICA Việt Nam
(10) Ông Tadashi Suzuki (- Tháng 11/2014)	Thành viên	Phó trưởng đại diện Văn phòng JICA Việt Nam
(11) Ông Eiji Egashira (- Tháng 8/ 2014)	Thành viên	Phó trưởng đại diện Văn phòng JICA Việt Nam
(12) Ông Naohiro Yoshida (- Tháng 8/ 2014)	Thành viên	Đại diện Văn phòng JICA Việt Nam
Tổng cộng: 11 người		

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

(2) Nhóm công tác chính (Core TWG)

Nhóm công tác chính (Core TWG) được thành lập trực thuộc Ban điều phối chung (JCC) để tổ chức các buổi họp đảm bảo hoạt động thường xuyên của dự án và để tiếp nhận trực tiếp những chuyển giao kỹ thuật từ JET. Nhóm công tác chính (Core TWG) gồm có trưởng phòng và các thành viên của Phòng KKPL như trong Bảng 3.1-2.

Bảng 3.1-2 Danh sách thành viên nhóm công tác chính (TWG)

Họ tên	Chức vụ và cơ quan công tác
(1) Ông Nguyễn Đức Hưng	Phó cục trưởng Cục KSON, Tổng cục môi trường
(2) Ông Đặng Văn Lợi	Cục trưởng Cục thẩm định và đánh giá tác động môi trường, Tổng cục môi trường
(3) Ông Nguyễn Hoàng Đức	Trưởng phòng KKPL/Cục KSON, Tổng cục môi trường
(4) Ông Nguyễn Trường Huỳnh	Phó Trưởng phòng KKPL/Cục KSON, Tổng cục môi trường
(5) Ông Trương Mạnh Tuấn	Chuyên viên phòng KKPL/Cục KSON, Tổng cục môi trường
Tổng cộng: 5 người	

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

(3) Các cán bộ của Tổng cục môi trường và các Sở Tài nguyên môi trường đã tham gia các hoạt động chuyển giao kỹ thuật

Trong quá trình triển khai các hoạt động Dự án, JET và các cán bộ của Tổng cục môi trường cũng như các cán bộ của các Sở Tài nguyên môi trường đã trao đổi, thảo luận về các kiến thức và các kinh nghiệm kỹ thuật liên quan đến quản lý chất lượng không khí. Có khoảng 30 cán bộ Cục KSON, 19 cán bộ của Trung tâm quan trắc môi trường (CEM), 13 cán bộ từ các đơn vị khác trực thuộc Tổng cục môi trường, 26 cán bộ từ Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội và 32 cán bộ từ Sở Tài nguyên và môi trường tp. Hồ Chí Minh đã tham gia các hoạt động chuyển giao kỹ thuật của Dự án.

3.1.2 Chi phí hoạt động của phía Việt Nam

Dưới đây là vốn đối ứng của Bộ Tài nguyên và môi trường trong Dự án.

Bảng 3.1-3 Chi phí hoạt động của phía Việt Nam

TT	Hoạt động	Đối ứng của Việt Nam (1,000 VND)		
		2013	2014	TỔNG
1	Khảo sát tại một số cơ quan trung ương và cấp tỉnh để thu thập thông tin về kiểm soát ô nhiễm không khí ở Việt Nam.	19,400	20,000	39.400

2	Thu thập, phân tích các kinh nghiệm quốc tế (dịch tài liệu, văn bản từ tiếng Anh sang tiếng Việt, xây dựng báo cáo)	12,000	15,000	27.000
3	Thuê và chi phí vận hành văn phòng, trả lương cho cán bộ thực hiện dự án	111,880	200,000	311.880
4	Tổ chức các buổi họp, hội thảo, hoàn thiện báo cáo giữa kỳ Dự án và tổ chức các buổi họp Ban điều phối chung, họp với các chuyên gia	33,350	40,000	73.350
5	Xây dựng các báo cáo về chi phí thực hiện và quản lý Dự án từ vốn đối ứng	23,370	25,000	48.370
TỔNG		200,000	300,000	500,000

Nguồn: Quyết định số 2524/QĐ-BTNMT ngày 12/12/2014 phê duyệt văn kiện Dự án

3.1.3 Cung cấp trang thiết bị

Các trang thiết bị dưới đây đã được Bộ Tài nguyên và môi trường cung cấp cho Dự án

- ✓ Văn phòng Dự án tại Hà Nội
- ✓ Chi phí điện cho văn phòng
- ✓ Các trang thiết bị khác hỗ trợ việc thực hiện Dự án

3.2 Đóng góp của Nhật Bản

3.2.1 Điều phối chuyên gia

Bảng 3.2-1 liệt kê họ tên, chuyên ngành và thời gian làm việc tại Việt Nam của các chuyên gia từ khi bắt đầu đến khi kết thúc Dự án. Lịch trình công tác của các chuyên gia JICA được trình bày tại Bảng 3.2-2.

Bảng 3.2-1 Nhóm chuyên gia JICA

Họ tên	Chức vụ	Hợp đồng/ không hợp đồng	Tổng thời gian làm việc
(1) Ông Norihiko Inoue	Cố vấn trưởng / Luật và quy định về chất lượng không khí	Theo hợp đồng	7.87
		Không theo hợp đồng	0.13
(2) Ông Keiichi Takahashi	Phó cố vấn trưởng/ Lập kế hoạch quản lý chất lượng không khí	Theo hợp đồng	10.00
(3) Ông Natsuji Sawaki	Công nghệ quản lý chất lượng không khí	Theo hợp đồng	5.90
(4) Ông Hiroshi Nakano	Quản lý chất lượng không khí/ Điều phối viên	Theo hợp đồng	8.23
(5) Bà Aya Mizuno	Điều phối viên (2)	Theo hợp đồng	0.50
		Không theo hợp đồng	0.80
Tổng		Theo hợp đồng	32.50
		Không theo hợp đồng	0.93

Ghi chú *: Thời gian làm việc không theo hợp đồng là thời gian JET ở Việt Nam với chi phí do JET tự chi trả
Tổng thời gian làm việc bao gồm cả thời gian làm việc tại Nhật Bản

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

Bảng 3.2-2 Lịch trình công tác của Nhóm chuyên gia JICA (JET)

0	Chức vụ	Họ tên	2013					2014												2015					Làm việc tại VN	Làm việc tại NB			
			8	9	10	11	12	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	1	2	3	4	5					
Làm việc tại Việt Nam	1	Cố vấn trưởng / Luật và quy định về chất lượng không khí	Norihiko INOUE		■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	7,37		
	2	Phó cố vấn trưởng/ Lập kế hoạch quản lý chất lượng không khí	Keiichi TAKAHASHI		■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	9,90		
	3	Công nghệ quản lý chất lượng không khí	Natsuji SAWAKI		■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	5,90		
	4	Quản lý chất lượng không khí/ Điều phối viên	Hiroshi NAKANO		■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	8,23		
	5	Điều phối viên (2)	Aya MIZUNO		■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	0,50		
	Tổng (Việt Nam)																										31,90		
Làm việc tại Nhật Bản	1	Cố vấn trưởng / Luật và quy định về chất lượng không khí	Norihiko INOUE	□																						0,50			
	2	Phó cố vấn trưởng/ Lập kế hoạch quản lý chất lượng không khí	Keiichi TAKAHASHI	□																							0,10		
	3	Công nghệ quản lý chất lượng không khí	Natsuji SAWAKI																								0,00		
	4	Quản lý chất lượng không khí/ Điều phối viên	Hiroshi NAKANO																								0,00		
	5	Điều phối viên (2)	Aya MIZUNO																								0,00		
	Tổng (Nhật Bản)																										0,60		
■ : Làm việc tại Việt Nam ■ : Làm việc tại Việt Nam (bổ sung) □ : Làm việc tại Nhật Bản		Ban điều phối chung (JCC)				▲																					Tổng	32,50	
		Hội thảo (WS)																											
		Báo cáo																											
			ICR																										
			PRR																										
			DPCR																										
			PCR																										

ICR: Báo cáo khởi động Dự án, PRR: Báo cáo tiến độ Dự án, DPCR: Dự thảo Báo cáo tổng kết Dự án, PCR: Báo cáo tổng kết Dự án

3.2.2 Mua sắm thiết bị

Tổng chi phí mua sắm thiết bị cho Dự án là 233,549,500 VND.

Bảng 3.2-3 Danh sách các thiết bị được JET mua sắm

TT	Tên thiết bị	Mô tả	Số lượng	Giá thành (Triệu đồng)
1	Máy tính để bàn	HP DNA(CPU Intel Core i7-3770, Intel HD4000) Số sản phẩm.: ASUS P8H77-M Số seri.: D9M0A642197 Màn hình: HPLV1911 OS: Microsoft Windows 7 Pro 64-bit Ứng dụng: Microsoft Office Pro 2013	1	35.3
2	Máy tính cá nhân	HP Elite Book 8470p Số Seri.: CNU321C27J	1	32.10
		HP ProBook 440G0 Số Seri.: 2CE33723J6	1	26.4
3	Máy chiếu	Sony VPL EX242 Số Seri.: 5002793	1	24.2
3	Điện thoại /FAX	Panasonic KX TG1311 FX Số Seri.: 0JBQCO26801	1	5.9
4	Máy photo	Canon IR 2520 Số sản phẩm.: EXH47658 Số Seri.: (21)FQU90208	1	77.1
5	Máy in Laser	Canon Laser Shot LBP7200cdn Số sản phẩm: 155700 Số Seri.: 000085FAF431	1	20.0
6	Máy scan cầm tay	Canon Scan P-215EN Số sản phẩm: M111131 Số Seri.: FUA62144	1	10.4
7	UPS	APC UPS offline	1	1.3
7	Công mạng	DES-1016A Số Seri: QS1B115001490	1	0.9
Tổng				233.5

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

3.2.3 Các chi phí hoạt động của phía Nhật Bản

Chi phí hoạt động của phía Nhật Bản chi trả được trình bày tại Bảng 3.2-4. Tổng chi phí vận hành này là 5.401,2 triệu đồng đã được JICA phân bổ cho Dự án.

Bảng 3.2-4 Chi phí hoạt động của phía Nhật Bản

TT	Mục	Chi phí (Triệu đồng)
1	Khảo sát thuê đơn vị tư vấn thực hiện	1.763,5
	<i>Chi tiết</i>	
	(Khảo sát về quản lý chất lượng không khí của UBND thành phố Hà Nội)	(570,1)
	(Khảo sát về quản lý chất lượng không khí của UBND thành phố Hồ Chí Minh)	(595,7)
	(Khảo sát về quản lý chất lượng không khí của các cơ quan cấp trung ương ngoài Tổng cục môi trường (VEA))	(597,7)
2	Chuyên gia / cán bộ Việt Nam (Bao gồm cả chi phí ăn ở, đi lại, công tác phí ...)	1.780,4
3	Các chi phí trực tiếp khác (bao gồm tổ chức Hội thảo, chi phí đi lại của JET và các cán bộ đối tác...)	1.857,4
Tổng (1+2+3)		5.401,2

Ghi chú: Các khảo sát do Dự án thực hiện tại tp Hà Nội và tp Hồ Chí Minh được thống nhất thanh toán theo tiền đô la Mỹ (USD). Chi phí thuê chuyên gia/ cán bộ Việt Nam được tính thống nhất theo tiền Yên Nhật (JPY). Những mục chi phí này được tính theo tỷ giá trao đổi ngoại tệ của JICA vào tháng 1 năm 2015.

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

CHƯƠNG 4 CÁC HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ DỰ ÁN

4.1 Hợp Ban điều phối chung (JCC)

Để đảm bảo các hoạt động Dự án được tiến hành thuận lợi, Ban điều phối chung (JCC) được thành lập theo Biên bản ghi nhớ (R/D) ký kết ngày 26/03/2013. Theo R/D, Ban điều phối chung (JCC) tổ chức họp ít nhất một lần một năm hoặc khi có nhu cầu. Chức năng của Ban điều phối chung là:

- (1) Giám sát tiến độ các hoạt động của Dự án,
- (2) Rà soát và đánh giá khung Dự án,
- (3) Thảo luận và tư vấn các vấn đề chính nảy sinh trong quá trình Dự án

Kết quả thảo luận chính của các buổi họp Ban điều phối chung được tóm tắt trong Bảng 4.1-1.

Bảng 4.1-1 Kết quả thảo luận của các buổi họp Ban điều phối chung (JCC)

Ngày	Chủ đề	Các nhận xét và yêu cầu chính	Hành động của JET và đối tác VN
Họp Ban điều phối chung lần 1 (27/11/2013 : Phòng họp số 10 Tổng cục Môi trường)	- Thảo luận báo cáo Khởi động Dự án (ICR) – Thảo luận Kế hoạch thực thi các hoạt động của Dự án	<p>1) Ban điều phối chung đồng ý với nội dung chính của Dự thảo Báo cáo Khởi động. Ban điều phối chung giao nhiệm vụ cho KKPL/ Cục KSON hoàn thành Báo cáo Khởi động vào cuối tháng 12 năm 2014 sau khi đã tiếp thu ý kiến từ các bên liên quan.</p> <p>2) Ban điều phối chung chính thức đồng ý vai trò, chức năng, cơ chế hoạt động và thành phần của Ban điều phối chung và Ban Quản lý Dự án. Ngoài ra, vị trí Trưởng ban Ban điều phối chung do Ts. Hoàng Dương Tùng, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường đảm nhận thay mặt cho Thứ trưởng để đưa ra các quyết định trong quá trình thực thi Dự án.</p> <p>3) Sẽ có thêm các hoạt động để thúc đẩy tiến trình của Dự án thông qua các cách thức khác nhau như hội thảo chuyên đề, họp, thư điện tử, v.v...</p> <p>4) Chủ đề và nội dung của các</p>	<p>1) JET hoàn thành Báo cáo Khởi động vào tháng 12 năm 2013 sau khi đã phối hợp với KKPL/ Cục KSON phản ánh các tất cả các ý kiến.</p> <p>2) JET đồng ý với yêu cầu này.</p> <p>3) Các bên tham gia dự án, chủ yếu là KKPL/ Cục KSON và JET sẽ tiếp tục cáo các hoạt động để thúc đẩy tiến trình thực hiện dự án</p> <p>4) JET và KKPL/ Cục KSON sẽ thảo luận nội dung các TB với các cơ quan liên quan.</p>

Ngày	Chủ đề	Các nhận xét và yêu cầu chính	Hành động của JET và đối tác VN
		<p>TB được ưu tiên nhằm tăng cường năng lực thể chế quản lý chất lượng không khí sẽ được thảo luận với các cơ quan liên quan, đặc biệt là KKPL/ Cục KSON và JET, có xét tới lộ trình của Bộ Tài nguyên và môi trường /Tổng cục Môi trường trong việc chỉnh sửa các văn bản dưới luật. Sau đó, các TB sẽ được xây dựng để trở thành cơ sở khoa học và kỹ thuật để xây dựng các văn bản dưới luật (Nghị định, Thông tư...)</p> <p>5) Ban điều phối chung đồng ý có sự tham gia của Sở Tài nguyên và môi trường là đối tác chính của Dự án, đặc biệt cho Kết quả 2.</p>	<p>5) KKPL/ Cục KSON sẽ nắm vai trò điều phối để tạo điều kiện cho Sở Tài nguyên và môi trường và JET trong việc thực thi Kết quả 2.</p>
<p>Họp Ban điều phối chung lần II (25/09/2014: Phòng họp A805, Tổng cục Môi trường)</p>	<p>-Thảo luận Dự thảo Báo cáo tiến độ của Dự án - Báo cáo các thành tựu đạt được trong nửa đầu Dự án - Đề xuất các hoạt động trong nửa sau Dự án</p>	<p>1) Ban điều phối chung đánh giá cao các thành tựu, sản phẩm và tiến độ Dự án</p> <p>2) Ban điều phối chung đánh giá cao các hoạt động Dự án trong việc sửa đổi Luật BVMT, xây dựng Nghị định, tăng cường năng lực cho Cục KSON, các sở TNTM tại Hà Nội và tp Hồ Chí Minh, các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật cho Trung tâm quan trắc (CEM) /Tổng cục Môi trường, báo cáo khảo sát tình hình quản lý chất lượng không khí cấp trung ương và địa phương nhằm làm rõ nhu cầu và khắc phục các điểm yếu</p> <p>3) PCD cần xem xét dự thảo văn bản pháp luật nào cần được ưu tiên xây dựng. Sở Tài nguyên và môi trường tp Hà Nội và HCM phải theo sát tiến độ xây dựng Lộ trình, làm rõ trong Lộ trình các công việc cần làm, thời gian hoàn thành,, cơ chế hợp tác giữa các Sở trực</p>	<p>1) Đối tác VN và JET tiếp tục các hoạt động Dự án.</p> <p>2) Đối tác VN và JET tiếp tục các hoạt động Dự án.</p> <p>3) Đối tác VN cần xem xét những dự thảo văn bản pháp luật nào cần ưu tiên xây dựng và tiếp tục thảo luận về TB với các thành viên JET</p> <p>4) JET và phòng KKPL/ Cục KSON đã chuẩn bị đề xuất tóm tắt cho Dự án hợp tác mới</p>

Ngày	Chủ đề	Các nhận xét và yêu cầu chính	Hành động của JET và đối tác VN
		<p>thuộc UBND thành phố .</p> <p>4) Vì hiện tại đã quá thời hạn khảo sát nhu cầu Dự án mới của JICA, JET và phòng KKPL/ Cục KSON cần nhanh chóng xây dựng Đề xuất cho Dự án hợp tác mới với JICA. Đề xuất chi tiết sẽ được xây dựng trong thời gian cân nhắc của cả hai chính phủ</p>	<p>với JICA</p>
<p>Họp Ban điều phối chung lần III (13/13/2015: tại phòng họp TCMT: A805</p>	<p>-Thảo luận a) Thành tựu của Dự án b) Chia sẻ Dự thảo Báo cáo tổng kết Dự án và các sản phẩm của Dự án d) Kế hoạch sử dụng các kết quả Dự án trong công tác quản lý chất lượng không khí tại Việt Nam</p>	<p>1) Ban điều phối chung JCC đánh giá cao những nỗ lực của cả phía Việt Nam và Nhật Bản trong quá trình thực hiện các hoạt động dự án 2) Sau khi Dự án hoàn thành, các kết quả đầu ra sẽ được Bộ TNMT vận dụng hiệu quả</p> <p>3) Ban điều phối chung đánh giá cao các hoạt động hợp tác khác của Dự án trong i) Sửa đổi Luật BVMT, xây dựng các văn bản pháp luật (Nghị định Quản lý chất thải và phế liệu, Thông tư kiểm kê khí thải công nghiệp), ii) Tăng cường năng lực cho cán bộ Cục KSON, Sở TNMT Hà Nội và Hồ Chí Minh, và iii) Hỗ trợ kỹ thuật Trung tâm Quan trắc/TCMT, v.v...đóng góp hiệu quả vào công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường tại Việt Nam 4) Nhìn chung, Ban điều phối chung đồng ý với những nội</p>	<p>1) Tiếp thu ý kiến đánh giá của Ban điều phối</p> <p>2) Trong năm 2015, Bộ TNMT sẽ xem xét, sửa đổi, và ban hành 6 QCVN trên cơ sở các kết quả và khuyến nghị của Dự án. 5 QCVN do Dự án đề xuất sửa đổi sẽ được TCMT bổ sung vào chương trình xây dựng, sửa đổi, và ban hành trong năm 2016. Bộ TNMT tái khẳng định cam kết việc sử dụng những kết quả của Dự án và sẽ thường xuyên thông báo JICA về tiến trình áp dụng các Kết quả Dự án vào công tác xây dựng thể chế</p> <p>3) Tiếp thu ý kiến đánh giá của Ban điều phối</p> <p>4) JET sẽ in Báo cáo tại Nhật Bản và đệ trình lên Trụ sở JICA. TCMT sẽ chia sẻ tài liệu Dự án</p>

Ngày	Chủ đề	Các nhận xét và yêu cầu chính	Hành động của JET và đối tác VN
		<p>dung của Dự thảo Báo cáo tổng kết (DPCR). Nhóm công tác kỹ thuật cần phải hoàn thiện DPCR và các Kết quả của Dự án, phản ánh các ý kiến đóng góp của các đại biểu tham dự. Ban điều phối chung yêu cầu Dự án đệ trình Báo cáo tổng kết và Kết quả của Dự án lên TCMT</p> <p>5) Dự án sẽ chính thức chấm dứt sau khi Báo cáo tổng kết hoàn thành.</p>	<p>tới các cơ quan liên quan thuộc Bộ TNMT và các sở TNMT nhằm áp dụng rộng rãi, hiệu quả các Kết quả của Dự án.</p> <p>5) Tiếp thu Kết luận của Ban điều phối</p>

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

4.2 Hội thảo

Các Hội thảo (WS) của Dự án nhằm chia sẻ các phát hiện, sản phẩm, bài học kinh nghiệm trong quá trình xây dựng TB/ Lộ trình cùng với các đối tác liên quan ở các Bộ, các Sở. Hội thảo giữa kỳ và hội thảo cuối kỳ dự án được tổ chức vào ngày 11/11/2014 và ngày 20/03/2015 (xem Bảng 4.2-1).

Bảng 4.2-1 Hội thảo

TT/ Ngày	Chủ đề chính	Ý kiến/ kết luận chính
Hội thảo giữa kỳ Dự án (11/11/2014): Tại Khách sạn Sông Hồng, tỉnh Vĩnh Phúc	<p>a) Chia sẻ các thành tựu của Dự án, thảo luận về các kinh nghiệm quản lý của nhà nước trong công tác kiểm soát ô nhiễm không khí và các giải pháp tăng cường năng lực trong lĩnh vực kiểm soát ô nhiễm không khí tại Việt Nam;</p> <p>b) Giới thiệu và tập hợp ý kiến về Dự thảo Thông tư hướng dẫn kiểm kê khí thải công nghiệp</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng cục Môi trường đánh giá cao các thành tựu, sản phẩm và tiến độ của Dự án. - Tổng cục Môi trường khuyến khích Cục KSON, JET và hai Sở Tài nguyên và môi trường phổ biến các báo cáo của Dự án, kết quả Dự án đến các tỉnh khác để nhân rộng kết quả Dự án - Dự án kết thúc khi đã hoàn thành các nhiệm vụ và hoạt động đề ra. Tổng cục Môi trường mong muốn các bên tham gia tích cực vào các hoạt động để đảm bảo tiến độ Dự án. - Trong giai đoạn 2 của Dự án, Tổng cục Môi trường mong rằng các thành phố và các đối tác liên quan tham gia tích cực hơn vào Dự án. - Về việc xây dựng và sửa đổi Dự thảo Thông tư, Tổng cục Môi trường đề xuất nên thành lập ban soạn thảo để rà soát kỹ lưỡng bản Dự thảo, tránh các lỗi về thuật ngữ, diễn đạt, các biểu mẫu không phù hợp và phân tích, phản ánh ý kiến, quan điểm của các bên tham gia vào Dự thảo.
Hội thảo cuối kỳ Dự án	Giải thích các kết quả Dự án (TBs và các sản	- TCMT đánh giá cao những nỗ lực của cả hai phía Việt Nam và Nhật Bản trong quá

TT/ Ngày	Chủ đề chính	Ý kiến/ kết luận chính
án (20/03/2015: Khách sạn Daewoo, số 360 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội)	phẩm kỹ thuật khác) và Chia sẻ các khuyến nghị về xây dựng kiểm kê khí thải tại Việt Nam. Các đề xuất trong kế thừa, mở rộng, và cải thiện Kết quả của Dự án tại Việt Nam	trình thực hiện các hoạt động Dự án - JICA Việt Nam đánh giá cao vai trò điều phối chủ chốt của TCMT, với vai trò lãnh đạo các cơ quan trực thuộc, Cục KSON, và các tổ chức khác hợp tác với JET và tham gia tích cực vào các hoạt động của Dự án. - Kết quả cứ Dự án sẽ được áp dụng hiệu quả trong công tác thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan Việt Nam - Dự thảo thông tư kiểm kê khí thải công nghiệp sẽ được nghiên cứu trên cơ sở tổng hợp các ý kiến góp ý trong Hội thảo. - TCMT hi vọng tiếp tục hợp tác với JICA nhằm cải thiện, tăng cường thể chế quản lý chất lượng không khí của cả bộ TNMT và các sở TNMT

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

4.3 Hợp Nhóm công tác (TWG)

Theo sáng kiến của Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường và Phó Cục trưởng Cục KSON, Nhóm công tác chính (Core TWG) được thành lập với sự tham gia của Trưởng phòng và các cán bộ phòng KKPL. Nhóm công tác chính (Core TWG) đã tổ chức 33 buổi họp. Các tài liệu họp được trình bày tại Phụ lục 7. Các nội dung thảo luận chính của từng buổi họp được tóm tắt tại Bảng 4.3-1.

Bảng 4.3-1 Danh sách các buổi họp Nhóm công tác chính (Core TWG)

No.	Ngày	Nội dung thảo luận
1	30/ 09/ 2013	- Giải thích dự án, giới thiệu nhóm chuyên gia JICA, yêu cầu và ý kiến từ phía KKPL/ Cục KSON
2	13/ 10/ 2013	- Các hoạt động của Dự án, trả lời các yêu cầu của KKPL/ Cục KSON
3	21/ 10/ 2013	- Các hoạt động của Dự án, đề xuất Cơ chế vận hành của Dự án, Danh sách dài TB, công việc của đơn vị tư vấn
4	31/10/ 2013	- Lịch trình của cuộc họp Ban điều phối chung lần 1, Danh sách dài các TB, đề xuất Cơ chế vận hành của Dự án, Hội thảo và Hội thảo mini, công việc của đơn vị tư vấn
5	07/11/ 2013	- Lịch trình cuộc họp Ban điều phối chung lần 1, Dự thảo Báo cáo Khởi động và Danh sách dài các TB, Cơ chế vận hành đề xuất, công việc của đơn vị tư vấn
6	22/11/2013	- Lịch trình cuộc họp Ban điều phối chung lần 1, nội dung sẽ được thảo luận, Báo cáo Khởi động bao gồm danh sách dài các TB, công việc của đơn vị tư vấn
7	05/12/2013	- Hoàn thành và nộp báo cáo khởi động, Cuộc họp đầu tiên với hai Sở Tài nguyên và môi trường
8	23/12/2013	- TOR và lịch trình công việc của đơn vị tư vấn, Xây dựng lộ trình và cuộc họp đầu tiên với hai Sở TNMT, xây dựng các TB

No.	Ngày	Nội dung thảo luận
9	09/01/2014	- Nội dung Tư vấn và Hướng dẫn kỹ thuật để xây dựng TB, Điều tra của đơn vị tư vấn
10	28/04/2014	- Đề xuất hỗ trợ, tư vấn bổ sung cho Tổng cục Môi trường, Công tác kiểm kê Khí thải của PCD cho các nhóm ngành được lựa chọn, Hỗ trợ kỹ thuật cho CEM/Tổng cục Môi trường trong công tác đo đạc khí thải ống khói
11	26/06/2014	- Hoạt động hỗ trợ xây dựng kiểm kê khí thải ống khói bao gồm TOR và lịch trình các hoạt động, chỉnh sửa phiếu điều tra.
12	04/07/2014	- Hoạt động hỗ trợ xây dựng kiểm kê khí thải, đặc biệt là thảo luận các vấn đề kỹ thuật trong phiếu điều tra
13	15/07/2014	- Hoạt động hỗ trợ xây dựng kiểm kê khí thải (sắp xếp các chuyên gia trong nước, lịch trình chung)
14	23/07/2014	- Thảo luận về các vấn đề hành chính của Dự án, Kết quả 1/ Danh sách cuối cùng của các TB, Kết quả 2/ Hội thảo mini tại Hà Nội, Xây dựng lộ trình, Các hoạt động khác/Xây dựng kiểm kê khí thải/Dự thảo Nghị định Quản lý chất thải, Đo đạc khí thải, Dự thảo thông tư về đo đạc khí thải
15	07/08/2014	- Đánh giá và kiểm tra mức độ tin cậy của các phiếu điều tra đã thu thập được của ngành thép - Hướng dẫn kỹ thuật về xây dựng kiểm kê khí thải
16	08/08/2014	- Đánh giá và kiểm tra mức độ tin cậy của các phiếu điều tra đã thu thập được của ngành xi-măng - Hướng dẫn kỹ thuật về xây dựng kiểm kê khí thải
17	11/08/2014	- Đánh giá và kiểm tra mức độ tin cậy của các phiếu điều tra đã thu thập được của ngành nhiệt điện - Hướng dẫn kỹ thuật về xây dựng kiểm kê khí thải
18	22/08/2014	- Thảo luận về danh sách các chủ đề TB cuối cùng cần được xây dựng trong khuôn khổ Kết quả 1. - Lịch trình các cột mốc của Dự án. - Tổ chức buổi họp về Dự thảo Nghị định Quản lý Chất thải trong đó tập trung vào nội dung quản lý ô nhiễm không khí.
19	16/09/2014	- Thảo luận nội dung của Báo cáo tiến độ - Dự thảo nội dung Báo cáo tiến độ
20	24/09/2014	- Thảo luận và xác nhận về buổi họp Ban điều phối chung lần 2 (nội dung, thời gian, các công tác hậu cần)
21	29/09/2014	- Kiểm tra Biên bản Họp Ban điều phối chung lần 2, Hoàn thiện Báo cáo tiến độ - Thảo luận về Hội thảo giữa kỳ Dự án và Hội thảo về Dự thảo Nghị định về Quản lý chất thải - Phác thảo ý tưởng Dự án hợp tác kỹ thuật tiếp theo
22	16/10/2014	- Ký kết Biên bản họp Ban điều phối chung lần 2 - Thảo luận về Hội thảo giữa kỳ Dự án và Hội thảo về Nghị định về Quản lý chất thải - Phác thảo ý tưởng Dự án hợp tác kỹ thuật tiếp theo
23	03/11/2014	- Thảo luận về Hội thảo giữa kỳ Dự án và Hội thảo về Nghị định về Quản lý chất thải - Thảo luận và hoàn thiện các chủ đề TB - Thảo luận về xây dựng kiểm kê khí thải cho các ngành công

No.	Ngày	Nội dung thảo luận
		nghiệp mục tiêu
24	12/11/2014	- Thảo luận về các chủ đề TB, đặc biệt là các hệ thống đăng ký hoặc xây dựng kiểm kê khí thải - Thảo luận về xây dựng kiểm kê khí thải cho một số ngành mục tiêu
25	27/11/2014	- Thảo luận về các chủ đề TB, đặc biệt là TB về CEMS, và TB về QCVN - Thảo luận về báo cáo của các chuyên gia thực hiện kiểm kê khí thải - Thảo luận về lịch công tác của JET trước/ sau Tết dương lịch
26	20/01/2015	- Thảo luận về các hoạt động đến thời điểm kết thúc Dự án - Thảo luận về kế hoạch thể chế hóa các sản phẩm Dự án - Giải thích và Thảo luận về các TB và Lưu ý kỹ thuật về xây dựng kiểm kê khí thải - Xác nhận lại về tiến độ xây dựng Dự thảo Nghị định Quản lý chất thải
27	22/01/2015	- Giải thích và thảo luận về việc xây dựng kiểm kê khí thải - Giải thích chi tiết về việc sử dụng kiểm kê khí thải - Thảo luận và giải thích về các hệ số phát thải đề xuất cho lần khảo sát kiểm kê lần tới.
28	27/01/2015	- Thảo luận về các hoạt động Dự án đến thời điểm kết thúc Dự án, Họp Ban điều phối chung lần 3 và hội thảo cuối kỳ Dự án - Thảo luận về kế hoạch thể chế hóa các sản phẩm Dự án - Thảo luận về TB cho hệ thống đăng ký, và Phiếu thu thập thông tin (Questionnaire) cho khảo sát kiểm kê khí thải
29	30/01/2015	- Giải thích và thảo luận về xây dựng kiểm kê khí thải - Giải thích chi tiết về sử dụng Phiếu thu thập thông tin (Questionnaire) cho kiểm kê khí thải
30	06/02/2015	- Thảo luận về kế hoạch thể chế hóa các sản phẩm Dự án - Thảo luận về Cuộc họp JCC lần thứ 2 và Hội thảo tổng kết - Thảo luận về quá trình chuẩn bị Dự thảo Báo cáo cuối cùng (Cuộc họp có sự tham dự của KKPL/Cục KSON, Đại diện Văn phòng JICA Việt Nam, và JET)
31	04/03/2015	- Thảo luận về kế hoạch thể chế hóa các sản phẩm Dự án - Chia sẻ về quá trình sửa đổi QCVN (Cuộc họp có sự tham dự của KKPL/Cục KSON, Đại diện Văn phòng JICA Việt Nam, và JET)
32	06/03/2015	- Thảo luận về Cuộc họp JCC lần thứ 2 và Hội thảo tổng kết - Thảo luận về tiến độ, kế hoạch hoàn thành Dự thảo Báo cáo tổng kết
33	17/03/2015	- Thảo luận về Hội thảo tổng kết (Sắp xếp hậu cần,...) - Thảo luận về sửa đổi các TB và kế hoạch thể chế hóa các sản phẩm Dự án

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

4.4 Các hoạt động khác liên quan đến Quản lý và Vận hành Dự án

4.4.1 Hợp với Sở Tài nguyên và môi trường tp. Hà Nội (Hanoi DONRE)

Trong quá trình thực hiện Dự án, đã tổ chức được 8 buổi họp với Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội (xem Bảng 4.4-1). Sau khi Ban điều phối chung chính thức chấp thuận Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội trở thành đối tác chính của Dự án, đặc biệt là đối tác của Kết quả 2, JET đã tổ chức các buổi họp với Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội và KKPL/Cục KSON.

Bảng 4.4-1 Danh sách các buổi họp với Sở Tài nguyên Môi trường Hà Nội

TT	Ngày	Nội dung thảo luận
1	25/ 12/ 2013	- Giải thích về Dự án, giới thiệu Nhóm chuyên gia JICA, chuẩn bị dự thảo lộ trình bao gồm công việc của đơn vị tư vấn (tiếp tục thảo luận về TOR qua e-mail và điện thoại)
2	05/ 03/ 2014	- Hợp khởi động điều tra của đơn vị tư vấn. Cuộc họp được tổ chức bởi Chi cục BVMT Hà Nội, KKPL/ Cục KSON, JET và đơn vị tư vấn tại Hà Nội
3	13/ 05/ 2014	- Thảo luận về Báo cáo giữa kỳ của đơn vị tư vấn. Tiến trình của điều tra khảo sát bởi đơn vị tư vấn và lịch trình khảo sát trong thời gian sau đó
4	30/07/ 2014	- Thảo luận về Dự thảo Báo cáo cuối cùng của đơn vị tư vấn. Thảo luận về Dự thảo lộ trình, Xác nhận các kế hoạch/chính sách chính, các bước tiếp theo trong quá trình xây dựng Lộ trình
5	8/09/ 2014	- Thảo luận về hiện trạng chất lượng không khí và công tác quản lý chất lượng không khí tại thành phố Hà Nội, tổ chức các buổi hội thảo Mini tương tự như các buổi hội thảo Mini của Kết quả 1 nhưng dành riêng cho Hà Nội để phục vụ xây dựng Lộ trình.
6	25/09/ 2014	- Thảo luận về tiến độ xây dựng Lộ trình và kế hoạch xây dựng Lộ trình tại buổi họp Ban điều phối chung lần 2
7	11/11/ 2014	- Thảo luận về tiến độ Lộ trình và kế hoạch xây dựng Lộ trình tại Hội thảo giữa kỳ Dự án
8	10/03/2015	- Thảo luận về nội dung Lộ trình - Thảo luận về nội dung DPCR, và các kết quả của Dự án

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

4.4.2 Hợp với Sở Tài nguyên và môi trường tp. HCM (HCMC DONRE)

Trong quá trình hoạt động, Dự án đã tổ chức 9 buổi họp với Sở Tài nguyên và môi trường tp. HCM (xem Bảng 4.4-2. Sau khi Ban điều phối chung chính thức phê duyệt sự tham gia của các Sở Tài nguyên và môi trường với vai trò là các đối tác chính của Dự án, đặc biệt là Kết quả 2, JET đã tổ chức các buổi họp với Sở Tài nguyên và môi trường tp. HCM và KKPL/ Cục KSON.

Bảng 4.4-2 Danh sách các buổi họp với Sở Tài nguyên Môi trường tp. HCM

TT	Ngày	Nội dung thảo luận
1	26/ 12/ 2013	- Giải thích về Dự án, giới thiệu Nhóm chuyên gia JICA, chuẩn bị dự thảo lộ trình bao gồm công việc của đơn vị tư vấn (tiếp tục thảo luận về TOR qua e-mail và điện thoại)

2	27/ 02/ 2014	- Thảo luận về việc lựa chọn và quy trình ký hợp đồng với Đơn vị tư vấn cũng như các hoạt động của Dự án.
3	05/ 03/ 2014	- Họp khởi động điều tra của đơn vị tư vấn. Cuộc họp được tổ chức bởi Chi cục BVMT HCM, KKPL/ Cục KSON, JET và đơn vị tư vấn tại tp. HCM.
4	11/ 04/ 2014	- Thảo luận về hiện trạng chất lượng không khí và công tác quản lý chất lượng không khí tại thành phố HCM, tổ chức Hội thảo Mini Giới thiệu và tư vấn kỹ thuật tương tự như các buổi hội thảo Mini của Kết quả 1 nhưng dành riêng cho HCM để phục vụ xây dựng Lộ trình
5	13/ 05/ 2014	- Thảo luận về Báo cáo giữa kỳ khảo sát của Đơn vị tư vấn. Tiến độ khảo sát do Đơn vị tư vấn thực hiện và kế hoạch khảo sát.
6	01/06/ 2014	- Thảo luận về Dự thảo Báo cáo tổng kết của Đơn vị tư vấn. Xây dựng Dự thảo Lộ trình, các kế hoạch/ chính sách chính, các bước xây dựng Lộ trình tiếp theo
7	25/09/ 2014	- Thảo luận về tiến độ Lộ trình và kế hoạch xây dựng Lộ trình trong buổi họp Ban điều phối chung 2
8	11/11/ 2014	- Thảo luận về tiến độ xây dựng Lộ trình và Kế hoạch xây dựng Lộ trình tại Hội thảo giữa kỳ của Dự án
9	11/03/2015	- Thảo luận về nội dung Lộ trình - Thảo luận về nội dung DPCR, và các kết quả của Dự án

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

4.4.3 Các buổi họp khác

JET có một số buổi họp với các lãnh đạo của Tổng cục Môi trường ví dụ như với Phó tổng Cục trưởng Tổng cục môi trường, là người ký Văn kiện Dự án, với mục đích để thảo luận, chia sẻ về các hoạt động của Dự án và hỗ trợ xây dựng một số Thông tư liên quan đến Quan trắc Chất lượng không khí. Sự hợp tác chặt chẽ giữa JET và lãnh đạo Tổng cục Môi trường cũng là một nhân tố thúc đẩy giúp Dự án vận hành có hiệu quả hơn

4.5 Các công việc thuê tư vấn thực hiện trong khuôn khổ Dự án

Dự án chuyển giao các công việc sau cho đơn vị tư vấn. Quá trình lựa chọn và ký hợp đồng với các đơn vị tư vấn tuân theo Hướng dẫn lựa chọn tư vấn của JICA (Tháng 4 năm 2014). Nội dung chính của các công việc của đơn vị tư vấn của Dự án được trình bày tại Bảng 4.5-1. Nội dung chi tiết được trình bày trong Phụ lục 8 của Báo cáo này.

Bảng 4.5-1 Các công việc thuê tư vấn thực hiện trong khuôn khổ Dự án

TT	Công việc thuê tư vấn	Thành phần nội dung
1	Khảo sát hiện trạng quản lý chất lượng không khí của các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội	- Thu thập số liệu về hiện trạng chất lượng không khí/ hiện trạng ô nhiễm không khí - Xác định các vấn đề tồn tại và những khó khăn trong công tác quản lý chất lượng không khí tại tp. Hà Nội - Đánh giá năng lực đơn giản về kiểm soát chất lượng không khí tại thành phố Hà Nội [Đơn vị tư vấn] Viện Kỹ thuật nước và công nghệ

		môi trường (IWEET) [Thời gian khảo sát] Từ tháng 2/2014 đến tháng 7/2014
2	Khảo sát hiện trạng quản lý chất lượng không khí của các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố HCM	- Thu thập số liệu về hiện trạng chất lượng không khí/ hiện trạng ô nhiễm không khí - Xác định các vấn đề tồn tại và những khó khăn trong công tác quản lý chất lượng không khí tại tp. HCM - Đánh giá năng lực đơn giản về kiểm soát chất lượng không khí tại tp. HCM [Đơn vị tư vấn] Viện Tài nguyên và môi trường (IER) [Thời gian khảo sát] Từ tháng 2/2014 đến tháng 6/2014
3	Khảo sát về hiện trạng quản lý chất lượng không khí của các cơ quan Trung ương ngoài Tổng cục Môi trường	-Thu thập số liệu về thực trạng kiểm soát chất lượng không khí/ của các cơ quan cấp trung ương Xác định các vấn đề tồn tại và những khó khăn trong công tác quản lý/ kiểm soát chất lượng không khí ở cấp trung ương [Đơn vị tư vấn] Viện Tài nguyên, môi trường và phát triển cộng đồng (RECO) [Thời gian khảo sát] Từ tháng 1/2014 đến tháng 4/2014

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

CHƯƠNG 5

CÁC BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ CÁC ĐỀ XUẤT

5.1 Các bài học kinh nghiệm

(1) Văn kiện phê duyệt Dự án của Bộ Tài nguyên và môi trường

Các đối tác chính của Dự án là KKPL/ Cục KSON và JET đã bắt đầu triển khai các hoạt động Dự án từ tháng 9 năm 2013 nhưng cho đến tận ngày 24/12/2013, Dự án mới chính thức được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và môi trường phê duyệt. Tuy nhiên, nhờ những nỗ lực của Cục KSON/ Tổng cục môi trường, việc hợp tác giữa Cục KSON/ Tổng cục môi trường và JICA đã được biết trước và các công tác chuẩn bị cho Dự án đã được tiến hành chu đáo, bao gồm việc thành lập Ban quản lý Dự án trực thuộc Tổng cục môi trường, bổ nhiệm cán bộ đối tác tham gia vào Dự án với JET, phân bổ ngân sách của Cục KSON và Tổng cục môi trường cho việc vận hành dự án, chuẩn bị văn phòng cho JET...

Thông thường, một dự án hợp tác kỹ thuật với JICA không thể thiếu văn kiện phê duyệt Dự án. Dựa trên văn kiện này, Bộ Tài nguyên và môi trường sẽ huy động nhân sự và vốn đối ứng của các đối tác liên quan để thực hiện Dự án. Vì thế, văn bản phê duyệt dự án hợp tác giữa Bộ Tài nguyên và môi trường và JICA cần được thông qua trước khi bắt đầu dự án, hoặc ít nhất đang được chờ ký duyệt chính thức.

(2) Hợp định kỳ của Nhóm công tác kỹ thuật

Trong quá trình thực hiện dự án, các buổi họp Nhóm công tác được tổ chức định kỳ hoặc bất thường với sự tham gia của các cán bộ đối tác chính của phòng KKPL và JET. Các buổi họp này đóng vai trò rất quan trọng và hiệu quả cho việc triển khai dự án được thuận lợi và chia sẻ các hoạt động chung của Dự án cho các thành viên Nhóm công tác. Các vấn đề, khó khăn cản trở việc thực hiện Dự án được thảo luận và giải pháp cho các vấn đề này được cả KKPL/ Cục KSON và JET đề xuất và ghi lại. Ngoài ra, các buổi họp cũng là dịp để JET chuyển giao kỹ thuật cho đối tác Việt Nam, tăng cường kiến thức và năng lực cả về quản lý hành chính và chất lượng không khí, ngay cả với các nội dung vượt ngoài khuôn khổ Dự án.

Để xúc tiến các thành tựu của Dự án và nâng cao tính sở hữu Dự án cho các đối tác Việt Nam, việc tổ chức buổi họp định kỳ với sự tham gia của các thành viên chính là rất hiệu quả và cần thiết.

(3) Cam kết và sáng kiến của cấp ra quyết định tại Tổng cục Môi trường và Cục Kiểm soát ô nhiễm

Phó tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường và Phó Cục trưởng Cục kiểm soát ô nhiễm đã có nhiều sáng kiến trong việc quản lý dự án. Phó Tổng cục trưởng Tổng cục môi trường đã giám sát hoạt động của Dự án tại những thời điểm quan trọng, Phó Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm có một số lần chủ tọa và tham dự các hoạt động của Dự án, thậm chí tham gia các hoạt động thực địa như là khảo sát kiểm kê các nhà máy quy mô lớn. Thái độ hợp tác tích cực của các cán bộ lãnh đạo Tổng cục môi trường và Cục Kiểm soát ô nhiễm đã khuyến

khích các cán bộ đối tác chính của Dự án và JET cũng như các cán bộ từ các phòng/ ban khác của Tổng cục môi trường chủ động tham gia vào Dự án. Sự tham gia của phòng KKPL và JET trong các hoạt động của Bộ Tài nguyên và môi trường cũng được tăng lên một cách tích cực.

Những kinh nghiệm trên đây của Dự án cho thấy sự cam kết và sáng kiến của các cấp lãnh đạo hoặc người ra quyết định tại các cơ quan đối tác là rất quan trọng không chỉ đối với việc quản lý, vận hành Dự án thuận lợi mà còn góp phần nâng cao hiệu quả Dự án.

(4) Hợp tác với các Cục/ Vụ khác trong và ngoài Tổng cục môi trường

Trong quá trình tiến hành Dự án, KKPL/ Cục KSON đã hỗ trợ và hợp tác với các Cục/ Vụ khác trực thuộc Tổng cục môi trường như Trung tâm quan trắc môi trường (CEM), Vụ hợp tác quốc tế và khoa học công nghệ (ISD), Vụ Chính sách và Pháp chế (DPL), Cục quản lý chất thải và cải thiện môi trường (WENID)... và các đơn vị này đã tích cực tham gia vào chuỗi các buổi Giới thiệu và tư vấn kỹ thuật thuộc khuôn khổ Kết quả 1. Sở Tài nguyên và môi trường tp. Hà Nội và HCM cũng tham gia vào các hoạt động của Kết quả 1 thông qua các buổi Hội thảo mini do KKPL/ Cục KSON hỗ trợ tổ chức để chia sẻ các kiến thức về mặt kỹ thuật và thể chế.

Ngoài ra, phòng KKPL/ Cục KSON đã có sự phối hợp liên Bộ trong việc tổ chức các buổi thảo luận về Dự thảo Nghị định quản lý chất thải và phế liệu vào tháng 9 năm 2014. Các chuyên gia từ các viện nghiên cứu, trường đại học, đại diện của các hiệp hội, doanh nghiệp có nguồn khí thải lớn và các Sở Tài nguyên và môi trường từ các tỉnh/ thành.

Những hoạt động hợp tác và điều phối với các cơ quan trong và ngoài Tổng cục môi trường như KKPL/ Cục KSON đã thực hiện trên đây rất cần được tiếp tục và nhân rộng để các thành tựu của Dự án được ứng dụng bền vững và việc thực hiện các nhiệm vụ của KKPL/ Cục KSON được hiệu quả.

(5) Phương pháp xây dựng TB

Theo thiết kế Dự án, các TB sẽ được xây dựng trong khuôn khổ Kết quả 1. Trong bối cảnh Dự án được triển khai khi Luật BVMT đang được Quốc hội sửa đổi, các cán bộ đối tác của Dự án tại phòng KKPL/ Cục KSON và JET đã thảo luận chặt chẽ để điều chỉnh thiết kế Kết quả 1 cho phù hợp với các hoạt động thực tế.

Vì vậy, Dự án đã triển khai các phương pháp tiếp cận sau:

- i) Xây dựng danh sách dài tên các chủ đề TB tiềm năng, mà có các văn bản dưới luật (nghị định, thông tư...) cần thiết phải dự thảo mới hoặc điều chỉnh để khớp với tiến độ sửa đổi Luật.
- ii) Tổ chức các buổi tư vấn và hướng dẫn kỹ thuật với sự tham dự của các cán bộ phòng KKPL/ Cục KSON và các phòng ban khác có liên quan, theo 8 chủ đề chính được phân loại từ danh sách dài các chủ đề TB nói trên, để bồi dưỡng kiến thức thể chế và kỹ thuật cho các cán bộ,

- iii) Hoàn thiện danh sách các chủ đề TB cần ưu tiên xây dựng theo các nguyên tắc và yêu cầu của Luật BVMT sửa đổi, có xét đến khả năng và tính khả thi cho việc thể chế hóa các văn bản này sau khi Dự án kết thúc, và
- iv) Xây dựng ba (03) TB trên nguyên tắc KKPL/ Cục KSON và JET cùng hợp tác soạn thảo, và một (01) sản phẩm hợp tác kỹ thuật.

Phương pháp tiếp cận này (có thể gọi là “Phương pháp tiếp cận TB”) thành công vì a) xác định và làm rõ được các yêu cầu về thể chế hoặc những nhiệm vụ mà phòng KKPL/ Cục KSON cần thực hiện để phù hợp với Luật BVMT sửa đổi, b) làm phong phú các tài liệu lưu trữ kỹ thuật và thể chế của phòng KKPL/ Cục KSON cho cả các chủ đề không được chọn làm chủ đề TB ưu tiên, c) hoàn thiện TB và các sản phẩm hợp tác kỹ thuật có sự thống nhất giữa cơ quan đối tác và JET, và d) tập trung thời gian và nguồn lực của cả hai phía cho các nhu cầu cấp thiết nhất về năng lực thể chế cần được tăng cường thông qua Dự án.

Phương pháp tiếp cận TB nói trên hiệu quả và có thể áp dụng thành công cho cả các dự án hợp tác sau này giữa Bộ Tài nguyên và môi trường và JICA trong lĩnh vực nâng cao năng lực thể chế về quản lý môi trường.

(6) Tính linh hoạt của các hoạt động Dự án

Cả đối tác Việt Nam và JET đều thấy rằng sự linh hoạt trong vận hành Dự án và tổ chức các hoạt động Dự án là rất quan trọng. Các hoạt động xây dựng kiểm kê khí thải và hướng dẫn kỹ thuật cho Trung tâm quan trắc (CEM) về đo đặc khí thải ống khói là những hỗ trợ thể hiện sự linh hoạt của Dự án. Việc hỗ trợ xây dựng dự thảo Nghị định về quản lý chất thải và phế liệu không có trong thiết kế Dự án ban đầu, nhưng Dự án đã linh hoạt hỗ trợ cho công tác này bằng cách góp ý, tư vấn cho Nghị định.

Trên nguyên tắc không làm ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động có sẵn trong thiết kế Dự án, việc linh hoạt trong hoạt động Dự án đã góp phần i) nhân rộng các kết quả chuyển giao kỹ thuật, và ii) làm cầu nối giữa đối tác Việt Nam và các cơ quan/ đơn vị khác.

5.2 Đề xuất

(1) Tăng cường năng lực bền vững

Thông qua các hoạt động của Dự án, JET và các cán bộ đối tác cũng như những đối tượng có liên quan đã chia sẻ rất nhiều về mặt kỹ thuật và thể chế kiểm soát ô nhiễm không khí. Dự án luôn tạo cơ hội cho những cá nhân liên quan đến Dự án trao đổi ý kiến và trang bị về kỹ thuật, thể chế để có hướng tiếp cận hiệu quả, thực tế trong kiểm soát ô nhiễm không khí. Các sản phẩm kỹ thuật, là những công cụ cơ bản và hiệu quả để quản lý chất lượng không khí và kiểm soát ô nhiễm không khí đã được xây dựng trong khuôn khổ Dự án, ví dụ như các TB, Lộ trình, khung kiểm kê khí thải, các hoạt động hỗ trợ khác như là các buổi tư vấn, giới thiệu kỹ thuật, các kết quả khảo sát, nghiên cứu do Đơn vị tư vấn thực hiện. Kiến thức và kỹ năng từ những hoạt động trên là rất hữu ích, giúp các cán bộ đối tác, đặc biệt là các cán bộ thuộc phòng KKPL/ Cục KSON hoàn thành nhiệm vụ quản lý chất lượng không khí.

Những thành tựu trên là các yếu tố thiết yếu để phát triển năng lực quản lý môi trường quốc gia. Nhưng nếu năng lực này không được liên tục nỗ lực chuyên sâu, áp dụng thì sẽ không thể duy trì và phát triển. Vì thế, phòng KKPL và Cục KSON/ Tổng cục môi trường cần thúc đẩy công tác tăng cường năng lực bền vững thông qua phát triển các sản phẩm và thành tựu của Dự án trong các nhiệm vụ hàng ngày và đồng thời tiến hành quản lý nhân sự và nguồn vốn đúng cách, phù hợp.

Phía Việt Nam và phía Nhật Bản cần xúc tiến việc đề xuất và trao đổi về Dự án hợp tác kỹ thuật tiếp theo để nhân rộng những thành tựu của Dự án và để tiếp tục tăng cường công tác quản lý kiểm soát ô nhiễm không khí ở cả cấp trung ương và địa phương nhằm hiện thực hóa các nguyên tắc và quy định của Luật BVMT sửa đổi (bản tháng 6 năm 2014).

(2) Tích hợp các sản phẩm của Dự án vào hệ thống thể chế

1) Các báo cáo chuyên đề (TBs)

Dự án đã xây dựng các Báo cáo chuyên đề (TBs), đây là một trong các sản phẩm hợp tác kỹ thuật chính của Kết quả 1, các Báo cáo này là i) Cải thiện hệ thống QCVN hiện hành, ii) Hệ thống đăng ký và quản lý số liệu các nguồn ô nhiễm tĩnh, và iii) Kiểm soát hiệu quả các nguồn ô nhiễm điểm. Dự kiến, những TB này sẽ là các sản phẩm hoặc các kết quả mà Tổng cục môi trường có thể luật hóa được sau khi Dự án kết thúc. Bảng dưới đây tóm tắt các quan điểm và khuyến nghị với Tổng cục môi trường về việc thể chế hóa các TB về kiểm soát ô nhiễm không khí.

Tiêu đề và giải thích TB	Quan điểm và khuyến nghị về việc thể chế hóa
<p>[Cải thiện hệ thống QCVN hiện hành] Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Áp dụng nồng độ Ôxy tiêu chuẩn trong khí thải ống khói. ✓ QCVN 22/ 2009, 23/ 2009, 51/ 2013, 06/ 2009. Và 20/ 2009. →bổ sung QCVN 19/2009, 30/2010,34/2010,02/2013 	<ul style="list-style-type: none"> ✓ TB được nộp dưới dạng dự thảo QCVN để để áp dụng và sửa đổi. ✓ QCVN 19:2009, QCVN 22:2009, QCVN 23:2009, QCVN 06:2009, và QCVN 20:2009 sắp được sửa đổi, thay thế trong năm nay. ✓ Các QCVN khác có thể được sửa đổi, điều chỉnh nếu cần sau này.
<p>[Hệ thống đăng ký và quản lý số liệu các nguồn ô nhiễm tĩnh] Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Giới thiệu về hệ thống đăng ký ✓ Cơ sở pháp lý của các hệ thống thông tin về khí thải ống khói ✓ Phương pháp thu thập thông tin từ các báo cáo phải nộp theo quy định hiện hành về báo cáo khí thải 	<ul style="list-style-type: none"> ✓ TB này sẽ là các báo cáo diễn giải được đính kèm các với hồ sơ thẩm định, phê duyệt và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật. ✓ Hệ thống đăng ký sẽ được quản lý dựa vào các hoạt động và thái độ tự nguyện của các doanh nghiệp. ✓ Tài liệu hướng dẫn chính thức về việc đăng ký sẽ được xây dựng dựa trên nội dung của TB này.

Tiêu đề và giải thích TB	Quan điểm và khuyến nghị về việc thể chế hóa
<p>[Kiểm soát hiệu quả các nguồn ô nhiễm điểm] Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Giới thiệu về CEMS, theo quy định của Luật BVMT sửa đổi quy định các nguồn gây ô nhiễm lớn của từng ngành công nghiệp cần lắp đặt CEMS ✓ Cách tiếp cận mềm dẻo để hỗ trợ kiểm soát các nguồn ô nhiễm cũng được kết hợp, ví dụ như là cơ chế Thỏa thuận kiểm soát ô nhiễm, và hệ thống cán bộ kiểm soát ô nhiễm (PCM). 	<ul style="list-style-type: none"> ✓ TB này sẽ là các báo cáo diễn giải được đính kèm với hồ sơ thẩm định, phê duyệt và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật. ✓ Đề xuất rằng các văn bản pháp luật về CEMS cần tham khảo nội dung của TB này. Luật BVMT sửa đổi quy định việc lắp đặt CEMS tại một số nguồn ô nhiễm không khí lớn.

2) Lộ trình tại tp. Hà Nội và HCM

Như đã trình bày trong Phần 2.2.3 của Chương 2, Luật BVMT được sửa đổi vào tháng 6 năm 2014 quy định rằng các tỉnh/ thành phố trung ương phải lập quy hoạch bảo vệ môi trường. Trong thời gian thực hiện Dự án thì Chính phủ Việt Nam chưa có hướng dẫn chi tiết về việc lập quy hoạch bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, kiểm soát ô nhiễm không khí hoặc quản lý chất lượng không khí chắc chắn sẽ là một nội dung của quy hoạch này tại các tỉnh/ thành phố.

Các Lộ trình được xây dựng trong khuôn khổ Kết quả 2 của Dự án hướng dẫn thiết lập kế hoạch QLCLKK tại thành phố Hà Nội và HCM, do vậy hai thành phố này được kỳ vọng sẽ bắt đầu xây dựng kế hoạch QLCLKK trong thời gian tới. Khi có những hướng dẫn cụ thể về quá trình lên kế hoạch bảo vệ môi trường, các thành phố nên tích hợp kế hoạch QLCLKK vào Kế hoạch bảo vệ môi trường cấp tỉnh. Các sở TNMT Hà Nội, HCM và Cục KSON/TCMT có thể tham khảo ngay Lộ trình này hoặc sau khi nhận được hướng dẫn chính thức từ cơ quan chức năng, đồng thời cân nhắc những khía cạnh sau:

- a) Cần xác định các năm mục tiêu, khu vực mục tiêu, kiểm tra đối chiếu với các kế hoạch, quy hoạch hiện hành (ví dụ như quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch giao thông, các chương trình xây dựng hạ tầng, các kế hoạch, chương trình phát triển tổng thể...)
- b) UBND hai thành phố nên hướng dẫn các sở TNMT và các đơn vị liên quan bắt đầu xây dựng kế hoạch QLCLKK trên cơ sở tham khảo Lộ trình, với nguồn ngân sách phù hợp được khuyến nghị tại Lộ trình. Đồng thời, những ý kiến, chỉ thị của UBND cũng rất cần thiết nhằm tăng cường việc hợp tác và tham gia của Sở Giao thông, Sở Công thương và các cơ quan khác trong quá trình lập quy hoạch bảo vệ môi trường về kiểm soát ô nhiễm không khí. Những sáng kiến, hỗ trợ từ UBND thành phố là rất cần thiết cho bước thực hiện quy hoạch kiểm soát ô nhiễm không khí thông qua sự hợp tác chặt chẽ, hiệu quả giữa các Sở Tài nguyên và môi trường và các Sở khác có liên quan. Xây dựng cơ chế luân chuyển cán bộ định kỳ giữa Sở TNMT và các sở khác cũng là một

giải pháp để thúc đẩy cơ chế hợp tác, điều phối hiệu quả giữa các cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, thành phố.

(3) Chuẩn bị thực thi Nghị định về Quản lý chất thải và phế liệu

Khi xây dựng báo cáo này thì Nghị định về Quản lý chất thải và phế liệu vẫn đang trong quá trình đợi Chính phủ phê duyệt chính thức. Nghị định cũng có những quy định về kiểm soát ô nhiễm không khí, công việc này thuộc trách nhiệm của Cục KSON/ Tổng cục môi trường.

Nghị định là văn bản dưới Luật BVMT sửa đổi và sẽ là công cụ hành chính cơ bản để kiểm soát ô nhiễm không khí. Vì thế, phòng KKPL/ Cục KSON và Tổng cục môi trường cần chú ý các nội dung sau khi xây dựng các văn bản dưới luật hoặc các hướng dẫn kỹ thuật, để nghị định được xây dựng thực tế hơn.

- ✓ Cơ cấu pháp lý và thể chế để kiểm soát ô nhiễm không khí nên được phân cấp, có nghĩa là i) mục tiêu, mục đích và cam kết của nhà nước cần được công bố tại các luật cơ bản (ví dụ Luật BVMT), ii) các nguyên tắc, chiến lược, và hướng dẫn của Nhà nước cần được làm rõ trong văn bản dưới luật (ví dụ như Nghị định), và iii) phương pháp tiếp cận, phương pháp, quy định số lượng, và các công cụ điều hành khác cần phải được xác định trong các tiêu pháp lệnh (ví dụ: Quyết định, Thông tư, Thông báo chính thức). Hệ thống phân cấp như vậy sẽ đảm bảo hệ thống luật pháp được điều chỉnh linh hoạt theo sự biến đổi về kinh tế, xã hội và để việc thực thi pháp luật ở cấp trực tiếp (Ví dụ Sở TNMT) được hiệu quả. Từ quan điểm này, Nghị định cần bao quát được việc ban hành tiếp các văn bản dưới luật hoặc các tiêu pháp lệnh tiếp theo.
- ✓ Nghị định cần ban hành các quy định về việc đăng ký của các nhà máy (có khả năng gây ô nhiễm không khí lớn) cũng như quy định nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước (Bộ Tài nguyên và môi trường và Sở TNMT) trong việc xây dựng kiểm kê khí thải các nguồn ô nhiễm tĩnh. Vì hai biện pháp hành chính này có mối liên kết chặt chẽ nên cần tập trung và điều chỉnh các nội dung này trong quá trình xây dựng các văn bản dưới luật/ các tiêu pháp lệnh để việc kiểm soát ô nhiễm không khí được triển khai hiệu quả.
- ✓ Luật BVMT năm 2014 có quy định về tải lượng ô nhiễm của không khí xung quanh. Hướng tiếp cận quản lý này sẽ làm khó cho việc kiểm soát ô nhiễm không khí. Vì thế, thay vì quy định tải lượng ô nhiễm của môi trường không khí xung quanh, có thể tiếp cận theo “Tổng tải lượng ô nhiễm vùng”, cách tiếp cận này có thể góp phần đáng kể vào việc giảm phát thải ô nhiễm không khí cho các vùng khác nhau ở Nhật Bản.
- ✓ Khó có thể kiểm soát các nguồn ô nhiễm động như quy định trong Nghị định. Tuy nhiên, việc tổng hợp số liệu về các nguồn ô nhiễm động bằng cách phân loại phương tiện giao thông theo năm sản xuất, kích thước, loại động cơ... là rất có ích. Những thông tin này sẽ là cơ sở ước tính hoặc dự đoán tải lượng của các nguồn ô nhiễm động bằng cách áp dụng các hệ số phát thải hợp lý ở Việt Nam. Việc ước tính này sẽ góp phần

vào việc lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm soát/ giảm thiểu ô nhiễm / giảm từ các nguồn động.

Ngoài ra, trong quá trình xây dựng Nghị định, đã phát hiện được sự phân chia nhiệm vụ quản lý chất thải rắn giữa Bộ Tài nguyên và môi trường và Bộ xây dựng không rõ ràng, mặc dù quản lý chất thải rắn không thuộc nhiệm vụ của Dự án. Đề xuất Tổng cục môi trường và Bộ Xây dựng cần trao đổi thông tin chặt chẽ hơn để làm rõ chức năng, nhiệm vụ quản lý chất thải rắn phục vụ cho việc quản lý thể chế sau này.

(4) Đề xuất với các Sở Tài nguyên và môi trường tp. Hà Nội và HCM

HUTDP được đầu tư bởi Sở Giao thông Hà Nội với nguồn vốn vay từ Ngân hàng thế giới và vốn đối ứng của Việt Nam. Dự án này có 4 hợp phần liên quan đến quản lý chất lượng không khí, i) Thiết bị quan trắc chất lượng không khí, ii) Quan trắc môi trường, iii) kiểm kê các nguồn ô nhiễm động, và iv) nghiên cứu việc tiếp xúc. Các nguồn phát thải động góp phần gây ô nhiễm không khí tại thành phố Hà Nội. Theo Luật BVMT, Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội sẽ lập quy hoạch bảo vệ môi trường. Và Lộ trình do Dự án xây dựng sẽ góp phần vào việc xây dựng Quy hoạch này. Việc kiểm soát các nguồn ô nhiễm động cũng là một chủ đề quan trọng trong công tác quản lý chất lượng không khí của Sở TNMT. Vì thế, Sở Tài nguyên và môi trường và Sở Giao thông cũng như Sở Tài nguyên và môi trường và dự án HUTDP cần hợp tác thường xuyên.

Về Sở Tài nguyên và môi trường tp. HCM, đơn vị phụ trách xây dựng lộ trình quản lý chất lượng không khí cho thành phố Cần Thơ trong dự án GIZ cũng là đơn vị tư vấn thực hiện khảo sát hiện trạng quản lý không khí tại tp. HCM. Đơn vị này có rất nhiều kinh nghiệm về quan trắc chất lượng không khí xây dựng các kế hoạch quản lý chất lượng không khí. Đề xuất Sở Tài nguyên và môi trường tp. HCM cần giữ quan hệ với đơn vị này.

(5) Các đề xuất khác

1) Đề xuất hợp tác với dự án của UNDP

Dự án Tăng cường năng lực xây dựng và triển khai các luật và chính sách tài nguyên môi trường của UNDP cũng có một hợp phần về xây dựng chính sách. Một kết quả của hợp phần này là xây dựng khung pháp lý để hạn chế ô nhiễm không khí. Đối tác chính của Dự án này là ISPONRE. Cục KSON và ISPONRE cần trao đổi thông tin thường xuyên.

2) Kiểm kê khí thải

Phòng KKPL/Cục KOSN dự thảo thông tư hướng dẫn kiểm kê khí thải công nghiệp. Các hoạt động hỗ trợ của Dự án trong việc kiểm kê khí thải cho một số ngành công nghiệp mục tiêu sẽ góp phần vào việc xây dựng thông tư này. JET và phòng KKPL/ Cục KSON đã thảo luận về những góp ý cho việc xây dựng kiểm kê khí thải. Ngoài ra, những góp ý này cũng được mô tả tóm tắt trong mục 2.3.4 -Tóm tắt các Lưu ý và tư vấn kỹ thuật và chi tiết tại Phụ lục 17 – Lưu ý và tư vấn kỹ thuật. Đặc biệt các Phiếu thu thập thông tin (Questionnaires) trong Phụ lục 17 cũng được đề xuất sử dụng cho các đợt kiểm kê khí thải tiếp theo.

3) Kế hoạch hành động quốc gia về Kiểm soát ô nhiễm không khí đến năm 2020

Việc ban hành Luật không khí sạch được quy hoạch trong Kế hoạch Hành động Quốc gia (NAP) về kiểm soát ô nhiễm không khí đến năm 2020 do phòng KKPL / Cục KSON xây dựng. Kế hoạch hành động quốc gia đưa ra các khái niệm về luật pháp, mục tiêu ban hành luật pháp trước năm 2020. Các sản phẩm của Dự án như các TB, Lộ trình, sản phẩm và hợp tác kỹ thuật, sẽ góp phần phát triển Luật không khí sạch. Và các kiến thức được chia sẻ tại các buổi hướng dẫn và tư vấn kỹ thuật trong khuôn khổ kết quả 1 sẽ cung cấp các gợi ý khác nhau để KKPL / Cục KSON xây dựng luật pháp. Vì thế, đề xuất phía Việt Nam sử dụng các sản phẩm của Dự án càng nhiều càng tốt trong quá trình xây dựng Luật không khí sạch.

Phụ lục

Phụ lục 1

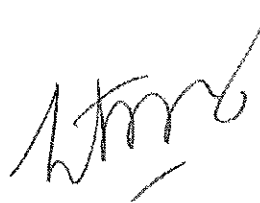
*Biên bản thảo luận về Dự án
ngày 26 tháng 03 năm 2013*

RECORD OF DISCUSSIONS
ON
THE PROJECT FOR INSTITUTIONAL DEVELOPMENT OF AIR
QUALITY MANAGEMENT
IN
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
AGREED UPON BETWEEN
MINISTRY OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
AND
JAPAN INTERNATIONAL COOPERATION AGENCY

Hanoi, 26/3/2013



Motonori Tsuno
Chief Representative
Vietnam Office
Japan International Cooperation Agency



Hoang Duong Tung
Vice Director
Vietnam Environment Administration
Ministry of Natural Resources and
Environment

In response to the official request of the Government of the Socialist Republic of Vietnam (hereinafter referred to as "GOV") to the Government of Japan, and based on the minutes of meetings on the Detailed Planning Survey signed on 9th March, 2012 between the Pollution Control Department, Vietnam Environment Administration, Ministry of Natural Resources and Environment (hereinafter referred to as "PCD, VEA, MONRE") and the Japan International Cooperation Agency, the Japan International Cooperation Agency (hereinafter referred to as "JICA") has decided to cooperate on *the Project for Institutional Development of Air Quality Management* (hereinafter referred to as "the Project"). JICA held a series of discussions with PCD, VEA, MONRE and relevant organizations to develop a detailed plan of the Project.

Both parties agreed the details of the Project and the main points discussed as described in the Appendix 1 and the Appendix 2 respectively.

Both parties also agreed that PCD/VEA and the counterpart to JICA, will be responsible for the implementation of the Project in cooperation with JICA, coordinate with other relevant organizations and ensure that the self-reliant operation of the Project is sustained during and after the implementation period in order to contribute toward social and economic development of Socialist Republic of Vietnam.

The Project will be implemented within the framework of the Agreement on Technical Cooperation signed on 20th October 1998 (hereinafter referred to as "the Agreement") and the Note Verbales exchanged between the Government of Japan (hereinafter referred to as "GOJ") and the GOV dated 10 May, 19 May, 2010, 23 July and 3 August, 2012.

Appendix 1: Project Description
Appendix 2: Main Points Discussed
Appendix 3: Minutes of Meeting

PROJECT DESCRIPTION

I. BACKGROUND

Along with the industrialization, modernization, international economic integration and high GDP growth rate in recent years, Vietnam is facing many problems of environmental pollution and degradation. Environmental awareness is lacking and the enforcement of environmental law is not so strong in Vietnam. In response to this situation, the GOV decided to revise the Law on Environment Protection 2005 (hereinafter referred to as "LEP") in 2013 and appointed the Department of Policy and Legislation of VEA to be the focal department to manage an editorial committee for the revision. Inputs of technical aspects are made by each related department of VEA and other line ministries. PCD is therefore, responsible for issues related to pollution control and is keen to work on the air quality management issue, which has only one article in the current LEP.

As pointed out in the National Target Programme approved in December 2011, "the largest and strongly developing source threatening the environment is transport activities which are estimated to account for about a third of the country's total emissions", and the "most pollution parameters measured are still under the permitted levels except some cases of partial pollution in concentrated areas."

GOJ and JICA have been conducting several surveys in major cities in Vietnam and found that some substances such as Benzene and PM10 are above emission standards. Also it was found that the capacity of the air quality management in relevant organizations is still limited and needs to be improved.

This Project is aiming at institutional development, including the support of LEP revision, the capacity development of related organizations, in order to conduct the effective air quality management.

II. OUTLINE OF THE PROJECT

1. Title of the Project

The Project for Institutional Development of Air Quality Management

2. Expected Goals which will be attained after the Project Completion

(1) Goal of the Project

To effectively conduct air quality management in Vietnam to mitigate the air pollution problems.

(2) Goal which will be attained by utilizing the Project

To enhance the institutional capacity of air quality management in Vietnam.

3. Outputs

(1) Laws and regulations related to air quality management are structured for effective enforcement.

(2) A roadmap is proposed to make (a) plan(s) to meet item 1a, article 122 of LEP, " Provincial-level People's Committees shall be responsible for performing state management of environmental protection in localities according to the following provisions: a/ To promulgate according to their competence environmental protection regulations, mechanisms, policies, programs and plans;"

4. Activities

- (1) Supporting LEP revision by adding a chapter for the air quality management.
- (2) Specifying areas for possible decrees/decisions/circulars on air quality management and making the roadmap for the effective enforcement.
- (3) Raising awareness and developing capacity for actions of air quality management including information sharing workshops among a wide range of stakeholders.
- (4) Identifying possible areas of JICA's support and supporting necessary preparation including the consultation with relevant stakeholders such as Provincial Government to make (a) plan(s) to meet item 1a, article 122 of LEP.

5. Input

(1) Input by JICA

Dispatch of Experts

- Air Quality Management Law and regulation
- Air Quality Management Technology
- Coordination among related organizations

Input other than indicated above will be determined through mutual consultations between JICA and VEA during the implementation of the Project, as necessary.

(2) Input by VEA

In accordance to provisions of the Agreement, VEA will, whenever local conditions and financial possibilities of authorities concerned of GOV, take necessary measures to provide at its own expense,:

- (a) Services of VEA's counterpart personnel and administrative personnel as referred to in II-7;
- (b) Suitable office space with necessary facilities including telephone and facsimile services for the performance of duties of the Experts;
- (c) Supply or replacement of machinery, equipment, instruments, vehicles, tools, spare parts and any other materials necessary for the implementation of the Project other than the equipment provided by JICA;
- (d) Providing assistance to find suitable furnished accommodation for members of the JICA Experts and their families;
- (e) Information as well as support in obtaining medical service;
- (f) Credentials or identification cards;
- (g) Available data (including maps and photographs) and information related to the Project;
- (h) Running expenses necessary for the implementation of the Project;
- (i) Expenses necessary for transportation within Vietnam of the equipment referred to in II-6 (1) as well as for the replacement, maintenance and repair, thereof; and
- (j) Necessary facilities to members of the JICA Experts for the remittance as well as utilization of the funds introduced into Vietnam from Japan in connection with the implementation of the Project

6. Implementation Structure

The Project organization chart is given in the Annex I. The roles and assignments of relevant organizations are as follows:

(1) VEA

Project Director

Vice director General of VEA will be responsible for overall administration and implementation of the Project.

(2) PCD

Project Deputy Director

Vice director of PCD will assist the Project Director in overall management of the Project.

(3) JICA Experts

The JICA Experts will give necessary technical guidance, advice and recommendations to VEA on any matters pertaining to the implementation of the Project.

(4) Joint Coordinating Committee

Joint Coordinating Committee (hereinafter referred to as "JCC") will be established in order to facilitate inter-organizational coordination. JCC will be held whenever deems it necessary. A list of proposed members of JCC is shown in the Annex II.

7. Project Site(s) and Beneficiaries

Hanoi, VEA, MONRE

8. Duration

One and a half year from the first dispatch of JICA Experts

9. Reports

JICA will prepare and submit the following reports to VEA in Vietnamese and English.

- (1) 5 copies of Inception Report at the commencement of the first work period in Vietnam
- (2) 5 copies of Interim Report at the time about 6 months after the commencement of the first work period in Vietnam
- (3) 5 copies of Progress Report at the time of 12 months after the commencement of the first work period in Vietnam
- (4) 5 copies of Draft Final Report at the end of the last work period in Vietnam
- (5) 5 copies of Final Report within one (1) month after the receipt of the comments on the Draft Final Report

10. Environmental and Social Considerations

VEA agreed to abide by 'JICA Guidelines for Environmental and Social Considerations' in order to ensure that appropriate considerations will be made for the environmental and social impacts of the Project.

III. UNDERTAKINGS OF VEA AND GOV

1. VEA and GOV will take necessary measures to:

- (1) ensure that the technologies and knowledge acquired by the Vietnam nationals as a result of Japanese technical cooperation contributes to the economic and social development of Vietnam, and that the knowledge and experience acquired by the personnel of Vietnam from technical training as well as the equipment provided by JICA will be utilized effectively in the implementation of the Project;
- (2) timely fulfill its internal formalities, such as approval of the project document,

- security of counterpart budget availability, mandated by the GOV's current regulations to ensure smooth performance of the project; and
- (3) grant privileges, exemptions and benefits to members of the JICA Experts referred to in II-6 (1) above and their families, which are no less favorable than those granted to JICA Experts of third countries performing similar experts in Vietnam under the Colombo Plan Technical Cooperation Scheme.

GOV follows The Note Verbales and the Bilateral technical cooperation agreement unless written in the above III 1 (1) and (2).

IV. EVALUATION

JICA and VEA will jointly conduct the terminal evaluations at the end of the Project to mainly verify the achievement, relevance, effectiveness and efficiency of the Project and draw lessons. VEA is required to provide necessary support for them.

V. PROMOTION OF PUBLIC SUPPORT

For the purpose of promoting support for the Project, VEA will take appropriate measures to make the Project widely known to the people of Vietnam.

VI. MUTUAL CONSULTATION

JICA and VEA will consult each other whenever any major issues arise in the course of Project implementation.

VII. AMENDMENTS

The record of discussions may be amended by the minutes of meetings between JICA and VEA.

The minutes of meetings will be signed by authorized persons of each side who may be different from the signers of the record of discussions.

Annex I Project Organization Chart

Annex II A List of Proposed Members of Joint Coordinating Committee/ Steering Committee

MAIN POINTS DISCUSSED

1. Future cooperation

Vietnamese side requested JICA to consider the future cooperation including the following contents.

- (1) Developing the plan(s), mentioned in Appendix 1, II 3 (2), for target area in (a) major city(ies) such as Hanoi by analyzing and compiling the information obtained from other projects.
- (2) Developing the capacity of the related law and regulation enforcement by conducting (a) pilot project(s).

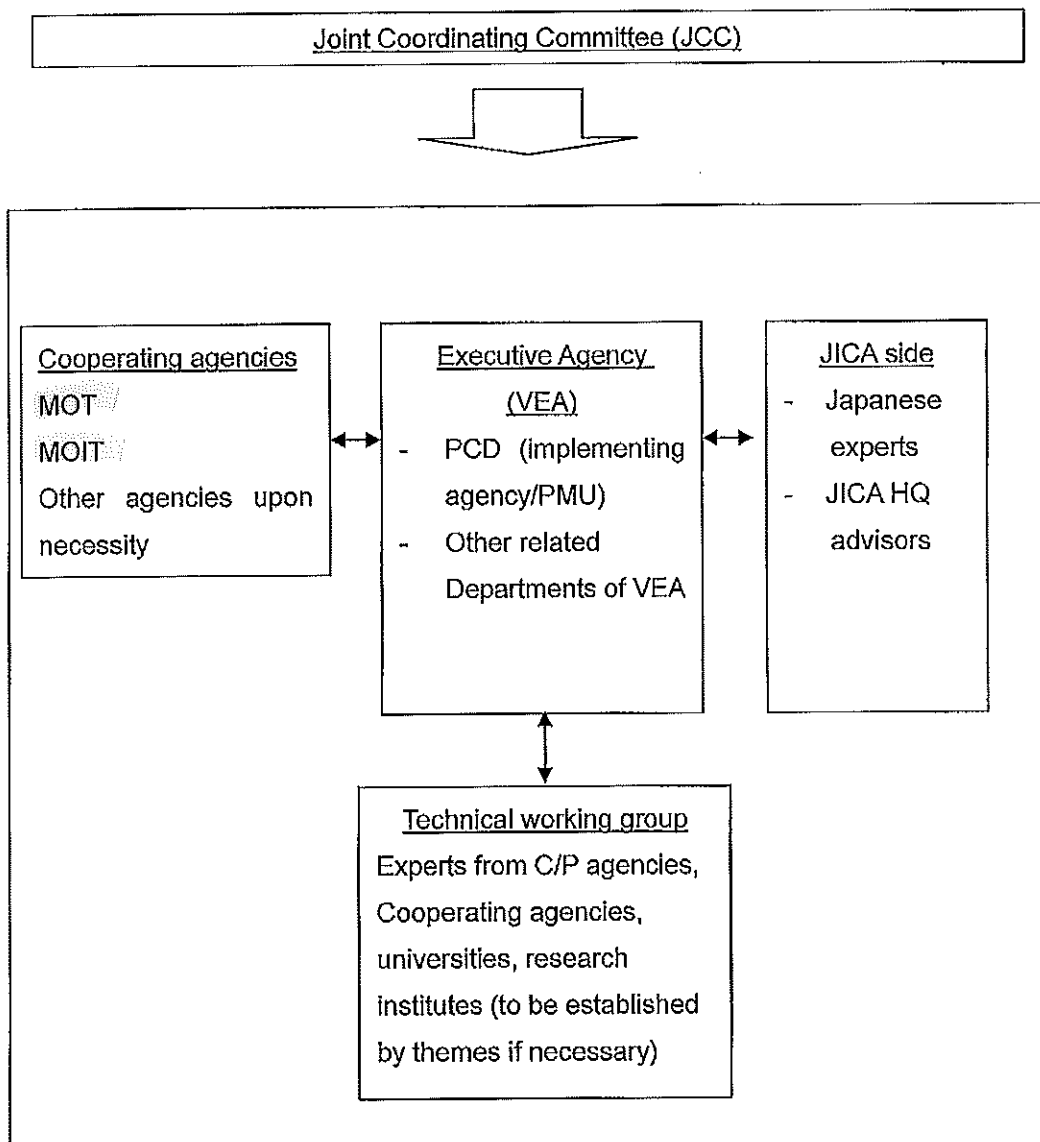
JICA took note the Vietnamese request and will consider the possibility of the cooperation by another project utilizing the results of Appendix 1 II 4. (4) if an application form is submitted by Vietnamese side.

2. Utilization of local consultants

PCD confirmed to follow JICA's Guidelines if any necessity arises to utilize local consultants and to cooperate for the smooth operation of the Project.

(end)

ANNEX I PROJECT IMPLEMENTATION ARRANGEMENT



Note: Cooperating agencies are expected to provide technical comments and data to the project activities as well as the outputs. The measures for acquiring such cooperation will be decided by the MONRE/VEA in consultation with JICA expert team.

66

A

ANNEX II: JOINT COORDINATING COMMITTEE

1. Function

The Joint Coordinating Committee will meet at least once a year or whenever necessity arises, and will work:

- (1) To monitor the progress of the Project activities ,
- (2) To review and examine the framework of the Project,
- (3) To discuss and advise on major issues that arise during the Project period.

2. Member of the committee

The committee will be composed of the chairperson, members and observers. The chairperson may declare closed sessions against the observers. The rules and guidelines for the management of the committee will be determined at the initial stage of the Project.

(1) Chairperson

Vice Minister, Director General, Vietnam Environment Administration, Ministry of Natural Resources and Environment

(2) Members:

Vietnamese side

- Leader from Pollution Control Department, VEA
- Leader from Department of Legislation, VEA
- Leader from Department of Science, Technology and International Cooperation, VEA
- Other personnel to be dispatched by MONRE if necessary.

Japanese side

- Chief Technical Advisor
- Other experts appointed by the Chief Technical Advisor
- Chief Representative or other officers appointed by JICA Viet Nam Office
- Personnel to be dispatched by JICA, if necessary

Note: Official(s) of Embassy of Japan may attend the Joint Coordinating Committee meeting as observer(s). The Chairperson can name new members or request the attendance of other participants, as necessary, upon agreement of the Committee.

Phụ lục 2

Biên bản họp Dự án

Ngày 09 tháng 03 năm 2012

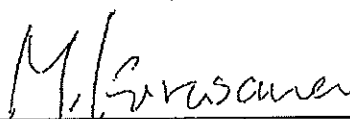
MINUTES OF MEETINGS
BETWEEN THE DETAILED PLANNING SURVEY TEAM AND
THE AUTHORITIES CONCERNED OF THE GOVERNMENT
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
ON JAPANESE TECHNICAL COOPERATION FOR
THE PROJECT FOR FORMULATING THE MASTER PLANS FOR AIR QUALITY
MANAGEMENT IN MAJOR VIETNAMESE CITIES (HANOI AND HO CHI MINH
CITY)

The Japanese Detailed Planning Survey Team (hereinafter referred to as "the Team"), organized by the Japan International Cooperation Agency (hereinafter referred to as "JICA"), headed by Mr. Masayuki Karasawa from JICA, visited the Socialist Republic of Viet Nam from 7th to 10th March 2012 for the purpose of formulating the Technical Cooperation Project for the Project for Formulating the Master Plans for Air Quality Management in Major Vietnamese Cities (Hanoi and Ho Chi Minh City) (hereinafter referred to as "the Project").


During the above stay, the Team had a series of discussions with the Pollution Control Department with respect to the implementation of the Project.

As a result of the discussions, both the Pollution Control Department and the Team agreed to summarize the matters referred to in the document attached hereto.

Hanoi, March 9th 2012



Mr. Masayuki Karasawa
Deputy Director General
Global Environment Department
Japan International Cooperation Agency
JAPAN



Mr. Hoang Minh Dao
Director
Pollution Control Department
Vietnam Environment Administration
Ministry of Natural Resources and Environment
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

g/h

4

THE ATTACHED DOCUMENT

I. BACKGROUND OF THE DISCUSSIONS

Receiving the application form for Japan's Technical Cooperation for the above-captioned project, JICA HQ sent a mission to Vietnam on December 20th 2011 to discuss about the formulation of the Project and had a meeting with Deputy Director, Mr. Dang Van Loi, Pollution Control Department (hereinafter referred to as "PCD") and his staffs in Hanoi.

In the mission, PCD explained that situations had been changed since the submission of the application form; 1) Decision was made to revise the Law on Environment Protection 2005 (LEP) in 2013, 2) Prime Minister's decision made to mitigate the air pollution caused by transport sectors in major cities, appointing the Ministry of Transport as an implementing agency.

Accordingly PCD requested JICA to support LEP revision with priority; add a chapter for air quality management in LEP. PCD also emphasized the timeline for this work, explaining that there is not much time left.

On 17th February 2012, JICA and PCD had a TV conference to discuss on further possible scope and PCD expressed their additional request to include the support of master plans for Hanoi and Ho Chi Minh City.

Following the above mentioned discussions, JICA dispatched the Team to Hanoi from 7th to 10th March to re-examine the possible project scope for the support together with PCD and other related officials of MONRE.

II. OUTLINE OF THE PROJECT AND FUTURE COOPERATION

In the mission, considering the urgency, both sides confirmed the formulation of the Project with priority for the revision of LEP, paying enough attention for the capacity development for the air quality management.

Amstar

ge
ms

f

1. Title of the Project

Both sides agreed that the title of the Project will be modified as "the Project for Institutional Development of Air Quality Management in Vietnam."

2. Outline of the Project

Both sides agreed the outline of the Project as shown below. Further possible areas of JICA's support mentioned as the future project (tentative) would be identified and elaborated in the Project for a new project proposed by MONRE.

The Project:

Activities:

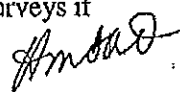
- 2.1 Supporting LEP revision by adding a chapter for the air quality management.
- 2.2 Specifying areas for possible decrees/decisions/circulars on air quality management and make the roadmap for the effective enforcement.
- 2.3 Awareness raising and capacity development for actions of air quality management including information sharing workshops among a wide range of stakeholders.
- 2.4 Identifying the possible areas of JICA's support and supporting necessary preparation including the consultation with relevant stakeholders such as Provincial Government to make (a) plan(s) to meet item 1a, article 122 of LEP.

Duration: one and a half year from mid-2012

3. Future cooperation (tentative and subject to the activities 2. 4) of the Project):

Activities:

- 3.1 Developing the above mentioned plan(s) for target area in (a) major city(ies) such as Hanoi by analyzing and compiling the information obtained from other projects conducted by Ministry of Environment Japan, JICA and other additional surveys if necessary.



44

227

6

3.2 Developing the capacity of the related law and regulation enforcement by conducting (a) pilot project(s).

Duration: starting around Japanese FY 2013 and the cooperation period would be determined based on the scope and the budget size of JICA at that time.

Both sides agreed that the draft Record of Discussions (hereinafter referred to as "R/D"), will be finalized and signed by the representatives of the Government of the Socialist Republic of Viet Nam; VEA leader and JICA Vietnam Office; Chief Representative after the notification of an approval of implementation of the Project by both Vietnamese side and JICA Headquarters. And thus, agreed to make most efforts to smoothly implement the Project and thus to take necessary measures to sign the R/D as soon as possible preferably by the end of March 2012..

Amtd

(end)

Phụ lục 3


*Biên bản cuộc họp Ban điều phối chung
ngày 28 tháng 11 năm 2013*

MINUTES OF MEETING
ON
THE JOINT COORDINATING COMMITTEE
FOR
THE PROJECT FOR INSTITUTIONAL DEVELOPMENT OF AIR QUALITY
MANAGEMENT IN VIETNAM

In line with the Record of Discussions (hereinafter referred to as “R/D”) signed between the Government of the Socialist Republic of Viet Nam (hereinafter referred to as “the Government of Viet Nam”) and the Japan International Cooperation Agency (hereinafter referred to as “JICA”) on March 26th, 2013, the Vietnamese side and the Japanese side held the first Joint Coordinating Committee (hereinafter referred to as “JCC”) meeting in Hanoi on November 27th, 2013.

In the course of the meeting, both Vietnamese side and Japanese side discussed the progress of the Project as attached hereto.

Hanoi, November 27th, 2013 



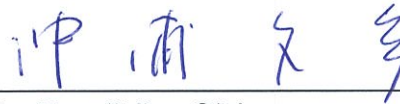
Mr. Mr. Keiichi Takahashi

Deputy Chief Advisor/
Air Quality Management Planning
JICA Expert Team



Dr. Hoang Duong Tung

Vice Director General of Vietnam
Environment Administration



Mr. Fumihiko Okiura

Senior Representative
Vietnam Office
Japan International Cooperation Agency

MINUTES OF MEETING

THE FIRST MEETING OF THE JOINT COORDINATING COMMITTEE FOR THE PROJECT FOR INSTITUTIONAL DEVELOPMENT OF AIR QUALITY MANAGEMENT IN VIETNAM

1. Main Objectives of the JCC meeting

The objectives of the first JCC meeting are to discuss:

- a) Approval of Project Inception Report(Ic/R)
- b) Getting consultation by JCC about the Project implementation and DONRE's participation

2. Date, Time, Venue, Participants and Program

Date: Wednesday, November 27th, 2013

Time: 13:30 – 16:00

Venue: VEA meeting room, No.10, Ton That Thuyet, Cau Giay District, Hanoi

Participants: Attached as Annex I

Program:

Time	Content	Person in charge
13:30 – 13:45	Registration	-
13:45 – 13:50	Introduction	Mr. Nguyen Hoang Duc/ PCD
13:50 – 14: 00	Opening remark	Dr. Hoang Duong Tung, Deputy General Director of VEA
14:00 – 14: 10	Opening remark	Mr. Fumihiko Okiura, Senior representative, JICA Vietnam office
14: 10 – 15:00	Presentation of Project Inception Report	Mr. Keiichi Takahashi, Deputy Chief Advisor/ Air Quality Management Planning
15:00 – 15:10	Break	
15:10 – 15:50	Discussions about project implementation and DONRE's participation	All participants
15:50 – 16:00	Conclusions and Closing	Dr. Hoang Duong Tung, Deputy Director of VEA

3. Presentations and Discussions

3.1 Introductions and Presentations

- 1) Representing the Vietnamese side and the Japanese side, Dr. Hoang Duong Tung, Deputy Director General of Vietnam Environment Administration (VEA), and Mr. Fumihiko Okiura, Senior Representative of JICA Vietnam, made the opening remarks.
- 2) Mr. Keiichi Takahashi, Deputy Chief Advisor/ Air Quality Law Planning, gave a presentation of Project Inception Report (Ic/R).

3.2 Discussions

The discussion was chaired by Dr. Hoang Duong Tung, Deputy Director General of VEA with the participation of all meeting members. Comments on the Draft Ic/R as of 27th November, 2013, the Project implementation and DONRE's participation to the Project by Japanese side and Vietnamese side were summarized below.

3.2.1. Project Inception Report (Ic/R), the Project implementation:

1) General evaluation

All JCC members agreed with the general contents of the Ic/R. The members of JCC have highly appreciated the efforts of JICA Expert Team (JET) and PCD/VEA.

2) JCC and PMU

- a) Roles, functions, operation mechanism and components of JCC and PMU are agreed by JCC participants.
- b) For the JCC Chairperson in the original R/D, Vice Minister, Director General, Vietnam Environment Administration, Ministry of Natural Resources and Environment (MONRE), was assigned. However for the purpose to provide effective supports/supervision as well as make timely decision on the Project implementation, , Dr. Hoang Duong Tung, Deputy Director General of VEA who signed original R/D of the Project takes the chairmanship of JCC on behalf of the Vice Minister of MONRE.

3) Project activities and outputs

- a) Instead of being designed as guidelines or technical documents, the project outputs should be legalized (draft decree, circular, by-law documents...) to improve their effectiveness. The final outputs of the Project are expected to be in the status of "submitted to the Prime Minister or the Minister of MONRE for approval". Japanese experts are willing to provide technical and scientific supports, but the administrative procedure for legalizing documents is the responsibility of Vietnamese side. For this end, the Project needs the strong commitment and ownership of Vietnamese side.
- b) In general, JCC members agreed with the long list of potential Thematic Brief (TB) on the Ic/R. However, considering the limitation of resources (i.e. project period, budget, human resources), theme and priority of TBs to be developed must be discussed further and more carefully by the TWG to meet the progress of LEP revision and VEA's roadmap for revising by-law documents. JCC members entrusted KKPL/PCD and JET with the task of making effective TBs which will be discussed at the next JCC meeting together with the Progress Report.
- c) Features and format of the TBs should be clearly defined at this beginning stage. It is recommended that TBs would be designed in the form that they could be utilized as either main texts or associated parts of sub-law documents drafted by VEA/PCD.
- d) For output 2, need to indentify the specified the policy, regulations will be

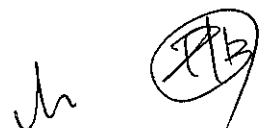
developed for Hanoi and Hochiminh City

- e) Add more workshops, seminars for project activities, for example a workshop for “Assessment and review of existing policies, regulations of AQM in Vietnam”, a workshop for “Developing policies, regulations of AQM to implement the LEP amendment”
- f) Comparing the LEP 2005 and the revised LEP, the content of air quality management (AQM) which are described in Article No. 83 & 84 of the LEP 2005 and in Article 82 & 83 of the revised LEP has no big difference. However, among 73 articles in the Decree guiding the implementation of revised LEP which is under draft by the VEA, AQM issues are stipulated under 14 articles. This shows Vietnam’s strong attention on AQM. Though, the project activities have been designed in the Project R/D and can hardly be changed, JICA expert team is encouraged to support the revision of LEP by giving comments on the current drafted version of LEP and contribute to the development of by-law documents.
- g) Department of Policies and Legislation (DPL) will organize many WSs for the explanation of the amendment of LEP. Therefore, if there are possibilities to support or collaborate in those WSs, JET will contribute.
- h) The roadmaps of in Output 2 must be tailored to fit with the actual conditions of Hanoi City and Ho Chi Minh City (HCMC). Therefore, the workshop to discuss about this roadmap must be organized separately for each city.
- i) Besides the LEP, Hanoi City has to implement the Law on Capital city, in which higher environmental standards applies. Therefore, it is necessary to support Hanoi City in terms of applying the AQM schemes regulated in amended LEP and the Law on Capital city
- j) In Hanoi City, 5-year plans (urban development plan, social-economic development plan, industrial development plan, etc.) for this period 2010-2015 are approved by the People’s Committee. JICA Expert Team will review these plans and will make the roadmap from 2016 onward.
- k) HCMC has been implementing the air quality management plan for 3 years, under the cooperation between DONRE and DOIT, DOT, but the achievement has not been as good as expected. Through project activities of Output 2, HCMC DONRE expects to learn Japanese practices and experiences on the collaboration with the related agencies/ departments in term of AQM. Besides, the technical knowledge of pollution parameter control is expected to be shared to HCMC DONRE. Japanese experts are willing to support HCMC on these matters.

3.2.2 DONRE’s participation to the Project

1) General

- a) All JCC members agreed with the involvement of DONREs as key Counter Parts for the Project, especially for Output 2.
- b) DONREs will work in collaboration with Department of Industry and Trade (DOIT) and Department of Transport (DOT) in Hanoi City and HCMC, and



will be supervised by City's People's Committee into the Output 2.

- c) The work plan and work demarcation for Output 2 among DONREs, VEA/PCD and JET should be explicitly defined and agreed as early as possible.

2) Activities with DONREs

- a) KKPL/PCD will manage the first meeting between Hanoi/ HCM cities DONRE and JET.
- b) JET shall share the progress of output 2 with relevant organizations.

6.2.3 Other issues

1) Plan of operation (PO)

All JCC members agreed with the Plan of Operation (PO) described in the Ic/R.

2) Project Approval

The Project is still under the process for approval by Vietnamese side. The project document is already sent to the MONRE authority for the final approval, and JCC member agreed to promote the project approval.

4. Conclusions

Dr. Hoang Duong Tung, Deputy Director of VEA, summarized and concluded the meeting as follows:

- In general, JCC agreed with the contents of the Draft Ic/R. JCC entrusted KKPL/PCD and JET with the task of finalizing the Ic/R by the end of December 2013 after reflecting the main comments from participants.
- JCC officially agreed the roles, functions, operation mechanism and components of JCC and PMU. In addition, Chairmanship of JCC is taken by Dr. Hoang Duong Tung, Deputy Director General of VEA on behalf of Vice Minister to realize the substantial decision making on the Project implementation.
- There will be more activities to promote the progress of the project through various means such as seminars, meetings, emails ... etc
- The theme and content of prioritized TB for the sake of the institutional development of air quality management will be discussed with relevant organizations, especially KKPL/PCD and JET, in consideration of MONRE/VEA's roadmap for revising by-law documents. Then, the TB will be developed as the technical and scientific basis or as the substantial contents for the by-law documents to be drafted (decree, circular...)
- JCC agreed with involvement of DONREs as key counterparts for the Project, especially for Output 2. KKPL/PCD shall take the coordinating role to facilitate DONREs and JET to implement Output2.

Annex I: Participant List

No.	Name	Organization	Current Position
<i>I Vietnam side</i>			
1	Dr. Hoang Duong Tung	VEA	Deputy Director General of VEA
2	Dr. Dang Van Loi	PCD, VEA	Deputy Director of PCD, VEA
3	Mr. Hoang Minh Son	Policy and Legislation Department, VEA	Deputy Director of Policy and Legislation Department, VEA
4	Dr. Nguyen Minh Cuong	ISD, VEA	Deputy Director of ISD, VEA
5	Mr. Nguyen Hoang Duc	KKPL/ PCD, VEA	Manager of KKPL/PCD, VEA
6	Ms. Nguyen Dieu Linh	ICD/MONRE	Official
7	Mr. Nguyen Truong Huynh	KKPL/ PCD, VEA	Official
8	Mr. Truong Manh Tuan	KKPL/ PCD, VEA	Official
9	Mr. Pham Van Khanh	Hanoi DONRE	Deputy Director
10	Ms. Dao Thi Anh Diep	Hanoi EPA	Deputy Director
11	Ms. Bui Thanh Tam Phuong	HCMC DONRE	Deputy Manager PCD/HCM EPA
12	Ms. Pham Diep Thanh	HCMC DONRE	Official
<i>II JICA side</i>			
13	Mr. Fumihiko OKIURA	JICA Vietnam Office	Senior Representative
14	Mr. Eiji EGASHIRA	JICA Vietnam Office	Senior Project Formulation Advisor
15	Mr. Nguyen Vu Tiep	JICA Vietnam office	Program officer
16	Mr. Ryuji TOMISAKA	JICA	JICA Advisor in MONRE
17	Mr. Keiichi TAKAHASHI	JICA Expert Team	Deputy Chief Advisor/Air Quality Management Planning
18	Mr. Hiroshi NAKANO	JICA Expert Team	Air Quality Management/ Coordinator
19	Ms. Nguyen Thanh Lan	JICA Expert Team	Staff
20	Mr. Vu Dinh Thai	JICA Expert Team	Staff
21	Ms. Nguyen Thi Thanh Thu	JICA Expert Team	Staff

dy

uh

AB